

Mục Lục

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

SỐ 8 - THÁNG 01 NĂM 2007

THƯ NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG | 2 – *Vĩnh Hào* • NHÂN QUẢ, LUÂN HỒI, NGHIỆP BÁO VÀ TỔ ẤM VIỆT NAM | 4 – *Thích Đức Nhuận* • MƠ XUÂN, MỪNG XUÂN | 8 – thơ *Vân Phong* • MỘT TÂM LÒNG CỦA KINH KHA | 9 – *Tuệ Sỹ* • TIN XUÂN | 19 – thơ *HT Thích Tâm Châu* • TẾT NGUYÊN ĐÁN VÀ PHẬT LỊCH LIÊN HỆ VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO? | 20 – *Nguyễn Phúc Bửu Tập* • LÝ SẮC KHÔNG | 24 – thơ *HT Thích Tín Nghĩa* • HẠNH PHÚC, THỜI GIAN VÀ CỐT TỦY SỐNG ĐẠO | 24 – *Huyền Không* • TỪNG NGÕ MÙA XUÂN, DIỆU THINH | 26 – thơ *Lý Thừa Nghiệp* • CÓN SÓT ĐẦU XUÂN | 27 – *Trần thị Lai hồng* • XUÂN ĐÃ ĐẾN NGÚT NGÀN TRÊN NHÁNH LÁ... | 29 – thơ *Tuệ Tâm* • PRABHA VÀ TÔI | 30 – *Biện thị Thanh Liêm* • THÁNG GIÊNG, CHỢ PHIÊN ĐẦU XUÂN | 34 – thơ *Vũ Quỳnh Hương* • QUỲNH HẢI NGUYÊN TIÊU | 36 – thơ *Nguyễn Du*, *Hạnh Cơ* dịch và luận • XUÂN TỈNH SAY, XUÂN TÂM CA, VUI XUÂN, ÁNH NỀN CỦA XUÂN | 39 – thơ *Thích Thiện Hữu* • VỀ | 40 – *Trần Doãn Nho* • CHIẾC ÁO LEN NẤU | 43 – thơ *Lưu Trọng Tường* • NHÚT CHI MAI | 44 – *Thích Chân Tuệ* • TIẾNG ĐÀN ĐÊM TRẮNG, CHIỀU ĐỒ BÀN | 46 – thơ *Lam Nguyên* • MÙA XUÂN ĐỌC BA GIỜNG THƠ ĐÔNG PHƯƠNG... | 47 – *Thái Tú Hạp* • DÒNG SÔNG | 53 – thơ *Võ Doãn Nhân* • BÀI DIỄN VĂN HAY NHẤT THIÊN NIÊN KỶ | 54 – *George Graham Vest*, *Thu Giang* dịch • TRẦN GIAN - MỘT THUỞ MƠ LÀM BỒ-TÁT | 55 – thơ *Cư sĩ Liên Hoa* • MỐI LIÊN HỆ THÂM TÌNH | 56 – *Dalai Lama*, *Chân Huyền* dịch • CÁI ĐẸP VÔ THƯỜNG | 57 – thơ *Mặc Giang* • NGƯỜI NGÀY XƯA | 58 – *TN Trí Hải* • PHẦN QUỲ HƯƠNG | 60 – *Trần Huy Sao* • BÓNG DÁNG THIÊN THẦN | 65 – *Thích Thiện Long* • SỰ IM LẶNG CỦA BIỂN | 66 – *Trần Trung Đạo* • TẾT Ở QUÊ NGƯỜI | 68 – thơ *Nguyễn Thanh Huy* • CÔ BÉ VÀ PHẬT TÁNH | 69 – *Chiêu Hoàng* • MÙA XUÂN VÀ M... | 70 – thơ *Ngô Ngọc Mai* • XUÂN CHÍN BÊN CỘI BỒ ĐỀ | 71 – *Trần Kiêm Đoàn* • BÓNG PHÙ DU, KHÔNG ĐỀ | 73 – thơ *Nguyễn Tư Phương* • HUYỀN KÝ | 74 – *Toại Khanh* • ÁO XUÂN XƯA | 76 – thơ *Hoàng Xuân Sơn* • NHẬN ĐỊNH VỀ BÀI THƠ LIÊN KHÚC VÔ THƯỜNG CỦA PHAN BÁ THỤY DƯƠNG | 77 – *Diên Nghị* • VỀ CỘI | 79 – thơ *Bạch Xuân Phở* • XUÂN VỀ, THẮM VƯỜN HOA EM | 80 – thơ *Vĩnh Hào* • TRỞ LẠI BẾN THÙY DƯƠNG | 8 – truyện dài *Hồ Trường An* • TIN TỨC PHẬT GIÁO | 88 • CÁC THÔNG BÁO... | 97

ĐÌNH HỘI 2007

Cung Chúc Tân Xuân

PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO
PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

Chủ nhiệm / Chủ bút:
VĨNH HẢO

Thư ký:
QUẢNG PHÁP

Trị sự:
NGUYỄN THANH HUY

Kỹ thuật:
HOA ĐÀM GROUP

Địa chỉ liên lạc:
P.O. Box 374
Midway City, CA 92655 – USA
Tel: (714) 623-4285

E-mail:
vinhhao@vinhhao.net
phuongtroicaorong@vinhhao.net
www.vinhhao.net

Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ “yêu cầu nhuận bút.”

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ánh quan điểm và chủ trương của tạp chí.



HƯƠNG VỊ XUÂN

TẢN MẠN CUỐI NĂM, ĐẦU NĂM
(THƯ SỐ 8 CỦA NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG)

Những ngày cuối năm dương lịch, cũng nhằm vào dịp lễ Giáng sinh, thiên hạ thật rộn ràng, nô nức. Các thương xá và siêu thị tràn ngập khách hàng. Hoa trái, bánh kẹo, quần áo, mỹ phẩm, đồ gia dụng và đủ loại hàng hóa tranh nhau khoe sắc, khoe hương, khoe mỹ vị. Thiệp Giáng sinh và năm mới bán đắt hơn hết, dù rằng thiệp điện tử (e-card) khá phổ biến hiện nay đã làm giảm đi một số lượng lớn thiệp giấy và phong bì. Giấy gói quà, nơ xanh nơ đỏ, cũng là những thứ mà ai cũng cần đến trong mùa lễ cuối năm, đầu năm.

Tại sao phải mua sắm và tặng quà nhiều đến thế? Có những gia đình mở quà tặng từ nửa đêm 24, hoặc rạng ngày 25/12 cho đến bảy, tám giờ, thậm chí đến giờ ăn trưa của ngày Giáng sinh mới hết quà! Quà chất một núi, dưới gốc cây thông trang trí đèn hoa rực rỡ; không đủ chỗ, phải để tràn lan hoặc sắp thành từng lớp dọc theo tường. Để biểu lộ tình cảm và ân nghĩa gia đình, ông-bà, cha-mẹ, anh-chị-em, tình cảm đôi lứa, tình đồng nghiệp, đồng đạo, đồng môn, đồng hương, hàng xóm láng giềng, ông đưa thư, người hút rác, người giữ trẻ, người dọn vệ sinh văn phòng... mỗi người phải tốn biết bao là quà cáp và thiệp chúc, giấy gói, thời gian suy tính ngẫm nghĩ (xem ai là người đáng tặng quà, ai là người đã tặng quà mình năm trước, ai có thể là người sẽ tặng quà mình năm nay), dẫn đo ghi chú (người này thích hợp món quà nào, tốn bao nhiêu tiền cho quà tặng người này, người kia), rồi thời gian mua sắm, gói quà, xếp hàng bưu điện để gửi, lái xe đến tận nhà hay sở làm để trao... Công ty UPS dự đoán năm nay sẽ nhận chuyển trên 70 triệu gói

hàng. Đó chỉ là quà hàng qua một công ty trong nước Mỹ, chưa kể nhiều công ty chuyển hàng khác, và nhất là bưu điện, của Mỹ và của các nước khác, hẳn nhiên là nhiều gấp năm cho đến gấp mười lần hơn. Và đã có một số trường hợp giá trị món quà không bằng phí tổn gửi đi. Ôi chao! Chỉ là tặng quà nhau thôi mà thật là tốn kém thời gian, tiền bạc và tâm trí.

Trong ý nghĩa biểu lộ tình thương và niềm tri ân giữa người với người, giữa cá nhân với gia đình và xã hội, sự trao tặng quà quả là một mỹ tục quý hóa. Nhưng khi sự trao tặng đi đến chỗ tính toán, đố kỵ, so đo, có qua có lại mới toại lòng nhau, thì mỹ tục sẽ trở thành hủ tục mà nếu hời hợt vô tình, sẽ không sao nhận biết. Đừng bao giờ cho rằng sự việc gì xảy ra ở xứ sở văn minh đều là văn minh. Văn minh, nếu được xem như là cao điểm thành tựu của con người và xã hội trong dòng văn hóa của họ, thì văn minh đó, trong thế giới hiện đại, phải là nền văn minh tình người. Chỗ cao tốt của con người vạn đại chính là thương yêu và mang lại hạnh phúc cho nhau, không kể màu da, tôn giáo, chủng tộc, xứ sở.

Có những quà tặng thừa thãi, bồi đắp thêm cho những vật dụng đã có rồi. Có những quà tặng không biết phải đặt ở đâu vì trong nhà không còn chỗ chứa hay trang trí. Có những quà tặng không biết sẽ dùng vào việc gì và lúc nào sẽ dùng đến. Có những quà tặng áo quần nhận rồi cứ để nguyên trong hộp vì không còn chỗ để treo trong tủ áo.

Trong khi đó, có những người, những gia đình, những làng xã, những đất nước nghèo đói hẳn còn thiếu ăn, thiếu mặc, không đủ ấm mùa đông, không đủ mát mùa hè, không có trường để học, không có sách vở báo chí, không có tiện nghi gia dụng... không có tất cả những gì mà những người sung túc dư dả há hê ‘bóc và lột’ từng gói giấy màu trang trọng lịch sự để đón nhận những món quà bất ngờ.

Như thế, 3 tỉ người (nếu không dám chắc là 5 tỉ) tạm ngưng không tặng quà cho nhau (vào cuối năm, đầu năm, Tết tây và Tết ta) mà dành tiền tặng quà hay lì xì đó để tặng cho người đói nghèo, thì ít ra có thể cứu sống 100 triệu người trong ba tháng, thậm chí trong vòng một năm, hai năm, ba năm! Con số phỏng chừng này là dựa vào lời kêu gọi của một tổ chức từ thiện xã hội: “chỉ cần một đô la của bạn thôi, có thể cứu đói cho một trẻ em ở châu Phi trong một tuần!”

Nhưng điều “nếu” này, chắc chắn là không thực hiện được. Người ta có nhiều lý do để làm ngơ trước những điều cần làm và những điều không xảy ra trước mắt. Ý của thượng đế đã an bài như thế. Nghiệp riêng và nghiệp chung của con người và đất nước này, đất nước kia, là như thế.

Kỹ thuật điện tử hiện đại có thể nối kết con người

trên thế giới gần lại với nhau, thấy rõ nhau hơn. Người bên Âu thấy người bên Á; kẻ bên Á biết người bên Phi... Nhưng ở những bộ lạc hoặc làng xã hoang sơ, nghèo đói, lấy phương tiện gì để mà nối kết với thế giới bên ngoài? Mà thấy biết nhau nhưng không hiểu và không thương nhau thì thấy biết để làm gì! Những kẻ đói nghèo có cần thấy biết sự ăn sung mặc sướng, thừa mứa phủ phê của những người giàu có chăng?

Đặt vấn đề như vậy vào những ngày đầu năm có lẽ sẽ làm mất hứng và giảm đi ý vị xuân của nhiều người, trong đó có người viết, người đọc. Nhưng xét cho cùng, lòng thương cảm hay nỗi xót xa đối với con người và cuộc đời cũng là một trong muôn ngàn hương vị mùa xuân.

Trước vẻ phong quang xán lạn của đất trời, khi cỏ cây đâm chồi nẩy lộc, khi nắng ấm chan hòa reo vui trên những ngã đường thôn quê và phố thị, khi lòng người hân hoan mở mở như sẵn sàng tiếp nhận sinh quang của hy vọng và tin yêu trong mùa mới, thì việc trải lòng mình ra đối với những nỗi đời bất hạnh, nghèo khó, tù nhục, bất an, tù hãm... cũng là một món quà cao đẹp của mùa xuân. Món quà ấy, ai cũng có sẵn, có thể mang ra bất cứ lúc nào. Món quà ấy không cần phải gói, mà cần phải mở; không cần gửi đi, mà chỉ cần khơi dậy; không cần trao đổi, chỉ cần trang trải; không cần tính toán, chỉ cần cảm thông; không cần đối diện, chỉ cần thương yêu. Món quà ấy cũng không cần phải dùng đến phương tiện truyền thông kỹ thuật hiện đại, vì nó nối kết con người trên hành tinh này bằng sợi dây thiêng liêng của lòng thương yêu không bến hạn.

Mỗi người chúng ta, luôn sẵn sàng một món quà như thế: luôn tin yêu và hy vọng, ước mong người nghèo đói có đủ cơm ăn áo mặc, kẻ tù đầy được trả tự do, trẻ em khắp nơi đều được đến trường, người già neo đơn được chăm sóc chu đáo, kẻ bệnh tật được thuốc chữa thầy hay, người không bức hiếp người, xã hội công bằng, đất nước phồn vinh no ấm.

Luôn tin yêu và hy vọng như thế thì khi việc đến, mỗi người tự biết phải làm gì. Bã gạo hay ấm cúng chỉ là do đóng hay mở. Đóng lại là mùa đông, mở ra là mùa xuân. Hương vị xuân, theo ý nghĩa đó, không phải chỉ lan tỏa theo thời tiết, mà hiển hiện trong từng phút giây thực tại.

Ở một không gian nhỏ, nơi bàn viết có cửa sổ mở ra hiên sau với những nhánh phong lan phơi mình trong nắng sớm, lòng không tận toan vương bận. Chỉ thương một nỗi nhân sinh khổ lụy vô thường.

Nguyên cầu nhân gian khắp chốn vui đón một mùa xuân trường cửu bất diệt.

Midway City, ngày 01 tháng 01 năm 2007

Vĩnh Hảo

NHÂN QUẢ, LUÂN HỒI, NGHIỆP BÁO VÀ TỔ ẤM VIỆT NAM

Thích Đức Nhuận

Trong kho tàng cổ tích Việt Nam kể chuyện Tấm Cám được Bụt hiện xuống cứu người lành: "Tấm, Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Tấm là con bà vợ cả; còn Cám, con bà vợ lẻ. Bố của chúng không may mất sớm. Sau đó mẹ Tấm cũng mất. Nó ở với Cám và dì ghẻ là mẹ của Cám. Bà dì ghẻ ác độc hành hạ Tấm đủ điều oan khuất. Tấm đã bao phen chìm nổi luân hồi, khi là hình thái trái thị, khi là hình thái chim vàng anh... Bụt thấy thương tâm hiện ra cứu độ cho Tấm bé bỏng hiền lành. Ở hiền gặp lành, sau Tấm hưởng phúc được hoàng tử cưới làm vợ."

Hắn ta chưa quên tích truyện Mai An Tiêm buôn bán với người ngoại quốc. Truyện Cây Nêu và Tấm Áo Cà Sa, Truyện Trầu Cau với sự luân hồi thác sinh thành cây, đá v.v... Tất cả đều nói lên sự liên lạc văn hóa Ấn - Việt. Được biết: dưới thời Sĩ Nhiếp cai trị nước ta từ năm 182 đến năm 226, thì văn hóa Trung Hoa, hay nói khác là Nho giáo và Lão giáo, lúc ấy đã chính thức công khai truyền bá ở Giao Châu; hệ thống giáo lý của hai đạo này không có các tích kể trên, qua các truyền thuyết đời Hùng Vương. Với những mẫu truyện trên, ta thấy: người Việt đã tiếp nhận giáo lý Nhân Quả, Luân Hồi và Nghiệp Báo của đạo Phật một cách hết sức tự nhiên, không do dự, như tiếp nhận sự phát minh của chính mình vậy.

... Kể từ đời Hùng Vương mở nước, đóng đô ở đất Phong Châu, người Việt đã sớm ý thức: chỉ có sự thuần nhất mới có thể tồn tại để phát triển và tiến hóa. Dù rằng buổi ban đầu sự sinh hoạt của xã hội Văn Lang hãy còn theo lẽ lối bộ lạc, nhưng sự thuần nhất trong ý chí đoàn kết đã được thể hiện một cách trọn vẹn để vượt thắng các trở ngại và duy trì cho sự tồn tục của giống nòi.

Thật vậy, vì ý thức Tự Chủ của dân tộc Việt trải qua hơn một ngàn năm bị người Hán thống trị đất nước, từng làm đau khổ giống nòi ta, nên người Việt đã sớm thức

tỉnh nhận rõ đã tâm thôn tính của họ nên đã cương quyết từ thủ, ôm chặt lấy những gì thuộc truyền thống của tổ tiên, để bảo trì nếp sống, phong hóa, ngôn ngữ sáng, bén, lối y phục, cách ăn ở, xử thế; tâm hồn thì bao dung rộng mở... điển hình như việc sử dụng chữ Nho mà người Việt đọc khác người Hoa, và đã sáng chế ra một thứ chữ riêng, thứ chữ Nôm. Chữ Nôm là một lối chữ mượn ở chữ Nho rồi ghép thêm một chữ làm thanh phù mà tạo thành, đọc theo tiếng mẹ đẻ (tiếng Việt). Đó là óc sáng tạo đặc thù của người Việt đối kháng lại với mọi áp lực nguy hiểm của người phương Bắc, chỉ muốn đồng hóa dân tộc ta.

Với lối sống đặc thù của người Việt khác với lối sống của người Hán... Người Việt suy nghĩ, nói năng và hành động nhất nhất đều y cứ vào đại tiền đề: lấy "Tổ ấm" làm căn bản chung, nên không bao giờ người Việt chấp nhận có sự tương tranh vì ý hệ hoặc mưu cầu danh lợi cho riêng cá nhân hay một tập thể nào, rồi gây bè kết đảng hòng tiêu diệt lẫn nhau. Những ai đi ngược lại truyền thống ấy đều coi là nghịch lý, nhất định bị đồng bào chối bỏ, coi họ như những người dị chủng.

Chính quan niệm "Tổ ấm" được coi như linh hồn của Tổ quốc mà người Việt còn tồn tại đến ngày nay, không bị đồng hóa. Cá nhân làm việc để phục vụ Tổ ấm vì quan niệm quốc gia là đại Tổ ấm. Người Việt biết trọng phép nước, nhưng không bao giờ chấp nhận bất cứ nhân vật hay một tập thể nào coi đó là "khuôn vàng thước ngọc" lúc nào cũng đúng, cũng hay, cũng giải quyết được hết mọi vấn đề rắc rối qua mọi không - thời gian và mọi hoàn cảnh khác nhau. Vì vậy, hễ chỗ nào, nơi nào có người Việt—chúng tôi muốn nói những người Việt chân chính—sinh tụ thì chỗ ấy, nơi ấy, không có vấn đề nhân danh, hoặc nịnh trên nạt dưới, bắt hiều, bắt trung, bắt nhân, bắt nghĩa... Dòng Bách Việt sống êm đềm, thương

yêu nhau, không gây thù, trả oán, tranh giành xâu xé, chà đạp lẫn nhau... nhằm đạt cho được cái danh cái lợi hão huyền, đến nỗi hãm hại nhau; nhưng đôi khi cần chống kẻ ngoại xâm để bảo toàn cương giới quốc gia thì dù phải hy sinh tính mệnh cũng không từ nan: một ý chí kiêu hùng của nòi giống Việt.



Với những tấm gương sáng mà muôn đời con cháu vua Hùng vẫn tự hào:

* Năm 542, vị khai quốc LÝ NAM ĐẾ (LÝ BÍ) đánh đuổi Thái thú Tiêu Tư (nhà Lương) và bè lũ phải bỏ trị sở chạy về nước; lập nên nước Vạn Xuân, mở đầu nền Tự Chủ ở nước ta.

* Năm 938, NGÔ VUÔNG QUYỀN đánh tan quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, giết Thái tử Hoàng Thao tại trận, khiến Hán chủ đành nuốt hận thu quân về Tàu.

* Năm 1077, vị anh hùng dân tộc LÝ THƯỜNG KIỆT đại thắng quân nhà Tống trên sông Như Nguyệt, khiến lão tướng Quách Quỳ phải phủ phục đầu hàng.

* Năm 1258, vua TRẦN THÁI TÔNG và Hưng Đạo đại vương TRẦN QUỐC TUẤN chiến thắng quân Mông Cổ ở mặt trận Đông Bộ Đầu, giải phóng thủ đô Thăng Long.

* Năm 1285, vua TRẦN NHÂN TÔNG và Quốc công tiết chế TRẦN QUỐC TUẤN thống lĩnh quân đội kháng chiến chống quân Nguyên, đã đánh tan giặc Mông Cổ, chém đầu Toa Đô ở Vạn Kiếp.

* Năm 1288, vua TRẦN NHÂN TÔNG và Thượng phụ TRẦN QUỐC TUẤN đại phá quân Nguyên trên sông Bạch Đằng, bắt sống các tướng Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ... khiến Tổng chỉ huy Thoát Hoan khiếp đảm phải vội vã rút quân về nước.

* Năm 1427, Bình Định vương LÊ LỢI và mưu sĩ NGUYỄN TRÃI, sau mười năm kháng chiến chống giặc Minh và đã toàn thắng, nối lại nền tự chủ của nước nhà.

* Năm 1789, Bắc Bình vương NGUYỄN HUỆ, chiến thắng quân Thanh ở trận Đống Đa (gần Hà Nội ngày nay) khiến cho bại tướng Tôn Sĩ Nghị phải "vứt bỏ tất cả sắc thư, ấn tín để lo thoát thân," sau bảy ngày đêm mới đến được trại Nam Quan.

... Vì danh dự của Tổ ấm mà người Việt không bao giờ hành động một cách cầu thả. Và quan niệm hạnh

phúc là do Tổ ấm để lại cho con cháu muôn đời về sau:

*"Người trồng cây bách người chơi
Ta trồng cây đức để đời mai sau."*

Do đó mà trong nhiều đời con cháu phải hương đăng thờ tự trân trọng giữ gìn cái "Chí lớn" của tổ tiên:

*"Cây xanh thì lá cũng xanh
Cha mẹ hiền*

lành để đức cho con."

Vì quan niệm Tổ ấm mà người Việt lúc nào cũng tinh táo, bình tĩnh, và cương quyết trong mọi hành động trong ý niệm "âm phù dương trợ," lúc nào cũng coi như có ông bà, tổ tiên theo dõi, chỉ dẫn, vì nghĩ rằng: "Sự tử như sự sinh" coi khi chết cũng như lúc còn sống, không khác.

Đạo đức cương yếu của người Việt chính là quan niệm "phúc đức Tổ ấm" vậy (1).

Thuyết "Tam cương Ngũ thường" của Nho giáo chỉ chiếm một chỗ rất nhỏ trong diều lý "phúc đức Tổ ấm" mà thôi. Thật vậy, người Việt trước khi hành động bất cứ một việc gì, còn phải đắn đo xem có đụng chạm đến Tổ ấm và hại đến ai không đã. Quan niệm đạo đức này đã liên kết được toàn dân trong một sự thuần nhất, không cần phải "dân tứ tước ngũ" (2) gây bè kết đảng rồi khinh khi nhau, làm suy yếu tiềm năng quốc gia. Đây là ta chưa nói đến hậu quả thảm khốc chạy theo hình thức chủ nghĩa, duy lạc hưởng thụ, kỳ thị đẳng cấp... thiếu hẳn căn bản để sống một cuộc sống cho ra sống, nghĩa là sống tốt đẹp hơn (3).

Nói tóm lại, các cá nhân đều coi mình như là một thành phần cộng đồng của Tổ ấm. Phúc đức xuất phát từ Tổ ấm rồi lại về Tổ ấm. Tổ ấm (nhỏ) là gia đình và (lớn) là quốc gia, đều được tôn trọng. Cảnh thái bình, hạnh phúc, giải thoát là những mục tiêu thiết thực đã được người Việt xưa cũng như nay chấp nhận và thực hiện sự lao tâm khổ tứ của người Việt cốt để cùng cố cho thân mệnh, tuệ mệnh, của cá nhân cũng như của Tổ ấm, là nhằm đạt tới Giác Ngộ Giải thoát, chứ không mang tâm ích kỷ để thôn tính, tiêu diệt nhau.

Bây giờ ta thử xét qua một vài đặc tính văn hóa dân tộc và văn hóa Phật giáo, có thể nói: hai nền văn hóa tuy hai mà một - tự bản thân của nó đã có những nét hòa đồng màu nhiệm một cách kỳ diệu:

VỀ THỰC TẠI CUỘC SỐNG

Người Việt sống tôn sùng thờ cúng Tổ tiên, mà Phật giáo cũng triệt để kính trọng, và còn đặt ra những nghi lễ thích hợp với nhu cầu dân tộc, như lễ "Nhập Liệm, Qui Lãng," hay lễ Vu Lan Báo Hiếu v.v... Tục ngữ Việt Nam có câu: "Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân..."

* Dân tộc Việt Nam thường ưa chuộng "nâu, lam" thì hiện nay các tăng sĩ Phật giáo đều giữ được sắc thái riêng biệt ấy hơn ai hết. Trong bài Trường Ca Mẹ Việt Nam, phần mở đầu, nhạc sĩ Phạm Duy đã viết:

Mẹ Việt Nam
không son không phấn
Mẹ Việt Nam
chân lấm tay bùn
Mẹ Việt Nam
không mang nhung gấm
Mẹ Việt Nam
mang tám nâu sồng...

* Dân tộc ta giàu đức tính tiết kiệm, ít có ham muốn quá đáng, nên hay "hưởng thụ bình quân," như đời Lê Phân Điền chẳng hạn. Thì trong Phật giáo dạy thực hành "bình đẳng, thiểu dục, vị tha..."

* Tinh thần "tự lực cánh sinh" của dân tộc ta thật phong phú, về ý hệ, người Việt tự hào đã có bốn ngàn năm văn hiến; và về võ công thì qua các đời: Ngô, Lý, Trần, Lê, Nguyễn ông cha ta đã từng chiến thắng oanh liệt các kẻ thù xâm lăng dưới các thời: Hán, Tống, Nguyên, Minh, Thanh, và như lịch sử đã chứng minh: dân tộc Việt sống hiên ngang kiêu hùng bất khuất. Xét trong đạo Phật có thuyết "Đại hùng, đại lực."

VỀ MẶT SÁNG TÁC

Trong suốt dọc dài lịch sử (có thể nói) hầu hết những sáng tác phẩm văn học nghệ thuật do người Việt viết, hoặc phóng tác, không nhiều thì ít, đều đã chịu sự ảnh hưởng của thuyết nhân quả, luân hồi, nghiệp báo của Đạo Phật.

Thật vậy, người Việt Nam, từ lúc nằm nôi từng đã được nghe các bà mẹ kể cho nghe những câu ca dao, tục ngữ:

"Ở hiền thì lại gặp lành
Ở ác gặp dữ tan tành ra tro."
(hay tội dành vào thân).
"Sống đức sao bằng thác trong.
Ba vuông sánh bảy tròn,
Đời cha nhân đức đời con sang giàu."
"Làm việc phi pháp sự ác đến ngay." v.v...
Cùng trong những mẫu chuyện mang một nội dung

tương tự, như: *Tám Cám, Truyện Kỳ Mạn Lục, Quan Âm Thị Kính, Nhị Độ Mai, Phan Trần, Đoạn Trường Tân Thanh, v.v...*

Chẳng hạn, *Truyện Tám Cám*, Bụt hiện ra để cứu giúp người lành. *Truyện Kỳ Mạn Lục*, với lý nhân quả nghiệp báo được tác giả viện dẫn bằng bạc trong khắp các truyện - dĩ nhiên trong đó tác giả có đề cập luân lý Khổng Mạnh - nhằm giải thích những tình huống éo le như người có hạnh mà nghèo, kẻ bất nhân lại khá, bằng lối sống, "đầu thai chuyển kiếp," như truyện *Nghiệp Oán Của Đào Thị*, truyện *Gã Trà Đồng Giáng Sinh...*

Ta hãy nghe Nguyễn Dữ kể về câu chuyện Gã Trà Trà Đồng:

... "Có hạnh mà nghèo, hoặc bởi tội khiến kiến trước: bất nhân mà khá, hẳn là phúc thiện đời xưa. Tuy rằng khó biết sâu xa, nhưng thực không sai tơ tóc. Cho nên không nên lập luận một bề và xem trời một mặt" (xem *Truyện Kỳ Mạn Lục* của Nguyễn Dữ bản dịch Trúc Khê.)

Dưới đây là những câu trích trong các truyện *Quan Âm Thị Kính*, *Nhị Độ Mai*, *Phan Trần*, *Đoạn Trường Tân Thanh*:

"Đoái trông thế sự nực cười
Nư đem trò rối mà chơi khác gì."
(QATK, câu 335-336)

... "Cho nên mền cửa Từ Bi
Dám xin nhờ đức Tăng, Ni mở lòng."
(QATK, câu 343-344)

Truyện *Nhị Độ Mai*:
"Trời nào phụ kẻ trung trinh
Dầu vương nạn ấy, ắt dành phúc kia
Danh thơm muôn kiếp còn ghi
Để gương trong sạch, tạc bia dưới đời."
(Nh. D.M. câu 7-10)

Truyện *Phan Trần*:
"Xa xa phảng phất hành lang
Đức Quan Âm đã giáng sinh bao giờ."
(Ph. T. câu 391-392)
"Sư còn lân mẫn chúng sinh
Xin thương đến tấm lòng thành mấy nao."
(Ph. T. câu 401-402)

Đoạn Trường Tân Thanh hay *Truyện Kiều* với những triết lý về nghiệp báo:

"Kiếp này nợ trả chưa xong
Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau."
(ĐTTT. câu 1019-1020)
"Đã mang lấy nghiệp vào thân
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa
Thiện căn ở tại lòng ta
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài..."
(ĐTTT, câu 3249-3252)

Những truyện ngụ ngôn, có tính cách luân lý và nhân quả thường quần quýt lấy nhau. Kéo Cày Trạ Nợ, Âm Đức, Hai Vợ Chồng Con Chiền Chiền, Ông Sư, Chèo Cờ và Vẹt, Phù Du và Đóm Đóm, v.v...

Và còn biết bao nhiêu đặc tính khác của Phật giáo rất phù hợp với dân tộc tính, dân tộc tình, dân tộc trí, đã làm nảy nở trong những nếp sống hằng hữu để vươn lên cuộc sống trong sáng, cao cả, toàn mỹ. Đó là những nét điển hình để chứng minh rằng văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc có những mối duyên gặp gỡ rất đồng nhất tề nhị. Có thể nói hai nền văn hóa tuy hai mà một.

... Không chỉ riêng nước Việt Nam mà đối với bất cứ một nước nào khi đạo Phật truyền tới cũng đều được các nhóm dân tộc hoan hỷ long trọng tiếp nhận, không nơi nào và chẳng lúc nào bị ruồng bỏ, bởi vì đạo Phật là đạo Từ Bi, lấy tình thương làm động lực phát triển lòng Từ, lấy trí tuệ làm mục tiêu nhắm tới Giác Ngộ Giải Thoát Con Người.

Một triết lý cao đẹp như thế ở xã hội nào, thời gian hay hoàn cảnh nào mà không thích hợp, vĩnh viễn.

Được như vậy là vì đạo Phật có một tôn chỉ rất rộng rãi: tôn trọng những đặc tính của mỗi dân tộc, mà chỉ cần khai thác phần NHÂN TÍNH để hỗ trợ, với mục đích dìu dắt con người đạt tới đích Chân Thiện Mỹ; và khi đạo Phật đến dân tộc nào cũng vẫn kính trọng nếp sống cổ truyền, những phong tục sẵn có... Chỉ vì tinh thần giáo lý Giác Ngộ Giải Thoát Tự Chủ của đạo Phật không bao giờ trái với sự việc nào, bất cứ ở đâu, hạng người nào, khi họ biết hướng đến chân lý.

ĐẠO PHẬT VÀ DÒNG SỬ VIỆT vẫn mãi mãi sống đẹp và tươi sáng!

Nước Việt Nam dù trải trên mười thế kỷ chung đụng với văn hóa Trung Hoa nhưng khi nguồn văn hóa GIÁC NGỘ GIẢI THOÁT và TỰ CHỦ của đạo Phật truyền vào Việt Nam thì người Việt đã hân hoan lấy đó làm ngọn đuốc thắp sáng cho cuộc cách mạng giải phóng giống nòi khỏi ách thống trị của người phương Bắc, giành lại quyền tự chủ, độc lập cho Tổ quốc mến yêu.

Việt Nam là nơi hội tụ các tầng tài khắp bốn phương, nên tinh hoa đạo Phật Việt luôn luôn được sắc thái đặc biệt, trong những thời gian hoàn cảnh đặc biệt. Đạo Phật đối với dân tộc Việt Nam được coi như thứ vũ khí tinh thần hiệu nghiệm, để vừa đối kháng với nền văn hóa Trung Hoa, vừa thu thái những tinh hoa của nền văn hóa đó rồi dung hóa cả hai nền văn hóa Ấn - Hoa hợp với tinh thần "Lối sống" của người Việt hình thành một nền văn hóa Việt Nam sống động trong tâm tư mỗi người và trong cuộc sống dân tộc. Phật giáo đã kích động tinh thần tự chủ của người Việt. Và, từ đó đưa đến đòi hỏi một nền tự chủ dân tộc. Khi một nền văn hóa đã có cá tính khác biệt với nền văn hóa của đế quốc thì công

việc đấu tranh giành độc lập chỉ còn là công việc thời gian mà thôi. Chính vì vậy mà trước kia, trong lịch sử đạo Phật Việt, các vị thiền sư đã cùng với dân tộc Việt Nam phấn đấu cho một nền Tự Chủ về vang của dân tộc.

(Đạo Phật Và Dòng Sử Việt)

Chú thích:

(1) Cách nay khoảng 30 năm, tôi nhớ, trên những chuyến đò ngược xuôi, người xâm mù lòa chuyên đi hát rong và thường mang theo mình cây đàn nhị, hoặc chiếc trống bỏi, có khi một ông sáo, đi kèm bên một em bé dẫn đường, tay cầm chậu thau để xin sự "bố thí" của đồng bào thập phương; anh ta vừa kéo nhị (hoặc đánh trống, thổi sáo) và ngâm ngao hát những câu (giọng khàn khàn):

"Phúc đức Tổ ấm, bà ơi!

Làm duyên làm phúc cho tôi với nào."

Cùng có khi người ta nói: "Phúc đức tại mẫu, bà ơi", hay "ông ơi", "anh ơi", "chị ơi", "cô ơi..."

Hai chữ "phúc đức" đã là Nguồn Sông tràn trề hy vọng mà lẽ nhân quả luân hồi tội phúc báo ứng của Đạo Phật đã gieo vào tiềm thức sâu thẳm của giống nòi Lạc Việt, để mỗi ngày vun bồi cho cây "đức" thêm xum xuê, tươi tốt.

(2) Trong thơ NGUYỄN CÔNG TRÚ có câu:

"Dân hữu từ, sĩ chi vi tiên

Tước hữu ngũ sĩ cư kỳ liệt."

(3) Chúng tôi đề nghị độc giả nên đọc thêm cuốn "Đạo Phật Với Con Người" của Hòa Thượng Tâm Châu.



thơ

VÂN PHONG



Mơ Xuân

Mẹ ơi! Tết đã đến nơi rồi
Tết đến mà sao con chẳng vui
Con đứng bên nay trời tuyết lạnh
Ngày đêm thương nhớ mẹ khôn nguôi
Ở đây xuân chẳng có mai vàng
Chỉ có buồn tênh lệ chứa chan
Tết đến cũng bôn ba sắm sửa
Gượng vui nước mắt ứa hai hàng
Con nhớ làm sao những Tết xưa
Con ở phương xa chưa kịp về
Mẹ để dành cho con những bánh
Những "rim", những mứt ngọt tình quê
Đường về quê mẹ nắng chang chang
Con phải băng qua cánh ruộng làng
Cuối lũy tre già- nhà của mẹ
Nơi cho con ngày tháng bình an
Tất cả qua rồi như giấc mơ...
Đâu về thăm mẹ được như xưa.
Mẹ vẫn để dành con bánh mứt.
Mà sao con về được bây giờ!

Mừng Xuân

Sáng nay lên chùa lễ Phật
Bâng khuâng nhớ mẹ vô vàn
Xông nốt nén trầm mẹ gửi
Bên ngoài tuyết trắng, xuân sang
Mười năm làm thân biệt xứ
"Mừng Xuân" lễ thăm hai hàng
Nhớ mẹ không về thăm được
Buồn nầy dầm nát tâm can
Bỗng dưng thèm cơm mẹ nấu
Bát canh hương vị tạp tàng
Những bữa cơm quê đậm bạc
Mà sao hạnh phúc chứa chan
Ôi nhớ làm sao mùi Tết!
Ngày xuân pháo nổ rộn ràng
Gái trai mừng vui trẩy hội
Lên chùa lễ Phật cầu an
Bây chừ đón xuân đất khách
Nhớ ơi cúc trắng mai vàng
Thoang thoảng còn vương khứu giác
Tách trà hoa cúc đầu xuân.

MỘT TÂM LÒNG CỦA KINH KHA

Tuệ Sỹ

I

Quý tài được hiểu như là một thiên tài quái dị, mà ngôn ngữ được sử dụng trên mức độ ma thuật, nguy quyết. Đó là tư chất thiên phú, với những tưởng tượng đầy tính siêu thực. Sử dụng thi ca y như thủ pháp ma thuật không phải chỉ là một kỹ xảo. Đằng sau từ điệu huyền hoặc còn ẩn chứa một thế giới huyền hoặc; thế giới của thần mộng và cô liêu, có thể gọi như vậy. Trong tận cùng sâu thẳm đó là gì; có lẽ chúng ta không thể tìm đến chỉ do sự thúc đẩy của bản tính hiếu kỳ, mà phải đến bằng tất cả những lời kêu gọi thống thiết của định mệnh nhân sinh. Bởi vì, khi Nguyễn Du viết *Văn tế thập loại chúng sinh*, người ta có thể nhìn thấy tường tận cái tâm trạng của Người chăng? Hay có thể phát kiến một bối cảnh xã hội nào đó của tâm trạng ấy chăng? *Văn tế* có đoạn viết:

*Trong trường dạ tối tăm trời đất
Xót khôn thiêng phảng phất u minh
Thương thay thập loại chúng sinh
Phách đơn hồn chiếc lênh đênh quê người
Hương khói đã không nơi nương tựa
Phận mồ côi lần lữa đêm đêm
Còn chi ai khá ai hèn
Còn chi mà nói ai hiền ai ngu
(Nguyễn Du, Văn tế thập loại chúng sinh)*

Dĩ nhiên, những lời đó không phải là những lời tự tình của quý. Chúng đích thực là một tấm lòng hoài vọng khôn khô của con người, trước cái định mệnh lưu đày mà cuộc Lữ giới hạn trên đoạn đường từ sống đến chết. Sống và chết giữa cô đơn tuyệt đối và miên viễn; mà quê hương là một đồng vọng ngậm ngùi trong thế giới u minh, trong đêm dài tăm tối.

Vậy, những lời thể nào mới đích thực được gọi là những lời của quý?

Một truyện kể của Tô Đông Pha:¹ người con trai của Lý Đào, thông phán Từ châu, nguyên lai cho đến 17 hay 18 tuổi vẫn không sính làm thơ. Đột nhiên vịnh bài thơ ‘hoa rụng’ rằng:

流水難窮目，
斜陽易斷腸。
誰同研光帽，
一曲舞山香。

Lưu thủy nan cùng mục
Tà dương dị đoạn trường
Thùy đồng nha quang mạo
Nhất khúc vũ sơn hương.

*Nước cuộn mòn con mắt,
Bởi vì nước trôi mãi vào cõi xa mù, xa mát tằm mắt.
Tà dương lấm đọa đây,
Tà dương dễ khiến đoạn trường, bởi vì tà dương đục
đã sự lớn dần của sa mạc hoang liêu; khi ánh nắng chiều
rọi nghiêng bên sườn núi, khiến cho lòng người cảm thấy
se sắt.*

Chuyện kể rằng, người cha sau khi nghe đứa con trai đọc bài thơ này, giật mình, hỏi dựa vào đâu. Và do đó ông biết câu chuyện về “nha quang mạo”: Trong một cuộc hội yến quần tiên do Tây vương mẫu chiêu đãi, có người múa, đội mũ nha quang,² trên mũ cài hoa trâm.

¹ Tô Thức văn tập, quyển 68.

² Nha quang mạo 硨磲光帽, tên một loại mũ được làm bằng thứ lụa (quyển) nha quang. Đường Nam Trắc 南卓, *Yết cổ lục*: “Tiền 璉 thường đội mũ nha quyển (lụa) mà tấu nhạc. Vua tự tay ngắt một đoá

Hát chưa xong một bài ca “Vũ sơn hương”³ thì hoa đã rơi rụng hết. Vậy thì, hai câu thơ cuối có thể chuyển thành lời cảm thán:

*Chao ôi hương phấn rã,
Chưa dứt một bài ca.*

Cảm hứng của một người không biết làm thơ, hay không sành thơ, mà lại bộc lộ một tâm trạng đầy ngậm ngùi và tha thiết; chừng đó có lẽ khá đủ để nói rằng đây quả nhiên là những lời của quỉ. Nếu thế, cái đọa đầy của quỉ cũng là cái đọa đầy của người; là những khổ lụy trước cảnh nước trôi và nắng chiều sắp tắt.

*Thái bình quảng ký*⁴ chép:

Mùa xuân, Hội xương nguyên niên (841), dưới triều vua Vũ Tông nhà Đường, có người hiểu lầm tên Hứa Sinh thì rớt, trở về Đông, trên đường về Thọ an, nghỉ đêm ở quán trọ Cam tuyền. Cách quán Cam đường về phía tây chừng một dặm, anh gặp một cụ già áo trắng cỡi con ngựa xám từ phía tây đi đến, người đi theo sau rất đông, mặt mày tươi tỉnh sau cơn say, tinh thần phần chấn. Cụ ngâm thơ sang sảng:

春草萋萋春水绿，
海棠开尽飘香玉。
绣岭宫前白发人，
犹唱开元太平曲。

Xuân thảo thê thê xuân thủy lục,
Hải đường khai tận phiêu hương ngọc.
Tú lĩnh cung tiền bạch phát nhân,
Do xướng Khai nguyên Thái bình khúc.

*Cỏ mùa xuân xanh xanh, nước mùa xuân trong vắt
Hải đường hoang dã nở rộ hết, mà hương ngọc bay phát phơ.
Trước cung Tú Lĩnh một người tóc trắng
Còn hát khúc ca “Khai nguyên thái bình”*

Sinh giục ngựa tiến lên, hỏi tên họ, cụ già cười, không trả lời. Rồi lại ngâm một bài thơ:

厭世逃名者，
誰能答姓名。

cần đồ đặt trên líp mù. Cả hai thứ đều rất trơn, nên phải một lúc mới dễ yên được. Tiến tẩu xong một khúc nhạc Vũ sơn hương mà hoa vẫn chưa rơi.”

3 Sơn hương vũ 舞山香, tên một nhạc khúc thời cổ.

4 Lý Phường 李昉 (925-996): *Thái bình quảng ký*, quyển 350, mục Quý (thi)

曾聞三樂否，
看取路傍情。

Yém thể đào danh giả,
Thùy năng đáp tính danh?
Tằng văn tam nhạc phủ?
Khán thủ lộ bàng tình.

Người đã chán đời, chạy trốn danh, làm sao có thể báo tên họ? Anh đã bao giờ nghe ba loại nhạc⁵ chưa? Hãy nhìn xem tình của khách bên đường.

Sinh biết ông cụ là quỉ hiện, bèn thôi không hỏi nữa. Anh tiếp tục đi theo sau, khoảng 2, 3 dặm, bấy giờ trời đã chiều tối. Khi đến phía tây gò Ngọc tuyền, ông cụ cười mà nói với Sinh rằng: “Tôi nghe có 3, 4 vị quân tử ngày hôm nay nhân nhớ tưởng cảnh cũ mà dạo chơi suốt này. Tôi đã được mời từ ngày hôm qua. Từ đây đi về phía nam, tôi không thể cùng đi chung với thầy được nữa.” Hứa Sinh yêu cầu cùng đi chung, nhưng ông lão cười, không trả lời, lặng lẽ bỏ đi... Hứa Sinh lén đi theo, đến một nơi cách Cam tuyền chừng một dặm, rình nấp trong một lùm cây, thấy ông lão cùng gặp gỡ một bọn khoảng bốn người, thấy đều có vẻ cao sang quyền quý. Ông lão thuật, mình đọc được một bài thơ của ai đó viết lên cột nhà. Rồi ông ngâm cho mọi người cùng nghe, trong đó, hai câu cuối:

六合茫茫悲漢土，
此身無處哭田橫。

Lục hiệp mang mang bi Hán Hán thổ
Thử thân vô xứ khóc Điền Hoành.

*Trời đất mênh mông, buồn thay, thấy đều là đất nhá Hán. Thân này không có chỗ dung, để mà khóc Điền Hoành!*⁶

Nghe xong, cả bọn che mặt mà khóc. Vậy thì, bọn nho sỹ hồn ma này là một đám vong thần, thân chết, mà hồn vẫn còn mang nỗi buồn vong quốc.

Hai bài thơ trên đây cùng được chép trong *Toàn Đường thi*, quyển 562, ghi là thơ của Ly Cửu (đời Đường): 李玖噴玉泉冥会诗八首。白衣叟途中吟二首, 8 bài, trong cuộc họp kín của các hồn ma, và 2 bài của một cụ già áo trắng ngâm giữa đường. Nhưng, *Toàn*

5 Tam nhạc 三樂: ba loại âm nhạc tế trời, tế đất và tế quỉ.

6 Điền Hoành 田橫: Điền Hoành được nói đến trong thơ chính là thân vương nước Tề. Nước bị Tần diệt. Về sau, Hoành cử binh chống lại Hạng Vũ, khôi phục nước Tề, nhưng rồi bị Hàn Tín nhà Hán đánh bại, ông cùng 500 khách chạy ra hải đảo. Sau khi nhà Hán thống nhất thiên hạ, Hán Cao tổ gọi Điền Hoành cùng khách của ông vào triều phong tước. Điền Hoành không chịu, bèn tự sát. 500 người khác hay tin Điền Hoành tự sát, thầy cùng tự sát chết theo.

đường thi, quyển 723, cũng có chép bài thơ thất tuyệt dẫn trên, nói là của Ly Đồng, tựa đề là “Tú lĩnh cung từ 绣岭宫词” với một vài chỗ khác nhau như sau:

春日迟迟春草绿，
野棠开尽飘香玉。
绣岭宫前鹤发翁，
犹唱开元太平曲。

Xuân nhật trì trì, xuân thảo lục;
Dã đường khai tận phiêu hương ngọc.
Tú lĩnh cung tiền hạc phát nhân,
Do xướng Khai nguyên Thái bình khúc.

Cung từ là một thể thơ hay từ mà chủ đề thường là những chuyện tế toái trong cung đình. Tú lĩnh, là những ngọn núi quanh Ly sơn nơi cố hành cung gọi là Hoa thanh cung của Đường Huyền tông. Khi Huyền tông cùng Dương quý phi lên Hoa thanh cung hưởng lạc, mang theo cả nhạc đội Lê viên tử đệ; họ ở bên Tú lĩnh. Bài thơ miêu tả những ngày vui đi qua, những khóm hải đường, một thời sang quý, bây chỉ là hoa dại, mà những cánh hoa, đài hoa để gió gió mặc tình thổi cuốn mùi hương bay đi. Trước cung, một lão già tóc trắng như cánh chim hạc, có lẽ một thời nhạc công trong đám Lê viên tử đệ thời, nay trong nỗi luyến tiếc ngày xưa, vẫn còn ngâm bài ca Khai nguyên thái bình khúc.⁷

Thay vì *Ngày xuân chậm chạp*, cổ xuân biếc như trong bài này, thì trong bài thơ ma dẫn trên đọc là *Cổ xuân xanh rờn, nước xuân biếc*. Không biết là mượn lời thơ của người, hay người mượn lời ma để phơi bày tâm sự. Dù ma hay người, vẫn một sầu thiên cổ: Nỗi hờn vong quốc, tâm sự của khách lưu đây.

Có lẽ chúng ta cũng nên đọc thêm một vài lời ma khác nữa.

Tô Đông Pha, khi luận về những lời thơ này, cho rằng đây là những lời của tiên và của quỷ; hoặc giả, nếu là của loài người, thì cũng chỉ có thể là những lời được nói trong chiêm bao.⁸

忽然湖上片云飞，
不觉舟中雨湿衣。
折得荷花浑忘却，
空将荷叶盖头归。

7 Niên hiệu Khai nguyên là những năm thịnh vượng của triều đại Huyền tông. Về sau, do say mê Quý phi họ Dương, bỏ phế triều chính, khiến xảy ra loạn An lộc sơn; vua phải bỏ kinh thành chạy trốn, rồi Dương quý phi bị thất cổ nơi Mã ngôi.

8 Dẫn theo *Thiêu Khê ngư ẩn tông thoại* 茗溪渔隐丛话, quyển 58.

Hốt nhiên hồ thượng phiến vân phi
Bất giác châu trung vũ thấp y
Chiết đắc hà hoa hồn vong khước
Không tương hà điệp cái đầu qui

*Hốt nhiên trên hồ một áng mây trôi
Bất giác trong thuyền mưa đầm áo
Ngắt cọng hoa sen rồi quên mất
Chỉ trơ lá sen che đầu trở về*

浦口潮来初渺漫，
莲舟荡漾采花难。
芳心不惬空归去，
会待潮回再摘看。

Phổ khẩu triều lai sai điều mang
Liên châu dung dạng thể hoa nan
Phương tâm bất thiệp không qui khứ
Hội đãi triều hồi tái trích khan

*Phổ khẩu sóng lên xa mù man mác
Cánh thuyền sen lắc lư khó hái hoa
Tắm lòng cỏ non không thỏa, trở về không
Còn đợi sóng lui sẽ ngắt nữa*

爷娘送我青枫根，
不记青枫几回落，
当时手刺衣上花，
今日为灰不堪著

Gia nương tống ngã thanh phong căn
Bất ký thanh phong kỷ hồi lạc
Đương thời thủ thích y thượng hoa
Kim nhật vi hồi bất kham trước

*Gia nương đưa ta rễ phong xanh
Không nhớ phong xanh mấy lần rụng
Ngày xưa tay rút hoa trên áo
Ngày nay thành tro không nỡ cài*

惆怅金泥扑蝶裙，
春来犹见伴行云，
不教布施刚留得，
恰似知逢李少君

Trù trưởng kim nê phát điệp quần
Xuân lai do kiến bạn hành văn

Bất giao bổ thí cang lưu đắc
Hiệp trợ trí phùng Lý thiếu quân

*Bùi ngùi phách quê phơ phát ống quần
Xuân về còn làm bạn áng mây trôi
Không hề cho hết Càng lưu đắc (?)
Đường thể tao phùng Lý thiếu quân*

卜得上峽日，
秋江風浪多，
巴陵一夜雨，
腸斷木蘭歌

Bốc đắc thượng giáp nhật
Thu giang phong lãng đa
Ba lăng nhất dạ vũ
Trường đoạn mộc lan hoa

*Chọn được ngày lên đèo
Sông thu sóng gió nhiều
Ba lăng một đêm mưa
Ruột đứt hoa mộc lan*

Lời quỷ mà như vậy thì đáng yêu hơn là đáng sợ.
Chúng được kể là của quỷ, không phải vì tình tự hoang
đường, mà chỉ do sự hoang đường của ngẫu hứng.

Hai bài thơ quỷ khác được chép trong *Dậu dương tạp
trở* cũng có âm hưởng tương tự như các bài đã dẫn:

長安女兒踏春陽
何處春陽不斷腸
舞袖弓腰渾忘却
蛾眉空帶九秋霜

Trường an nữ nhi đạp xuân dương
Vô xứ xuân dương bất đoạn trường
Vũ tú cung loan hôn vong khước
Nga mi không đới cửu thu sương
Lưu thủy quyên quyên cần nỗ nha
Chức ô song phi khách hoàn gia
Hoang thôn vô nhân tác hàn thực
Tần cung không đới đường lê hoa⁹

*Con gái Trường an đạp nắng xuân
Không đâu nắng xuân không đoạn trường
Cánh áo phơ quên vũ khúc
Mây ngài trở trời về thu sương*

*Nước trôi rách rách cần trở đột
Hai cánh quạ bay khách trở về
Xóm vắng không người như hàn thực
Tần cung trở bóng hoa đường lê.*

2

Trên đây là những bài được kể là thơ của quỷ. Cũng
nên biết thế nào là quỷ.

Hàn Dũ luận về “Nguyên quỷ 原鬼” có nói:

“Nghe có tiếng gọi trên tường nhà, xách đèn đến mà
soi thì không thấy gì cả. Đây là quỷ ư? Không phải. Bởi
vì quỷ thì không có tiếng nói.

“Thấy có người đứng ở nhà trên, đến gần để nhìn thì
không thấy gì cả. Đây là quỷ ư? Không phải. Bởi vì quỷ
vốn không hình.

“Cảm giác có cái gì đụng chạm đến thân mình, với
bắt theo, không nắm được gì hết. Đây là quỷ ư? Không
phải. Bởi vì quỷ vốn không tiếng, không hình, thì đâu có
khí.

“Quỷ vốn không tiếng, không hình, không có khí;
vậy quả thực không có quỷ sao?

“Thưa: cái có hình mà không có tiếng, ấy là đất đá.
Cái có tiếng mà không có hình, ấy là gió và sấm. Cái có
tiếng và có hình. Ấy là người, là thú. Cái không tiếng,
không hình, ấy là quỷ thần vậy...”

Sau đó, ông luận về những tai họa của quỷ. Ông nói,
những thứ tai họa ấy không phải đến từ quỷ; chỉ là những
cảm ứng phát hiện từ các hành vi của loài người.

Đây không phải là một bản luận giải và phân tích
tâm lý về sự kiện quỷ ám. Luận về “Nguyên quỷ” của
Hàn Dũ không nói đến những tâm tình u ám mà chúng ta
có thể tìm thấy nơi ca thi của Lý Hạ. Bởi vì, trong đó thể
giới ma quỷ đầy những đau khổ đọa đầy một linh hồn bị
rẻ rúng; những uất hận về ước mơ không thành tựu. Đời
sống của con người, nhìn theo con mắt hiện thực nào đó,
có thể là hình ảnh lãng mạn và bi hùng một lũ khách đi
trong gió thu; của ngọn lửa nhiệt tình bốc cháy mãi và
tan biến mãi vào hư không. Cũng đời sống ấy, trong con
mắt của ẩn tình u ám, có thể là những tiếng hát hồn
nhiên của một Mán nữ trên đồi núi bao la, tịch mịch,
giữa màu xanh bát ngát hoang liêu điểm huyệt những
đóa màu máu và long lạnh như nước mắt. Máu của thù
hận và nước mắt của thương yêu; đó là tinh thể của ma
quỷ. Thù hận ấy quả thực là vô nghĩa, phi lý. Vì ước mơ
quá xa xôi, không hiện thực, khó che dấu được cái mà
người ta gọi là cuồng vọng vô biên không thể tha thứ.
Cho nên, nước mắt ấy cũng chỉ là dấu hiệu của sự đọa
đầy vô nghĩa. Người ta chọn định mệnh cho mình bằng

9 Dẫn theo Hồ Ứng Lâm (đời Minh) 胡應麟: Nhị Dậu quyết di
二酉綴遺, trong mục những bài thơ được nói là do ma quỷ sáng tác.

ước mơ. Khi định mệnh đến đập cửa, thì máu không đủ để rửa sạch thù hận và nước mắt không đủ để làm ngọt tinh chất của tình yêu:

秋雨晴時淚不晴
Thu vũ tình thời lệ bất tình
(Tô Đông Pha)

Mưa thu đã tạnh mà nước mắt không hề quạnh ráo: âm hưởng của quỉ là như thế. Hoặc khác hơn thế; Như Văn tế của Nguyễn Du:

*Giàu sang càng nặng oán thù
Máu tươi lai láng xương khô
Đàn vô tự lạc loài nheo nhóc
Quỉ không đầu kêu khóc đêm mưa
Đã hay thành bại là cơ
Mà u hồn biết bao giờ cho tan.*

Hồn không tan, vì uất hận bị chôn vào trong cỗ mộ tối tăm; vì máu chưa thể khô để trở thành cát bụi. Thơ quỉ của Hạ có lúc vang đầy âm hưởng tanh hôi. Đó là giọt máu hận của một tâm hồn se sắt trong trận gió cuốn mùa thu, khô héo bởi những chiếc lá vàng phiêu hốt bất định. Gió thu thổi qua cây ngô đồng, người trai trẻ bằng hoàng kinh sợ, cay đắng. Gió thu nhẹ, hiu hắt, không đủ sức làm giông bão cuốn lên những trận mây vần, đá lở; nhưng nó làm tiêu hao tâm trí, làm bạc màu mái tóc thanh xuân, giữa những tiếng trùng, tiếng dế rí rả lạnh buốt da trong bóng đèn leo lét: *hồn ma thui thủi điểm bông từng*. Một mái tóc xanh cúi gằm trên trang sách, mặc tình mỗi một vẽ thành những cánh hoa phù du của mộng tưởng, và đoạn trường, lên đó. Trong bóng đèn, mộng tưởng bồi hồi, từng khúc ruột kéo thẳng. Mưa lạnh, hồn ma khóc khách văn chương. Trên gò thu, những xác lá vàng chất thành nấm mộ của mùa thu, quỉ hát bài thơ bằng giọng tanh hôi. Máu hận nghìn năm trở thành hạt ngọc bích trong lòng đất. Đây có phải là thơ quỉ với những tình tự hoang đường của quỉ? Đó là một mùa thu của Hạ:

秋來
桐風驚心壯士苦，
衰燈絡緯啼寒素。
誰看青簡一編書，
不遣花蟲粉空蠹？
思牽今夜腸應直，
雨冷香魂吊書客。
秋墳鬼唱鮑家詩，
恨血千年土中碧。

Thu lai

Đồng phong kinh tâm tráng sĩ khổ
Suy đăng lạc vĩ đề hàn tố
Thùy khan thanh giản nhất biên thơ
Bất khiến hoa trùng phấn không đổ
Tư khiến kim dạ trường ung trực
Vũ lãnh hương hồn điều thơ khách
Thu phần qui xướng bào gia thi
Hận huyết thiên niên thổ trung bích.

Mùa thu đến

*Gió heo mây hãi hùng tráng sĩ
Ngọn đèn lu để rỉ se da
Tóc ai ôn quuyến ngôi tro
Chữ chen phấn một phủ mờ bóng đêm
Buồn thẳng ruột rừ mềm tư lự
Quỉ dầm mưa réo nợ văn chương
Đời thu giọng quỉ sinh trương
Nghìn thu ngọc biếc vùi chôn máu thù.*

Quả vậy, thơ Hạ đáng nói là sự kết tinh của cừu hận. Tâm hồn của một nhà thơ lúc nào cũng là tâm tình lữ thứ lưu đầy nơi đất Trích. Đời sống khôn quần đẩy Hạ vào thế giới u ám. Nơi đó, sự cô độc gặm nhấm:

蟲響燈光薄，
宵寒藥氣濃。
君憐垂翅客，
辛苦尚相從。

Trùng hưởng đăng quang bạc
Tiêu hàn dược khí nồng
Quân liên thùy sụy khách
Tân khổ thượng tương từng

*Sâu vang đèn bóng nhạt
Khuya lạnh thuốc hơi nồng
Chú thương người rủ cánh
Cay đắng vẫn một lòng*

Ấy là những lời Hạ tâm sự với Ba đồng 巴童, một người tớ trung thành, an ủi Hạ trong những thất bại và tuyệt vọng. Rồi Hạ thác lời của ba đồng:

巨鼻宜山褐，
龐眉入苦吟。
非君唱樂府，
誰識怨秋深？

Cự tử Nghi sơn hạt
Bằng mi học khổ ngâm
Phi quân xướng nhạc phủ
Thùy thức oán thu thâm

*Tôi mũi to, áo vải
Cậu khan giọng cau mày
Nghe ngân thơ nhạc phủ
Mới biết hận thu dày*

Thế giới ma quỷ như vậy trở thành một nơi thân thiết của Hạ. Nhà thơ yêu thương đất Trích, yêu thương dặm đường của khách Lữ bị lưu đầy, yêu thương cảnh tượng u ám, đầy những hình ảnh quái dị và những đe dọa hãi hùng.

Những hình thù dị hợm và nhiều đe dọa của thế giới siêu thực ma quái ấy dù sao vẫn chưa phải là nơi đáng kinh sợ, trong sự an toàn của một cỗ mộ bụng bít kín đáo; không đáng kinh sợ cho bằng thế giới hiện thực ngoài kia, thế giới của sa mạc; bởi vì ngoài đó, độc trùng và ác thú hiện thân người đứng chặn hết mọi nẻo đường, mọi góc ngách, không có con đường để bước tới. Cảm giác mình bị người đời rẻ rúng khiến Hạ tìm đến an ủi của Sở từ, tự coi như mình cũng đồng cảnh ngộ của Khuất Nguyên ôm mối hận tình cô độc, một mình bàng hoàng nơi hoang dã. Phần nộ được ký thác vào những quái tượng sơn mị, yêu tinh, những dị hình của tạo vật. Hạ không có những uất ức nghẹn ngào như Khuất Nguyên. Sự khôn ngoan trong đời sống của Hạ, một cách nào đó, chỉ do tâm tình bất đắc chí nhất thời của một thiếu niên nhiều tự phụ về tài cao. Dù vậy, Hạ vẫn cảm giác linh hồn mình phiêu dạt giữa vô số hiểm nghèo. Bài thơ “Công vô xuất môn” của Hạ hiển nhiên chứng tỏ ảnh hưởng đậm đà của Sở từ Chiêu hồn của Tống Ngọc. Vì thương cảm Thầy mình là Khuất Nguyên, trung mà bị xua đuổi, hồn phách lênh đênh không nơi nương tựa, mạng sống như gần đứt, Tống Ngọc viết “Chiêu hồn” để gọi hồn Khuất Nguyên trở lại, may ra tuổi thọ tìm được chỗ an toàn:

魂兮归来！
去君之恒幹，
何为乎四方些？
舍君之乐处，
而离彼不祥些。

Hồn hê qui lai
Khứ quân chi hằng oán
Hà vi hồ tứ phương ta
Xả quân chi lạc xứ
Nhi ly bỉ bất tường ta

.....
*Hồn ơi về đi!
Thế xác mình sao bỏ
Mà long đông bốn phương sao?
Sao lia nơi an ổn
Mà tìm chỗ không lành sao?*

魂兮归来！
南方不可以止些。
雕题黑齿，
得人肉以祀，
以其骨为醢些。
蝮蛇蓁蓁，封狐千里些。
雄虺九首，
往来儵忽，
吞人以益其心些。

Hồn hê qui lai
Nam phương bất khả dĩ chỉ ta
Điều đề hắc xỉ
Đắc nhân nhục dĩ tự
Dĩ kỳ cốt vi hải ta
Phúc xà trần trần
Phong hồ thiên lý ta
Hùng hủ cửu thủ
Vãng lai thốc hốt
Thôn nhân dĩ ích kỳ tâm ta
.....

*Hồn ơi, về đi!
Phương nam không thể dừng được sao!
Máu mọi răng đen,
Lấy thịt người cúng tế,
Dùng xương người làm tương sao!
Rắn dữ ngón ngang,
Chôn tình nghìn dặm,
Hùng hủ chín đầu,
Tới lui bất chợt,
Nuốt người để bỏ tìm chúng sao!*
.....

“Công vô xuất môn 公無出門 của Hạ phỏng theo những mô tả ấy, và cũng đáng được gọi là một bài “Tiểu Chiêu hồn”:

天迷迷，
地密密。
熊飢食人魂，
雪霜斷人骨。
嗾犬狺狺相索索，
舐掌偏宜佩蘭客。

帝遣乘軒災自息，
玉星點劍黃金輓。
我雖跨馬不得還，
歷陽湖波大如山。
毒虬相視振金環，
狻猊(豸契)兪吐饞涎。
鮑焦一世披草眠，
顏回廿九鬢毛斑。
顏回非血衰，
鮑焦不遑天；
天畏遭銜嚙，
所以致之然。
分明猶懼公不信，
公看呵壁書問天。

Thiên mê mê
Địa mật mật
Hùng hủ thực nhân hồn
Tuyệt sương đoạn nhân cốt
Thốc khuyển ngoan ngoan tương sách sách
Thĩ chương thiên nghi bộ lan khách
Đế khiến thừa hiên tai tự diệt
Ngọc kinh điểm kiến hoàng kim ách
Ngã kim khóa mã bất đắc hoàn
Lịch dương hồ ba đại như sơn
Độc cù tương thị chấn kim hoàn
Toan nghệ yết dũ thổ sầm diên
Bảo Tiêu nhất thể phi thảo miên
Nhan Hôi trấp cửu mấn mao ban
Nhan Hôi phi huyết suy
Bảo Tiêu bất vi thiên
Thiên úy tao hàm xỉ
Sở dĩ trí chi nhiên
Phân minh do cụ công bất tín
Công khan ha bích thơ vấn thiên.

Trời mờ mờ,
Đất mật mật.
Hùng hủ¹⁰ nhai hồn người,
Sương tuyết gặm, xương đứt.
Chó tru oang oang nú kéo nhau;
Liếm sạch tay làm khách bội lan.¹¹
Đế¹² sai đưa xe, tai họa tan;

10 Hùng hủ 熊飢, rắn yêu quái chín đầu được kể trong truyền thuyết Trung hoa.

11 Bội lan khách 佩蘭客, người kết hoa lan làm trang sức, chỉ phẩm chất cao quý, trong sạch. Khuất Nguyên tự miêu tả cốt cách của mình trong Sở từ.

12 Đế, chỉ Thượng đế. Sở từ, “Chiêu hồn”:

帝告巫陽曰：有人在下，我欲輔之。魂魄离散，汝筮予之。
Thượng đế bảo Nữ Vu: “Dưới thế có người mà ta muốn giúp. Vì hồn phách nó đang bị ly tán. Người hãy gọi về cho ta.”

Sáo ngọc điểm kiếm, gong hoàng kim.
Ta tuy ruổi ngựa không về được;
Sóng hồ Lịch dương như núi ngất;
Độc cù¹³ nhìn nhau, khoen rỗ rắng;
Toan nghệ, yết dũ sôi bọt mép.
Bảo Tiêu¹⁴ khoác cỏ ngủ một đời,
Nhan Hôi¹⁵ hăm chín tóc đốm bạc.
Không phải Nhan Hôi khí huyết suy;
Mệnh trời Bảo Tiêu không hề trái.
Nhưng trời sợ họ bị nghiêng rã,
Nên mới làm nên nông nổi ấy.
Rõ ràng, còn sợ ông không tin.
Ông hãy xem: người rửa vách¹⁶ mà viết lời hỏi trời.

3

Sự bi cảm của Tống Ngọc đối với Khuất Nguyên vô cùng tha thiết. Cung cách mô tả của “Chiêu hồn” với nhiều ảnh tượng siêu thực, và nhiều ám chỉ, khiến khó có thể thấy rõ chân tình của Ngọc đối với Thầy mình. Ở đây, chúng ta cũng nên đọc thêm một đoạn khác của Tống Ngọc, may ra thấy sát hơn tâm tình ấy, và nhờ đó để có thể hiểu được giới hạn đam mê Sở từ của Hạ. “Cửu biện” là một thiên Sở từ khác mà Tống Ngọc sáng tác để giải tỏa tâm sự ai oán của Khuất Nguyên, và cả của chính mình. Dưới đây là một đoạn dịch của Trần Trọng San:

Thương thay hieu hắt khí thu!
Đổi màu cây cỏ, đến mùa điều linh.
Buồn ai lê gót viễn hành,
Xuống giòng, lên núi, thương tình tiễn đưa
Khí thanh, trời thăm, trơ vơ,
Quạnh hieu mưa tạnh, lặng tờ nước trong.
Hại người, khí tỏa lạnh lòng!
Bỏ xưa, theo mới, cho lòng buồn tênh.
Đường mây bản sĩ bất bình,
Lẻ loi đất khách vắng tanh bạn bè.

13 Độc cù 毒虬: con rồng có nọc độc, phun ra hơi độc. Truyền thuyết cổ đại Trung quốc nói, con rồng nhỏ mà có sừng gọi là con cù.

14 Bảo Tiêu 鮑焦: ẩn sỹ đời nhà Châu, cùng tời với Tử Cống (môn đệ của Khổng tử. Ông thủ chí liêm khiết, tự cày ruộng mà ăn, từ đào giếng mà uống. Về sau, ông ôm gốc cây mà đứng chết khô.

15 Nhan Hôi, đệ tử tâm đắc của Khổng Tử, chết yêu.

16 Ha bích 呵壁: Khuất Nguyên bị ruồng bỏ, lang thang khắp núi, chằm, gặp miếu thờ các Tiên vương nước Sở, có vẽ cảnh trời đất, núi sông, thần linh, cổ Thánh Hiền, cũng những chuyện hoang đường, quái vật. Khuất Nguyên bèn viết lên vách, trách mắng và hỏi. Từ ha bích ở đây dùng miêu tả sự phát tiết những điều bất mãn trong lòng.

*Tương mình chưa sót, ê chề,
Ve không cất tiếng, én về nơi đâu?
Nhạn bay, gà gáy điệu sầu,
Đế bò đêm tối, mình sao thức hoài!
Nửa năm thấm thoát qua rồi,
Riêng ta lặn độn đường đời dở dang.*

Ảnh hưởng của Sở từ đối với Hạ không phải chỉ ở nơi những cung cách mô tả. Chính nơi Hạ cũng có nhiều chỗ chứng tỏ sự đam mê nó một cách đặc biệt, rất dễ thấy trong “Thương tâm hành 傷心行”:

*咽咽學楚吟，
病骨傷幽素。
秋姿白發生，
木葉啼風雨。
燈青蘭膏歇，
落照飛蛾舞。
古壁生凝塵，
羈魂夢中語。*

*Yết yết học Sở ngâm,
Bệnh cốt thương u tố.
Thu tư bạch phát sinh,
Mộc diệp đề phong vũ.
Đăng thanh lan cao yết,
Lạc chiếu phi nga vũ.
Cổ bích sinh ngưng trần,
Cơ hồn mộng trung ngữ.*

*Sở từ khản giọng học ngâm,
Một thân cốt bệnh đau ngầm lòng son.
Về thu tóc trắng đã dồn,
Lá cây đâm lệ khóc tràn gió mưa.
Dầu lan¹⁷ cạn bắc đèn mờ,
Chập chòn cánh bướm quạt lu bóng tàn.
Vách trơ ngày tháng bụi giăng,
Chiếc hồn lữ thứ mơ màng chiêm bao.*

Bệnh hoạn và tóc trắng, không chỉ những ẩn dụ suông. Chúng là những ám ảnh và đau khổ thường trực. Bởi vì, chúng ta biết rằng tóc Hạ bắt đầu điểm bạc khi chưa quá 18 tuổi. Và thể chất của Hạ cũng gầy yếu. Nhưng trên hết, vẫn là một tâm hồn cô độc: đèn lu, dầu cạn, vách trơ bụi bám, Hạ thấy linh hồn mình lang bạt và nói chuyện trong mơ.

Thế thì, Hạ đã đọc *Sở từ* với tất cả sự cay đắng khôn cùng, với cô liêu, với cảm giác trôi dạt.

17 Lan cao 蘭膏: thời xưa, người ta ép hạt lan chế biến làm dầu đốt đèn.

Thất bại trên đường tiến thủ ngay lúc chỉ mới 21. Những gì đáng gọi là cuồng ngạo và hùng thị của tuổi trẻ bị lâm vào bế tắc. Hạ bơ vơ lạc lõng giữa đất kinh kỳ. Đây là những lúc Hạ tìm đến Sở từ như tìm đến một nơi nương tựa:

*長安有男兒，
二十心已朽。
楞伽堆案前，
楚辭系肘後。*

*Trường an hữu nam nhi
Nhị thập tâm dĩ hủ
Lăng già đôi án tiền
Sở từ quai châu hậu*

.....

(Tặng Trần Thương 贈陳商)

*Chàng trai trẻ nơi Trường an; tuổi 20, lòng đã nát.
Lăng già chất trước mắt. Sở từ đeo sau lưng.*

Cho đến lúc không còn trông mong gì được ở bản lĩnh văn chương của mình nữa, Hạ trở về Xương cốc. Nhưng chưa chắc hùng khí cao ngạo của tuổi trẻ đã mất hết. Có điều, Hạ không thoát ra ngoài cảm giác cay đắng trước sự bế tắc. Lại một lần nữa, bóng dáng của *Sở từ* xuất hiện giữa cảnh tượng tịch mịch hoang liêu nơi vườn bắc:

*斫取青光寫楚辭，
膩香春粉黑離離。
無情有恨何人見，
露壓煙啼千萬枝。*

*Chước thủ thanh quang tả Sở từ
Nị hương xuân phấn hắc ly ly
Vô tình hữu hận hà nhân kiến
Lộ áp yên đề thiên vạn chi*

*Bóc vỏ măng non chép Sở từ,
Nõn nà hương phấn đượm dòng thơ.
Vô tình vết hận nào ai thấy,
Khói phủ sương trùm vạn nhánh trơ.*

Bóc vỏ măng non chép Sở từ, Hạ đau đớn với những đau đớn của lớp da bị bóc và bị khắc chữ vào đó. Đau khổ trước sự vô tình của khách đi ngang qua. Thế là ôm kín vết thương nhức nhối trong lòng giữa sự hờ hững của người đời.

Trong bài tựa giới thiệu ca thi của Lý Hạ, Đỗ Mục quả quyết thơ Hạ là miêu duệ của *Ly tao*; mặc dù có kém về lý, nhưng có thể hay hơn về lời. Các nhà phê bình Hạ

về sau cũng có những quả quyết tương tự.

*Văn tâm điều long*¹⁸ chỉ điểm 8 đặc tính của *Sở từ*, trong số đó, chúng ta dễ dàng tìm thấy Hạ đã gặp được 4 điểm. Những đặc tính còn lại của *Sở từ* tất nhiên chính là điều mà Mục nói Hạ kém về lý, và hy vọng nếu Hạ sống thêm nữa để lịch lãm chuyện đời, ca thi của Hạ có lẽ không nhượng *Sở từ* một điểm nào hết.

Bốn đặc tính của *Sở từ*, như *Văn tâm điều long* chỉ điểm, mà được coi là thiếu nơi Hạ, đó là xét về thể, về chỉ, về nghĩa và về từ.¹⁹ Về thể, *Sở từ* mang tính chất "diễn cáo" của Kinh thư, ca ngợi tư cách và pháp độ của Nghiêu, Thuấn, Thành Thang, Vũ Vương. Về chỉ, đó là tính cách "qui phúng", chỉ trích tư cách của Kiệt, Trụ, có ý răn đời. Về nghĩa, tư cách của *Sở từ* hội đủ yếu tố của kinh Thi, với những mô tả hoặc bằng so sánh, hoặc bằng ngẫu hứng, tức "tỉ, hứng". Về từ, đây là những lời oán hận chua cay nhưng cũng đầy chân tình tha thiết của *Sở từ*. Sự thực, bốn điểm kể trên chỉ bộc lộ rõ rệt nơi *Ly tao* chứ không phải tất cả *Sở từ*. Cho nên, riêng *Ly tao* được nâng lên ngang hàng với Kinh điển, được gọi là *Ly tao kinh*.

Bốn đặc điểm khác,²⁰ chung cho tất cả *Sở từ*, vượt ngoài khuôn sáo kinh điển. Thứ nhất là từ, những lời "quỷ dị" với những hình ảnh: rồng, mây, xa xôi mà quái đản. Với *Ly tao*, đi thì ruỗi ngọc cù, cỡi cánh phượng, sáng mai từ Thương ngô, chiều đã đến Huyền hồ...; biểu tượng siêu thực xa vời, nhưng hàm ngụ rất thiết thực: cửu trùng diệp vợi, tấm lòng trung khó tỏ với vua:

*Thơ tôi bay biết bao giờ cho thấu,
Hồn tôi bay biết bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang.*
(Hàn Mặc Tử)

Điểm thứ hai là đàm, những luận bàn "quyết quái", nói những dị hình quái trạng của tạo vật. Nơi "Thiên vân" thì Khang Hôi làm nghiêng quả đất; Di Nghệ bắn rụng mặt trời. Nơi "Chiêu hồn" thì Mộc phu chín đầu, Thổ Bá ba con mắt... Tạo vật trong trời đất đã không tề chỉnh, cho nên đường đời có lắm cảnh tượng ngổn ngang.

Điểm thứ ba là chí, tâm tình khe khát, "quyến hiệp", như khư ôm kín ước vọng của mình; như Bành Hàm giữ

chặt lòng trung gieo mình xuống nước; như Tử Tư đâm cổ tự vận mà Ngô vương vớt xác xuống sông.

Điểm sau hết, ý, những cảnh phóng túng của đời sống, trai gái chung chạ, rượu chén suốt ngày.

So với *Sở từ*, ca thi của Hạ mà được nói là kém lý, là vì Hạ không thể bằng Khuất Nguyên về tấm lòng "trung quân ái quốc". Tất nhiên, không hẳn Hạ không có một tấm lòng như thế. Nhưng tư cách của Hạ không thể so với tư cách của Khuất Nguyên; cho nên Hạ cũng chỉ ôm mối "cô trung", nếu có, đến mức độ vừa phải. Hạ không hề tỏ ra yêu thương và hoài vọng các bậc quân vương trong triều đại của mình cho bằng Khuất Nguyên. Cũng không phải vì thế Hạ đã dễ dàng nuôi dưỡng một thái độ phản kháng đối với triều đình. Trên một phương diện, Hạ không dấu diếm bất mãn các vua Đường với đời sống xa hoa trụy lạc của họ. Có thể Hạ đã gián tiếp kết án chế độ Đức tông (trị 780-804) như là một chế độ "cọp dữ"; hoặc châm biếm thái độ bạc nhược và cảnh tượng khôi hài của quân đội Hiến tông (trị 806-810) trong lúc xuất chinh. Cũng vậy, khi đi ngang qua hành cung Hoa thanh, dấu vết của Huyền tông còn lưu lại giữa sự u ám, mà thời đại vàng son xưa kia không đủ tư cách phong độ của một bậc thiên tử. Ngụ ý chỉ trích sâu xa khi Hạ gọi Huyền tông là "Thục vương" mà chúng ta có thể thấy trong bài thơ "Đi qua Hoa thanh cung" 過華清宮:

春月夜啼鴉，
宮簾隔御花。
雲生朱絡暗，
石斷紫錢斜。
玉碗盛殘露，
銀燈點舊紗。
蜀王無近信，
泉上有芹芽。

Xuân nguyệt dạ đề nhạ,
Cung liêm cách ngự hoa.
Vân sinh chu lạc ám,
Thạch đoạn tử tiền tà.
Ngọc uyên thịnh bàn lộ,
Ngân đăng điểm cựu sa.
Thục vương vô cận tín,
Tuyền thượng hữu cần nhạ.

*Quạ khóc đêm trăng bạc,
Rèm cung mấy lớp hoa.
Mây lên màu son nhạt,
Đá vỡ rong rêu tà.
Bát ngọc sương tàn đọng,
Đèn ngân điểm lụa xưa.*

18 Lưu Hiệp (đời Lương) 梁·劉勰: *Văn tâm điều long*, thiên thứ 5, "Biện Tao" 文心雕龍 辨騷第五.

19 Bốn điểm của *Sở từ* thiếu nơi thơ của Lý Hạ: 1. diễn cáo chỉ thể 典誥之體; 2. quy phúng chỉ chí 規諷之旨; 3. tỷ hứng chỉ nghĩa 比興之義; 4. trung oán chỉ từ 忠怨之辭.

20 Bốn điểm quỷ dị chỉ từ 詭異之辭; 2. quyết quái chỉ đàm 譎怪之談; 3. quyến hiệp chỉ chí 狷狹之志; 4. hoang đàm chỉ ý 荒淫之意.

*Thục vương đi biên biệt,
Bờ suối nộ cần trơ.*

Bài thơ này không mang dấu vết của Sở từ. Phong cách của nó là phong cách chung của các nhà thơ đời Đường. Nhưng vẫn có cái riêng của nó: màu sắc u ám, hoang lương... Nó cũng gián tiếp cho chúng ta thấy rằng mỗi khi bóng dáng Sở từ xuất hiện, ca thi Hạ đắm chìm trong khổ hận.

4

Cho nên, Sở từ nơi Hạ là sự kết tinh của tình và hận. Tương phu nhân là một trong những nhân cách biểu tượng cho sự kết tinh này.

Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn, và gả cho Thuấn hai người con gái của mình, Nga Hoàng và Nữ Anh. Vua Thuấn tuần thú phương nam, chết tại Thương ngô, chôn trên ngọn Cửu Nghi. Hai bà ôm tre khóc lóc. Nước mắt của họ đổ nhiều khiến tất cả tre trong vùng đất này trở thành tre đốm. Rồi hai bà gieo mình xuống sông Tương mà chết. Dân chúng quanh đó lập miếu thờ, coi như là nữ thần của sông Tương. Khuất Nguyên bị biếm trích đến đây, tỏ ra bi cảm vô cùng tấm lòng chung thủy ấy. "Tương Quân 湘君" trong Cửu ca của Sở từ rõ ràng là chứng tích của bi cảm này.

Tình chung thủy của Tương Phu nhân và tấm lòng cô trung của Khuất Nguyên, cả hai có vẻ kích động nơi Hạ một ấn tượng sâu đậm. Hạ viết bài ca "Tương Phi 湘妃":

筠竹千年老不死，
長伴秦娥蓋湘水。
蠻娘吟弄滿寒空，
九山靜綠淚花紅。
離鸞別鳳煙梧中，
巫雲蜀雨遙相通。
幽愁秋氣上青楓，
涼夜波間吟古龍。

Quân trúc thiên niên lão bất tử,
Trường bạn Tần Nga cái Tương thủy.
Man nương ngâm lộng mãn hàn không,
Cửu sơn tĩnh lục lệ hoa hồng.
Ly loan biệt phượng yên Ngô trung,
Vu vân Thục vũ điều tương thông.
U sầu thu khí thượng thanh phong,
Lương dạ ba gian ngâm cổ long.

Những khóm tre đốm già, nghìn năm vẫn chưa chết, vĩnh viễn làm bạn với Tần Nga, rợp bóng lên sông Tương. Ngọn Cửu nghi xanh ngắt mênh mông, điểm những cánh hoa đỏ thắm, màu đỏ của những giọt lệ chung tình; trong cảnh tịch liêu bằng bạc ấy, chỉ duy có tiếng ca của cô Mán vang đầy cả bầu trời lạnh lẽo.

Vua Thuấn gởi mình Thương ngô. Tương Phi trầm mình trong lòng sông. Mây khói Thương Ngô chia rẽ cuộc tình của loan và phượng. Cuộc hội ngộ rất hiếm, không thường xảy ra. Nhưng cùng chung một cuộc tình chung thủy thì cũng cùng chung cái lý của thanh khí lẽ hằng; họ cùng giao cảm, thông đồng, qua mây trên đỉnh Vu và mưa trên đất Thục. Bởi vì cuộc hội ngộ không thường; nỗi buồn thương nhớ của Tương Phi bốc thành hơi khói của mùa thu âm đạm trên ngọn phong xanh; cảm hoài nghe cũng xôn xao, và náo nức, giữa những tiếng rống già ngân rì rả dưới sóng nước, trong đêm lạnh:

*Khóm tre già nghìn năm không chết,
Rợp sông Tương, tha thiết Tần Nga.
Lạnh trời nàng Mán vang ca,
Cửu sơn tạnh biếc, lệ hoa điểm hồng.
Khói Thương ngô rẽ dòng loan phượng,
Thục, Vu xa trông bóng mây mưa.
Ngọn bàng hiu hắt gió thu,
Sóng sông đêm lạnh găm gừ rấn kêu.*

Một bài khác, "Đế tử ca 帝子歌", mà ngụ ý của nó không thấy có giải thích đồng nhất giữa các nhà chú giải ca thi Lý Hạ:

洞庭帝子一千里，
涼風雁啼天在水。
九節菖蒲石上死，
湘神彈琴迎帝子。
山頭老桂吹古香，
雌龍怨吟寒水光。
沙浦走魚白石郎，
閒取真珠擲龍堂。

Động đình Đế tử nhất thiên lý,
Lương phong nhạn đề thiên tại thủy.
Cửu tiết xương bồ thạch thượng tử,
Tương thần đàn cầm nghinh đế tử.
Sơn đầu lão quế xuy cô hương,
Thư long oán ngâm hàn thủy quang.
Sa phổ tẩu ngư bạch thạch lang,
Nhân thủ chân châu trịch long đường.

*Động đình Đế tử,²¹ một nghìn dặm,
Gió lạnh, cò kêu, nước lộn trời.
Chín tiết xương bồ chết trên đá,
Tương thần gãy đàn đón Đế tử.
Đỉnh núi, quế già, lạ phấn hương;
Rồng cái oán ngâm, nước lạnh lòng.
Bãi cát cá chạy, Bạch Thạch lang;
Đùa bắt chân châu ném long đường.*

"Xương bồ chín tiết", một loại cỏ cây (huyền thoại?) mọc trên đá, ăn nó để làm tăng và giữ mãi nhan sắc. Nó đã chết, hy vọng cũng chết. Hạ có ngụ ý nào đối với Tương Phu nhân, hay Đế tử, con vua Động đình, ở đây? Giữa hai bài, "Tương Phi" ẩn chứa nhiều chân tình của "Tương Quân" trong Cửu ca hơn. "Đế tử ca" có vẻ nhiều sắc thái của Tương phu nhân của Cửu ca. Hàn Dũ phân biệt "Tương quân" của Cửu ca chỉ cho Nga Hoàng, và Tương Phu nhân chỉ cho Nữ Anh. Nếu quả đúng ý của Cửu ca, thì nơi Hạ, "Đế tử ca" phảng phất bóng dáng của Nga Hoàng và Tương Phi hẳn là nói cái chân tình của Nữ Anh. Nhưng, chân tình ấy trong Cửu ca phải tìm nơi "Tương Quân". Khuất Nguyên bày tỏ hoài vọng của mình với Tương Quân rất tha thiết cũng đồng như hoài vọng Sở Hoài vương. Thần Nữ ở trong khoảng đâu đó trong dòng Nguyên, Tương; mà sóng Động đình bao la, chim chóc, cá, rùa tụ tập hiểm trở khó đến. Cũng vậy, nhà vua dù ở trong thế giới hiện thực mà tưởng như ở giữa cảnh giới của thần. Khuất Nguyên cũng bày tỏ chỗ oán hận của mình, bởi vì hoài vọng thì quá tha thiết mà hy vọng lại quá mong manh.

Như vậy, tìm dấu vết của Sở từ trong ca thi của Hạ không phải là điều khó khăn. Nhưng chỉ nên tìm đến trong một giới hạn nào đó thôi. Và cũng chỉ nên tìm đến trong một câu hỏi này: dưới cảnh ngộ và tâm tình nào của Hạ chịu ảnh hưởng Sở từ đến độ người ta có thể nói: "ngoài ảnh hưởng Sở từ, ca thi của Hạ không có gì đáng bàn đến"?²² Ý nghĩa của câu hỏi này muốn hàm ngụ một bằng luận giải về hiệu lực của thần thoại trong thi ca. Đây chỉ là một vấn đề gợi ý. Bởi vì, dưới cái nhìn đó, có thể thơ Hạ ngoài ảnh hưởng Sở từ còn nhiều điều đáng nói nữa: Một tấm lòng của Kinh Kha!

21 Đế tử 帝子: chỉ Nga Hoàng 娥皇 và Nữ Anh 女英, truyền thuyết nói là hai người con gái của vua Nghiêu.

22 Bình của Ngư ẩn tông thoại 漁隱叢話.



TIN XUÂN

*Guồng máy huyền-vi khéo chuyển vần,
Tường Đông ngọn gió báo tin xuân.
Rung rinh lá dãi màu xanh thắm,
Phơi phới hoa kheo sắc trắng ngần.
Rú rít trên cành oanh chuốt giọng,
Nhờn nhờ ngoài nội bướm phô thân.
Ngân thông đượm phủ màn sương sớm,
Điểm hạt mưa bay lẳng bụi trần.*

*Điểm hạt mưa bay lẳng bụi trần,
Trên đường sinh-hoạt, rộn chen chân.
Đàn văn inh ỏi rao tài nghệ,
Trường lợi xôn xao tính cổ phần.
Trang điểm nét xuân lòng náo nức,
Lo toan mùi tết dạ bản thân.
Khá khen ai khéo bày ra thế!
Ngợp ánh Xuân-Dương được mắt lần?*

HT THÍCH TÂM CHÂU

TẾT NGUYÊN ĐÁN VÀ PHẬT LỊCH LIÊN HỆ VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?

Nguyễn Phúc Bửu Tập

Nhân ngày Tết Nguyên đán, mọi gia đình Á đông sẽ làm lễ Phật và vui Tết. Ta thử tìm hiểu niên lịch dùng trong sinh hoạt Phật giáo nguồn gốc ở đâu, thuộc về hệ thống nào, và ngày Tết có phải là một ngày lễ Phật chăng?

Vậy ta có thể xác quyết là không thể có một niên lịch, hay là nói rộng hơn, là một hệ thống tính thời gian riêng biệt của đạo Phật. Tìm hiểu niên biểu Phật giáo tức là đi tìm các thông lệ đã được áp dụng trong các cộng đồng Tăng già ngày xưa về cách thức để áp dụng thời biểu trong năm để tu hành và tế lễ. Bài này sẽ không bàn đến các ý niệm triết lý, siêu hình và hướng linh về thời gian và không gian trong giáo lý nhà Phật.

Văn minh Ấn Độ trước thời đức Phật gọi là văn minh Vệ Đà của giống người Arya từ Trung bộ châu Âu tràn xuống đồng bằng sông Indus và sông Ganga; tôn giáo Ấn Độ trước là đạo Bà la môn. Văn minh Vệ Đà và tôn giáo Bà la môn dựa trên bốn bộ kinh Vệ Đà căn bản, mà quan trọng nhất là bộ Kinh Rig Veda. Rig Veda gồm có, theo lý thuyết, 1028 bài ca tán tụng sức mạnh của tạo vật như mặt trời, mưa, gió, sấm sét..., biến các sức mạnh thiên nhiên này thành ra thần linh, và cầu xin thần linh ban phúc cho giống người Arya đang theo đạo Bà-la-môn. Đọc kỹ các bài ca chúc tụng này, ta tìm lại rõ các nét chính trong tư tưởng, phong tục và tập quán của giống người Arya này.

Phụ nhân Rhys Davids (vợ chồng giáo sư Rhys Davids được nhìn nhận đã đóng góp rất nhiều

trong công trình khảo cứu văn minh Ấn Độ và đạo Phật) đã phân tích kỹ quan niệm về niên lịch của người Arya Ấn Độ. Thời gian được tính bằng ba đơn vị: năm, tháng và ngày. Trong Rig Veda quyển I đã thấy ghi rõ cách tính ngày tháng. Mỗi năm (sam vachara) gồm có 12 tháng (masa), mỗi tháng có 60 đơn vị [ban ngày kể là một đơn vị; đêm kể là một đơn vị (ratinvida); hai đơn vị gộp lại thành một ngày]. Mỗi năm còn chia ra mùa (utu), và vì thời gian tính theo hai hệ thống mặt trời (dương lịch) và mặt trăng (âm lịch) bị so le, không theo sát nhau được, nên đã tính phải có một tháng "nhuận", gọi là "tháng sinh sau" trong hệ thống âm.

Thời đó, giai cấp Bà la môn ngự trị đời sống tinh thần và vật chất của dân chúng. Niên lịch liên hệ tới việc cúng tế không để tiết lộ ra khỏi giai cấp giáo sĩ. Tuy vậy, vì niên lịch Vệ Đà cũng đem dùng trong dân gian, nên nhà Phật chắc chắn đã dựa theo đó mà thiết kế mọi sinh hoạt trong cộng đồng Tăng già.

Trong số kinh điển khổng lồ của đạo Phật (chỉ nói tới văn hệ Pali), bà Rhys Davids không tìm được phần nào đặc biệt chuyên chú về niên lịch, và chỉ rút ra được đây đó vài đoạn nói về niên biểu, đem chắp lại để tìm hiểu ý niệm thời gian trong đạo Thích Ca. Để chứng minh là đức Phật đã áp dụng và có sửa đổi quan niệm niên lịch Vệ Đà, bà Rhys Davids dẫn hai sự kiện. Thứ nhất là một vị đệ tử thân cận của đức Phật, Kumara Kassapa, trong Trường Bộ kinh (Dighanikaya), đã thuật lại là đức Phật chấp nhận cách



phân chia thời gian áp dụng và giảng giải trong kinh Rig Veda. Thứ hai là trong Tăng Chi bộ kinh (Anguttara-nikaya), bộ kinh quan trọng hàng thứ tư trong năm bộ kinh lớn của văn hệ Pali, cũng có nhắc lại cách giải thích niên lịch của đức Phật, không những tính theo mặt trời, mặt trăng mà còn theo các hành tinh. Nét nhận xét được rõ là niên lịch Phật giáo có khuynh hướng theo Âm lịch nặng hơn, chúng có là đức Phật đã dùng thêm ngày trăng tròn (addhamassa) giữa tháng, cắt tháng ra làm hai đoạn, và như vậy đơn vị thời gian từ ngắn đến dài sẽ là: ngày, nửa tháng, mùa, năm.

Vào thời kỳ nguyên thủy, đạo Phật chú trọng nhất là việc tổ chức đời sống Tăng già, và mục đích thiết thực của niên lịch là để lập thời khóa biểu áp dụng cho Tăng chúng trong cộng đồng. Ngày chia làm hai đơn vị: sáng và đêm (ratindival), cốt để định thời khắc hai bữa ăn của người tu sĩ. Nhưng theo quy ước chung áp dụng ngoài đời, hai đơn vị sáng và đêm phải nhập làm một để gọi là ngày. Phân tích hơn nữa, ngày sáng chia làm ba đoạn (ta cứ gọi là khắc), và đêm tối chia làm ba canh (yama). Khi trời âm u thì lấy sao Kim tinh là chuẩn hiệu. Đêm bắt đầu từ khi hết thấy mặt trời. Trên thực tế, chỉ trừ thời khắc giữa trưa (đúng Ngọ), để quy định giới hạn bữa ăn của người xuất gia, ý niệm thời gian trong ngày được áp dụng khá lơ lửng. Trong các chùa Nguyên thủy, từ xa xưa cho đến bây giờ, người ta vẫn lấy thời khóa biểu của đức Phật làm mẫu mực. Sáng bắt đầu ngày mới, đức Phật tắm gội, choàng áo và cầm bình bát đi khất thực ; gần trưa về chia bữa ăn với đệ tử ; buổi chiều ở trong tịnh xá thiền định và làm việc.

Giờ quan trọng nhất trong ngày là lúc giữa trưa (ta gọi là Ngọ ; văn tự Pali majjhanha), được đánh dấu bằng cách đo ngón tay, bóng ngả về phía hữu một đốt và quay sang phía tả một đốt. Vì lẽ đó mà ngày có ba khắc : buổi sáng, giờ Ngọ, và buổi chiều (aruna, majjhanha, sayamha). Đức Phật còn dùng một đơn vị lớn hơn ngày gọi là tuần (sattaha), mà trước đó, trong kinh Vệ Đà không bao giờ nói tới. Sahatta không có nghĩa là tuần lễ bảy ngày như ta quan niệm ngày nay, mà bất cứ số lượng bảy ngày nào góp chung lại với nhau trong lịch trình sinh hoạt tăng già thời nguyên thủy.

Tháng tính làm hai đơn vị : đơn vị một bắt đầu từ ngày trăng tròn, đơn vị hai bắt đầu từ ngày không trăng. Lúc đức Phật còn tại thế, khi cộng đồng Tăng già đã phát triển mạnh trên lưu vực sông Hằng Hà, hai ngày đầu kỳ bán nguyệt là hai buổi lễ lớn của cộng đồng. Tăng già sống trong viện hay đi hoạt động ở ngoài đến hai ngày đó phải tựu họp để đọc bốn Luật Kinh Patimoka (tức là bốn liệt kê 227 điều luật của người xuất gia ; về sau môn phái Đại thừa tăng lên 250 điều luật, môn phái Tây Tạng 253 điều).

Đến bây giờ, trong các chùa ở Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan, theo Phật giáo Nguyên thủy thuần túy, luật lệ này vẫn thông dụng.

Trong cộng đồng Tăng già thời nguyên thủy, năm được chia làm bốn mùa. Ba mùa chánh : mùa nắng (ginshal), mùa mưa (vassa) và mùa gió (hemanta) ; mỗi mùa kéo dài bốn tháng. Cuối mùa mưa lấy một tháng, gọi là tháng Serada làm một mùa tương đương với mùa Thu của ta bây giờ. Tại Ấn Độ, vào mùa serada, "khí trời rất trong sáng nên mặt trời hiện rõ, đừng nhìn lên trời mà hại mắt" (Trường Bộ kinh, Dighanikaya).

Dưới thời đức Phật, cách thức phân chia ba mùa không nhất định, tùy theo hoàn cảnh trong năm, nhưng nói chung, mùa gió lạnh Hemanta đi trước đầu năm, kế theo là mùa nắng gímha, và mùa mưa vassa. Vassa kể như là mùa quan trọng nhất vì tu sĩ "vào hạ" lúc này. Vào hạ là biến cố quan trọng nhất trong năm, trong đời sống người đi tu, mọi chi tiết đều được định rõ trong Luật Kinh Vinaya. Để điều chỉnh thời gian luân chuyển so le giữa mặt trăng và mặt trời, tháng nhuận thường để vào đầu mùa mưa vassa và do chính đức Phật quyết định và công bố (về sau, do hệ thống chỉ đạo của tăng già).

Trong Luật kinh (Pali tạng) cũng ghi rõ là đức Phật đến thành Vesali, nằm trên vĩ tuyến 26 (tương đương ở xứ ta vào vùng trên Cao Bắc Lạng, rất lạnh) sống vào những tuần lễ giá lạnh nhất trong năm hầu thí nghiệm xem người tu sĩ cần bao nhiêu y phục vào mùa lạnh, để phán vào Luật kinh.

Ngoài các đơn vị tháng, mùa, năm, đức Phật cũng đã nói đến các đơn vị thời gian dài hơn như thập niên vassa dasa (mười năm), thế kỷ vassa satam (trăm năm). Vassa satam tượng trưng đời sống của một kiếp người, như dân gian ta thường nói "trăm năm trong cõi người ta", hay "ba vạn sáu nghìn ngày". Sau thế kỷ, nhà Phật dùng một đơn vị gọi là Kapa (Anh : Aeon ; Pháp : eon), chi thiên thiên, vạn vạn niên, một số lượng vĩ đại ngoài sức đếm. Ví dụ một hôm có người đệ tử hỏi đức Phật là Kapa dài bao nhiêu năm, Ngài trả lời (luôn luôn đức Phật trả lời bằng tỉ dụ và so sánh) : "Nếu bây giờ ta có một khối núi đá mỗi bề dài bốn trượng, không chỗ nào sứt mẻ. Và nếu bây giờ cứ mỗi trăm năm có một người cầm tấm vải mềm đến chùi trên chóp khối đá. Ngọn núi kia sẽ tiêu mòn hết trước khi một Kapa chấm dứt". Ý đức Phật nói là Kapa chỉ định một thời gian dài vô tận. - một đoạn khác trong kinh, đức Phật cũng nói là mỗi Kapa có thể tạo ra một đức Phật, hàm ý là phải khổ công tu học lắm mới thành được chánh quả.

Bây giờ ta trở lại tìm hiểu các chi tiết nhỏ của thời gian dùng trong giáo lý đức Phật. Ngày chia ra làm đơn vị nhỏ. Trong Tăng chi bộ kinh (đã dẫn) có đoạn : "Nước trong nguồn chảy quanh co, lôi kéo tất cả theo

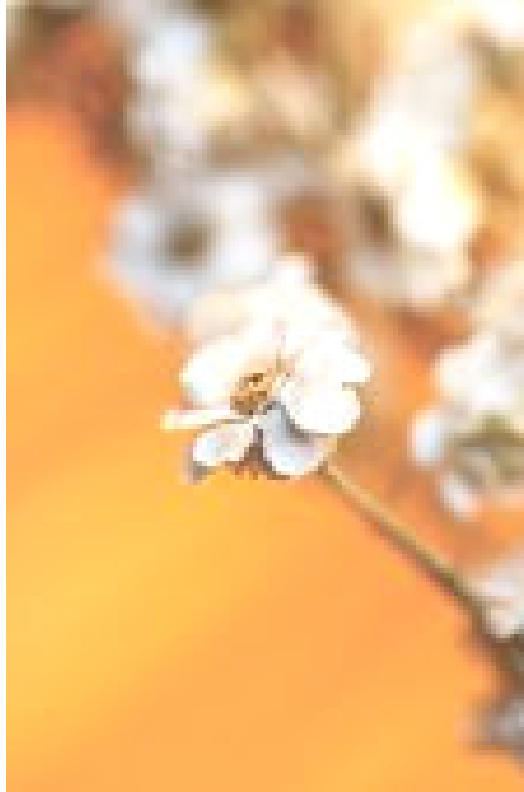
giờ, không bao giờ ngừng một lúc (khana), hoặc một khắc (layo) hoặc một giây (muhutto), và đây cũng là đời sống con người". Thầy Huyền Trang sang Ấn Độ thỉnh kinh hồi thế kỷ thứ 7, đã giải thích rõ ràng ý niệm thời gian nhỏ dùng trong đạo Phật : "Đơn vị thời gian nhỏ nhất (trong kinh) gọi là tōsana (còn viết là Kshana)=sát na ; 120 sát na làm thành một đại sát na (tak shana) ; 60 đại sát na làm thành một la fo (lava) ; 30 lava làm thành một muhurta ; năm muhurta làm thành một kala và sáu kala làm thành một ngày".

Ta mặc nhiên đồng ý là các chi tiết vừa kể trên ngày nay chỉ còn giá trị lịch sử. Ta thử tìm hiểu các điểm thiết thực hơn, như ngày đầu tháng, tháng đầu năm... để ăn Tết !

Tháng bắt đầu ngày nào ?

Như trên đã nói, Phật lịch thiên về mặt trăng, và trong hai bán nguyệt (một, bắt đầu từ ngày không trăng ; hai, bắt đầu từ ngày trăng tròn), thường vẫn kể bán nguyệt bắt đầu với đêm trời tối đi trước. Như vậy là tháng bắt đầu với ngày không trăng, tương đương với ngày mùng một Âm lịch của chúng ta vẫn tính thời bấy giờ.

Câu hỏi thứ hai là năm bắt đầu với tháng nào ? Ý niệm tháng là một phần cấu tạo của mùa thường được nhắc trong kinh, như "tháng đầu mùa lạnh", "tháng cuối mùa mưa". Cũng có chỗ trong kinh nhắc đến tên tháng như tháng Asahi, tháng Kattika, nhưng không hề chỉ định một tháng đầu năm. Bà Rhys Davids dẫn chứng một đoạn kinh Samannaphala Sutta nói về vua Ajattasatu, đương thời với đức Phật, và giải thích là ngày đó, người ta dùng tháng Savana (giữa tháng 6 qua giữa tháng 7 Dương lịch ngày nay) làm tháng đầu năm. Nhiều cuộc biên khảo mới sau này chứng minh là bà Rhys Davids nhầm. Trong một bản Luận Kinh Aghidhanapitaka chép vào thế kỷ thứ 13 tại Tích Lan, người ta tìm được bốn danh sách hoàn hảo đủ 12 tháng niên lịch Phật. Năm chia làm 12 tháng, bắt đầu là tháng Citta (giữa tháng 2 qua đến giữa tháng 3), và tháng quen thuộc với chúng ta là tháng Visakha (giữa tháng 3 tới giữa tháng 4). Đại hội Kiết tập Phật giáo thế giới lần thứ sáu họp tại Miến Điện năm 1954 lấy ngày trăng tròn tháng Visakha làm ngày lễ long trọng nhất của đạo Phật, kỷ niệm vào một ngày ba lễ lớn : Thích Ca đản sanh,



Thích Ca thành đạo và Thích Ca nhập niết bàn. Ngày nay hầu hết các cộng đồng Phật giáo trên trái đất đều thuận hiệp với quyết định trên.

Như vậy, ta buộc phải nhìn nhận là trong thời kỳ nguyên thủy, đạo Phật chỉ chú trọng vào lễ lối tu hành, và không để ý tới những điều trong đời sống như hội hè đình đám. Các tục lệ truyền thống (đối với chúng ta ngày nay) như đi chùa hái lộc, như lễ Phật đêm Giao thừa và ngày Tết, hầu như không có ý nghĩa thích nghi với giáo lý. Có thể như vậy được chăng?

- trên, tìm hiểu lịch Phật, ta phải sưu tầm kinh điển; bây giờ muốn trả lời thỏa đáng câu hỏi vừa đặt ra, ta phải tạm gác kinh điển và nhìn vào lịch sử văn hóa. Năm 1939, để kỷ niệm 300 năm thành lập Viện Đại học Harvard,

giáo sư Hồ Thích, là người được xem như là lý thuyết gia của cuộc cách mệnh Tam dân Trung Hoa, được mời đến đọc một bài diễn văn gợi ý cho giới trí thức, nhan đề là "Nước Ấn Độ chinh phục Trung Hoa". Ngày đó, vừa sáng chói nền văn minh vật chất Tây phương, và nước Trung Hoa đang bị chìm đắm trong quên lãng, đang bị hiếp đáp đủ bề từ tinh thần đến vật chất. Bác sĩ Hồ Thích là người có tư tưởng hướng về phát triển, đóng khung trong những nguyên tắc tu, tề, trị, bình. Ông phân tích các lý do chậm tiến của người Trung Hoa : đáng lẽ xã hội Trung Hoa phải ngồi sáng vì trào lưu phát triển mới đang dựa vào cơ khí kỹ thuật, mà cá tính Trung Hoa chính lại là thiên về hiện thực, thuận tiện cho phát triển. Và ông nêu lên những điểm mâu thuẫn giữa đạo Phật chuộng xuất thế, xa những mối vương lụy với cuộc đời, với thực chất phát triển là đời sống hiện thực. May thay cho xã hội Trung Hoa sau một nghìn năm cực thịnh lúc đạo Phật mới du nhập Trung Hoa, sang đời Tống các tư tưởng và sinh hoạt truyền thống của Trung Hoa lại thắng thế. Người Trung Hoa đã chấp nhận nhiệt thành, nhưng cũng quật cường biến đổi đạo Phật thành một tôn giáo thích hợp với đời sống của người Trung Hoa hơn.

Bốn mươi năm sau, cũng tại một trung tâm Đại học lớn ở Hoa Kỳ, đại học Yale, một nhóm học giả do giáo sư Kenneth Chen dẫn đầu đã trở lại đề tài này với một nhãn quan mới lạ hơn. Thay vì quan niệm như Bác sĩ Hồ Thích là đạo Phật từ Ấn Độ đã chinh phục Trung Hoa

("The Indianization of China by Buddhism"), nhóm tư tưởng gia mới đặt vấn đề sát với sự thật hơn là "Trung Hoa đã biến đổi đạo Phật" ("The Chinese Transformation of Buddhism"). Đạo Phật, như một hạt giống màu nhiệm, đi vào Trung Hoa là một môi sinh vừa sức tích vừa hãm hại. Sức tích vô cùng, làm nảy nở đạo của Thích Ca trên một nửa địa cầu và nhân loại ngày đó ; đồng thời cũng hãm hại vì đạo của Thích Ca đã phải thay đổi nhiều trong giáo lý căn bản để tập quán và phát triển tại Trung Hoa và các nước láng giềng Trung Hoa, như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam...

Bởi lẽ đó mà tại các quốc gia theo Phật giáo Đại thừa của Trung Hoa, nét phân biệt giữa nếp sống xã hội và các sinh hoạt thuần túy tôn giáo bị xóa nhòa, và ngày Tết đồng hóa với một ngày lễ Phật. Tại Trung Hoa và Việt Nam lại còn có một truyền thống đã lâu đời (trước đời Đường, thế kỷ thứ 7) là trong dịp Tết lại làm lễ Phật Thượng nguyên vào ngày Rằm tháng Giêng. Thượng nguyên là một ngày lễ Phật lớn, "lễ Phật quanh năm không bằng ngày Rằm tháng Giêng", tiếp theo mấy ngày Tết. Ngày trước bên Trung Hoa, lễ này còn gọi là "Hội Hoa đăng", kéo dài ba ngày từ 14 đến 16 tháng giêng. Tại chùa và trong mỗi gia cư đều thắp đèn và dân chúng cầm đèn đi lại suốt đêm. Giáo sư Kenneth Chen, dẫn sách "Đường lục điểm" kể lại là ngày đó, dưới đời Đường, các chùa rất giàu có nên cấp dầu cho mỗi gia cư để làm hội đèn, vui lễ Phật.

Như vậy, nhờ các buổi lễ Phật như ngày Tết Nguyên đán và Hội Hoa đăng mà lễ Phật không còn riêng của những người trong Tăng chúng, những người "đi tu tại gia" mà là của đại chúng. Người ở địa vị cao sang, kẻ bần cùng ; người giàu kẻ khó ; người thuộc quý tộc, kẻ trong Tăng giới và đám dân gian đại chúng, tất cả hòa đồng vào ý niệm đoàn kết và hỗ trợ, chung một lòng tin.

Ngày xưa tại Trung Hoa, lễ lạc được thích nghi phù hợp với nếp sống của từng giai cấp xã hội. Các buổi lễ cúng tế theo đạo Khổng trong miếu đường, ngoài phủ thất rất nhiều nghi vệ và đầy chi tiết phiền toái, đám dân gian không hiểu nổi. Mặt khác, các buổi lễ theo đạo Lão, sau sinh thời của Lão Tử đã biến thành tà thuật, bùa phép chỉ gây thêm sợ hãi cho đám bình dân. Chỉ có lễ Phật trong tinh thần hỷ xả, an vui là thích hợp với nhu cầu hướng thiện, hướng lạc của đại chúng. Vì lẽ đó mà ta hiểu được là Tết Nguyên đán, từ lâu đã được người Việt Nam ta xem như là một ngày lễ có nhiều tính cách Phật giáo.

Thơ

HT. THÍCH TÍN NGHĨA



Lý Sắc - Không

Tọa đàm hí tiểu lý Sắc - Không,
Vạn pháp diệt sinh bốn thị đồng,
Bất ngộ chơn thường: Không tức sắc,
Đốn siêu giác quả: Sắc tức không.
Liễu nhiên sanh tử tùy mộng ảo,
Ngộ lý hữu vô diệt dung thông.
Trú dạ lục thời quán như thị,
Sắc - Không phi dị, tổng giai không.

Mạnh thu Bính tuất - 2006

Sắc - Không

Ngồi buồn tính nhảm chuyện Sắc-Không,
Lên xuống, vào ra đã mấy lần?
Lục đạo tử sinh: mê là có,
Vạn duyên buông xả: ngộ thành không.
Hồng trần ràng buộc: Không hóa Sắc,
Niết bàn triệt ngộ: Sắc tức Không.
Đã ngộ Sắc-Không: là bất nhị,
Còn chi đâu nữa chuyện: Sắc-Không?

Pl. 2550 - 2006 - Bính tuất

HẠNH PHÚC, THỜI GIAN VÀ CỐT TỦY SÔNG ĐẠO

Huyền Không



Trong đôi mắt sâu kín, tôi nhìn thấy hành giả hành thiền nơi chùa Lâm Tế, nơi tự viện Tào Động và những tín giả trong phút linh cửu sâu lắng ở Tri An viện với hàng trăm tiếng thỉnh mõ nhịp rập ràng, đều đặn chẳng có gì khác biệt nhau. Tất cả họ đều như là những nụ hoa anh đào tươi tốt nở rộ giữa mùa Xuân tâm linh đang về...

Những ngày gần cuối năm Tây, nhận lời mời của Thiền sư Yamamoto Bunkei, Hội trưởng Hội Lâm Tế Đông Kinh, tôi đến Nhật hai tuần lễ để tham dự các lễ hội truyền thống. Nước Nhật trong ký ức tôi, sau một thời gian dài du học, sống đời sinh viên vào nửa đầu thập niên 60, đã trở thành một thứ quê hương trú ẩn, để mỗi khi về lại, tôi lại được trở về với sự thanh bình, an lạc và hạnh phúc trong tâm hồn. Tấm lòng thân cận và hài hòa của tôi và người Nhật, những con người đã biết im lặng chịu đựng trong nhẫn nhục những đau khổ lớn lao về tinh thần sau cuộc chiến điên cuồng, gần gũi cho tới nỗi vừa cất bước lên đường là tôi đã có cảm giác như tôi đang trở về nhà—trở về Ngôi nhà của Đạo Nguyên Tào động “với hai bàn tay trắng” sau khi đã rũ bỏ những bết bõ. Trạng thái thanh tịnh này của tâm tôi quả tình rất khác với nỗi lòng ray rứt khi ở Việt Nam, càng khác xa những xót xa hoài vọng giữa những ngày đất trích Hoa

Kỳ. Có lẽ chỉ ở Nhật, tôi mới dễ dàng gặp lại niềm tịch nhiên hằng hữu của những ngôi chùa im vang giữa một đời sống xã hội rối động, gặp lại những vườn Thiền thanh thoát mà cây lá dường như vĩnh viễn không xơ xác úa tàn, gặp lại những thiền sư hành giả mà hành hoạt một đời dễ dàng và thư thả như không khí giữa trời. Tôi đã ngồi dự lễ trong lòng chùa Lâm Tế, giữa rất đông Tăng sĩ và Phật tử một dạ tín thành với tình cảm tự tại như thế.

Rời chùa Lâm Tế, tôi lại đến Tri Ân viện (Chi On In) để cùng với pháp hữu thân thuộc Đại Chí thiết lễ tưởng niệm ngài Pháp Nhiên thánh nhân, sơ tổ truyền thừa Tịnh Độ Nhật Bản. “Con xin gửi mình nơi Đức Phật A Di Đà” đã trở thành câu linh chú cho tất cả những ai đầy lòng thành tín trì niệm và hướng nguyện danh hiệu Ngài để cơ cảm theo nguyện lực của Phật Vô lượng công đức mà đi về Cực lạc theo chủ trì của Tịnh độ Chân tông mà ngài Pháp Nhiên là vị Thánh tăng trí tuệ đã ân cần tuyên xưng cách đây 800 năm. Từ quá khứ lâu xa, bất cứ một nét sinh hoạt nào từ ngoài được đưa vào Nhật đều trở thành bản sắc văn hóa Nhật, mang hơi thở của hướng sống rất Nhật, đều sâu xa đường nét Đạo. Chùa Nhật sinh hoạt rõ rệt theo màu sắc từng tông phái và sự chuyên tu được áp dụng khít khao để cuối cùng, các tông phái hưng thịnh ấy trở thành những thế lực tâm linh và xã hội. Với Phật giáo Việt Nam thì khác. Dựa vào truyền

thống dung hóa, các Tổ ngày xưa đã hòa hợp ba tông phái chính làm một, như chiếc đỉnh vững chãi trên ba chân: Thời kinh sáng với *Lãng Nghiêm*, *Đại Bi thập chú* là tinh thần Mật tông; buổi chiều tụng kinh *A Di Đà*, niệm phật và kinh hành là hồi hướng Tịnh độ; sáng tối hai thời thiền tọa để nuôi dưỡng định lực và tỉnh thức là hương vị Thiền tông. Một ngày tu tập trong cửa chùa Việt Nam trọn vẹn ý nghĩa Thiền, Tịnh, Mật đều tu. Tôi lớn lên trong khí hậu dung hợp hài hòa đó nên khi có mặt trong các lễ nghi của Phật giáo Nhật dù rất đặc thù tông phái, tôi vẫn không cảm thấy xa lạ. Và trong đôi mắt sâu kín, tôi nhìn thấy người hành giả hành thiền nơi chùa Lâm Tế, nơi tự viện Tào Động và người tín giả trong phút linh cầu sâu lắng ở Tri An viện với hàng trăm tiếng thỉnh mõ nhịp rập ràng, đều đặn chẳng có gì khác biệt nhau. Tất cả họ đều như là những nụ hoa anh đào tươi tốt nở rộ giữa mùa Xuân tâm linh đang về. Dầu thuộc tông phái nào đi nữa, người hành trì không hề bị kỳ thị và vẫn có đầy đủ sự tự do, và một khi lối đạo đã tỏ, thì như người an nhiên thâm nhập Tịnh độ, hoàn toàn tự tại: “Tất cả mọi vật hiện hữu y như chúng hiện hữu theo bản tánh của chúng cách biệt hẳn với mọi ảnh hưởng bên ngoài”, các tập quán thông tục và cả thời gian nữa cũng không lưu dấu vết. Tôi có mặt trong nghi lễ tưởng niệm ngài Pháp Nhiên, sơ tổ Tịnh Độ tông hôm nay với cái tâm an nhiên tự tại ấy: một lối sống tín ngưỡng cho ta rất nhiều hạnh phúc, lượng hạnh phúc bao la đến từ thế giới nhất tâm.

Nếu mọi sự xảy ra trong hai tuần lễ tôi ở lại Tokyo và Kyoto đều là nhẹ nhàng tự tại như là điều tôi đã cảm nghĩ thì làm gì khi về lại Los Angeles, tôi còn mang theo cả một chút “sương mù cuối đông” của Phù Tang thơ mộng? Số là ngày cuối năm ở Tokyo, Đài Truyền hình NHK, trong một chương trình phóng sự đã cho chiếu cảnh Thiên hoàng và Hoàng hậu Nhật, đã làm sống lại trong tôi một dư ảnh. Năm 1963, khi vua cha đang tại thế, Đông cung thái tử và công chúa Mychiko (Mỹ Trí Tử) là đôi trai tài gái sắc, vẻ thanh xuân tràn trề như sữa, mạch đời tươi tắn như hoa. Thế mà, bằng đi một thời gian, bây giờ Đông cung đã ở ngôi Thiên hoàng 15 năm, tuổi đời đã 69 và sắc xuân đổi màu. Bốn mươi năm sau nhìn thấy lại, trước mắt, đúng chỉ còn là một ông bà cụ già không còn thanh cảnh nữa, trong đôi mắt vua xa vời một vẻ thâm trầm chiêm nghiệm, còn hoàng hậu thì lưu lại một chút phúc hậu của hoàng thái hậu ngày xưa và một thời sống gió. Tôi băng khuâng nhớ lại thời còn sinh viên của tôi xưa cũ, mấy câu thơ của Lamartine ủa về thời thức:

*“O temp, suspends ton vol!
Et vous, heres propices
Suspendez votre cours!”*

*Hỡi thời gian hãy ngừng cánh lại
Giờ ngọc vàng xin hãy khoan bay.*

Thời gian vô hình và vô tình vẫn muôn đời làm chứng cho sự thật vô thường khiến cho hai con người thuộc về cái quê hương đã in đậm nét ý nghĩa hữu thời cũng phải ảm nhẫn im lặng chịu đựng sự đi qua và tàn tạ. Màu sắc một đời người rồi cũng chứa đầy ray rứt như màu thời gian của Đoàn Phú Tứ:

Màu thời gian xanh xanh

Màu thời gian tím ngắt

khiến cho người hoảng hốt dừng lại không còn điên rồ tìm kiếm sự không thay đổi giữa một thế giới thường trực đổi thay. Tôi có thoáng một chút sương mù tưởng tiếc như thế khi thấy lại một cái gì không còn là cái của ngày xưa nữa nhưng mấy câu kệ đầy thức tỉnh trong bài kinh chiều lại hiện ra với tất cả hùng lực

Một ngày đã qua

Mạng theo đó giảm

Như cá út nước

Đâu có vui gì...

Không có ai có thể đưa tay nứ lại thời gian để giữ cho mình không thay đổi. Thôi hãy hài hòa chấp nhận và thanh thoi sống với cái thời gian thực sự: đó là cách tìm sự an tâm trước mọi đổi thay.

Trong đời sống này, người ta không chỉ dễ dàng buồn đau vì sự tàn phá cay nghiệt của thời gian mà người ta còn bị đắm chìm trong tủi khổ của cái tâm phân biệt nhị nguyên, chẳng biết đâu là đường đi nẻo về, là ý nghĩa thực sự của các cặp đối chứng: sạch dơ, cao thấp, nhỏ to, tăng giảm...

Trong mấy ngày cuối lưu lại Nhật, tôi lại thấy thêm một hoạt cảnh chiếu trên truyền hình: Thủ tướng Nhật phát phần thưởng vô địch cho anh shumo Chiêu Thanh Long. Anh Long người Mông Cổ nhập tịch Nhật, đã thi



đầu 31 trận so tài gay cấn và toàn thắng nên thành tích vẻ vang ấy. Khi trao giải thưởng, nhìn lên sân khấu, tôi chứng kiến một hình ảnh đối nghịch rất buồn cười: Thủ tướng thì nhỏ nhả thanh tao, còn anh đô vật shumo thì to lớn như một thớt voi chiến đứng cúi đầu thì lễ trước Thủ tướng để nhận thưởng. Con người trông bề ngoài nhỏ nhắn dẹt kia là nhà chính trị uy tín đang lãnh đạo một siêu cường kinh tế và anh đô vật to lớn dềnh dàng thì lại là đại diện ưu tú cho một ngành võ đạo Phù Tang. Thế nào là nhỏ, thế nào là lớn? Tôi lại nhớ câu chuyện Thiền giữa nhà thơ Bạch Lạc Thiên và Thiền sư Điều Sào.

Thiền sư Điều Sào hay ngồi thiền trên cây cao có cành là xum xuê ở trong địa phận cầm quyền của quan huyện Bạch Lạc Thiên. Một hôm, nhà thơ đến viếng thiền sư và nói:

“Chỗ thầy ngồi trên cao thật nguy hiểm”.

Thiền sư đáp:

“Chỗ của ông đang ngồi còn nguy hiểm hơn nhiều.”

Bạch Lạc Thiên phân trần:

“Tôi là tri huyện, chỗ ấy đâu có gì nguy hiểm.”

Sư đáp: “Đó là chỗ ông không hiểu mà thôi. Khi lòng dục bùng lên là tâm ông không vững, thì còn gì nguy hiểm hơn.”

Bạch Lạc Thiên lại hỏi: “Phật giáo dạy điều gì?”

Sư tuyên tụng bài kệ:

Điều xấu phải tránh

Điều tốt nên làm

Giữ lòng trong sạch

Là lời Phật dạy.

Họ Bạch phản đối: “Cái đó đưa bé lên ba cũng biết”.

Sư đáp: “Đưa bé lên ba biết. Nhưng ông lão tám mươi cũng khó làm”.

Thế nào mà hiểu cho được đâu là sự nguy hiểm của việc ngồi thiền trên cây cao và sự nguy hiểm của việc ngồi cao trên quyền chức?

Tất cả những cặp đối nghịch như thế trong đời thật là khó nói—những biểu hiện trên sân khấu và trong câu chuyện Thiền là hoàn toàn tự nhiên vô ngôn nhưng không phải vì thế mà người ta có thể quên được.

Đó là những gì lưu dấu từ một chuyến đi cuối năm. Đi và gặp lại Hạnh phúc – Thời gian và cốt tủy sống đạo. Mấy dòng tâm tình này tôi viết để tặng: Đại sư Yamamoto của Tri Ân viện Kyoto. Thiền sư Yamamoto Bunkei, Hội trưởng Hội Lâm Tế Tokyo, Đại sư Yoshimizu trú trì chùa Tịnh An và Sư cô Chân Từ Elizabeth.

LÝ THỪA NGHIỆP

Tùng Ngõ Mùa-Xuân

*Trông ra từng ngõ Mùa-Xuân
Tâm thanh con én băng khuâng bay về
Vòng quanh vườn bưởi vườn lê
Vườn tôi nắng lụa thơ đề viên hoa
Mười phương mây trắng như ngà
Hồ tâm soi lấy hăng sa đất trời.*

*Dường như đã tự bao giờ
Điềm nhiên mưa nắng về vời núi sông
Xuân xanh tô lục chuốt hồng
Trầu cau tằm miếng vôi nồng thậm thâm
Mẹ ngồi hồi tưởng xa xăm
Nén nhang ai thấp ngàn năm chưa tàn.*

Diệu Thinh

*Tiếng chuông vang chín tầng trời
Vườn hoa vàng nở tạc lời tâm Kinh
Lắng nghe này khúc diệu thinh
Cỏ xanh cùng với bình minh một màu
Mây trôi qua ngõ nắng đào
Người xưa còn gọi câu chào quanh đây.*





CƠN SỐT ĐẦU XUÂN

Trần thị Lai hồng

Đang lúi húi đào những gốc dâu dại rậm rạp quanh cội tùng già cuối vườn, chợt một vệt đỏ vút ngang tầm mắt. Tôi nhìn theo. Nó vòng trở lại. Màu đỏ tươi nổi bật trên nền lá lục.

Chim hồng y - cardinal - một giống thấy rất nhiều từ vùng Đông Bắc sang Trung Tây xuống Đông Nam Hoa Kỳ. Gọi là hồng y, áo đỏ, vì giống này thường có bộ lông màu đỏ rực hoặc nâu đỏ, cũng có loại màu xanh biếc cánh chẳng hạn ít khi gặp. Như những sinh vật khác - ngoại trừ con người - giống đực khi nào cũng màu sắc rực rỡ, vóc dáng đẹp để không những oai vệ mà còn gồ ghề huê dạng. Giống cái thì màu sắc tối thẫm xấu xí hơn, vóc dáng không có gì đáng được gọi là phái đẹp.

Chú hồng y trong vườn tôi toàn thân màu đỏ tươi, đầu đội mũ nhọn đỏ rực, cánh đỏ nâu, ngực có vệt vàng non giống chiếc yếm nhỏ, mỏ ngắn và thô, màu vàng cam, nổi bật trên đám lông đen chạy ngang từ hai mắt xuống trước cổ hết cái mặt nạ.

Tôi nhìn theo. Nó nghiêng cánh liệng một vòng thật tròn, rồi vút đâm sầm vào tấm kính cửa lớn từ hiên sau nhìn ra vườn. Bộp! Tấm kính lớn khẽ rung. Năng sáng loang loáng. Tầng lá in trên kính chao đảo. Chùng choáng vằng sau cú nhào lộn, nó bay trở lại lùm cây, đáp trên ngọn tùng, nghiêng đầu hiểng mắt nhìn lại. Nó rũ cánh, xù chòm lông đỏ trên chóp đầu, ngửa cổ tuôn một dòng nhạc lạnh lớt. Nghiêng ghé một lát, con chim nhỏ lại nhún mình vút bay lên. Lại đảo cánh liệng một vòng thật tròn quanh bãi cỏ, rồi đâm sầm vào tấm kính.

Suốt buổi sáng, chú áo đỏ say mê trò bay lượn đâm nhào. Không chỉ vài lần, mà cả chục. Một. Nghỉ. Cho đến khi thực sự xây xẩm mặt mày choáng váng đầu óc

mới chịu bỏ cuộc.

Nhưng sáng hôm sau khi mặt trời vừa lên, nó trở lại bày trò cũ. Và cứ thế, cuộc chơi diễn đi diễn lại suốt cả bảy ngày liền.

Hôm đầu tiên xem trò, tôi ngỡ mình đang dự cuộc biểu diễn máy bay và có chiếc bị nạn đâm đầu vào núi hay bỏ nhào xuống biển. Tôi nghĩ rằng tấm kính trong suốt làm chàng áo đỏ ngỡ là khoảng không trống trải nên cứ tự nhiên theo đà bay qua, và đột ngột bị chặn. Nhưng thấy trò nhào lộn cứ tiếp diễn, tôi lại cho rằng nó muốn trở lại tìm tổ cũ năm ngoái xây bên trong hiên sau. Chồng tôi mới sửa lại hiên sau thành một phòng nhỏ có chỗ đặt vài chậu hoa và kê một bàn để tôi vừa làm việc vừa hưởng nắng sớm mà không bị mưa gió. Chàng còn mở rộng lối ra vào bằng hai tấm cửa kính lớn đẩy qua lại. Không chừng chú áo đỏ kia tìm sửa sang chốn cũ để mời chị mái cùng về xây tổ ấm.

Sau vài ngày quan sát, tôi nhận ra rằng chú áo đỏ đang say sưa đánh nhau với chính mình, hay đúng hơn, với cái bóng đỏ phản chiếu qua tấm kính. A, bộ óc nhỏ nhỏ đầu trong chiếc sọ con con bên ngoài phủ lớp lông óng ả đỏ mượt có chòm lông nhọn như chiếc mũ kia, lại nhìn thấy được một kẻ thù - hay tình địch - trong tấm kính.

Mỗi buổi sáng, chú hăng hái chiến đấu với ảo ảnh kia. Chiến đấu chí mạng thực sự: đầu mỏ canh cách, va đầu chan chát, đập cánh bồm bộp, tổng chân giương vút cào cào soàn soạt. Thình thoảng chú lại cao giọng thốt tiếng kêu ngắn đầy hăm dọa, cứ tưởng tiếng hét *ki-ai* của võ sĩ nhu đạo. Tấm kính mờ một khoảng lớn, vừa bụi vừa lông tơ đỏ. May không có vết máu nào.

Vốn ưa tìm hiểu, tôi gọi Văn phòng Audubon địa phương.

Một giọng nữ trẻ vui vẻ đầu giây cho biết là cứ vào đầu Xuân, lượng kích thích tố nam *testosterone* trong cơ thể mọi sinh vật giống đực đều tăng cao, và tạo hiện tượng gọi chung là *spring fever*, cơn sốt đầu Xuân.

- A, vậy là vào đầu Xuân, chim cũng như người, hầu hết đều ... rạo rực?

- Đúng! Lượng kích thích tố tăng cao vào Xuân làm mọi sinh vật giống đực hung hăng hiếu động. Giống áo đỏ *cardinal* thì lao đầu vào kính. Cửa sổ cửa lớn, kể cả những ụ kính gắn trên mái nhà để lấy năng lượng mặt trời, và luôn cả kính chiếu hậu xe hơi. Hình ảnh chính nó rơi trên kính bị tưởng là tình địch hay kẻ xâm phạm lãnh thổ. Vậy là có đánh nhau. Đánh sa đà chí chết cho tới khi lượng kích thích tố trong người vơi xuống.

Tôi thích thú cười, và giọng nữ Audubon cũng biểu đồng tình reo vui:

- Đôi khi mấy chị mái, mái mẹ ghê tởm, cũng lây hiếu động. Mấy chị cũng bay lượn vi va vi vút, cũng biểu diễn trò nhào lộn nhưng không đại đột đâm đầu đánh nhau với ảo ảnh. Mấy chị rạo rực lây và chỉ muốn cổ võ mấy chàng thôi.

Tôi thở phào. Giọng nữ Audubon cho biết thêm là kích thích tố nam thường làm cho giống đực hăng say biểu lộ nam tính, trở nên hiếu chiến hiếu động, và có những sinh hoạt khác thường. Một chuỗi cười giòn ngan dài đầu giây:

- Những hung hăng hiếu động đó càng tăng khi bị kích động. Chú áo đỏ bị kích động vì mấy chị ghê. Con người bị kích động vì coi phim bạo hành, vì ganh đua tài trí cũng như tài lực, muốn nổi bật giữa đám đông, bị thúc đẩy, xúi dục, bị sách động với vũ khí, quyền lực, có khi vì lý tưởng chính trị đưa đến chiến tranh, nóng hay lạnh... Không thiếu gì những buổi hội họp, thi nhau ăn to nói lớn, tuyên bố đại ngôn, kêu bên này gọi bên kia, chạy đôn chạy đáo, hô hào đả đảo ủng hộ... Ai cũng muốn phô trương, ai cũng muốn nổi bật. Đám trẻ cũng không kém: tụ họp đại náo từ trường học đến những nơi công cộng, cười đùa la hét hát hò, nhạc mở tung bùng không biết mấy *decibels* rùm rụp bùm bụp kích động tay chân cuồng nhiệt. Rồi những vụ đua xe gắn máy xe hơi rần rộ ào ạt trên xa lộ...

Tôi tiếp lời:

- Ấy, phải nói thêm là còn bị kích động bởi rượu vào lời ra, chưa kể ma túy cũng góp phần náo loạn. Không thiếu gì những vụ nhẹ thì cãi cọ gây gỗ thù hận, nặng thì tai nạn, và có khi là án mạng!

Một giây im lặng. Giọng Audubon thở dài đầu giây:

- Sinh lực dồi dào như vậy, lại đem tiêu hao, lãng phí. Nhưng đó là vấn đề tâm lý. Tâm lý cá nhân và tâm

lý tập thể. Về cá nhân, những náo loạn ấy có lẽ dễ chống lại một kẻ địch thôi.

- Ai?

- Chính mình! Hay đúng hơn, với cái bóng của chính mình, tùy mặc cảm tự ti hay tự tôn, hoặc cả hai. Với chú áo đỏ của bạn, hội chứng cơn sốt đầu Xuân chỉ xảy ra trong mấy ngày. Rồi đầu lại vào đó thôi.

- Còn tâm lý tập thể? Còn với con người?

- A, liên hệ nhiều chuyện và ngoài phạm vi Audubon. Tôi chỉ biết nói rằng với loài người, cơn sốt này có thể đột xuất lên cao bất cứ lúc nào, sá gì Xuân Hạ Thu Đông! Bạn nên tìm một nhà chuyên môn về xã hội để hiểu rõ vấn đề.

Tôi thở dài, cảm ơn và gác máy.

Với chú hồng y trong vườn nhà, tôi chỉ cần một khăn lớn phủ tấm kính, xóa bóng tình địch - hay kẻ xâm lăng - và cứu được sinh mạng một giống chim đẹp. Còn với con người? Đi tìm cái tôi của mình để đối diện với cái bóng của chính mình - với ảo ảnh - tôi nghĩ rằng mỗi người phải tự biết và tự tìm lối thoát cho chính mình.

Ờ hay, nghĩ thì thiên la địa võng cho người, mà làm, thì chỉ cứu được có một mạng chim! Cũng may là còn có được mười phút tản mạn ...



Chân duỗi ra bên bờ sông vắng lặng

Chân duỗi ra bên bờ sông vắng lặng
Bước đầu đời đã mệt dấu xa nhau
Gió đưa mây tình thủy mộng ban đầu
Em có đến cho vầng trăng nguyệt động
Môi áp úng cổ cây triền lá mỏng
Lời chưa say tình bỏ ý tình bay
Tiếng đầu dây còn thắm vọng vầng đài
Trong chớp mắt âm trầm theo mây khói
Đôi bạch hạc đưa tin về một cõi
Sơ duyên giảng thác chẳng đổ về nguồn
Khúc sông kia thuyền còn lỏng tay buông
Em có đợi trong dòng châu lạc bến
Mơ chưa ấm, nàng thơ đành lỗi hẹn
Mối ân tình đành lạc điệu trăm năm
Bóng tà dương vẫn lầy bẫy đi nằm
Duyên nhật nguyệt chưa một lần đồng điệu
Nhân sinh diệu vợi lẫn như còn thiếu
Tới giữa đàng còn liêu tán thu phong
Cánh phù dung cứ tắt bật trong lòng
Em có mãi trong dặm trường cát bụi
Ta vẫn đợi trong bốn mùa tàn rụi
Nhật bóng thời gian đếm nhánh xuân đầu
Góp dấu tích trong trùng lai u muội
Tạ ơn em từ tương cổ rừng sâu.

Thơ TUỆ TÂM



Sóng vỗ dào ngang em vẫn đứng lặng câm

Phải không em đằng sau trăm nhánh lộc
Là ta về rủ áo mộng xuân đầu
Chân sẽ bước trong muôn trùng ánh ngọc
Tìm hư vô trong đôi mắt quặng rừng sâu
Phải không em sau bóng thắm nguyệt vàng
Có muôn điều nhật vọng khúc ly tan
Từ vô thủy đã chấp chùng liễu ngạn
Từ sinh đà chớm nở ở mây ngàn

Phải không em trong từng hơi thở nhỏ
Có những lời đã vàng vọt hoang vu
Và môi lạnh bởi mây ngàn thiếu gió
Người với người đã biên biệt thiên thu
Phải không em bên kia bờ nắng vỡ
Chỉ có chân không và đầy dấu chân tâm
Sao ngàn dặm vẫn trùng trùng duyên khởi
Sóng vỗ dào ngang em vẫn đứng lặng câm.

Xuân đã đến ngút ngàn trên nhánh lá

Ngày tháng mới trong muôn trùng dặm ruổi
Tuổi đi rồi em còn giữ mấy mùa qua
Sầu lên gối những đêm trường buồn tủi
Dòng oan khiến ai phủ kín thiên hà

Xuân đã đến ngút dài trên nhánh lá
Nụ hoa kia chẳng chịu hé môi cười
Lời du mục không hẳn trên sỏi đá
Gợi gấm gò với đất lạ chân đưa

Lòng thắm một khi thuyền không bến đỗ
Môi tay chèo thơ không kéo mura ngang
Sông còn đó với từng hồi sóng vỗ
Mộng thơ ơ theo tiếng vọng mây ngàn

Duyên tâm ngộ lỡ đánh rơi trên ngạn
Thác đổ dồn về từng khối băng quơ
Bờ xuôi thờ bên trắng tàn lơ đãng
Sơ duyên giảng chẳng ấm mở tình hồ

Vẫn gắng gương với ân tình vay mượn
Nhật vợi thôi những xa vắng muôn đời
Em còn đó sầu buồn về trăm hướng
Cười đi em cho lộc nở ngàn nơi.

PRABHA và TÔI

Biên Thị Thanh Liêm

1.- Bà Lecticia, Director của Trường dẫn Prabha đến lớp Pre-School “H2” của chúng tôi giới thiệu, đây là cô giáo mới sẽ giúp lớp thêm khởi sắc khi Bà Mercedes nghỉ dạy, về nghỉ hưu.

Thoạt nhìn không thể đoán được Prabha là Ấn, Mexicana hay Philipino. Khuôn mặt Á đông rất trẻ, dịu dàng và gợi cảm. Dường như nó mang đến người đối diện một cái nhìn đầm thắm dễ chịu hơn giữa những dáng đi quá cứng cỏi, tự tin của những mái tóc vàng óng cao lêu nhều khác, trong trường.

Tôi và Prabha mau chóng thân nhau chỉ sau vài tuần làm việc. Đối với tôi, Prabha là một cô bé rất có lòng với đời sống; nàng thông minh và nhạy cảm. Nơi nàng, tôi đã bắt gặp được một tôi trong những ngày xưa cũ. Cái tuổi trẻ trong sáng vốn nặng lòng với những điều bất hạnh xảy ra trên xứ sở của mình để từ đó mang thật nhiều những ước mơ làm đẹp cuộc đời. Nhưng dường như cuộc đời ít khi sòng phẳng với những kẻ có lòng. Prabha cũng như tôi đã ngậm ngùi nhìn lý tưởng của mình như chiếc lá của một thân cây trốc gốc trơ cành bay đi tan tác. Khi thể hệ của tôi, của Prabha như vô tình bị đẩy vào một thế tương tranh nghiệt ngã giữa Thiện và Ác, trong đó sự bạo hành vây khốn con người cùng khắp như không còn chỗ để nương thân ẩn mặt. Những ngày đầu, khi ban trưa rồi việc, trong giờ naptime của các cháu, Prabha đã khóc với tôi như một cô em nhỏ. *Ms. Liem biết không, em rời xa Hetauda, thành phố kỹ nghệ thứ ba của xứ sở Népal dấu yêu, nơi mà mọi con đường đều có hai hàng cây xanh tươi mát và thành phố lúc nào cũng như rì rào suốt đêm ngày trò chuyện. Một nơi chốn mà em đã sinh ra và lớn lên trong những ngày thơ ấu, dường như quê hương nào cũng là một thiên đường trong trí tưởng của mình phải không? Hetauda của em với những bức tượng khắc trên phiến đá ba mặt khổng lồ duy nhất của Népal khuôn mặt của 12 vị Thánh tuần quốc trong Memorial Park mà phải đến năm 2046 mới hoàn thành. Đó là những con người lớn lao đã hy sinh*

cho sự an lành của dân tộc Népal chống lại thực dân Anh và chế độ độc tài khắc nghiệt của Vương quyền. Ms. Liem à, một thành phố như hài hòa giữa trời đất và con người, thiên nhiên đã dung nạp con người vì con người không chống đối thiên nhiên. Và thiên nhiên đã trú ngụ trong thành phố của em, nơi không một ai được dùng bất kỳ loại plastic bags nào để tránh gây nhọc nhằn cho lòng đất trong việc bảo vệ môi sinh, một nơi yên lành thanh bình mà lẽ ra phải lấm ỉn ào của một thành phố kỹ nghệ và thương mại.”

Prabha vậy đó. Nàng nói miên man về những nơi chốn an bình như không hề biết mệt. Mặt Prabha tươi sáng hẳn lên, nụ cười ngây thơ như đứa trẻ, nàng giống như dòng sông đã rời bên xa nguồn chót trong phút giây bắt tìm về cội rễ.

Prabha hỏi tôi về một quê hương đã mất. Tôi chỉ cười buồn. Nếu Népal của em là nối tiếp của miền lưu hạ sông Ganges đã như biển nước thanh tây bao điều tội lỗi; những núi đồi trùng điệp mà đỉnh Everest như một đích điểm vươn tới cho tầm nhìn loại. Nơi mà mạch sống vẫn như ngọn lửa ngầm lưu chảy tự bao đời với những điều huyền bí trên đỉnh cao quanh năm sương mù giăng kín, nơi các vị cao tăng đã hóa thạch ngàn năm trong tư thế kiết già tọa thủ hay chốn hang động ẩn cư của các vị lão bối trăm tuổi hằng lưu? Thì đất nước của tôi chỉ có những dãy núi trẻ trung, những con sông nhỏ hiền hòa nhu thuận với cánh đồng bát ngát tình người. Prabha à ! Khi em chưa góp mặt trên trần gian này thì xứ sở tôi đã hẳn sâu trong thù hận. Thôi thì cũng không nên tưởng nghĩ đến hận thù cho tâm hồn còn chút khoảng trống để yêu thương, em nhé !

2. Rainbow Montessori là một trường tư tương đối khá lớn, thành lập tới nay đã hai mươi năm, nhận các cháu từ 6 tuần lễ tuổi trở lên tới lớp 6. Các cháu bé trong hạn tuổi Toddler và Pre-school được dạy theo phương pháp của bà Montessori, sáng lập viên người Ý lâu xưa

mà hiện nay hầu hết các Childcare Development Center trên các nước áp dụng, Cách dạy vừa học vừa chơi nhằm hướng dẫn các cháu bé nương theo sự phát triển những tính năng ban sơ của con trẻ khi bắt đầu tiếp xúc với thế giới chung quanh bằng những đồ chơi, vật dụng mà chúng trực tiếp xúc chạm và cảm nhận được từ âm thanh, hương vị, màu sắc... Trường có playground thoáng mát, hồ bơi lớn, sân chơi thể thao, phòng tập võ, Yoga, Âm nhạc, Thư Viện và Hội Trường lớn để các cháu nghe nhạc, xem Drama club hay trình diễn những shows về dancing trong mùa Giáng Sinh vui vẻ. Nằm giữa những khu vực của nhiều hãng xưởng và cơ sở thương mại lâu đời của Sunnyvale phồn thịnh nên trường mặc nhiên thu hút được số lượng phụ huynh học sinh khá đông trong khi tình hình kinh tế của Thung lũng Hoa vàng phải nói là đang dừng lại và có chiều hướng đi xuống một cách đáng lo ngại.

Vì là trường tư nên không có thông lệ nghỉ hè. Như để bù đắp, ban giám hiệu đã rất năng động trong việc liên tục tổ chức những “Summer Fun” cho các cháu vui chơi. Nào là có lớp tập bơi trong hồ hay đùa vui, nghịch nước trong giờ water playing mát mẻ nơi sân chơi. *Schedule* của trường cũng tràn ngập những giờ tập trung *parade* ở mỗi sáng thứ sáu cuối tuần: *Hawaiian-day*, là ngày cả các cháu... lẫn cô giáo bọn tôi phải mặc *Hawaiian-style clothes* với những garlands sắc màu tươi trẻ hay hoa trái kết đầy người. Các lớp nối đuôi nhau diễn hành qua khán đài đặt trước văn phòng, có nhạc thổi những bản *Kahola! Hola*, thơ mộng để chào các em đang nhún nhảy (tất nhiên có cả cô giáo bọn tôi) theo điệu nhạc *Hawaiian Aloha* sinh động. Ngày *Europe-day*, thì cho các cháu đội mũ *white dutch* và vận *white apron* bằng giấy. *Mexican-day* thì đội *fiesta hat* trắng rộng vành với khẩu hiệu *Amigo* thân thiện. *African-day*, một góc trời nhỏ như biến thành nơi hoang dã, cô giáo lẫn học trò mặc áo da beo hay T-shirt in hình thú dữ. Ngày *Australian – Antartica Parade* có lẽ là ngày mà các cháu thích nhất vì các cháu như biến thành *Kangaroo* hay loài *chim penguins cánh cụt* khi được hóa trang bằng giấy vẽ hình! Nhưng với Prabha và Tôi, có lẽ khó quên nhất là ngày *Asian-day*!

Các cô giáo trong sự sáng tạo tùy thích mà cho lớp mình phụ trách mang phong cách đặc trưng nào đó. Hình ảnh hay màu sắc dễ gây ấn tượng cho phụ huynh tham dự, nhưng phải tạo sự thoải mái và hứng thú cho các cháu khi diễu hành nhiều lần vòng quanh sân để các phụ huynh quay phim và ban giám hiệu chấm điểm bình chọn. Các lớp có cô giáo Chinese hay chọn hình con rồng để dẫn đầu đoàn parade hay cô giáo Nhật cứ thích các em mặc đồ như kiếm sĩ phù tang khi đi ngang khán đài cứ vung gươm múa kiếm *plastic* như sẵn sàng giao

đấu! Lớp tôi phụ trách lại phần đông là Ấn-độ! Phụ huynh sẽ cho con họ mặc quần áo truyền thống... và cô giáo sẽ viết tên những nước Á châu trên giấy cho các cháu đeo trước ngực!

Vì Bà Carolina già là Head Teacher, bản chất là một người tốt nhưng vì bà là người có đời sống cô độc nên tính tình bà trở nên khô khốc. Giống như loài cây thích đứng hoài trong mùa hạ (và chừng như không chịu sang mùa thay gió) nên rất ít khi thỏa hiệp với đồng nghiệp điều gì. Lớp có 3 cô giáo trông nom 35 trẻ, bà tự nhận: “*I am the oldest woman in the whole world*” để cho mình là cây cổ thụ có thể che mát tất cả những người chung quanh và giữ trật tự cho mọi sự được ở mức cân bằng! Prabha bén nhảy và thông minh, nàng biết tôi muốn màu cờ Việt nam được tung bay trong ngày Asian của các em nhỏ, và *Cây cổ thụ* của lớp chắc là khó lòng hợp tác và ngày giờ lại quá cận kề, bận bịu. Vậy là Prabha tất tả chạy lên nhà tôi, chăm chút phụ dán từng lá cờ tươi thắm, lòng sục nhà người quen biết xin cho được những ngọn trúc kiềng làm ‘cán cờ’ khiến các bụi trúc phải trở cảnh trụi lá!

Hôm diễn hành, hai đứa tôi chuẩn bị cho các cháu ‘ra quân’. Bất ngờ cờ Việt Nam tung ra cho gần hết các em phát phới trong tay. Prabha áo truyền thống với cái bảng Nepal trước ngực và Tôi cũng áo dài, đội mũ vành rây màu vàng dân tộc, lá cờ trong tay với tấm bảng chữ Asian màu đỏ (dưới cờ.) Chữ VietNam cũng rực rỡ trên ngực áo như Nepal hiền dịu của Prabha! Khi đi qua khán đài. Một thoáng, tôi thấy Prabha xoay người trong vũ điệu xưa cổ Nepal với hai tay chấp trước ngực cúi chào mọi người với câu *Namaste!* tôn kính. Rồi nàng ra dấu nhắc nhở các em vẫy cờ ViệtNam và cùng hô lớn VietNam! VietNam! để tôi rảnh tay phất cao cờ của xứ sở mình với chiếc nón lá dân gian chào mừng khán giả. Tôi ứa nước mắt khi nghe người xướng ngôn viên nhiều lần nhắc lớn hai chữ Viet Nam và tiếng vỗ tay của phụ huynh không ngớt đã cho tôi hiểu đoàn parade của lớp tôi đã thắng giải nhất hôm nay.

Bà Carolina đã mau chóng quên đi chiếc miệng há hốc của mình khi nhìn Prabha và Tôi bình thân phất cờ cho lũ nhỏ khi ‘dàn trận’, bà chạy lại ôm Prabha và Tôi cười tít mắt: “*Tao cũng nghĩ lớp mình sẽ đoạt giải vì bọn nhỏ đi trong lane đẹp quá!*”

Prabha hét lên như thể muốn lần áp tiếng nhạc từ cái máy của khán đài. *Không chỉ thế, Ms. Carolina à, nhờ đoàn quân Á Châu và cờ vàng ba sọc đỏ của Ms. Liem nữa chứ!*

Và cả ba chúng tôi cùng cười.

3./ Sau những giờ ăn trưa. Lặng lẽ. Prabha và tôi hay mở cánh cổng khép hờ cái ranh giới ngăn chia lấp

lững giữa Pre-school và Elementary để ngồi dưới những tầng cây râm mát. Tôi nói với Prabha về một cuộc chiến tranh kỳ lạ của đất nước mình. Một cuộc chiến mà kẻ tất thắng không được quyền chiến thắng. Và sự thất bại đã được quyết định từ những thế lực bên ngoài. Về một nơi chốn mà tuổi trẻ tôi đã lớn lên. Không có một ngày an bình để có thể lắng nghe nhịp thở của quê hương ngọt ngào thình lặn. Và Sài Gòn. Thành phố của tuổi trẻ và ước mơ. Những ước mơ hong thấm cuộc đời bằng chính lý tưởng và niềm tin. Cuộc chiến trước mặt và cái quá khứ lịch sử phía sau. Cái bóng rặng ngời của dĩ vãng như sự thách đố những đau thương phía trước. Và tuổi trẻ đã nhập cuộc lên đường.

Sài Gòn. Thủ đô son trẻ của đất nước mình như dấu ấn lịch sử chưa phai.

Đột nhiên như cơn địa chấn. Đã vùi lấp. Đã đổi thay mọi thứ. Lòng người hoang mang rồi rã. Cũng cùng một nơi chốn, mà con người bỗng nghe như lạ. Cuộc sống như chẻ đôi. Cùng khổn. Người ta sống, tức tuổi trẻ với cái quá khứ như hoài niệm không thôi về một thiên đường đã vỡ toang mất hút. Đồng lúc, cũng không thể chối từ một đời sống mới, như nổi cay đắng tận cùng mà con người phải luôn luôn né tránh để tồn sinh.

Rồi một đời sống khác. Cũng lại bắt đầu. Con người như loại cây được dưỡng nuôi trong phòng kín. Gió nước quê hương như giấc mơ của người lữ khách xa nhà. Lòng tuy có chút ỉ an nhưng trong sâu thẳm vẫn không nguôi cơn đau của người đứt lìa cội rễ. Mà với tháng năm dài đằng đẵng, vết thương như còn thấm máu chưa lành. Sự mất mát đã làm thương tổn trái tim và trí não con người với một ký ức khó thể lãng quên. Con người đôi khi nghe như lạ lẫm với cả chính mình. Bởi sự sống đã trở thành là mớ ký ức hỗn mang, tan tác. Người ta chơi vơi giữa hiện tại an bình và một quá khứ tuy xa xưa nhưng rõ ràng trước mặt. Đời sống như chia phân không rõ nét. Nơi đây dù có muôn màu tươi thắm vẫn không phải là một cuộc sống đích thực của chính tâm thức mình mong ước.

Lần nào cũng vậy. Prabha cũng buồn theo câu chuyện kể không vui. Tôi không thích nói về những điều cay đắng, chiến tranh bao giờ cũng đổ nhào vào đời sống những hệ lụy tang thương. Dù bây giờ không còn nỗi âu lo bom đạn hay những ngày dài ủ ỉ nơi rừng xanh mất hút ngày về. Và sự chấn thương về mặt tâm lý vẫn còn đậm sâu trong trí não nhiều người. Nhưng Prabha cứ nài nỉ. Nàng nghe, nhiều lần về những câu chuyện như những thước phim kết nối vô chừng nhưng sinh động. Về một đất nước nhỏ bé, hiền hòa nhưng suốt chiều dài lịch sử là suốt quãng đường tranh đấu không mệt mỏi. Bây giờ đã như cánh chim xa cảnh lìa tổ. Như thân cây đã bị chặt lìa. Nửa chừng đứt gãy. Héo hon.

4./ Bây giờ là mùa Thu.

Nắng đã bớt hung hãn trên thành phố mình đang ở. Mùa hạ đã qua với những cơn nóng kinh hồn. Nắng như gom cả bầu trời trút lửa xuống San José. Người ta như tối tăm vì nắng đốt. Họ cãi cọ nhau vì những chuyện không đâu. Để rồi sau đó bằng khuâng, họ tìm cách cảm thông hòa hoãn. Em thấy không, Prabha? Đời sống không thể như dòng sông cứ phân chia muôn nẻo. Mà phải có lúc hội tụ để tìm về. Vì bản thể của sự sống muôn thuở vẫn là niềm hợp nhất, cảm thông. Cái hiện tại dù bất ý hay vừa lòng thì cũng là những hình thành từ quá khứ hay rục rờ. Và dường như con người đã được nuôi lớn bởi những điều đau thương hơn là hạnh phúc.

Mùa Thu. Những lộc non nay cũng đã cỗi cằn theo năm tháng. Cũng như ta. Niềm vui hay nỗi buồn rồi cũng theo tháng ngày rơi rụng già từ. Trong nỗi trần trụi của đất trời, hơi ấm của vô hạnh phúc.

Như Prabha. Như tôi. Khi nói về quê hương. Bỗng như dòng sông khơi nguồn, tuôn chảy. Nhẹ nhàng và bất tận.

Prabha đắm chìm về một Nepal như trong truyện cổ tích thần kỳ. Nơi mà dãy Himalaya với 8 đỉnh núi cao nhất thế giới và hàng ngàn ngọn núi khác như đoàn quân phủ phục trước thiên nhan. Đã từng là nỗi đam mê lạ lùng của những người thích quay lưng về phía mặt trời chói chang với nền văn minh tốt cùng của nhân loại nhưng mất hút niềm tin trong tâm linh sâu thẳm. Họ quay về nơi nguồn sáng uyên nguyên, như sóng muôn đời rồi cũng phải quay lui về nước với đại dương thăm thẳm. Và nỗi sợ hãi trong một thế giới lao lung bất định khiến con người không ngừng thao thức hay kiếm tìm. Một điều gì đó, bên ngoài cuộc sống. Như một huyền nhiệm. Sự bình an vĩnh cửu. Khi mà từng phút giây người ta cơ hồ nghe thế giới như vỡ tan ra vì chiến tranh và bạo động.

Népal, xứ sở của mảnh đất thần tiên với khu bảo tồn thú hoang đẹp nhất trên thế giới với công viên Hoàng gia Chitwan, nơi cư ngụ của 500 loài chim đủ loại và hàng trăm loại thú kể cả loài hổ vương giả Bengal hiếm quý. Nepal, vương quốc của thần quyền, đẹp an bình trong những ngày lễ hội dân gian. Người ta hóa trang thành vị Phật Quan Âm là một người nam dũng mãnh với trên giữa trán, là hình quý vương. Hay ngược lại. Như điều thiện và ác vẫn tồn tại, vận hành trong mỗi con người. Khi hành thiện với lòng lân mẫn con người cũng cần đến trí tuệ của người nam mãnh liệt, và khi rơi vào những điều tối tăm cùng cực con người cũng cần nẻo sáng để tìm về.

Prabha có niềm tự hào sáng chói về xứ sở Népal của mình. Là nơi mà hơn 2.600 năm trước, Hoa viên Lumbini (Lâm Tì Ni) nay là Rummidei thuộc lãnh thổ

của Nepal, Đức Thế Tôn đã ra đời. Và dưới cây pipal ở Bodhgaya sau khi đã đạt tới trạng thái minh triết toàn diện, Ngài đã thành Phật và tìm ra chân lý để giáo hóa chúng sanh. Bài pháp đầu tiên về Tứ Diệu Đế : *khổ, tập, diệt, đạo* cũng được Ngài thuyết giảng tại đây: Samath Deer Park (vườn Lộc Uyển) ở Benares cho hàng đệ tử đầu tiên là 5 anh em Ājñatā-Kāudinya (Kiều Trần Như). Vua Asoka (A Dục) của Ấn-độ đã viếng thăm Lumbini vào khoảng 250 năm trước Tây lịch. Nhà vua đã cho xây một trụ đá tại đây (nay vẫn còn) để kỷ niệm chuyến đi hành hương chiêm bái Thánh tích của ngài. Lumbini, Samath, là 2 trong 4 Phật tích quan trọng nhất của Phật giáo ngoài Buddha Gaya (Phật Đà ca da) và Kusinara (Cầu thi na).

5./ Mỗi người, khi lắng nghe nhau. Như giòng sông với bao điều trần trối. Mỗi khúc như một nỗi đoạn trường, chập chùng giữa trí nhớ và lãng quên... Như Prabha, như Tôi đã có cả một dĩ vãng như giòng sông truân chuyên trôi nổi. Trong đó thân phận của mỗi một con người đã gắn bó khít khao với những điều lớn lao từ đất nước mình. Cũng như với cả thế giới bao la trước mặt. Như một sợi giây xích, liên tục. Không đứt đoạn.

Đất nước Prabha cũng rơi trong cuộc khủng hoảng tối tăm nghiệt ngã giữa hai thế lực tương tranh, kinh chống lẫn nhau. Tiếng pháo lệnh đã bắt đầu bùng nổ lay chuyển cả thị trấn Beni, và quân kháng chiến theo chủ nghĩa Maoist mô phỏng theo quân cách mạng Trung quốc nhưng không được Trung cộng công nhận, đã tràn xuống thị trấn ven sông biến cánh đồng trước mặt ngập chìm trong đạn pháo. Họ từ những căn cứ trên đồi cao hay rừng sâu, như những bóng ma hiện về từ đời sống, đã xé nát sự an tĩnh của đồng bằng, của những tâm hồn đơn sơ lặng lẽ. Nơi mà sự an lành cũng chỉ là bề mặt của những điều đã lắng sâu cam nín, như khá thân quen từ nỗi đã mệt mỏi trước bạo lực của chủ nghĩa vương quyền đã theo nhau thống trị trên đất nước Nepal thống khổ từ 200 năm nay.

Prabha tạm giả từ trường lớp để tháp tùng cùng nhân viên Hồng Thập Tự mang cuốc xẻng và khẩu trang, xuyên qua những khu rừng thông, dọc theo sông Kali đi thu lượm những xác chết và chôn họ ngay nơi mà họ đã nằm xuống. Nỗi ám ảnh kinh hoàng về những tử thi trôi rữa không còn nguyên vẹn hình hài do quân nổi loạn Maoist thích chặt tay chân hay đập đầu quân chính phủ rồi bỏ nạn nhân cho tới chết, đã nung nấu trong lòng Prabha những ngày mới lớn với giấc mơ trở thành người trong ngành Y để có dịp góp tay xoa dịu những vết thương của đồng bào mình. Mỗi lúc Nepal như càng xáo trộn, rối rời vì quá nhiều đảng phái cũng như những phiến quân nổi lên ở khắp mọi nơi. Những thế lực và

chiến tranh đã xé xác Nepal nhỏ bé của nàng ra trăm mảnh rách bươm và người ta cũng như giòng sông tuôn ra trăm ngả phân ly. Họ tìm cách để sang Trung hoa, Ấn độ hay Anh quốc.

Rồi Prabha cũng từ giả Hetauda. Nàng lên Kathmandu, thủ đô của Nepal để hoàn tất xong chương trình cao học về quản trị kinh doanh theo ý muốn và sự sắp đặt của cha mẹ. Chính nơi đây nàng đã gặp và yêu Shalik và hai người đã thành hôn nhau.

6./ Cuộc đời thoáng khi như giấc mơ. Bí ẩn, tuyệt vời. Prabha và chồng đã theo lời mách bảo của người bạn, nộp đơn vào chương trình Diversify Visa Lottery của Mỹ xin được lãnh cư sang Hoa Kỳ vì hàng năm Chính phủ Mỹ cấp 50,000 Permanent Resident Visas cho những người từ các nước có số di dân vào Hoa Kỳ ít nhất. Đôi khi định mệnh cũng dang tay từ ái với con người một cách hết sức bất ngờ. Đơn của nàng và Shalik được chọn mà không phải tốn một lệ phí nào cả. Vậy là nàng đến Mỹ và sanh đứa con đầu lòng là bé gái Supriya ở bệnh viện Stanford.

... Rồi Prabha cũng từ giả tôi, từ giả ngôi trường đảm trách này để kết nối lại nguyện ước của mình khi cuộc sống đã lần hồi ổn định. Nàng ghi danh để thi vào ngành Y với sự khích lệ của chồng nàng và có lần cả tôi vì cái thế giới bao la và cách cửa đang mở ra. Trước mặt. Như sự gọi mời tha thiết của ước mơ đầu đời dang dở. Tôi hiểu Prabha cũng như tôi hiểu tôi, trong cùng thăm của trái tim chưa hề khánh kiệt, nỗi hướng vọng về một quê hương sẽ đổi thay với bao điều tốt đẹp. Cũng sẽ phải đến. Vì trên trái đất mình đang sống vẫn có nhiều hoa trái bất ngờ và biết bao trái tim đang thở cùng một nhịp như nhau. Ấm nồng và mãnh liệt.



Thơ

VŨ QUỲNH HƯƠNG

Tháng Giêng



*Lũ bò câu trắng tía sâu trên cành
đàn vịt xám quây nước giữa mặt hồ River Park
mưa rắc hạt ngọt ngào xuống lớp lá vàng rã mục mùa thu
hãy ngủ yên và trở thành phân bón của đời
bây giờ là mùa xuân
Buổi sớm mai bàng hoàng thấy hoa đào nhuộm hồng
hết hàng cây bên đường
một sớm xuân
phả hương thơm vào trí nhớ một nhồi
đánh thức dậy những tà áo cũ
hẹn hò ngày gặp gỡ nơi chợ phiên mùa xuân
một ngày lạ thường nổi dĩ vãng với tương lai
hạnh phúc với khổ đau
môi thắm với lệ nồng
một ngày bình thường của người bạn mắt xanh lời chào già từ
have a nice day
Cám ơn
nàng đã sống những ngày rất đẹp
đã bay cùng với chim muông
đã cười cùng với hoa đào
đã thờ bồi hồi dù chẳng yêu ai
lại càng chưa yêu ai giữa khoảng không gian mênh mông
tính bằng kinh tuyến
chưa yêu ai bằng một điều gì đó ở ngoài tình yêu
chàng đã chết đi để tình yêu lớn hơn lòng kiêu hãnh
để nàng thì thắm giữa hương khói rằng em có yêu anh
để nàng tạo mộ mùa xuân với nỗi đau lớn hơn nỗi đau Kiều*

Trời đất hoa cỏ và chim muông
 bồi hồi khoe áo mới
 mặt trời đội mũ ra đón tương lai
 tình yêu khép cửa đi vào dĩ vãng
 mùa xuân bước tới rất ân cần
 khi nàng rất lạnh nhạt
 tán phong lòng kiêu hãnh đơn độc
 niềm trinh bạch lẻ loi
 Tháng Giêng quay lại tiễn tháng Mười Hai
 nàng quay lại nói
 rất tiếc
 rằng chúng ta đã gặp nhau
 một khoảnh khắc người ta không thể trở lại lần nữa trong đời
 nơi mùa xuân trở những chồi say đắm trên cành thổng khổ
 nơi chàng nói muốn sống viết yêu thương và hận thù
 nơi chàng lấy gặp gỡ tình cờ trừ đi chọn lựa nhằm lẫn
 lấy tương lai trừ dĩ vãng
 lấy kiếm báu thay tơ đàn
 Rất tiếc cho một nơi đã giữ lại hết
 những cơn say mê ngất ngưỡng bi thiết
 cho nàng tiếp tục tán phong trái tim muộn phiền
 giữa niềm thanh tân Tháng Giêng.

Chợ Phiên Mùa Xuân

Thôi em là ngọn cây đào
 Hoa không kịp nở cũng vào mùa xuân
 Thôi em trời đất tần ngần
 Sao em đứng giữa mây phàn gió bay
 Gió bay hương ở bên này
 Em về bên ấy đã gây nhớ thương
 Mùa xuân xuống chợ quên đường
 Vịn cành lộc nhỏ bên tường liễu hoa
 Chợ xuân theo bước em qua
 Tin xuân nghe tiếng em và tiếng chim
 Tìm em phiên chợ xuân hiền
 Thôi em đừng nói giữa miền lũng hoa.



QUỲNH HẢI NGUYỄN TIÊU

Thơ chữ Hán của NGUYỄN DU
HẠNH CỐ luận và dịch

瓊
海 窮 白 鴻 萬 一 依 元 海
角 途 頭 嶺 里 天 依 夜 元
天 憐 多 無 踪 春 不 空 窗
涯 泣 恨 家 州 興 改 庭
三 遙 寺 兄 此 誰 首 月 阮
十 相 時 弟 夜 家 婢 涕 攸
年 見 遷 散 圓 落 娟 天

Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên
Y y bất cái cự thiên quyên
Nhất thiên xuân hứng thù gia lạc
Vạn lí Quỳnh châu thử dạ viên
Hồng linh vô gia huynh đệ tán
Bạch đầu đa hận tuế thời thiên
Cùng đồ lân nhữ dao tương kiến
Hải giác thiên nhai tam thập niên

DỊCH NGHĨA

Đêm Rằm tháng Giêng, sân vắng, trăng sáng đầy trời
Trăng vẫn sáng đẹp như xưa, không có gì thay đổi
Nốt trời cảm hứng của ngày xuân đang rót vào nhà ai
Đêm nay ta cùng trăng hợp mặt nơi Quỳnh-côi xa xăm
Nơi quê Hồng-linh, nhà cửa không có, anh em li tán
mỗi người một nơi

Tóc bạc làm cho ta càng tuổi hận, trong khi đó thì thời gian cứ trôi qua

Thương thay cho trăng, lúc ta cùng đường vẫn xa xôi lận lội tới thăm

Đã ba mươi năm góc biển chân trời.

Đây là bài đầu tiên trong tập thơ chữ Hán *Thanh Hiên Thi Tập* của cụ Nguyễn Du. Các nhà nghiên cứu sự nghiệp văn chương của cụ đều đồng ý rằng, cụ đã sáng tác bài “*Quỳnh Hải Nguyên Tiêu*” này trong thời gian cụ lánh nạn tại quê vợ là xã Quỳnh-côi (cũng gọi là Quỳnh-hải), huyện An-hải, tỉnh Thái-bình (1789-1795).

Tổ quán của cụ Nguyễn Du là làng Tiên-diên, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh. Thân phụ là cụ Nguyễn Nghiễm (1708-1775) có 8 bà vợ; thân mẫu của cụ là bà thứ ba, tên Trần Thị Tần, quê ở Bắc-ninh. Cụ Nguyễn Nghiễm cưới bà Tần năm 1756, lúc đó cụ đang làm quan

tại triều đình Thăng-long, thời Vua Lê - Chúa Trịnh, chức đại-tư-đồ (tể-tướng), tước Xuân quận-công, trên hàng nhất-phẩm. Bà Tần sinh 4 người con trai: Nguyễn Tru, năm 1757; Nguyễn Nễ, 1761; Nguyễn Du, 1765; Nguyễn Úc, 1767; và một người con gái là Nguyễn Thị Diên (?-?) – tất cả đều sinh tại Thăng-long.

Như vậy, tuy chánh quán ở Hà-tĩnh, nhưng cụ Nguyễn Du đã được sinh ra, lớn lên, và học hành đều ở Thăng-long. Năm 1775 cụ Nguyễn Nghiễm mất, rồi 3 năm sau, 1778, bà Tần cũng qua đời, Nguyễn Du trở thành mồ côi cả cha lẫn mẹ, lúc đó mới lên 13 tuổi, cho nên phải ở với ông anh cả (khác mẹ) là Nguyễn Khản (1734-1786), để tiếp tục được nuôi dưỡng và dạy dỗ học hành. Ông Nguyễn Khản lớn hơn Nguyễn Du 31 tuổi, là con trai trưởng của cụ Nguyễn Nghiễm và bà vợ cả là Đặng Thị Dương (quê Hà-tĩnh). Lúc đó ông Nguyễn Khản cũng là một vị quan đại thần tại triều, có dinh cơ to lớn, nổi tiếng là bậc phong lưu tài tử nhất kinh thành. Năm 1784, Nguyễn Du 19 tuổi, vừa đậu tam-trường khoa thi Hương (tú tài) thì gặp phải lúc loạn kiêu-binh nổi dậy, làm rối loạn kinh thành, phá hủy dinh thự nhà cửa, và bắt giết các quan đại thần. Dinh thự của Nguyễn Khản cũng bị phá nát, tính mạng lại bị đe dọa, khiến ông phải trốn chạy về quê hương Hà-tĩnh lánh nạn. Nguyễn Du may mắn, kịp thời được nối chức của ông bố nuôi họ Hà, – nguyên là một vị võ quan dưới trướng cụ Nguyễn Nghiễm ngày trước, vừa tạ thế – làm lãnh-binh đạo Thái-nguyên, nên thoát nạn. Nhưng cũng từ lúc đó mà anh em li tán nhau, mỗi người một phương; gia thế họ Nguyễn ở Tiên-diên cũng đến đây là bắt đầu xuống dốc. Năm 1786, Bắc-bình vương Nguyễn Huệ từ trong Trung ra Bắc diệt chúa Trịnh, Nguyễn Khản liền rời Hà-tĩnh ra Bắc để giúp chúa phò vua, nhưng việc không thành, rồi bị bệnh mà mất. Năm 1789, Bắc-bình vương lại ra Bắc đánh đuổi quân Thanh, dứt nhà Lê. Ông vua cuối cùng của nhà Lê là Chiêu Thống, chạy theo Tôn Sĩ Nghị sang Trung-quốc, một số đông tôi thần của vua cũng chạy theo. Ba anh em của Nguyễn Du cũng chạy theo, nhưng không kịp, đành phải trở về, rồi chia tay nhau, mỗi người đều về quê vợ để ẩn thân. Nguyễn Nễ, Nguyễn Úc thì về Bắc-ninh; Nguyễn Du thì về Thái-bình, năm đó mới 24 tuổi, – lại thêm một lần li tán!

Tại sao ba anh em Nguyễn Du đã không về quê nhà ở Tiên-diên mà lại về quê vợ? Điều đó có mấy lí do. Xưa cụ Nguyễn Nghiễm làm quan tốt đình triều đình, giàu sang hiển hách, dinh cơ ở Tiên-diên không phải là nhỏ; nhưng vì cụ lắm vợ nhiều con (8 bà vợ và 21 người con – Nguyễn Du đứng hàng thứ 7 trong số 12 người con trai của cụ), nên mẹ nào thì tự lo đùm bọc con nấy. Sau khi cụ mất, ngoại trừ các bà có con trai lớn đã ra làm quan, còn các bà khác thì ai cũng đem con cái về quê mình để

sinh sống, chứ không về Hà-tĩnh. – Dĩ nhiên, ba bà quê ở Hà-tĩnh thì lại về Hà-tĩnh: bà Đặng Thị Dương, mẹ của Nguyễn Khản; bà Đặng Thị Thuyết, mẹ của Nguyễn Điều; và bà Hồ Thị Ngạn, mẹ của Nguyễn Nhung. – Riêng ba anh em Nguyễn Du thì mẹ đã mất sớm từ tuổi vị thành niên, lớn lên, nếu có dịp về thăm quê thì cũng chỉ ở chơi mươi bữa nửa tháng rồi lại đi, chứ họ chưa từng sinh sống và xây dựng sự nghiệp gì ở quê nhà. Cho nên có thể nói, chỉ có các ông anh của Nguyễn Du như Nguyễn Khản, Nguyễn Điều (cả hai ông lúc này đều đã qua đời), Nguyễn Nhung, Nguyễn Quýnh thì còn có nhà cửa ở Tiên-diên, chứ ba anh em Nguyễn Du thì đâu đã có nhà cửa gì; vì thế mà tiên sinh đã nói trong bài thơ trên:

Hồng lĩnh vô gia huynh đệ tán

Lại nữa, sau khi Tây-Son diệt nhà Lê, trong số các con của cụ Nguyễn Nghiễm, có người ra làm quan với Tây-Son như Nguyễn Nễ, mà cũng có người quyết chí chống Tây-Son như Nguyễn Quýnh. Quýnh ở Hà-tĩnh đã kết nạp nghĩa sĩ để chống lại Tây-Son, mưu đồ khôi phục nhà Lê, nhưng thất bại bị bắt; rồi không chịu hàng nên bị giết. Và cũng nhân vụ này mà Tây-Son đã tàn phá tất cả dinh cơ họ Nguyễn ở Tiên-diên. Chính bản thân Nguyễn Du cũng hận Tây-Son và đang nuôi chí khôi phục nhà Lê, nên dù muốn về Tiên-diên cũng không dám về, đành ẩn nhẫn ở quê vợ mà chờ thời.

Nguyễn Nễ (anh kế cùng mẹ của Nguyễn Du) đã biết quyền biến, nhận lời ra làm việc với triều đại mới (ngay từ năm đầu Tây-Son – 1789), nhờ đó mà đã sửa sang lại được nhà cửa đã đổ nát của ông cha, tuy không bề thế như trước, nhưng cũng đủ đảm ấm cho con cháu. Và cũng do Nguyễn Nễ ra làm quan với Tây-Son mà mối nghi kị của chính quyền mới đối với họ Nguyễn ở Tiên-diên dần dần cũng tiêu mất đi. Đến lúc Nguyễn Du thấy không cần phải trốn tránh nữa, mới quyết định rời Quỳnh-côi để về sống ở quê hương Hồng-lĩnh (Hà-tĩnh); đó là vào đầu năm 1796, tiên sinh 31 tuổi. Vậy, căn cứ vào câu chót và tựa đề “*Quỳnh Hải Nguyên Tiêu*” của bài thơ trên, chúng ta có thể nói, tiên sinh đã làm bài thơ này vào tiết thượng-nguyên năm Bính-Thìn (tức đầu năm 1796), trước khi rời Thái-bình để trở về Hà-tĩnh ngay trong năm đó.

Đối với dân tộc ta thì tổ quán luôn luôn vẫn là nguồn cội, là “chánh quán” của mình. Dù có vì hoàn cảnh mà cha mẹ phải sinh ra mình ở một xứ khác, thì nơi đó cũng chỉ được coi là “sinh quán” của mình; hoặc có phải vì công việc mà phải sang xứ khác làm quan, xây dựng sự nghiệp giàu có, hoặc vì sinh kế mà phải tha phương cầu thực, thì nơi đó cũng chỉ được coi là “trú quán”. Trường

hợp cụ Nguyễn Du ở đây, tuy tổ quán ở Tiên-diên (Hà-tĩnh), nhưng đã được sinh ra và lớn lên, học hành, thi cử tại Thăng-long, làm quan tại Thái-nguyên, rồi trốn tránh chờ thời ở Thái-bình, trong suốt thời gian “lưu lạc” kéo dài đến 30 năm (1765-1795) đó, chưa có lúc nào cụ sống thực sự tại **quê nhà**, đó là lí do cụ đã than:

Hải giác thiên nhai tam thập niên

Trong suốt thời gian ở Quỳnh-côi, Nguyễn Du đã ở nhờ nhà người anh vợ là ông Đoàn Nguyễn Tuấn. Tuy ông Tuấn ra làm quan với Tây-Son, nhưng Nguyễn Du vẫn ngầm kết giao với nghĩa sĩ để chống Tây-Son, mong khôi phục nhà Lê. Nhưng những chiến thắng của Tây-Son liên tiếp trong bao năm liền, từ lúc diệt họ Trịnh đến khi đuổi quân Thanh và diệt nhà Lê, đã làm cho nhiều người (có ý đồ chống Tây-Son) phải khiếp đảm mà sinh rụt rè. – Hai mươi vạn quân của Tôn Sĩ Nghị mà còn phải tan tành như xác pháo, thì một vài nhóm người lẻ tẻ có làm được gì! Bởi vậy mà việc chẳng ra đầu, chí nguyện không thành, cụ luôn luôn buồn bực. Dù tuổi mới trong vòng ba mươi mà cái tâm sự ấy đã dày vò tim óc, đến nỗi khiến cụ sớm phải bạc đầu. Cái tâm sự ấy đã được cụ bộc lộ trong hai câu:

Nhất thiên xuân hứng thù gia lạc

và:

Bạch đầu đa hận tuế thời thiên

Tiên sinh đã từng nuôi ý chí khôi phục nhà Lê từ ngày vua Lê Chiêu Thống trốn chạy sang Tàu, nhưng rõ ràng là càng ngày càng vô vọng. Cho đến bây giờ thì coi như đã cùng đường bí lối; thôi thì hãy tạm gác nó lại, trở về quê nhà (Hà-tĩnh) rồi hãy tính sau. Trong thời gian ẩn náu ở đậu nhà ông anh vợ thì ông này lại làm quan với Tây-Son, cho nên cụ cũng phải thận trọng lắm để khỏi tự rước họa vào thân, mà còn tránh để khỏi làm liên lụy đến ông anh vợ nữa. Cái tâm sự “phù Lê” kia tiên sinh phải ôm kín trong lòng, vì đồng chí thì hiếm hoi (ai cũng khiếp đảm rụt rè), đâu còn dám thổ lộ cùng ai hay biết nữa! – Ngoại trừ một người tri kỉ: nàng Trăng! Trăng đã theo sát để bầu bạn với tiên sinh, bao nhiêu năm không rời. Trăng đã là nguồn cảm hứng sâu xa, bất tận của tiên sinh. Bởi vậy, Trăng đã xuất hiện bằng bạc trong khắp thơ văn Hán của như Nôm của Nguyễn Du. Giờ đây, ở cái lúc mà cụ cảm thấy đã là “đường cùng” (*cùng đồ*), tất cả đều trống vắng, chỉ có Trăng là vẫn ở bên cạnh. Nhất là như đêm nay, đêm Rằm tháng Giêng âm lịch, trời trong, trăng càng sáng tỏ, tỏa chiếu mê mông, đầy ắp cả tâm hồn, – dù cho trăng Quỳnh-côi đêm nay cũng không khác gì với trăng ở những nơi khác của những

tháng năm xưa – thì cụ cũng cứ hãy ngắm nhìn, ấp ủ trăng Quỳnh-côi một lần chót cho thỏa thích, trước khi lên đường về quê để lo tính công chuyện cho những ngày tháng tới... Bởi vậy mà hình ảnh trăng đã chiếm đến bốn câu, tức một nửa của toàn bài thơ tám câu:

Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên

Y y bất cải cự thiên quyền

và:

Vạn lí Quỳnh châu thử dạ viên

và:

Cùng đồ lân như dao tương kiến

Và chúng tôi xin diễn ý toàn bài thơ trên như sau:

ĐÊM RẪM THÁNG GIÊNG Ở QUỲNH HẢI

Muôn dặm Quỳnh-châu hẩn một nơi

Ba mươi năm góc biển chân trời

Đêm nay trời rộng trăng đầy ắp

Sực nhớ chưa từng được thảnh thơi

Ba mươi năm góc biển chân trời

Rằm tháng Giêng mà muộn chẳng vui

Trăng vẫn như xưa tình vẫn vẹn

Một trời xuân hứng để riêng ai

Rằm tháng Giêng mà muộn chẳng vui

Thì ra đầu bạc đã lâu rồi

Anh em li tán người đôi ngả

Hồng-lĩnh không nhà thuở nổi trôi

Thì ra đầu bạc đã lâu rồi

Thăm lặng thời gian vẫn cứ trôi

Tủi thẹn đời trai chưa vẹn chí

Đường cùng sân trống mộng chơi vơi

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- *Thế Giới Thi Ca của Nguyễn Du*, Nguyễn Đăng Thục – Sài-gòn: Kinh Thi, 1971.
- *Thơ Chữ Hán Nguyễn Du*, Lê Thuộc và Trương Chính – TP. Hồ-chí-minh: Văn Học, 1978.
- *Tổ Như Thi*, Quách Tấn dịch – Sài-gòn: An Tiêm, 1973.
- *Việt Nam Sử Lược II*, Trần Trọng Kim – Sài-gòn: Bộ Giáo Dục, 1971.

thơ

THÍCH THIÊN HỮU

XUÂN TỈNH SAY

Mây bay chốn phiêu bồng
Hoang tưởng giữa tuyết đông
Không gian trôi băng lãng
Cuộn xoáy bên dòng sông.
Xiết tay đắm tình người
Hợp mặt lòng chung vui
Lệ đầm trong giá bước
Lửa tắt lòng thêm tươi.
Xuân về giữa tỉnh say
Sỏi đá nở ban mai
Cùng chung niềm chia sẻ
Đạo đời chấp cánh bay.

XUÂN TÂM CA

Xuân sang hoa nở khắp
Hạ đến bỏ-để vun
Tiết thu buồn dịu mát
Đông chí lạnh không trung.
Trần đời là thế đấy
Đam mê chẳng phút rời
Giật mình nay ngó lại
Bồi hồi dạ khôn ngơi.
Từ nay lòng hư quãng
Rộng mở hướng trời xa
Bì tâm hương tỏa ngát
Nở hạnh lộc ba-la.
Bụi hồng ta phôi sạch
Gương trí luyện sáng ngời
Đoạn trừ si tham ái
Hành đạo khắp nơi nơi.
Khổ đau giờ bật tiếng
Thị phi dứt nói cười
Hoa lòng luôn kết nụ
Tâm giải thoát an vui.

VUI XUÂN

Mai vàng treo trước ngõ
Đào trắng điểm bên đường
Vui xuân tâm chẳng động
Ánh nhật chiếu muôn phương.
Phượng hồng mai trắng
Lẳng lặng ngắm nhìn
Hãy cùng vui sống
Như hồng mai xinh.
Xuân vắng lặng
Giác hiện tiền
Lòng thẳng tiến
Trí thần tiên.

ÁNH NẾN ĐÊM XUÂN

Lung linh ánh nến đêm xuân
Thắm hương đạo lý, tình bừng nghĩa nhân
Gió ca nhạc khúc trong ngần
Nụ mai chớm nở bao lần bên hiên
Đêm xuân rộn rã thần tiên
Quả dưa chín đỏ, hồn nhiên đào hồng
Lung linh ánh lửa bên lòng
Dịu êm tâm thể, bình bông chân như.



VỀ

Trần Doãn Nho



Cứ mỗi lần gần đến Tết, thì tôi lại nghĩ đến chuyện về. Về, tức là trở lại. Trái nghĩa với đi. Khi nói về, ta phải hiểu là ta đã đi, đã lìa xa một nơi chốn thân yêu nào đó. Khi nói về là nói đến một hạnh phúc, một thú vui, một ước ao. Về, do thế, trở thành một sức lôi kéo mạnh mẽ, đôi khi không cưỡng lại được. Đi, có thể là bất đắc dĩ. Mà về, thường thì không. Chữ về bao giờ cũng gợi nên một cảm giác thân thiết, một cái gì ấm cúng: mạ đi chợ về, tha về (trả tự do), trở về, xuân về, hè về, về làng, về nước, về nhà, về quê. Ít ra là về mặt chữ nghĩa.

*Ngày trở về, anh bước lê trên quảng đường đê đến bên lũy tre
Nắng vàng hoe, vườn rau trước hè, chào đón người về
(Ngày trở về/ Phạm Duy) (*)*

Để mô tả ngày trở về của một người thương binh, Phạm Duy đã sử dụng âm "ề" ở cuối câu, dựa vào chữ về, khiến cho bản nhạc hát lên nghe êm đềm, nao nức. Khung cảnh của một làng quê với lũy tre, với đường đê với vườn rau thân thuộc trong nắng, tất cả hiện ra y như thể để chào đón một người. Cảnh đoàn tụ thật vô cùng cảm động:

*Mẹ lần mò, ra trước ao nắm áo người xưa ngỡ trong giấc mơ
Tiếc rằng ta đôi mắt đã lòa vì quá đợi chờ.*

Người lính đã trở về và sung sướng tìm thấy lại những gì thân yêu nhất trong đời mình và an nhiên thụ hưởng cảnh sống êm đềm xưa cũ. Về ở đây là hội ngộ, gặp gỡ, là hàn gắn những vết thương gây ra do hậu quả của thời gian và chia cách.

Cũng là trở về, nhưng cách về của một người tù cải tạo sau 1975 hoàn toàn khác hẳn:

*Ta về một bóng trên đường lớn
Thơ chẳng ai để vạt áo phai...
Sao vẫn nghe đau mềm phế phủ?*

Mười năm, đá cũng ngậm ngùi thay.

(Ta về/Tô Thùy Yên)

Cái về này thật lạ. Không lũy tre, không có nắng vườn rau, chẳng có bà mẹ nào lần mò ra trước ao để đón. Về mà như đi. Một cái về lạnh lùng, tức tưởi. Về, đơn thuần chỉ là một chuyển động vật lý: trở lại ngôi nhà của mình. Mặc dù khác với anh thương binh, người tù được trả về chốn cũ với thân thể nguyên vẹn, không phải bước lê vì bị thương, nhưng lòng hoang mang thất tán. Mọi thứ hoàn toàn khác xưa:

*Mọi thứ không còn ngăn nắp cũ
Nhà thương khó quá, sống thờ ơ
Giậu nghiêng, cống đổ, thêm um cỏ
Khách cũ không còn, khách mới thưa...
(Ta về)*

Thôi thì vậy cũng được. Cũng bình thường. Nhưng cái này mới kinh khiếp:

*Ta về như bóng ma hồn tui
Lục lại thời gian, kiểm chính mình.
Ta nhạt mà thương từng phế liệu
Như từng hài cốt sắp vô danh
(Ta về)*

Một trở về mất mát. Một trở về tuyệt vọng. Về, không còn mang ý nghĩa uyên nguyên của nó. Nó giống - và đồng thời lại khác - với cái về của một nhân vật trong truyện ngắn của Nguyễn Mộng Giác.

"Thấy khuôn mặt chàng không có gì khác thường, nàng tiếp:

- Em van anh, cho em được đến đây thăm con. Cho em...

Chàng ngắt lời nàng:

- Chỉ sợ đến lúc nó không chịu gặp cô nữa thôi!

Nàng lịm người vì sợ hãi bất chợt. Lần đầu tiên nàng nghĩ đến cảnh huống đau xót ấy. Tưởng nàng không tin vì quá tự tin, chàng nói dối:

- Và lại, cần gì cô phải xin. Cô là chủ hộ. Cô muốn

làm gì trong nhà này mà chẳng được.

Nàng mím môi lại. Không nói năng, nàng chụp lấy cây bút bi, ký vào phần ý kiến của chủ hộ. Cây bút bi để lâu ngày không ra mực, nàng phải dí đầu bút lên lòng bàn tay nhiều lần. Chữ ký của nàng run rẩy, nét gạch bên dưới không được ngay, trông giống như một chữ ký giả mạo.

Chàng lấy giọng khách sáo:

- Nhờ cô mà tôi được tạm trú trong nhà của mình. cảm ơn cô.

Phần nàng, nàng trở lại van lơn:

- Em van anh, cho em được ở tạm đây với con cho đến sáng mai. Em ao ước được ôm con ngủ trọn một đêm. Em van anh!

Giọng nàng rạn đi, pha lẫn nước mắt. Chàng cảm động nhưng vẫn cố cứng cỏi:

- Tại sao lại xin tôi? Xin một người tạm trú để được tạm trú? Có ai xin phép một khách qua đường để ngủ tạm trong cái quán trọ?" (truyện ngắn *Ngày về không nắng*, "Xuôi dòng", tập truyện, trang 68)

Tô Thùy Yên trở về thấy mất mình, nhân vật trong truyện trở về thấy mất vợ, mất nhà (tạm trú trong nhà của mình mà vợ - tuy đã bỏ đi lấy chồng khác - là chủ hộ).

Tôi nhớ một chuyện khác thời xưa: chuyện Tô Tần. Tần là người thời chiến quốc bên Tàu, giỏi biện thuyết, có tham vọng dùng miệng lưỡi của mình để kiếm công danh. Không có tiền, ông xin mẹ già bán gia tài để làm lộ phí đi các nơi du thuyết. Cả nhà ai cũng can ngăn, nói rằng: "Tại sao không chịu cày cấy, buôn bán làm ăn mà chỉ muốn đem mấy tác lưỡi để kiếm giàu sang, bỏ cái nghiệp đã thành câu cái lợi chưa được, sau này nghèo túng còn hỏi sao được?"

Tần không nghe, cứ đi. Và đúng như lời khuyên can, sau nhiều năm tháng đi đây đi đó không được gì, nghèo đói phải trở về nhà. Thấy vậy, mẹ già mắng nhiếc, vợ đang dẹt cửi ngồi yên, không thèm nhìn cũng chẳng thèm chạy ra chào hỏi. Đói quá, Tần xin chị dâu cho ăn cơm, chị dâu không cho. Tần chảy nước mắt tự trách mình. Đó là cái về của một người thất bại.

Nhưng Tần không chịu. Lại ra đi. Và lần này thành công lớn. Khi về, có võng lọng, có lính hầu, tiền rủng rập. Mẹ già chống gậy ra đường xem. Chị dâu và vợ hồ thẹn không dám nhìn lên, phủ phục ở ngoài ngõ đón. Tần ngậm ngùi than: "Tình đời xem ấm lạnh, giá người thành thấp cao".

Hai lần về, hai khung cảnh, hai tình cảm, hai vớ kịch. Thì thế. Và phải như thế. Nếu không như thế thì thành chuyện thần tiên mất rồi. Thời nào cũng có những Tô Tần, tuy mức độ có khác nhau. Giá của một Việt kiều trở về tất cao hơn nhiều so với giá của một người từ từ

về. Hàng năm, Tết đến là có hàng trăm ngàn Việt kiều về lại quê hương. Trở về theo kiểu "vinh quy bái tổ", "áo gấm về làng". Nói tất cả thì không hẳn đúng. Nhưng đa số đều về với tâm thức của những người "được" chứ không phải là của những người "mất". Họ không trở về để "lục lại thời gian kiểm chính mình" như Tô Thùy Yên, cũng không như người thương binh của Phạm Duy muốn trở về với đời sống bình dị. Mà về với tâm thế của một Tô Tần thành đạt. Dù rằng để được như thế, họ phải đánh đổi bằng cách cật lực làm ngày làm đêm, làm ca hai, ca ba, làm overtime, làm 2, 3 job. "Về", đôi khi, là một gánh nặng. Bôn phận, danh dự, thể diện vân vân. Có lẽ vì thế mà có người không dám về. Hay chưa thể về. Tôi có một người bạn qua đây từ tháng 4/1975. Cho đến giờ này, anh chưa về lại Việt Nam lần nào. Vì sợ Cộng Sản? Không. Vì không có tiền, anh cho biết. Tại sao lại không có tiền, anh qua đây đến gần 30 năm mà? Đúng ra là không đủ tiền. Vậy thì bao nhiêu mới đủ? Anh ngần ngừ một lát rồi trả lời: "Tôi cũng chẳng biết bao nhiêu thì đủ. Nào phải xây lăng, đắp mộ bên nội rồi bên ngoại, xây nhà từ đường rồi biêu tiền cho ông chú, bà dì, bà o, rồi em út cháu chắt, rồi bà con xa bà con gần rồi bạn bè, đàn em cũ. Rồi du hí, chơi bời, vân vân và vân vân. Chẳng lẽ đi Mỹ mấy chục năm trở về để bị mang tiếng keo kiệt". Đại loại anh lý luận như vậy. Rốt cuộc, loay hoay mãi, hết hạn năm này về rồi sang năm, chưa bao giờ anh "về" được.

Tôi chẳng dám khuyên gì anh bạn. Vì từ ngày sang đây, tôi cũng chưa có dịp về. Tiền là một lẽ. Sợ hãi vu vơ là một lẽ khác. Nhưng lý do chính là tôi biết tôi chẳng tìm thấy gì vui trong việc về. Tôi đã từng kinh qua việc "về nhà" từ trại cải tạo độ nào. Được ra khỏi nhà tù thì mừng, tất nhiên. Nhưng về nhà rồi chẳng thấy gì vui. Gia đình tôi còn nguyên vẹn, không trở thành bi kịch như nhân vật trong truyện của Nguyễn Mộng Giác ở trên. Nhưng không khác mấy với "ta về" của Tô Thùy Yên. Cảnh còn đó, người còn đây, nhưng mọi tương quan đã khác. Phải tập làm quen với mọi thứ, kể cả với người thân trong nhà. Một anh bạn tôi, ra đi từ tháng 4/1975. Sau gần hai chục năm, anh trở về với tâm trạng hăm hở muốn tìm lại những kỷ niệm cũ. Anh đi thăm nơi này nơi nọ, những chỗ đã từng ghi dấu những ngày vui xưa của anh. Những tưởng sẽ tìm lại nguyên vẹn những gì xưa cũ. Nhưng tất cả đã mất, mất hẳn. Anh không tìm thấy gì hết ngoài một cảm giác lạ hoặc y như thể anh tới một nơi xa lạ. Cảnh, người và anh đều lạ lẫm nhau. Thế rồi cuối cùng, anh ngong ngóng ngày về lại Mỹ, nơi mà trước đây khi ra đi với tâm trạng của một kẻ bị lưu đày. "Về" Mỹ! Về Mỹ, chứ không "đi" Mỹ. Và cảm giác "về" Việt Nam trở thành "đi" Việt Nam.

Có lẽ cũng chẳng phải một mình anh bạn có cảm

giác như vậy. Nhiều người "về" Việt Nam rồi "về" lại Mỹ. Không về Mỹ sao được? Con đó, cháu đó, công ăn việc làm ở đó, tương lai ở đó, tiền hưu bổng ở đó. Đi, đâm ra cũng là về. Và về, đâm ra cũng là đi. Viết đến đây, tôi nhớ một câu chuyện kể của thầy Nhất Hạnh. Có hai vợ chồng nọ lấy nhau vì tình. Như mọi cặp vợ chồng khác, lúc đầu họ sống rất hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian, người vợ mất hết vẻ tươi mát và người chồng mất hết sự dịu dàng và ngọt ngào. Họ phải sống với nhau như một điều bất buộc. Vì sợ tai tiếng. Vì sợ làm hai gia đình buồn... Ông chồng chẳng cảm thấy hứng thú gì khi về nhà thấy mặt vợ. Và ngược lại, bà vợ cũng chẳng thấy vui vẻ gì khi đợi chồng về. Hai người bắt đầu đi tìm niềm vui riêng. Bà dành nhiều thì giờ lo việc chùa chiền. Còn ông thì lấy cớ cần phải học thêm về ngành chuyên môn nên hết giờ làm nấn ná tìm cách ở lại sở. Tóm lại, chẳng ai muốn về nhà. Hai chữ "về nhà" thân thương mất hết ý nghĩa. Nhà vốn được hiểu như là một "tổ ấm", bây giờ là "tổ lạnh". Về nhà thành ra "đi" nhà.

Hay nói theo cách diễn đạt của Albert Camus, thì quê nhà (le royaume) (**) trở thành chốn lưu đày (l'exile). Truyện ngắn "La femme adultère" (trong tập truyện "L'Exil et le Royaume") mô tả tâm trạng phức tạp của một người đàn bà tên là Janine. Janine theo chồng đi bán hàng ở một thành phố Á Rập nằm trong sa mạc. Nhìn thấy sa mạc lần đầu, nàng bị cuốn hút ngay vào cái lạ lùng, hoang vắng và yên lặng của nó. "Bên trên sa mạc, sự yên lặng mênh mông như không gian". Nàng cảm thấy như đó là một vương quốc mơ ước vĩnh cửu của nàng. Đêm đó, trong phòng khách sạn, nằm bên người chồng đang say sưa ngủ, nàng ray rứt xót xa. Bao nhiêu năm sống với người đàn ông gọi là chồng dường như chẳng có mấy ý nghĩa. Nàng đi theo chồng, Marcel, gián điệp chi "để làm vui lòng người đã cần nàng. Niềm vui duy nhất mà anh ta cho nàng là sự nhận biết nàng là cần thiết. Có lẽ anh ta chẳng hề yêu nàng" (...) Hai người làm tình với nhau chỉ bằng cảm giác trong bóng tối, chẳng hề nhìn thấy mặt nhau (...). "Nàng biết rằng Marcel cần nàng và nàng thì nàng cần cái cần đó của anh ta". Tim nàng như thất lại khi khám phá ra rằng nàng đã kéo lê đời sống như thế trong cả hai mươi năm trời. Nàng cảm thấy như mình bị lưu đày. Và bỗng nhiên nàng muốn được giải thoát. Ý nghĩ đó khiến nàng ngồi bật dậy, mặc áo quần, lặng lẽ trốn chồng đi ra ngoài. Trong bóng đêm, bắt chấp gió lạnh, bắt chấp nỗi sợ hãi, bắt chấp tất cả, nàng chạy như điên như cuồng về phía sa mạc. Đến một cái pháo đài bỏ hoang, nàng leo lên đứng dựa vào góc tường, nhắm mắt nhìn vào sa mạc - vương quốc yêu dấu của nàng. Nàng tự do thưởng thức cái yên lặng, cái mênh mông và đủ thứ ảo tượng thực trộn cùng hư ảo dâng lên từ trời từ đất và từ cõi lòng nàng. Nhưng rồi

cuộc, nàng phải trở về. Và rồi nàng khóc, khóc nước nớc. "Không có gì đâu, anh yêu. Không có gì đâu", Janine nói với chồng. (Trích đoạn lấy từ "The Adulterous Woman", Exile and the Kingdom, Albert Camus, bản tiếng Anh của Justin O'Brien, Random House, NY, Hoa Kỳ, 1991).

Trong ý niệm của Camus, lưu đày và quê nhà không phải là không gian vật lý của một nơi chốn nào hết, mà là tâm thức con người. "Nhà" hay "không nhà" là tâm giới chứ không là cảnh giới. Trong cuộc sống, không thiếu người xem "nhà" là nơi tù ngục, tù không có án, là nơi để người ta "giết đời nhau". Nhưng có lúc, chỗ lưu đày lại được xem là nhà. Nhớ khi còn ở tù, mỗi lần xuất trại đi ra ngoài lao động, lòng cứ ngong ngóng "về" lảng. Về cái chỗ nằm chật hẹp vừa đủ để đặt lưng của mình, về trong một không gian hạn hẹp, bị canh phòng, giám sát đêm ngày. Cũng là "về" vậy. Điều mỉa mai là, trong hoàn cảnh tù đầy, chỗ nằm đâm ra trở thành "tổ ấm".

Vậy, đâu là đi, đâu là về? Thật khó nói một lần cho xong.

Đầy ý niệm đi và về xa hơn, thì ta đụng với khái niệm về cõi trần hay cõi thế, trần gian, cõi tục lụy, cõi ta bà. Đụng với hình ảnh mà Trịnh Công Sơn cho là "tin buồn". Tin buồn từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người. Trần gian trở thành nơi tạm bợ, là một chỗ đi:

Tôi nay ở trọ trần gian

Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời
(Ổ trọ)

Mà trần gian chẳng có gì vui, nên anh kêu gọi:

Thôi về đi, đường trần đâu có gì

Tóc xanh mấy mùa

Có nhiều khi, từ vườn khuya bước về

Bàn chân ai rất nhẹ, tưởng hồn những năm xưa
(Phôi pha)

Ít có nhạc sĩ (và cả thi sĩ) nào đề cập đến chuyện đi và về nhiều như Trịnh Công Sơn. Nhạc của anh, rất cuộc, có thể tóm gọn trong hai chữ "đi" và "về". Ra đời là "đi" và chết là "về". Anh cho ta thêm một hình ảnh mới tượng trưng cho cuộc đời: một cõi đi về.

Bao nhiêu năm rồi còn mãi ra đi

Đi đâu loanh quanh cho đời mỗi mệ

Trên hai vai ta đôi vầng nhật nguyệt

Rọi suốt trăm năm một cõi đi về

(Một cõi đi về)

Cũng trong cõi đó, Du Tử Lê diễn đạt một cách khác:

Đi và về cùng một nghĩa như nhau

Người đồng phương định nghĩa: Sinh ký tử quy. Sống gửi thác về.

Gửi! Đi hay về cũng chỉ là gửi, tạm gửi (hay gửi tạm). Thầy Nhất Hạnh dùng chữ "gửi" trong một ví von

khá độc đáo:

*Tôi gửi tôi nơi đất
Đất gửi đất nơi tôi*

Tôi mạn phép quảng diễn ra một cách khác: Tôi gửi tôi nơi Mỹ, Mỹ gửi Mỹ nơi tôi. Tôi gửi tôi nơi em, em gửi em nơi tôi. Tôi gửi tôi nơi đời, đời gửi đời nơi tôi...

Đất gửi đất nơi tôi = hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi.

Tôi gửi tôi nơi đất = để một mai tôi về làm cát bụi / đất ôm anh đi về cội nguồn

Thực ra, ví von trên của thầy Nhất Hạnh được đẩy xa hơn, thâm trầm hơn:

Tôi gửi tôi nơi Bụt

Bụt gửi Bụt nơi tôi.

Đất và tôi, Bụt và tôi, đi và về, sống và chết, Mỹ và Việt Nam,... và... và... Còn biết nơi nao là chốn quê nhà (TCS).

talawas.org

(*) Nghe nhạc phẩm Về Miền Trung của Phạm Duy

(**) "L'Exil et le Royaume" (Lưu đầy và quê nhà) của Albert Camus. Tôi dùng lại chữ "quê nhà" mà một dịch giả (tôi quên tên) trước 1975 ở miền Nam đã dịch thoát từ tiếng Pháp "royaume" (vương quốc). Bản dịch tiếng Anh của Justin O'Brien là "Exile and the Kingdom".



CHIẾC ÁO LEN NÂU

chiếc áo len màu nâu

cậu mua cho mẹ

để đã gần tròn trăm năm.

mùa xuân buổi sáng

mẹ mặc áo pha trà

bên cậu ngồi đọc báo.

tình màu nâu.

trà màu xanh.

nụ cười hồng.

hương sen nhẹ nhẹ tỏa.

mùa hạ nóng

mẹ đem áo ra phơi.

cánh áo nâu phấp phồng

đùa trong nắng.

chiếc sân nhỏ

cây sào dài

phất phơ màu lụa sáng.

bóng chiếc áo

che đầu

lũ con chơi đánh đáo.

mùa thu

mẹ đem áo ra cài lại cúc

khếp màu buồn

cho hoa lá bớt tàn phai.

chiều gió đại

uơm lên đầu chớm bạc

áo len nâu che kín cuống vai gầy.

mùa đông

áo còn thơm long não.

trời đất buồn

áo thêm nặng hơi nâu.

gió đông mang cơn sầu áo nâu.

nụ cười huyền

nhấp nhánh ánh răng đen.

mẹ nhẹ phủ lên con

màu ấm áo len nâu.

rúc đầu vào lòng mẹ

tóc con bạc

áo mẹ nồng

nụ cười hồng.

mái tóc dài huyền hoặc.

một trăm năm

chiếc áo len nâu vẫn còn hơi ấm.

LƯU TRỌNG TƯỜNG

NHỨT CHI MAI

Tỳ-Khưu Thích-Chân-Tuệ

Trong dịp năm hết tết đến, mọi người đều nhắc đến hoa mai. Trong văn học đại chúng, cũng như văn học Phật giáo, có nhiều bài văn bài thơ cảm tác về mùa xuân thường đề cập đến hoa mai.

Những vần thơ bất hủ, những áng văn trác tuyệt đi vào lòng người thường được nhắc tới, những câu thơ tuyệt bích trong thi ca Thiền học về không gian và thời gian, như bài thi kệ "Cáo tật thị chúng" của Mãn Giác Thiền sư:

*Xuân khứ bách hoa lạc
Xuân đáo bách hoa khai
Sự trục nhãn tiền quá
Lão tùng đầu thượng lại
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận
Đình tiền tạc dạ nhứt chi mai.*

tạm dịch:

Xuân đi trăm hoa rơi
Xuân đến trăm hoa nở
Việc đời qua trước mắt
Già theo đến trên đầu
Chớ bảo xuân qua hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một nhành mai
(Thích-Chân-Tuệ)



Thiền sư Mãn Giác (1052 - 1096) họ Nguyễn tên Trường, người xứ Lũng Chiên, làng An Cách, con của Trung Thư Viên Ngoại Lang Hoài Tổ, ham học, từ trẻ đã học hỏi nhiều và thông hiểu về Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo, được vua Lý Nhân Tông khen ngợi, triệu vào cung và ban cho tên Hoài Tín. Sau đó xuất gia, thuộc dòng thiền Vô Ngôn Thông, thế hệ thứ 8. Vua Lý Nhân Tông và Hoàng Hậu rất mến trọng sư, cho xây một cảnh chùa cạnh cung Cảnh Hưng để tiện việc tham hỏi về Phật học. Thiền sư mất năm 45 tuổi. Vua ban hiệu là Mãn Giác. Rất tiếc các sáng tác của sư không còn giữ lại, chỉ còn một bài "Cáo tật thị chúng" (Báo bệnh dạy chúng) rất nổi tiếng trong văn đàn Việt Nam.

*

Trước hết, về phương diện văn chương, đây là một trong những bài thơ tuyệt vời, thường được trong giới nhà thiền hay những văn nhân thi sĩ nhắc lại cái hay, cái đẹp của ý tứ thơ vào những độ xuân về.

Về phương diện ý nghĩa, bài kệ "Cáo tật thị chúng" của Mãn Giác Thiền sư, làm ra trước khi viên tịch, có ý nhắc các đệ tử rằng: xuân đến thì trăm hoa nở, xuân đi trăm hoa rụng, đó là qui luật tuần hoàn, như thiên nhiên có đến có đi, hoa có nở có tàn, con người có sinh có diệt. Điều này có thể nghiệm thấy qua mái tóc bạc trên đầu, thân thể bệnh tật, chuyện gì rồi cũng qua!

Nhưng, đừng tưởng xuân qua hoa rụng hết, đêm qua, sân trước, vẫn còn nhành mai. Nghĩa là đừng tưởng con người ra đi là cuộc đời kết thúc. Thực ra, cuộc đời vẫn tiếp diễn theo qui luật thiên nhiên, mọi người vẫn tiếp tục cuộc sống, cây cỏ vẫn tốt tươi trở lại sau mùa đông băng giá: xuân qua, hạ đến, thu sang, đông tàn!

Lời thơ uyên áo, thiên vị, ý nghĩa tuyệt vời! Nhứt chi mai là niềm hi vọng, là cái tốt trên đời không thể mất, là sự tồn tại của các giá trị siêu việt. Người tục hiểu khác người tu, nhưng cả hai đều thấy có cái trường tồn bất

diệt chi phối cõi đời này. Đó thật là điều đáng quý! Bài thơ quả là một thông điệp rất lạc quan!

Ngoài giá trị thi ca tuyệt tác, bài thơ sáu dòng trên nói lên sở ngộ của một bậc thiền sư. Giữa dòng đời mọi vật đều vô thường, biến đổi: đến đi, nở tàn, ngày đêm, trước sau, vẫn có mặt cái thực tại như thật, cái thực tại luôn hiện hữu cùng với con người, mà con người thường không thấy, hay bị che khuất bởi các tướng sinh diệt.

Thiền sư thì thấy rất rõ: hình ảnh nhánh mai vàng rụng rờ trước sân của thời điểm xuân tàn.

Không phải chỉ có nhánh mai ở bên ngoài cảnh vật, còn hiện diện một nhánh mai vàng rực rỡ trong tâm thức con người, dù cho tâm trạng phiền não của buổi xuân tàn.

Bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, không gian và thời gian nào, con người cũng có điều kiện mỉm cười ngắm nhìn nhánh mai ấy, mặc cho sóng gió của lịch sử, hay bát phong của cuộc đời, cũng không đủ để dập tắt nụ cười ấy, nụ cười của một bậc thiền sư.

Cái sở ngộ thực tại, cái thấy thực tại ấy, khiến hành giả sống rất lạc quan, sống với niềm tin không sinh không diệt trong cuộc sống.

Há đây không phải là một sức mạnh tâm lý phi thường, đánh thức tâm thức con người, trước bao nhiêu cảnh xuân tàn đó hay sao? Đây mới thực sự là điểm sống của bài thơ trên, và là điểm sống của thi ca, văn chương thiền học Việt Nam.

Về phương diện tu học, mùa xuân có đến ắt có đi theo qui luật tuần hoàn của thiên nhiên, không vĩnh viễn tồn tại, cũng không vĩnh viễn mất đi, có đi ắt có đến theo vòng sanh tử luân hồi.

Con người cũng không tránh khỏi các qui luật này. Trong vòng sanh tử luân hồi, con người đã bao lần trải qua 4 giai đoạn: sanh, trụ, dị, diệt! Muốn thoát ly được sanh tử luân hồi, người tu theo Phật phải làm sao giác ngộ được bản tâm thanh tịnh bất sanh bất diệt.

*

Trong cuộc sống, khi tiếp xúc với cảnh trần, tâm con người sanh ra không biết bao nhiêu phiền não khổ đau.

Muốn dẹp bỏ các tâm trạng bất an này, con người cần áp dụng tứ vô lượng tâm: từ, bi, hỷ, xả. Khi các vọng tâm phiền não hoàn toàn dứt sạch, con người đạt được cảnh giới vô tâm.

Vô tâm tức là không còn bị các vọng tâm phiền não gây khổ đau nữa, nói cách khác: tức là không còn tâm tham lam, sân hận, si mê, ganh tị, đố kỵ, làm phách, mắc mớ, ý già, ý tài, ý giàu sang, đang thế lực, lằng xằng lộn xộn.

Khi tất cả những thứ đó rơi rụng hết trơn, ví như *xuân tàn hoa lạc tận*, thì lúc đó bản tâm thanh tịnh, hay chân tâm, hiển lộ. Chân tâm bình đẳng là con người chân thật. Khi đó, con người chân thật sống trong an nhiên tự tại của niết bàn.

Nếu như phiền não (tham, sân, si) chưa dứt sạch (hoa tàn chưa rụng hết trơn), làm sao thấy được chân tâm, làm sao thấy được nhứt chi mai? Ví như mặt trời luôn sáng tỏ, nhưng vì bị mây đen (phiền não) che khuất, ánh sáng trí tuệ không tỏ đó thôi! Nếu người nào hiểu được rõ ràng thì phước biết bao! Người nào bớt được phiền não khổ đau, thì người xung quanh cũng đỡ khổ biết bao!

Cho nên kinh sách có câu: vô tâm tức niết bàn, chính là nghĩa đó vậy!

Cũng như Thiền sư Mãn Giác đã nói: hoa rụng hết, tức là các phiền não rụng hết. Khi ấy, tâm thanh tịnh hiện tiền, cũng như một nhánh mai hiện diện nơi sân trước hồi đêm qua. Sân trước, sân sau, đêm qua, đêm nay, ngụ ý chỉ sự đổi dời, sự tương đối, trên đời này: có đúng có sai, có phải có quấy, có sáng có tối, có trước có sau, có chánh có tà, có đen có trắng, có ngày có đêm!

Dù sống trong cảnh đời đổi dời nhị biên như vậy, nhưng nếu con người biết pháp môn tu tập, con người vẫn có thể giác ngộ được cái chân thật bất nhị, không còn thấy có hai, dù không gian, thời gian nào, dù người hay vật, sắc hay không, tượng trưng là: nhứt chi mai!

Thiền sư Mãn Giác diễn tả mùa xuân theo thời gian cứ tuần hoàn qua lại, xuân đi rồi xuân lại đến. Sự sự vật vật cũng theo thời gian sanh diệt, đổi thay thay đổi, gọi là cuộc đời vô thường!

Mỗi khi xuân đến thì thấy hoa nở, xuân đi thì thấy hoa rụng. Hoa rụng hoa nở theo thời gian tức là sanh diệt, diệt sanh liên tục không ngừng. Con người cũng cùng chung số phận đó, vì tóc trên mái đầu đã bạc trắng cả rồi!

Như vậy, thời gian chi phối cả vạn vật lẫn con người, không có cái gì tồn tại mãi với thời gian. Tất cả chúng ta rồi đây cũng sẽ tuần tự ra đi, kẻ trước người sau, không ai tránh khỏi!

Người đời thường bị quan trước sự vô thường biến đổi của cuộc đời như vậy, nhưng qua hai câu chốt, Thiền sư Mãn Giác kết thúc thật tuyệt vời:

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận

Đình tiền tạc dạ nhứt chi mai.

Thiền sư Mãn Giác nói: chớ bảo xuân qua là hoa rụng hết, vì đêm qua trước sân vẫn còn nhánh mai.

Thông thường, thời gian trôi qua, con người lẫn vạn vật, tất cả đều tàn phai hoại diệt. Nhưng trong khi cái vật chất hữu tướng bị hoại diệt đó, còn có một cái bất diệt, thời gian không hủy hoại được. Cũng như ngay trong

thân năm uẩn sanh diệt vô thường của chúng ta, có cái thường hằng bất diệt, biểu trưng bằng một nhánh mai, tồn tại dù xuân đã qua.

*

Tóm lại, cái tâm suy nghĩ phân biệt, lăng xăng lộn xộn, là tâm duyên theo bóng dáng của trần đời bên ngoài.

Tâm đó sanh diệt tùy duyên, tùy cảnh mà có, không thật. Còn bản tâm hằng tri hằng giác, không đợi nghĩ suy mới có, là tâm chân thật, là bản tâm thanh tịnh, không sanh không diệt.

Bản tâm đó giúp mình, việc đến biết đến, việc đi biết đi. Bản tâm đó không hình không tướng, thênh thang trùm khắp.

Chúng ta thường ngày sống với cái tâm phân biệt hạn hẹp, tốt xấu hơn thua nên gọi là mê, mê lầm. Cái tâm phân biệt thì tùy duyên, duyên tốt thì hành xử tốt, duyên xấu thì hành xử xấu, cho nên tâm trạng sanh diệt, thay đổi luôn luôn.

Nếu người nào sống với cái tâm không sanh diệt trùm khắp thì gọi là giác, giác ngộ! Cái tâm chân thật không phân biệt, không sanh diệt, chính là cái “biết” đó thôi, không biến hoại và thường hằng.

Qua bài kệ trên đây, Thiền sư Mãn Giác nhắc cho đồ đệ cũng như chúng ta biết thân này có sanh ắt phải tử, nhưng trong cái thân sanh tử đó có cái tâm chân thật bất diệt.

Đây chính là cốt tủy của đạo Phật vậy.



Tiếng đàn đêm trắng

*Đất phủ màu trắng khắp cả vùng,
Một trời xuân sắc trái mênh mông.
Tai nghe đàn vút năm cung lạnh,
Đầu tựa mơ xưa một giấc nồng.
Sống lại chuỗi ngày tràn kỷ niệm,
Mơ say tình cũ đượm hương lòng,
Mấy ai trong cảnh đời phiêu bạt,
Chẳng tiếc nhạc hồn quê núi sông!*

Chiều Đồ Bàn

*Vàng rơi, vàng rơi trên thành xưa
Đồ Bàn Hời nghe chiều hư vô
Ôi, nàng Chiêm bay về trong mơ
Nghe hồn đau lòng quê bơ phờ!*

*Tang tình Nghệ Thường, ôi Chiêm nương
Đền đài dân Chăm còn âm vang
Âm vang ca Chăm vương trời cao
Tình nồng hương còn say trần gian!*

*Hồn dân Chiêm theo chiều chơi vơi
Nghe lòng đau thương vương mây trời
Nghe lòng bay cao, lòng bay cao
Và nghe dân Hời buồn không thôi!*

*Chiều vàng đi, chiều vàng đi rồi
Đồ Bàn xưa, còn vang âm thôi
Âm than buồn nghe sao bùi ngùi
Ôi đời, ôi đời... trần gian ơi!*

*Xuân tàn ngàn thu buồn mang mang
Hồn Chiêm bơ phờ bay lang thang
Ngàn cây u buồn vây hoang thành
Xui lòng ai nghe sầu miên man!*

LAM NGUYỄN

MÙA XUÂN ĐỌC: BA GIÒNG THƠ TIÊU BIỂU PHƯƠNG ĐÔNG: THƠ THIỀN VIỆT NAM, ĐƯỜNG THI TRUNG HOA, VÀ HAIKU CỦA NHẬT

Thái Tú Hạp

Thời điểm chúng tôi viết bài này là thời gian đánh dấu khởi đầu cho một năm mới tràn đầy hy vọng với những tiến bộ kỳ diệu về y khoa và kỹ thuật. Mỗi năm những bộ óc siêu việt của nhân loại, mỗi khám phá những kiến thức mới mẻ về khoa học không gian, đưa những phi thuyền tự động lên Hỏa Tinh sau khi hoàn tất những chuyến đưa người lên Nguyệt Tinh. Chúng ta cứ tưởng đời sống đang phóng tới tương lai nhằm mục đích phục vụ con người có một đời sống tuyệt hảo về vật chất, có thể kéo dài tuổi thọ vượt quá định mệnh trăm năm. Trong khi đó những vấn nạn về kỳ thị chủng tộc, những ý niệm hoài nghi sự hiện hữu con người trên quả địa cầu này từ bao giờ vẫn là đề tài được các nhà khảo cổ và nhân chủng học bỏ ra nhiều thời gian và công sức sưu tầm trong cổ sử để truy nguyên dấu tích con người đầu tiên.

Có nhiều giả thuyết của các nhà tiền sử lừng danh trên thế giới, như mới đây tiền sử Morwood thuộc trường Đại Học New England của Australia khẳng định: Một số thổ dân đã có mặt tại Timor và vùng Flores từ hơn 50.000 năm trước. Bằng chứng qua các dụng cụ bằng đá có khắc một loại ngôn ngữ đặc biệt, đó là thứ ngôn ngữ hình thành sớm nhất trên thế giới. Nhà nhân chủng học Colin Groves cho thấy sự có mặt con người đầu tiên tại Phi Châu từ 850,000 năm trước. Toán chuyên viên khảo cổ phối hợp giữa Trung Quốc và Nhật Bản vừa khai quật từ lòng đất tại Cổ Thành Cheng Tou Shan bên bờ sông Dương Tử thuộc khu vực Li Xian tỉnh Hồ Nam, một tượng thờ hình người cách đây hơn 6,000 năm, được đánh giá là cổ vật lâu đời nhất tìm thấy tại Trung Quốc. Hiện tượng sự có mặt của hành tinh chúng ta đang sống thì rõ thật quá già đã hơn 4.5 triệu năm nhưng mỗi ngày mỗi phút giây tâm ta vẫn cảm thấy hoàn toàn mới lạ.

Giòng nước chảy hôm qua không phải ngày hôm nay. Mới hôm qua trên những cành khô khẳng khiu, sáng hôm nay ra vườn ta đã khám phá hàng triệu mầm non lấp lánh những hạt sương trong ánh nắng mặt trời. Hàng triệu triệu mạch sống đã luân chuyển trong cỏ cây. Hoa nở đẽ rồi tàn, cứ thế trong từng sát-na mà ta đâu có hay biết. Có những điều mà sự khám phá mới của khoa học, thiên văn, vật lý, y học, nhân chủng học... hiện đại, chúng ta cứ tưởng là mới mẻ, thực sự, Chư Phật, Chư Bồ Tát đã dạy cách đây trên 25 thế kỷ. Ngày nay, nhân loại mới lần hồi tìm đến để chứng minh sự thực.

Cũng chính từ những tư duy tìm về cội nguồn tiền sử đó, sáng hôm nay, tôi đứng ngẩn ngơ trong vườn đào, nhìn những nụ mầm đã nảy thoát ra cành khô. Trời cuối đông lạnh lạnh, lòng tôi bỗng dạt dào với thiên nhiên như một tri âm tri kỷ. Chỉ có ta với trời đất và những tiếng chim hót lẻ loi đã chia sẻ với ta những nỗi niềm buồn vui thế sự. Lòng ta chợt yêu cùng hoa lá từ cái thủy chung trầm mặc của đá, đến cái thay đổi vô thường của hạt sương trên cánh hoa. Và cũng từ những dạt dào chữ nghĩa xưa, nay tôi đã khám phá ba giọng suối ngọt ngào của ba giọng thơ tiêu biểu Đông Phương qua Thơ Thiền, Đường Thi và Haiku.

THƠ THIỀN CỦA VIỆT NAM:

Qua tài liệu của bộ sách *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* của Thượng Tọa Mật Thể và cuốn *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* của Giáo Sư Nguyễn Lang, *Le Bouddhisme en Annam des Origines au 13^e siècle*, Trần Văn Giáp, Đạo Phật được các Tăng Sĩ Ấn Độ truyền vào Việt Nam khoảng đầu kỷ nguyên Tây Lịch, hình thành

Trung Tâm Nghiên Cứu Phật Giáo Luy Lâu thuộc phủ Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, sớm hơn thời điểm hình thành hai trung tâm Bành Thành và Lạc Dương ở Trung Hoa. Hồi bấy giờ (đầu kỷ nguyên) Ấn Độ đã biết sử dụng phương tiện đường biển để liên hệ thương mại trực tiếp với Trung Đông và gián tiếp với các quốc gia trong vùng Địa Trung Hải. Đế Quốc La Mã tiêu thụ rất nhiều vàng lụa, hương liệu, quế, trầm, tiêu, ngà voi và châu báu ngọc ngà... Các thương gia Ấn Độ phải nghĩ cách thu hoạch các mặt hàng theo yêu cầu để cung cấp cho thị trường ấy nên các nhà thương mại không quản ngại tiến xa hơn về miền Viễn Đông. Và Giao Chỉ (Việt Nam) ta lúc đó là nơi chốn dừng chân lý tưởng để tránh các vụ gió mùa. Trong các chuyến thuyền đi xa ngàn dặm nhiều tháng lênh đênh giữa biển cả đầy giông tố hiểm nguy nên các thuyền trưởng thường hay cung thỉnh các vị sư theo để cầu nguyện chư Phật và chư Bồ Tát hộ trì cho họ tai qua nạn khỏi, đi tới nơi về tới chốn, an lành.

Cũng nhân cơ hội thuận lợi này các vị Lão Trượng Thiền Sư thuộc các trung tâm Amaravati và Nagarjuna-Konda thuộc khuynh hướng Đại Thừa đang phát triển mạnh mẽ tại miền duyên hải Đông Nam Ấn Độ nên có ý hướng đem Phật Giáo truyền bá vào các nước ở xa, chính vì lý do này đã thúc đẩy các vị Tăng có nhiều trình độ kiến thức cao về Phật Học đã tình nguyện đi theo các thương thuyền về miền Đông Nam Á. Trung Tâm Luy Lâu là một ý nguyện được hình thành trong mục đích cao quý này trong đầu kỷ nguyên tây lịch tại nước ta. Và cũng từ đó giòng suối mát từ ái của Đạo Phật đã thấm thấu đất lành, sinh cây nẩy lộc từ đời này đến đời khác qua nhiều thế hệ thăng trầm của lịch sử cho đến nay có hơn cả ngàn năm. Tác phẩm đầu tiên viết tại đất Giao Chỉ (Việt Nam) đó là cuốn Lý Học Luận của Mâu Tử, chứa đựng nhiều tư tưởng sâu sắc của triết lý Đạo Phật. Sở dĩ chúng tôi đan cử một số dữ kiện để chứng minh Đạo Phật từ Ấn Độ truyền vào chứ không phải Đạo Phật từ Trung Hoa truyền sang. Tuy nhiên, Đạo Phật đòi hỏi càng ngày càng đào tạo thêm những tăng tài uyên bác, dĩ nhiên các tăng lữ Việt Nam phải học hỏi tôn sư các vị Thiền Sư đến từ Trung Hoa. Qua kinh nghiệm giác ngộ triết lý của Đạo Phật và được đãi lọc qua nhiều lớp phù sa siêu việt của ngôn ngữ thi ca Việt Nam, thơ Thiền đối với kho tàng văn hóa Dân Tộc đã biểu hiện một sắc thái độc đáo tuyệt hảo như những hạt châu lấp lánh trong bảo tàng viện của nhân loại. Từ những Thiền Sư Khuông Việt thế kỷ thứ 9 đến các Thiền Sư Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Huệ Sinh, Ngộ Ấn, Mãn Giác... thế kỷ thứ 10 đến các Thiền Sư Đạo Hạnh, Không Lộ, Diệu Nhân, Huyền Quang... vào thế kỷ thứ 11, chưa kể hai vị Vua Lý Thái Tông năm 1001-1054 và Trần Thái Tông (1218-1277) cũng trước tác nhiều bài thơ Thiền xuất chúng để đời. Và

các Thiền Sư Trúc Lâm, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Hương Hải và Chân Nguyên trong các thế kỷ 13, 14, 15 và 16 nối tiếp phát triển thơ Thiền lưu lại hậu thế.

Trong phạm vi bài viết cô đọng giản lược về diễn biến giòng thơ Thiền Việt Nam, chúng tôi chỉ xin mạo muội đan cử vài nét tượng trưng của một vài Thiền Sư theo sở thích chủ quan của chúng tôi, như trường hợp Bài *Thị Đề Từ* của Thiền Sư Vạn Hạnh:

*Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy, vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô*
(Dạy Học Trò)

Thân như chớp sáng, có rồi không
Xuân hoa cỏ mọc, chết khô đông
Mặc đời suy thịnh đừng lo sợ
Suy thịnh dường sương ngọn cỏ bông
(Võ Đình)

Nhà vua Lý Thái Tông ngoài tài lãnh đạo quốc gia và an bang tế thế, còn là một thi tài lỗi lạc, một hôm vua Lý Thái Tông mời các cao tăng đến thọ trai, nhân dịp hội ngộ tào nhân mặc khách, Ngài yêu cầu mỗi người sáng tác một bài kệ ngắn để tỏ bày sự kiến giải về đạo Phật. Khi mọi người còn đang lao lung suy nghĩ thì vua Lý Thái Tông đã khiêm cung trình bày bài kệ của mình:

Bát nhã vốn không tông
Nhân không, ngã cũng không
Ba đời các đức Phật
Pháp tính vốn chung đồng

*Bát Nhã chân vô tông
Nhân không ngã diệt không
Quán hiện vì lai Phật
Pháp tính bản lai đồng*

Nội dung bài kệ đề cập đến bản tính không (Sùnyata) của nhân, ngã, tông bát nhã và của các chư Phật trong hiện tại và vị lai. Về phương diện sáng tác, các Thiền Sư chỉ còn lưu lại một số bài thơ được người đời ca ngợi và xem là xuất chúng trong hàng ngàn bài bị tiêu tán qua thời gian. Như trường hợp của Thiền Sư Không Lộ, thơ Thiền ẩn dụ những ý tưởng cao siêu được xem như những bài kệ độc đáo:

*Trạch đắc long xà địa khả cư
Dã tình chung nhật lạc vô dư
Hữu thời trực thượng vô phong đỉnh
Trường khiêu nhất thanh hàn thái hư*
(Ngôn Hoài)

Chọn nơi địa thế đẹp sông hồ
Vui thú tình quê quen sớm trưa
Có lúc trèo lên đầu chót núi
Kêu dài một tiếng lạnh hư vô...
(Tiếng Lòng)

Ở một bài thơ khác của Thiền Sư Tuệ Trung khẳng định qui luật khách quan của tạo hóa, tự nhiên - tất cả vạn vật đều vận động theo qui luật - ngay cả chuyện tử sinh cũng xảy ra một cách bình thường. Dĩ nhiên sự sống chết không còn là vấn đề phải ưu tư và quan tâm đối với những nhà tu hành học đạo. Vấn đề đáng quan tâm hơn tất cả là sự giác ngộ tìm đến cõi thanh tịnh Chân Như:

*Sinh tử do lai bãi vận trình
Nhân duyên thời tiết tự nhiên thành
Sơn vân dã hữu xuất sơn thế
Giản thủy chung vô đầu giả thanh
Tuế tuế hoa tùy tam nguyệt tiếu
Triêu triêu kê hướng ngũ canh minh
A thủy hội đắc nương sinh diện
Thủy tín nhân thiên tổng giả danh*
(An Định Thời Tiết - Tuệ Trung)

Sống chết về đâu chớ hỏi quanh
Nhân duyên thời tiết tự nhiên thành
Mây ngàn vốn tự bay ra núi
Nước suối thường khi đổ xuống ghềnh
Độ độ hoa cười xuân tới tiết
Đêm đêm gà gáy lúc tàn canh
Khuôn trăng người mẹ ai hay biết
Trời nọ người kia thấy giả danh
(Thời Tiết Yên Định - Đỗ Văn Hỷ)

Trong một ý niệm giải thích về Thiền, Thiền Sư Vô Ngôn Thông đã phát biểu: Thiền hay Thiền Sư không phải là một cái gì có thể định nghĩa được, như cây thoan lư kia, nhìn thẳng vào đó thì thấy ngay, khỏi cần qua trung gian ngôn ngữ và khái niệm. Thiền là sự tỉnh thức, sự sinh hoạt trong thế giới thực tại, chỉ có thể thể nghiệm mà không thể đàm luận và giảng giải (VNPG Sứ Luận). Thi ca là sự trực nhận tình cảm giữa người sáng tạo và đối tượng thường ngoạn. Thế giới của Thiền đâu phải là thế giới của cảm lạnh trầm mặc như vách đá sừng sững trước mặt. Tâm đã phóng lên cao ra ngoài cùng vũ trụ hòa nhập với trăng sao để tạo thành những thiên hà tuyệt kỳ. Sự kết hợp hoàn hảo đó các Thiền Sư Việt Nam đã để lại hàng hàng châu báu trong kho tàng văn học Việt Nam khởi đi từ đầu thế kỷ thứ nhất.

ĐƯỜNG THI CỦA TRUNG HOA:

Cho đến nay mỗi khi đề cập đến thời đại hoàng kim của nền thi ca Trung Quốc, tất cả chúng ta đều đồng ý công nhận thời đại hưng thịnh của Đường Thi. Theo nhận định của Sử Cúc Nhân: Chỉ cần đọc thuộc *Đường Thi Tam Bách Thủ* (Ba Trăm Bài Thơ Đường) đủ nói ra với kiến thức sâu sắc chẳng khác một nhà thơ trong khi giao tế với người đời. Trong bộ *Toàn Đường Thi* ấn hành vào năm 1707 thì Thơ Đường lên đến 48.900 bài thơ của hơn 2.200 thi nhân gồm 900 quyển hợp thành 30 tập. Trải qua hơn ngàn năm từ đời vua Đường Cao Tổ hiệu Vũ Đức (618) đến thời kỳ Thịnh Đường (713), Trung Đường (766), Vãn Đường (905) của Đường Chiêu Tuyên Đế, thời điểm kết thúc của Thơ Đường. Trải dài trong thời gian sử liệu Đường Thi đó, còn lại bao nhiêu thi tài lỗi lạc được đa số người đời nhắc nhở, ngưỡng phục và đánh giá như những nhà thơ vĩ đại. Những thi phẩm của họ đã thuộc về những gia tài quý báu tuyệt hảo của nhân loại. Lý Bạch được tôn vinh là Thi Tiên, Bạch Cư Dị là Thi Hào, Thôi Hiệu là Thi Bá, Đỗ Phủ là Thi Thánh, Vương Duy là Thi Phật...

Thơ của họ được dịch ra nhiều ngôn ngữ trên thế giới lưu truyền mãi cho tới ngày nay. Theo nhận định có tính cách chủ quan và thô thiển của chúng tôi thì trong số lượng 48.000 thi phẩm có thể vượt hơn 300 bài, nếu nhận xét một cách khách quan và vô tư, được giới yêu thích thơ Đường đánh giá cao là những tác phẩm thi ca tuyệt hảo nhất của loài người, cả ngàn năm sau, thật sự chưa có những thi tài thi ca nào sánh kịp, có chăng cũng chỉ là những mô phỏng, làm mới ngôn ngữ nhưng không thoát khỏi ý từ trùng điệp của Đường Thi. Tại sao địa vị thơ Đường có nhiều ảnh hưởng sâu sắc đến như thế? Cũng như các đời vua Lý Thái Tông và Trần Thái Tông của Việt Nam, luôn luôn khuyến khích các nhân tài văn học trong nước tạo nên những môi trường sáng tác trong quần chúng phát huy, khám phá những áng văn chương tuyệt tác. Ở Trung Hoa trong các thời đại nhà Đường, hầu hết các vua chúa đều yêu chuộng văn thơ một cách nồng nhiệt. Khi lên ngôi, Tàn Vương, Đường Thái Tông truyền lệnh thiết kế Hoàng Văn Quán, thu thập hơn 20 vạn cuốn sách quý, mở các buổi hội họp vào cuối tháng để cùng nghiên cứu trao đổi kiến thức, thảo luận với các quan học sĩ, cao sĩ uyên bác, xướng họa thi văn một cách tương đắc. Chính vì không khí trọng văn đó, trong các thời đại nhà Đường, thi ca trở nên những cơ hội thành danh của những bậc trí thức hiền tài, bậc thang bước lên đỉnh vinh hoa phú quý. Thơ trở thành giòng suối mát chảy khắp cùng trong nhân thế, tạo nên cảnh trí thanh bình an lạc. Khai phá khu rừng Thơ Đường trùng trùng hương sắc. Thực sự chúng tôi không có khả năng kiến

thức sâu rộng, chúng tôi chỉ là hạt cát bên bờ mé sông Dương Tử hèn mọn ngu ngơ, chỉ mong từ từ duy hạt cát ấy, viên dần vài nét đẹp của Thế Giới Đường Thi tuyệt tác lưu truyền vượt qua thời gian gần cả ngàn năm nay. Đó là LỘC TRẠI của Vương Duy, Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu, Phong Kiều Dạ Bạc của Trương Kế, Đàng Vương Các của Vương Bột, Hối Hương Ngẫu Thư của Hạ Tri Chương, Đề Tích Sở Kiến Xứ của Thôi Hộ, Bạc Tần Hoài của Đỗ Mục, Tùng Hạ Vãn Đồng Tử của Giả Đảo, Tương Tiên Tửu, Tĩnh Dạ Tứ của Lý Bạch... Trong khuôn khổ của bài viết này chúng tôi xin đan cử một vài thi phẩm tượng trưng của thế giới Đường Thi tuyệt tác đó:

*** HOÀNG HẠC LÂU**

*Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ
Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
Bạch vân thiên tải không du du
Tĩnh xuyên lịch lịch Hán Dương thụ
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu
Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu*
(Thôi Hiệu)

*** GÁC HOÀNG HẠC**

Hạc vàng ai cỡi đi đâu
Mà nay Hoàng Hạc riêng lâu còn tro
Hạc vàng đi mất từ xưa
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay
Hán Dương sông tạnh cây bày
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non
Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai
(Tản Đà dịch)



*** LỘC TRẠI**

*Không sơn bất kiến nhân
Đản văn nhân ngữ hưởng
Phản cảnh nhập thâm lâm
Phục chiếu thanh đài thượng*
(Vương Duy)

*** TRẠI HƯỞU**

Trong non chẳng thấy một ai
Chỉ còn nghe vọng tiếng người nơi nao
Trời chiều bóng ngả rừng cao
Nhật thừa bóng lại chiếu vào rêu xanh
(Đỗ Bằng Đoàn - Bùi Khánh Đản)

*** TĨNH DẠ TƯ**

*Sàng tiền minh nguyệt quang
Nghị thị địa thượng sương
Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cố hương*
(Lý Bạch)

*** NGHĨ TRONG ĐÊM VẮNG**

Trước giường lặng ngấm vàng trắng bạc
Ngõ như mặt đất tỏa sương sa
Ngước lên dõi ánh trăng vắng vặc
Cúi đầu ray rứt nhớ quê nhà
Đầu giường lặng ngấm trăng soi
Tường như mặt đất sáng ngời ánh sương
Ngẩng nhìn trăng tỏ như gương
Cúi đầu chạnh nhớ cố hương nghìn trùng
(Ái Cầm)

*** ĐỀ TÍCH SỞ KIẾN XỨ**

*Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ?
Đào hoa y cựu tiếu đông phong*
(Thôi Hộ)

*** CHÓN NÀY NĂM TRƯỚC**

Hôm nay, năm ngoái, cửa cài
Hoa đào ánh với mặt người đỏ tươi
Mặt người chẳng biết đâu rồi?
Hoa đào còn đỏ vẫn cười gió đông
(Trần Trọng Kim)

THƠ HAIKU CỦA NHẬT

Đề cập đến thi ca Trung Quốc không ai phủ nhận giá trị thơ Đường, cũng như nói đến thi ca Nhật Bản, những nhà nghiên cứu văn học không thể không tôn vinh giòng thơ Haiku phát xuất từ thi hào Matsuo Basho, thường gọi là Tùng Vĩ Ba Tiêu của thời điểm từ 1644 đến 1694, được dân chúng xứ Hoa Anh Đào đánh giá cao như những vì sao Bắc Đẩu, rực sáng trên bầu trời thi ca Nhật Bản. Tuyển tập thi phẩm Haiku mang tên Oku no Hosomichi (Lối Lên Miền Oku), ông hoàn tất vào năm 1690 và sau nhiều lần nhuận sắc kỹ lưỡng ông mới thực sự ấn hành vào năm 1694, nửa năm trước khi ông từ giã cõi trần. Tác phẩm Oku no Hosomichi được dân chúng Nhật yêu thích, xem như một tuyệt tác tiêu biểu của nền văn học Nhật Bản. Cũng giống như tuyệt phẩm *Đoạn Trường Tân Thanh* của cụ Tiên Điền Nguyễn Du của Việt Nam.

Ông sinh ra trong một gia đình võ sĩ đạo (Samurai) ở thành Ueno, thuộc Iga, nay thuộc huyện Mie. Basho khi mới sinh ra đời có tên là Kinsaku (Kim Tác), lớn lên đổi thành Munefusa (Tông Phòng). Theo tài liệu của Abe Kimio, Matsuo Basho (Matsuo Basho) Tokyo: Yoshikawa Kobunkan 1967, Ando Tsugio, Oku no Hosomichi (Lối Lên Miền Oku) Tokyo: Iwanami Shoten 1989, và một số tài liệu do Vĩnh Sính, Giáo sư lịch sử và văn hóa Nhật Bản thuộc Đại Học Alberta, Canada, sưu tập và giới thiệu, thơ Haiku rất cô đọng nhưng diễn tả sâu sắc từ nội tâm đến con người, đến trời đất mênh mông. Ở thơ Haiku chỉ có 3 hàng chữ, 5 vần ở hàng thứ nhất, 7 vần ở hàng thứ hai, và 5 vần ở hàng thứ ba, tổng cộng bài thơ chỉ có 17 vần. Thơ Haiku mang tính cách đứng đắn trang trọng, khởi điểm từ thiên tài Basho. Từ thế kỷ thứ 7 đã xuất hiện giòng thơ Waka (Hòa Ca) thường dùng để phân biệt thơ của Nhật hay cảm hứng trong thơ Nhật với thơ chữ Hán mà người Nhật gọi là Kanshi (Hán Thi), chính giòng thơ Waka, chia ra hai thể loại Choka (trường ca) và Tanka (đoản ca), đã gây được cảm tình quần chúng trong một thời gian và người dân cho là giòng thơ phổ thông nhất như ca dao, tục ngữ trong nền văn chương bác học của Việt Nam. Tanka cũng gây được tiếng vang một thời. Hai cuốn sách là *The Records of Ancient Matters* (năm 711) và cuốn *The Chronicles of Japan* (năm 720) đã tuyển chọn gần 100 bài thơ hay nhất viết bằng 31 vần. Đến thời điểm khoảng giữa thế kỷ thứ 8, Tanka đã hưng thịnh tuyệt đỉnh, được gọi là thời kỳ Sưu Tập Của Ngàn Chiếc Lá (*The Collection Of Ten Thousand Leaves*), Tanka đã thực sự phổ biến và lôi cuốn mọi thành phần giai cấp trong xã hội tham gia vào công tác sáng tạo một cách nồng nhiệt, đã quy tụ gần 5000 thi phẩm chọn lọc. Những trào lưu thi ca tiếp theo,

tiêu biểu là thời kỳ Heian (năm 794-1185) và kế tiếp là nhóm Tân Sưu Tập Của Thi Ca Cổ Và Tân Thời (*The New Collection Of Ancient and Modern Poems*) (1205), với nhà thơ Minamoto Saneiomo đầu đàn (1192-1219), cũng như nhà thơ Tachibana Akemi, chưa thoát ra khỏi ảnh hưởng của hào quang Tanka. Dân chúng vẫn bị ru ngủ trong những vần điệu êm ái tình xảo, đầy điểm lệ viễn mơ, hình thức.

Mãi cho đến khi Matsuo Basho xuất hiện một cách lẫm liệt (1644-1694) như một đường gươm tuyệt đẹp, Basho đã thực sự khai phá một lối đi từ hình thức đến nội dung hoàn toàn mới lạ. Ông đã đưa thi ca Nhật Bản lên đỉnh cao của trí tuệ, ông đã phối hợp một cách nghệ thuật tuyệt vời giữa Thiên và Đường Thi. Ông đã kết tinh phương cách sáng tạo xúc tích tư tưởng trong thể thơ Haiku.

Trong cuốn tiểu luận *Hài Cú Nhập Môn* (*An Introduction To Haiku*) của Herold G. Henderson, Giáo sư dạy môn Nhật Văn và lịch sử nghệ thuật tại trường Đại Học Columbia, Hoa Kỳ, ông đã đan cử thêm một số thi sĩ Haiku như Shiki chẳng hạn. Nhưng rõ ràng, ông giáo sư này cũng phải quay về ca ngợi thiên tài lỗi lạc Basho vẫn như ngôi Bắc Đẩu trên nền trời văn học Nhật Bản.

- Hạt giống của Haiku gieo rải đã nhiều trên bảy trăm năm trước và đứng vào thế kỷ XVII thì tới độ mãn khai, đồng thời đây cũng là nghệ thuật hiện đại, ngày nay được phổ biến còn nhiều hơn trước. Không một ai có thể biết chính xác có bao nhiêu người Nhật thực hành chúng, bởi hầu hết Haiku được sáng tác, chủ yếu vì niềm hoan hỉ của tác giả và bằng hữu, chứ không có mục đích để xuất bản. Tuy nhiên, đã có hơn hàng trăm ngàn bài Haiku mới vẫn được sáng tác đều đặn hàng năm (GS. Harold G. Henderson - Lê Thiện Dũng).

Giòng thơ Haiku càng được trân quý bảo tồn và phát huy thì tên tuổi Matsuo Basho càng sáng chói vượt qua thời gian. Chúng tôi xin đan cử một số bài thơ Haiku tiêu biểu: Những ngày đầu xuân cảnh trí thiên nhiên ở Nhật với sương mù trắng xóa trên đỉnh núi Fuji (Phú Sĩ), những cành hoa đào khảnh khiu ở Ueno và Yanaka như một bức tranh thủy mặc tuyệt vời. Sự trầm mặc của thiên nhiên đã ngầm chứa những ý tưởng cao siêu và những nét đẹp lung linh như một tác phẩm thi ca trác tuyệt. Con người đã dùng ngôn ngữ Haiku để diễn đạt cảm xúc dạt dào và khai thác những ẩn dụ sâu xa đó. Chúng ta hãy bước vào cửa ngõ Haiku của Basho, diễn tả những cảnh trí mùa xuân với hương thơm của hoa mạn bạt ngàn trên con đường sơn đạo, như một vệt nắng chiếu tận chân trời xanh biếc lộc non.



*Ume - ga ka ni
Notto hi no deru
Yamaji kana*

(On sweet plum blossoms
The sun rises suddenly
Look, a mountain path!)
Hoa mận ngọt ngào nở rộ
Ánh nắng bỗng dưng dâng cao
Hãy nhìn, đường sơn đạo!

Một buổi sáng vào cuối mùa xuân, tuyết bắt đầu tan trên những ngọn núi, qua ánh trắng ban mai còn sót lại hiu hắt trên những tàn cây, vàng úa. Cuộc chia tay thật náo nê. Nhà thơ Taniguchi Buso cảm thấy lòng giao động nỗi buồn man mác vì chạnh nghĩ cuộc chia tay sẽ không bao giờ tái ngộ. Và sẽ không còn nhìn thấy những cánh hoa đào bay trong gió tuyết đẹp như sáng hôm nay. Mặc dù cố gắng nhưng vẫn không cầm giữ giọt lệ lấp lánh dưới ánh trắng. Những người bạn đã đến trên bến sông để tiễn đưa thi sĩ:

*Sakura chiru
Nawashiro mizuya
Hoshi - zuki - yo
(Buso)*

Anh đào nở rộ, rơi rụng
Trên mặt nước của ruộng lúa
Tinh tú dưới ánh trăng

Thiên nhiên quả thực là người bạn tri kỷ của thi ca. Tư duy của con người đã hòa nhập với trời đất trong những giây phút huyền nhiệm giao thoa giữa năm cũ và năm mới, tâm hồn thi nhân giao động mạnh hướng về thế giới của Thiên Môn, chim hót trên vòm lá, gió thổi rì rào trên hàng liễu buông tha thướt, tất cả đã hòa nhập từ tiểu ngã vào với đại ngã để nhất trí bất phân, là một của uyên nguyên trời đất:

*Ganjitsu yo
Kane kiku kure ni
Oyobi keri
(Hakki)*

New year's day also
Has come to its close
with the sounding bell

Cũng ngày tân niên
Đã đến rất gần
Với tiếng chuông ngân

Basho ghi lại đoạn đường cuối Oku no Hosomichi (Lối Lên Miền Oku) trên bãi chiều hiu quạnh chỉ còn dăm ba túp lều nhỏ của các ngư phủ và chùa Hokke (Pháp Hoa) khoác kín sương mờ. Biển trời hoàng hôn buồn da diết, chỉ một Basho bước đi giữa con đường cát vắng thê lương:

*Sabishisaya
Suma ni kachitaru
Hama no aki*

Nỗi buồn
Còn sâu sắc hơn ở Suma
Mùa thu trên bãi biển.

Ở nơi những nhà nghệ sĩ hình như có giác quan thứ sáu thật bén nhạy vượt qua trước sự hiện hữu của thời tiết. Mỗi tâm hồn là một vũ trụ vi diệu và mầu nhiệm, nhanh hơn ánh sáng và nhỏ hơn vi trần. Đôi khi có những tư duy và tư tưởng đột khởi tương đối tương đặc với nhau, như ở ba trạng thái tuyệt hảo của Thơ Thiền Việt Nam, Đường Thi Trung Hoa và Haiku của Nhật Bản, mặc dù có khác biệt về mốc đỉnh của thời gian và thể loại của sáng tạo, chẳng khác nào ba giòng sông lớn đổ vào đại dương để tựu thành nhất quán. Trong Đường Thi thấp thoáng ẩn dụ những ý tưởng cao siêu của Thiền như trong thơ Vương Duy, Lý Bạch, Thôi Hiệu... Trong Haiku lãng đãng những sương khói của Tô Đông Pha (Lâu cát mộng lung tể vũ trung) và Đỗ Phủ (Quốc phá sơn hà tại. Thành xuân thảo mộc thâm). Những ý chính chúng ta thường bắt gặp trong ba giòng thơ tiêu biểu Phương Đông này là đề tài chính đề con người hòa nhập với thiên nhiên, với vũ trụ nhất thể. Tâm trạng nhớ nhà của lữ khách ngàn dặm xa, ảnh hưởng sâu sắc triết lý Phật Giáo, thể hiện tinh thần tiểu ngã hòa nhập với đại ngã tạo nên tâm lòng rộng mở bao dung đại lượng, như mây trời. Khi tâm đã hòa nhập với thiên nhiên bao la, với vũ trụ bát ngát, đùa với trăng sao ngoài biển khơi

trùng trùng duyên khởi, thì chuyện tình yêu giữa hai người chỉ còn là những cánh hoa thấp thoáng hư ảo trong Thơ Thiền, trong Đường Thi và trong thế giới Haiku.

Những ngày đầu xuân, cần khôn đang thay áo mới, cây lá đang đâm chồi nảy lộc tinh khôi đã tạo cho tâm hồn con người những cảm giác trong sáng uyên nguyên, chứa chan hy vọng, thấp lên những khung trời mùa xuân thanh bình thực sự trên quê hương ngày trở về. Những cánh mai vàng lung linh trong nắng mới, thoang thoang trầm hương của thế giới an lành của Phật, của Thiền, của đạo sĩ, trao nhau nụ cười tỏa mát như giòng suối ngọt ngào, có phải hình ảnh hiện thực của thiên đàng nơi hạ giới? Hãy quên đi những nhọc nhằn, những ray rứt u hoài nơi viễn xứ. Hãy quay về cõi tâm an nhiên, lắng đọng để tìm lại chính bóng ta đích thực, đó là giây phút thực sự an lành bước vào cõi Thơ thanh thoát của Chân Như.

Tài liệu tham khảo:

- Việt Nam Phật Giáo Sử Lược của Thượng Tọa Mật Thể.
- Việt Nam Phật Giáo Sử Luận của Nguyễn Lang.
- Introduction To Haiku của Herold G. Henderson.
- Đường Thi Tam Bách Thủ của Sư Cúc Nhân, Hongkong 1953.
- Đường Thi Khái Luận. Thương vụ ấn thư quán. Đài Bắc 1958.
- Tác giả là Tô Tuyết Lâm.
- Thơ Thiền Lý Trần. Đoàn Thị Thu Vân.



Dòng Sông

*Đợt nước thủy triều lên xuống mãi
Dòng sông tuổi nhỏ cũng nông dần.
Mây chiều rắng đỏ trôi vương vãi
Ếch nhái mưa đêm tấu nhạc buồn.*

*Nhạc buồn, ếch nhái tấu mưa đêm,
Chớp lóe non xa sấm vọng rền.
Chợp mắt giao thừa năm sáu tám
Nhìn trời, vắng pháo nổ buồn tênh.*

*Nhìn trời, nghe pháo nổ buồn tênh,
Rét cóng trùm chăn cuộn kín mền.
Nhật nguyệt xoay vần trong khoảnh khắc
Giao thừa chuông trống giống vang rền.*

*Thời gian hiện hữu, có không em?
Sớm tối đêm ngày chẳng bớt thêm.
Giọt nước đồng hồ xoay nhật nguyệt
Tình cầu, trái đất đợi trăng lên.*

*Tuổi lớn, dòng xưa không trở lại,
Hàng dừa, rợp mát đợi trăng xanh.
Hồn ôm lữ thứ sầu quan tái,
Quạnh quẽ đèn sương ánh hải đăng.*

VỖ DOÃN NHÃN

BÀI DIỄN VĂN HAY NHẤT THIÊN NIÊN KỶ

Thu Giang (ST)

Một thoáng bồi hồi tiễn đưa năm cũ (Bính Tuất), đón chào năm mới (Đinh Hợi), xin trích đăng lại bài diễn văn này, để kết thúc năm con chó, thân tặng những người tuổi Tuất, những người yêu người tuổi Tuất, những người thích chó, những người chưa hoặc không thích chó, những người rất hiểu về chó, những người chưa hiểu về chó... và tất cả những ai có liên hệ tới chó... (VH)

Lời người dịch: *Diễn văn của Luật sư George Graham Vest tại một phiên tòa xét xử vụ kiện người hàng xóm làm chết con chó của thân chủ, được phóng viên William Safire của báo The New York Times (Nữ Ước thời báo) bình chọn là hay nhất trong tất cả các diễn văn lời tựa trên thế giới trong khoảng 1,000 năm qua.*(Thu Giang)

Thưa quý ngài hội thẩm,

Người bạn tốt nhất mà con người có được trên thế giới này có thể một ngày nào đó hóa ra kẻ thù quay ra chống lại ta. Con cái mà ta nuôi dưỡng với tình yêu thương hết mực rồi ra có thể là một lũ vô ơn.

Những người gần gũi thân thiết ta nhất, những người ta gửi gắm hạnh phúc và danh dự, có thể trở thành kẻ phản bội, phụ bạc lòng tin cậy và sự trung thành. Tiền bạc mà con người có được, rồi sẽ mất đi. Nó mất đi đúng vào lúc ta cần đến nó nhất. Tiếng tăm của con người cũng có thể tiêu tan trong phút chốc bởi một hành động đại một giờ. Những kẻ phủ phục tôn vinh ta khi ta thành đạt có thể sẽ là những kẻ đầu tiên ném đá vào ta khi ta sa cơ lỡ vận. Duy có một người bạn hoàn toàn không vụ lợi mà con người có được trong thế giới ích kỷ này, người bạn không bao giờ bỏ rơi ta, không bao giờ tỏ ra vô ơn hay tráo trở, đó là con chó của ta.

Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta trong phú quý cũng như lúc bần hàn, khi khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh, dù gió đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết vấp vùi, miễn sao được cận kề bên chủ là được! Nó hôn bàn tay ta dù khi ta không còn thức ăn

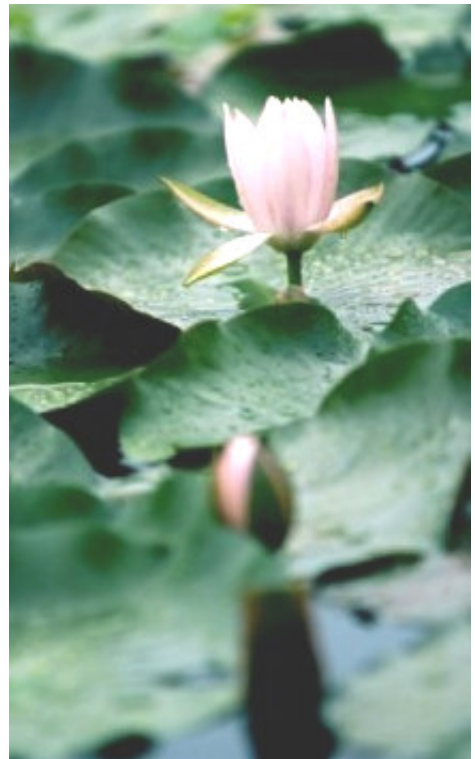
gì cho nó. Nó liếm vết thương của ta và những trầy xước mà ta hứng chịu khi va chạm với cuộc đời tàn bạo này. Nó canh giấc ngủ của ta như thể ta là một ông hoàng, dù ta có làm một gã ăn mày. Dù khi ta đã tán gia bại sản, thân tàn danh liệt, thì vẫn còn, con chó trung thành với tình yêu nó dành cho ta như thái dương trên bầu trời. Nếu chẳng may số phận đá ta ra rìa xã hội, không bạn bè, vô gia cư thì con chó trung thành chỉ xin ta một ân huệ là cho nó được đồng hành, cho nó được làm kẻ bảo vệ ta trước hiểm nguy, giúp ta chống lại kẻ thù. Và một khi trò đời hạ màn, thân chết đến rước linh hồn ta đi, để lại thân xác ta trong lòng đất lạnh, thì khi ấy, khi tất cả thân bằng quyến thuộc đã phủ tay sau năm đất cuối cùng và quay đi để sống tiếp cuộc đời của họ. Thì khi ấy vẫn còn bên nắm mồ ta – con chó cao thượng của ta, nằm gục mõm giữa hai chân trước, đôi mắt ươn buồn vẫn mở ta cảnh giác, trung thành và chân thực ngay cả khi ta đã chết rồi!

George Graham Vest



TRẦN GIAN - MỘT THUỞ MƠ LÀM BỒ TÁT

*Nếu một mai, em là Bồ Tát
đạo quanh thế giới
dấn thân vào cuộc đời, cứu khổ nạn tai
ta xin được làm chúng sinh
dâng tâm thành cầu nguyện
vị Bồ Tát vừa thành
nhưng em hãy vun tròn nguyện lớn
bước thênh thang đường cầu quả Phật
mở rộng tấm lòng cứu vớt sinh linh
xin đừng bận tâm thương xót
một chúng sinh nhỏ nhoi như ta
để nước mắt rơi xuống
làm thành muôn vòn hạt kim cương tràn ngập trần gian
đời tục lụy lại một lần vô tình vương bận chân em
hãy để mình ta,
một hữu tình, còn vương bao phiền não
đi đứng giữa chợ đời
cất bỏ gánh nặng thân tâm
đi vào cửa nhà thực tại
khi ta lặng mình trong cõi vắng
ở một nơi chốn nào đó
này em, ta đã có bên em
có màng gì danh hiệu
chỉ mong làm người bình thường
vui với em, năm uẩn không, tròn lời kinh Bát nhã
đùa cùng em, mở rộng lòng, nguồn chú lực Đại bi
cùng nhìn nhau, mắt Na-la diên sáng rực sao trời Không tướng
nụ cười cánh sen hồng cõi Hoa Tạng, rạng ngời tuyệt đẹp....*



CƯ SĨ LIÊN HOA

MỐI LIÊN HỆ THÂM TÌNH

Nguyên tác: ĐẠT LAI LẠT MA

Việt dịch: *Chân Huyền*

Lòng từ bi là chìa khóa của cuộc sống an vui và là điều then chốt để chữa trị bệnh cô đơn buồn khổ. Nó cũng là cái tâm căn bản để chúng ta có một cuộc đời nhiều phước đức.

Theo một bài giảng của đức Đạt Lai Lạt Ma, trong đạo Phật, phước điền hay cái kho tàng trữ các phước đức sẽ là điều kiện quyết định cho kiếp sống tương lai của mỗi người. Có hai loại phước điền: một liên quan đến sự kính ngưỡng và hành trì theo chư Phật và Bồ tát, một do cách hành xử đối đãi với chúng sinh.

Đối với chúng sinh, phước đức tới từ các nghiệp thiện như làm điều lành, bố thí, rộng lượng tha thứ, v.v... và tinh thức để tránh các nghiệp ác như giết hại, trộm cắp, nói dối... Loại phước đức này liên quan tới các hành động hỗ tương đối với người khác. Họ là những người giúp chúng ta tạo ra được phước đức. Ngài nói:

“Trước đây tôi đã từng nói tới một số yếu tố cần thiết giúp ta sống vui vẻ, hạnh phúc. Đó là sức khỏe tốt, vật chất đầy đủ, và có bằng hữu. Khi nhìn cho sâu, bạn sẽ thấy rằng tất cả các yếu tố đó đều liên quan tới người khác. Muốn giữ được sức khỏe, bạn cần có thuốc men và các chuyên viên về y tế giúp bạn.

Nếu nhìn vào các vật chất mà bạn đang thụ hưởng, bạn sẽ khó mà tìm được món đồ gì không liên quan đến tha nhân. Suy nghĩ cho kỹ, bạn sẽ thấy các đồ vật đó đều là kết quả của bao công sức tới một cách trực tiếp hay gián tiếp từ người khác. Bao nhiêu người đã tham gia vào việc làm cho sự vật kia có mặt.

Không cần nói bạn cũng hiểu rằng bạn bè và người thân chung quanh mới là những yếu tố quan trọng, mà các liên hệ với bằng quan thiên hạ cũng cần thiết không kém cho cuộc sống hạnh phúc của mình.

Vậy ta có thể kết luận rằng ta không thể sống mà thiếu liên hệ với một người. Họ là những nhân tố không thể thiếu được. Dù trong các liên hệ với người khác, đôi

khi có những khó khăn, tranh luận hay cãi cọ, ta cũng nên cố gắng giữ thái độ thân hữu và cởi mở để cho cuộc sống được hạnh phúc.”

Khi hỏi đức Đạt Lai Lạt Ma coi ngài có thấy thiếu thốn một mối liên hệ mà người Âu Mỹ cho là mật thiết nhất đời người (sống với vợ hay chồng) chẳng thì ngài trả lời: “Không! Tôi không bao giờ thiếu những liên hệ thâm tình. Tuy cha tôi đã mất từ lâu, nhưng tôi luôn gần gũi mẹ tôi và các vị thầy, các giáo thọ cùng nhiều người khác.”

Ngài nói không bao giờ thấy cần thiết mối liên hệ với riêng một người nào, vì trong cuộc sống, ngài có tương quan thân thiết với tất cả mọi người chung quanh.

“Và tôi có rất người thân để chia sẻ tất cả mọi cảm xúc sâu kín, kể cả sợ hãi...”

Tôi cảm thấy có liên hệ mật thiết với rất nhiều người, vì với ai tôi cũng dễ dàng chia sẻ mọi chuyện buồn vui được.

Có lẽ trong bản chất, tôi là người cởi mở, sẵn sàng chia sẻ tình cảm với người khác. Tuy nhiên cái tánh này đôi lúc cũng có điểm bất lợi.

Chẳng hạn như sau phiên họp với hội đồng nội các (khi còn ở Tây Tạng, bị Trung Quốc kiểm soát chặt chẽ), tôi nhức đầu vì nhiều vấn đề quá, nên khi về phòng riêng, tôi có thể đem chuyện đó nói với mấy người dọn dẹp.

“Đối với vai trò Đạt Lai Lạt Ma, đem chuyện quốc gia đại sự ra nói với người dọn phòng như vậy là bậy,” nhưng (ngài cười), “điều đó rất có ích cho tôi, vì tôi có người để chia sẻ lo âu, phiền phức!”

“Dù sống trong xứ Tây Tạng hay sống lưu vong, tôi chưa từng thiếu người để chia sẻ tâm sự. Tôi nghĩ đó là bản chất của tôi.

Tôi làm bạn với người khác rất dễ dàng và có thể chia vui sẻ buồn với nhiều người chung quanh.”

Cái Đẹp Vô Thường

*Đẹp không hai chữ vô thường
Hãy nhìn chân thực vô thường đẹp không
Vô thường vận chuyển mênh mông
Vô thường biến hóa tương đồng vạn duyên
Vô thường dạo khắp mọi miền
Ngắm từng cánh vật tự nhiên tuyệt vời
Vô thường đi khắp muôn nơi
Danh lam thắng cảnh ngổ lời chờ mong
Vô thường khẽ gọi đêm đông
Chia cơn giá lạnh xót lòng những ai
Vô thường rón rén cảnh mai
Nụ xuân e ấp đêm dài đã lâu
Vô thường vào hạ ve sầu
Rắc reo tiếng khóc biển dâu làm gì
Vô thường thu đến thu đi
Rừng cây trơ lá đến thì trở bông
Vô thường biến có thành không
Biển không thành có được lòng mới nghe
Vô thường xa lạ còn e
Biết rồi đẹp ý ai dè thế đâu
Vô thường nổi biển sông sâu
Bàn tay vun vén nhịp cầu lại qua
Vô thường kết lại gần xa
Bạn thù rũ sạch trong nhà thân thương
Vô thường xóa bỏ chán chường
Cho đời đổi mới mở đường thênh thang*

*Vô thường nổi lại hai đàng
Xóa tan sâu hận vén màn minh châu
Vô thường kết hợp muôn màu
Mỗi người mỗi vẻ mỗi màu mỗi hay
Vô thường mới có đổi thay
Đêm đen như mực thì ngày mới trong
Vô thường thân gối đầu non
Rong chơi góc biển vẫn còn hồn ta
Giữ chi thân đã úa già
Mượn thân hình mới la cà muôn phương
Vô thường mở điệu du dương
Sắc không vạn hữu là đường ta đi
Đừng ôm một mảnh li ti
Phi vô phi hữu điệu kỳ ai hay
Vô thường ta bước xưa nay
Bao trùm vô tận mây may chẳng nhòa
Tay nâng nhẹ nhẹ cành hoa
Dung bao nhiêu thứ mà hòa mới nên
Xóa tan những nỗi buồn tênh
Nụ hồng đã điểm trên vành môi tươi
Vô thường cất bước trong đời
Mở ra gót ngọc ngổ lời hoan ca
Đi trong bốn biển là nhà
Bước đi từng bước nở hoa mỉm cười
Vô thường một đóa xinh tươi
Từ trong nhân ảnh nụ cười còn vang.*

Thơ
MẶC GIANG



NGƯỜI NGÀY XƯA

Thích Nữ Trí Hải

(phóng tác một mẫu truyện Liêu trai do Hòa thượng Trí Thủ kể)

Sinh là một anh học trò nghèo kiết xác tha phương cầu học. Anh ở trọ trong một ngôi chùa, ngày đêm dùi mài kinh sử để ứng thí. Quan huyện sở tại cũng là người xứ khác bổ nhiệm đến, thường lui tới chùa vì quan rất mộ đạo. Quan có một cô con gái tuổi độ trăng tròn, nhan sắc mỹ miều diễm lệ. Một hôm nhân ngày lễ Vu lan, cô gái theo cha đến chùa.

Vừa trông thấy người ngọc, Sinh ôm lòng thâm yêu trộm nhớ. Nhưng chàng đã có vợ con ở quê nhà, lại thuộc gia đình nghèo khó, mà nàng thì đang độ xuân xanh, lá ngọc cành vàng. Chuyện lương duyên thật khó nổi ước mơ. Mỗi tình bị chướng duyên ngăn trở càng thêm nồng nàn thắm thiết, mặc dù chưa một lời trao đổi, tình yêu chỉ đơn phương. Chàng đành nuốt nước bọt ngâm câu "tình tuyệt vọng":

Lòng ta chôn một khối tình

Tình trong giây phút mà thành thiên thu

Nàng thoáng hiện tới chùa một lần rồi không bao giờ trở lại. Con "người gieo thắm" đó để lại trong lòng Sinh một mối tương tư cay đắng, vì không thể nào trăm năm tính cuộc vuông tròn. Hình ảnh nàng đang ám ảnh Sinh một cách mãnh liệt, thì bỗng một hôm, chàng nghe tin nàng đã chết. Ôi! Rõ thật là: "*Ngày xuân xanh sơ ngộ để thiên thu.*"

Mới thấy nàng có một lần, nhưng Sinh lẫn khóc thảm thiết khi hay tin nàng lìa trần. May thay, tục lệ lúc bấy giờ ưa chôn người chết ở nguyên quán, nên quan huyện ướp xác quàng thầy nàng tại ngôi chùa Sinh trú ngụ, chờ ba năm sau sẽ đưa về cố quận. Từ đó Sinh được đêm ngày gần gũi người đẹp... trong quan tài. Mối tình si vẫn nồng đượm, có lẽ còn mặn mà hơn xưa, bởi lẽ giờ đây không còn gì ngăn cách. Cái chết xóa tan mọi bất bình đẳng giữa con người, phá đổ mọi ranh giới tài sản, địa vị, giai cấp... Mỗi bữa ăn, Sinh đặt một mâm cơm trên nắp quan tài cúng cho vong linh hưởng xong, chàng mới chịu hạ xuống ăn. Chàng kể lể với người trong quan tài như sau:

"Ôi nàng ơi! Âm dương đôi ngã, nàng có thấu cho lòng tôi không? Khi nàng còn sống, nàng là lá ngọc cành vàng, tôi chỉ là một kẻ thư sinh bần hàn ăn nhờ ở đậu, có khi nào đài gương soi đến đậu bèo! Nhưng tôi yêu nàng tha thiết, tình riêng luống ra ngăn vào ngơ. Hình bóng nàng đậm nét trong tim tôi. Bây giờ, nàng nằm đó, tôi đứng đây, cách nhau có một tấm ván quan tài, chỉ trong gang tấc vậy mà thành ra biết mấy trùng quan san! Ôi! Sao con tạo khéo trêu người đường bầy! Khi tôi được hân hạnh gần gũi nàng, thì nàng đã hóa ra người thiên cổ, thành cái xác không hồn! Ước sao nàng hãy sống lại, tôi xin đổi bất cứ gì để đôi ta được tái ngộ trên dương trần! Xin nàng chứng giám cho lòng tôi."

Bữa ăn nào cũng vậy, việc cúng cơm và đọc văn tế than khóc người đẹp trở thành một tục lệ bất biến trong đời chàng thư sinh. "Hữu cầu tất ứng", lời cầu nguyện của chàng chẳng bao lâu cảm ứng được vong hồn người chết. Một đêm nàng hiện về tỏ vẻ:

"Cảm tấm tình si của chàng, em đã xin với Diêm vương cho em được tái sinh vào ngôi nhà số..., đường..., thành phố.... Mười lăm năm sau đúng vào ngày rằm tháng bảy, chàng hãy đến tìm em ở đó, chúng ta sẽ gặp gỡ để vầy mối lương duyên. Nhưng chàng ôi, Diêm vương có ra một điều kiện. Muốn tái sinh, em phải nhờ người thân chí thành tụng một Tạng Kinh Kim Cương thì mới được như ý. Vậy, nếu chàng có lòng, xin chàng hãy tụng kinh cho em."

Sinh tỉnh dậy mừng rỡ, ghi rõ ngày tháng nàng đã hẹn lên vách, ghi luôn cả địa chỉ mới của cô gái. Từ đó chàng xếp bút nghiên, chuyên chú tụng Kim Cương đến sáu ngàn lần như nàng dặn, phải hết mất ba năm. Năm đó chàng đã bốn mươi lăm tuổi. Còn những mười hai năm nữa mới gặp lại người đẹp ngày xưa! Sinh vẫn ôm lòng chờ đợi, hình ảnh yêu kiều của nàng mỗi ngày một đậm nét trong trí tưởng.

Về phần cô gái, quả nhiên thần thức cô đã thác sinh vào một gia đình thường dân ở địa chỉ trên, để đáp lại

tâm tình si của anh học trò. Cô mang hình dáng một cô gái nhu mì dễ yêu, nhưng không có gì gọi là cá lặn chim sa cho lắm. Mỗi tình đeo đẳng từ lúc còn nằm trong quan tài, khiến tiềm thức cô vẫn một mực đợi chờ anh chàng thư sinh mặt trắng. Với tình yêu mới nở, cô tưởng tượng hình dung của anh chàng ít ra cũng bằng chàng Kim:

"Phong tư tài mạo tuyết vời.

Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa."

Ngày tháng trôi đưa, sắp đến ngày hẹn. Chàng thư sinh bây giờ tuổi đã xấp xỉ lục tuần, râu tóc hoa râm, sạm mặt phong trần vì nổi đời mưa nắng. Nhưng mỗi tình thì vẫn tươi trẻ như thuở ban đầu, vì nó vô hình vô tướng nên không có già bệnh như cái thể xác của anh. Tình yêu đã không đổi, nên hình ảnh nàng trong tim anh không chút đổi thay, đó là nét đẹp đắm nguyệt say hoa của một lần sơ ngộ. Anh yêu, là yêu cái hình bóng của nàng thì đúng hơn. Vì nếu nàng còn sống thì chắc chắn bây giờ nàng cũng không còn như hình bóng anh tồn thời.

Cái ngày hẹn hò đã đến. Anh chàng thắng bộ y phục mới tinh, chải lại mái tóc nửa đen nửa bạc không biết bao nhiêu lần, cố che giấu càng nhiều tóc bạc càng hay. Anh cũng không quên bôi dầu láng mượt như thời trang dạo đó. Nhưng làm gì thì làm, không thể hóa trang cái già thành trẻ. Không thể nào xóa hết những vết hằn năm tháng khắc sâu trên vùng trán nhăn nheo.

"Phong trần đến cả sơn khê

Tang thương đến cả hoa kia cỏ này."

Huống chi là con người, dù nó có nỗ lực bao nhiêu để xóa bỏ vết tích thời gian trên thân thể. Nhưng tâm hồn của chàng, mỗi tình si của chàng vẫn không chịu già theo tuổi tác, mà nó vẫn là mỗi tình đầu của tuổi đôi mươi, của cái lần sơ ngộ. Cho nên anh chàng hăng hái, hăm hở thuê xe tắc xi đến địa chỉ nàng hẹn để gặp lại tình xưa. Phần nàng cũng vậy, con tim rộn rã với tình yêu, với mộng đẹp và với hình ảnh chàng thư sinh khá ái. Chắc hẳn mặt chàng phải đẹp như mỗi tình của chàng! Chắc hẳn chàng phải tươi trẻ như hoa xuân phong nhụy! Ôi, cảm động làm sao sẽ là cái phút giây gặp gỡ! Ngàn năm hồ điệp đã ai quên.

... Mỗi người sống trong tâm tưởng hình ảnh tuyệt vời của người kia, và của mỗi tình, tưởng tượng đến cái lúc gặp gỡ mà suýt chết ngất người vì sung sướng. Chiếc xe tắc xi đã dừng lại trước một ngôi nhà chung cư dơ dáy. Nàng con gái đã ra đứng tựa cửa trông chờ. Mà nào thấy đâu bóng hình "hoàng tử của lòng em"! Chỉ là một cụ già trông càng già hơn do bởi nỗ lực làm cho có vẻ trẻ. Cô gái buột miệng hỏi:

- Ông kiếm ai?

- Xin lỗi, cho tôi hỏi thăm nhà tiểu thư...

- Ông là ai?

- Tôi là thư sinh ở trọ chùa Bà Đầm. Xin cô cứ thưa

lại với tiểu thư như vậy.

Cô gái òa khóc, nói trong tức tưởi:

- Không phải, không phải! Trời ôi! Chàng đã phụ tình, đã lừa dối ta! Chàng đã si mê người khác, nên đưa ông già này đến thay! Chàng lừa dối ta! Thật chàng khinh ta quá mức!

Nàng ôm mặt bỏ chạy một mạch vào nhà trong. Cụ thư sinh lúi thủi lê bước trên đường về. Chàng như bưng tỉnh cơn trường mộng: hình ảnh cô tiểu thư đã chết thật rồi, nhờ chàng vừa tai nghe mắt thấy. Vâng, nhờ thấy người con gái sống, mà chàng chết được trong tim hình ảnh người con gái chết. Bấy lâu hồn ma vẫn sống mãi liệt trong lòng chàng dưới hình ảnh một cô nương hoa nhường nguyệt thẹn. Nhưng bây giờ, sau mười lăm năm chờ đợi, chàng chỉ bắt gặp một cô gái nhan sắc tầm thường như trăm ngàn cô gái khác, nào có gì đâu!

Chàng trở về, giờ lại Kinh Kim Cương ra tụng, đến câu kết:

Hết thầy pháp hữu vi

Như mộng huyễn bào ảnh

Như sương và như chớp

Hãy quán sát như vậy.

Chàng tỉnh ngộ, thâm nhủ:

"Cám ơn nàng. Nàng đã đem lại cho ta SỰ THẬT.

Nàng đã cho ta thấy cái phi lý của tưởng tượng. Ta sẽ không còn ôm giữ một hình ảnh nào, vì Phật đã dạy: Pháp còn phải bỏ huống chi phi pháp. Nhan sắc nàng, cái nhan sắc mà mười lăm năm nay ta từng say đắm, đã không thực, huống chi là hình ảnh, hoài niệm về nhan sắc ấy. Cái thực đã không thực, huống hồ là mộng tưởng trong tâm."





PHÂN QUỲ HƯƠNG

Trần Huy Sao

Khi tôi học lớp Nhì trường Tiểu học Bạch Đằng, tôi phải cảm ơn chị Hương. Bởi vì, chính chị đã đưa tôi lên... đài danh vọng. Đã cho tôi ngất ngưởng hưởng cái phút giây được đứng trên bục giảng, được phép thay vào chỗ đứng của thầy giáo Ngừ dù chỉ là một vài phút phù du, để đọc to bài luận văn của mình cho cả lớp cùng nghe. Thầy Ngừ, thường ngày, rất là vui tính. Buổi sáng hôm ấy, khi vào lớp trả bài Luận văn của tuần trước, gương mặt Thầy trở nên nghiêm trang. Thầy kêu đứng tên tôi lên đứng trước bàn. Như thường lệ, tôi vòng tay đứng khép nép trước vẻ mặt nghiêm nghị và ánh nhìn soi mói của Thầy. Cả lớp im lặng như nín thở, theo dõi từng cử động của Thầy. Phút yên lặng trải dài làm tôi chịu đựng hết muốn nổi. Thầy từ tốn sửa lại gọng kính, vuốt lại thẳng thớm chồng giấy Luận văn của lớp và lấy riêng ra một bài để riêng bên trái. Thiệt tình lúc đó tôi muốn vụt chạy ra khỏi lớp rồi đến đâu thì đến. Tôi chịu không nổi cái không khí ngột ngạt và đáng điệu khác lạ của Thầy. May là lúc đó Thầy tăng hắng lấy giọng, sửa lại dáng ngồi ngay thẳng rồi hỏi tôi :

- Bài Luận văn tuần rồi là của em làm?

Tôi ngơ ngác một thoáng, rồi trả lời:

- Dạ thưa, của em làm.

- Không có ai 'gà' cho em? À, ý Thầy muốn nói là không có ai chỉ vẽ cho em cả?

Lúc này tôi đã lấy được phần nào bình tĩnh, dứt khoát trả lời để chứng tỏ mình lúc nào cũng ngay thẳng:

- Dạ không. Không có ai chỉ cho em cả.

- Cũng không ai đọc trước khi em nộp bài?

- Dạ, cũng không.

Thầy gật gù. Vẻ mặt bớt nghiêm trang:

- Thầy muốn hỏi là tại sao em không viết về Mẹ hay Cha em như cả lớp đều viết. Em không yêu Cha, Mẹ bằng chị Hương à?

- Thưa Thầy, Cha Mẹ em là người em yêu kính nhất.

Thầy gật gù hơi mạnh làm cặp kính trễ xuống sống mũi. Lặng lẽ, thành thạo, Thầy dùng ngón tay trở đẩy lên

một cái, cặp kính trở về nguyên vị trí:

- Tốt. Tốt. (Thầy thoáng ngập ngừng). Nhưng... còn chị Hương, chị Hương nào vậy?

Tôi bối rối, chưa kịp trả lời. Thầy hình như nhận thấy câu hỏi của mình quá tò mò, vội nói: Thôi được rồi - và đưa cao bài Luận văn của tôi lên, tuyên bố với cả lớp:

- Đây là bài Luận văn đạt điểm cao nhất. Bài sẽ được đọc cho cả lớp cùng nghe.

Thầy đưa bài Luận văn cho tôi, cố làm ra vẻ trân trọng:

- Xin kính mời, tác giả.

Cả lớp không hên mà cùng 'ò' lên một tiếng, ồn ào như cái chợ vỡ. Quả là một tin sét đánh ngang tai. Cái thẳng tôi suốt cả quãng dài thời gian trong cuộc tranh tài, cứ lệt đệt gần như về chót với những bài Luận văn của lớp. Vậy mà hôm nay bỗng dưng bứt phá, giành được chiếc huy chương vàng óng. Trời còn muốn sấm nữa chứ nói gì cái lớp học chút xíu này. Chính tôi đây mà cũng cảm thấy váng vất cả đầu, không tin là sự thật. Thảo nào Thầy cứ gắng hỏi tới lui...

Lớp ồn ào quá, Thầy phải gõ thước xuống bàn, văn hồi trật tự. Tôi vừa ngượng ngùng vừa vui sướng cầm lấy bài Luận văn từ tay Thầy. Hình như thấy tay tôi run, Thầy nhắc khẽ:

- Bình tĩnh. Bình tĩnh...

Cố gắng cách nào đi chăng nữa tôi cũng phải đứng lặng một hồi để lấy lại trạng thái cân bằng. Tôi biết rằng, đây là cơ hội vàng ròng, chắc chắn sẽ không bao giờ có được lần thứ hai. Do vậy, tôi cố tình đọc to, ngưng giọng rất đúng ở những dấu phẩy, chấm và xuống đoạn. Thầy Ngừ thoáng ngạc nhiên, gật gù đắc ý theo nhịp đọc của tôi. Cả lớp, lúc đầu còn xì xào bàn tán, sau đó lại yên lặng lắng nghe. Tôi không thể ngờ là tôi có thể viết được như vậy ! Hay dở thế nào thì chưa biết được nhưng mà cách hành văn thật là trôi chảy, dễ đọc. Tôi đọc một cách trơn tru liên lạc. Khi bài đọc chấm dứt, Thầy Ngừ cố tình

vỗ tay thật lớn để cổ võ, nhưng cả lớp vẫn yên lặng chẳng có trò nào hưởng ứng cả. Tiếng vỗ tay hơi khựng lại, cụt hứng, rồi nhỏ dần.

Tôi bước xuống bục giảng trở về chỗ ngồi giữa cái không khí yên lặng và mấy chục cặp mắt nhìn ngẩn ngơ. Lần bước xuống đó là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất trong suốt quãng đời học sinh của tôi...

Buổi học trôi qua trong trạng thái bình bồng ngày ngật. Tôi mang cái cảm giác đó cho tới khi tôi ngồi trên đỉnh đồi Trọc. Tôi muốn tìm chị Hương. Chị phải là người đầu tiên chia sẻ nỗi niềm vui của tôi. Hằng ngày, chị vẫn thường đi quanh ngọn đồi Trọc này để lượm phân bò, phân ngựa. Chị mang sau lưng một cái 'gùi' thật lớn như mấy người Thượng ở xã Lát. Dáng người còm cõi co ro, thâm lặng giữa cảnh đất trời bao la bất kể ngày mưa hay nắng, nóng ẩm hay giá lạnh, thấy sao mà cô đơn buồn thảm quá! Tôi không biết chị từ đâu đến và ở làm công cho chú Vạn từ lúc nào. Công việc nhà vườn nặng nhọc, chị làm không hờ tay, từ tờ mờ sáng cho tới tối mịt. Hình như chị không có một ngày nào rảnh, kể cả những ngày Tết là dịp để mọi người được nghỉ ngơi hội họp vui chơi sau một năm dài làm việc vất vả. Chị vẫn thâm lặng với công việc như mọi ngày. Không cười. Không nói. Dáng điệu lúc nào cũng hoảng hốt sợ sệt, có tình làng tránh mọi người. Chị là một cái bóng thâm lặng trong cái xóm nghèo vốn đã rất thâm lặng của tôi. Mọi người hình như đã quên lãng là có một người cùng xóm cơ cực còn hơn cả mình. Nhưng tôi, tôi vẫn nhớ và nghĩ đến chị. Chị đâu có họ hàng thân thích gì với tôi. Chị chỉ là một cái bóng mờ nhạt âm thầm dễ quên lãng trong nhịp sống áo cơm, trong cái xóm nghèo quanh năm tất bật với những công việc mưu sinh chật vật. Nhưng cứ mỗi buổi sáng nằm nướng trong chăn nệm ấm, tôi lại nghĩ đến chị. Giờ này chị đang oằn vai với đôi thùng tưới, đi từ luống rau này tới luống rau khác. Trời lạnh cắt da, làm sao chị có thể chịu đựng được, không phải một ngày mà là ngày này qua ngày khác! Những lúc ngồi trong nhà, bên cạnh lò than ấm áp trong khi ngoài trời mưa phùn và những cơn gió bắc lạnh lùng, tôi lại ngâm ngùi nhớ về chị. Giờ này chị vẫn phải đi quanh ngọn đồi Trọc để lượm từng bãi phân bò, phân ngựa. Chiếc quần đen vá chằm vá đụp, có nơi được buộc túm lại bằng những sợi dây thun. Chiếc áo len tưa sợi, tả tơi lòi cả hai cánh tay tím đi vì lạnh. Dáng chị vẫn nhẵn nhụa âm thầm. Đứng lên, ngồi xuống cho đến khi chiếc gùi nặng trĩu trĩu kéo bởi sức nặng làm chị như muốn bật ngửa người ra sau. Mỗi lần nghĩ đến những hình ảnh đó, trong tôi có một cảm giác bứt rứt xôn xang không thể diễn tả được. Tôi chỉ là một thằng bé, tôi chẳng làm gì được, ngoài lòng cảm thương một con người cùng khổ tận cùng cả sự cùng khổ trong cuộc đời này. Có phải chăng

đó là lý do để tôi viết bài Luận văn nói về cảnh đời của chị? Lúc bấy giờ thì tôi chưa nghĩ được điều đó. Sau này, khi nghiệm lại, tôi thấy đó là một lý do để tự giải tỏa tâm lý nặng nề, trĩu kéo trong lòng. Chính khi người ta nói lên được điều ám ức trong lòng thì sẽ thấy dễ chịu hơn...

Lần đó, chờ mãi không thấy chị Hương, tôi cụt hứng tiu nghỉu bỏ về. Tất nhiên, người thứ hai tôi phải san sẻ nỗi vui mừng là Mẹ tôi.

Tôi hôm đó, tôi nhớ, khi tôi đang học bài thì Mẹ tôi nhẹ nhàng đi đến phía sau. Mẹ vuốt đầu tôi trìu mến:

- Mẹ đã đọc bài Luận văn của con. Con viết hay lắm, cảm động lắm.

Tôi cười ngượng ngịu, trong lòng cảm thấy vui sướng. Mẹ tôi để bài Luận văn xuống bàn, ngập ngừng một chút rồi hỏi tôi:

- Bài ni con có phải nộp lại cho Thầy không?

Tôi lắc đầu. Mẹ vội vàng cầm lên, thoáng nét vui:

- Vậy thì để Mẹ giữ bài Luận này. Mẹ muốn đọc thêm nhiều lần nữa. Mẹ sẽ giữ nó...

Tháng Mười-Hai, hoa Quỳ Hương còn rộ nở. Đường xóm nhỏ rực lên màu vàng óng nắng hanh của cuối mùa Đông, bắt đầu dợm bước qua Xuân. Những sáng trời se lạnh, nắng lên muộn màng, tôi đi giữa hàng Quỳ Hương hoang dại hai bên vệ đường. Nắng và màu hoa hòa nhập cho tôi có một cảm giác lâng lâng buồn. Chẳng biết buồn chuyện gì, nhưng có cảm giác vậy thôi. Buồn trời. Buồn đất. Buồn vu vơ. Chứ có gì mà buồn ở tuổi tôi, cái tuổi ăn ngủ vô tư!

Ba tôi nói tôi có tâm hồn nghệ sĩ. Tôi không hiểu một tâm hồn nghệ sĩ là như thế nào. Có hào phóng như Ba tôi không? Và nhất là có những bài thơ mà ông thường đọc lên cho bạn bè cùng nghe. Thơ đọc hoài không hết. Lúc nào trên bàn ngủ của ông cũng có một cây đèn sáp, một cuốn vở trắng và một cây bút. Ông thường nói với chúng tôi là ông sẽ ghi những câu thơ bất chợt đến trong giấc ngủ. Bởi thơ chợt về trong giấc ngủ là Thi Thần. Nhưng tôi có thấy ông ghi lại câu nào đâu! Cuốn vở trước sau vẫn còn trắng giấy. Thường thì ông làm thơ theo ngẫu hứng, đọc lên trong những lúc họp mặt bạn bè đông vui. Rồi sau đó, cũng chẳng thấy ông ghi vào đâu cả. Những buổi họp mặt sau, ông lại đọc lên. Bài thơ có thể dài thêm vài đoạn hay ngắn đi vài câu. Thêm bớt một vài chữ theo cảm hứng. Cũng chẳng thấy ghi vào đâu cả. Vậy mà, lúc nào ông cũng có nhiều bài thơ để đọc cho bạn bè nghe. Để góp ý. Để luận bàn tương đắc. Thi Thần. Thi Tửu. Thi ngẫu hứng... Thơ theo Ba tôi đi suốt cuộc đời nhưng mà không có giấy trắng mực đen. Những năm cuối đời, khi tôi gọi ý muốn

gom hết những bài thơ của ông để lưu giữ, sau này sẽ in thành tập để con cháu còn có dịp đọc và nhớ đến. Ba tôi đồng ý, hẹn một ngày nào thanh thân sẽ ghi lại ít chục bài tuyển chọn. Nhưng rồi, không có ngày nào gọi là thanh thân hết. Khi Ba tôi đi xa, ông để lại chỉ có bốn bài thơ. Mỗi bài ngắn gọn chỉ có bốn câu để gởi cho bằng hữu, cho hiền nội, cho con cháu và một bài tự thân. Có lẽ ông đã chuẩn bị bốn bài thơ này sẵn, từ khi biết là mình sẽ ‘không xong’. Bốn bài thơ ngắn, lại được nắn nót ghi chép cẩn thận, cho một đời người. Còn cả trăm bài chỉ là phút giây vui qua, chẳng nên xôn xao bận rộn vì nó làm gì.

Nhiều khi, tôi nghĩ, chính Ba tôi mới là con người nghệ sĩ. Còn tôi mà nghệ sĩ nổi gì!

Ở quê tôi, Ba tôi thường nói, từ đầu thu cho đến lúc dớm vào Xuân là mùa-hương-phấn. Mùa Hương Phấn. Nghe sao mà lãng mạn, tình tứ và đầy chất thơ. Nhưng đó chỉ là một cách nói văn vẻ cũng như khi ông ngẫu hứng làm thơ vậy thôi.

Thật ra thì thể thảm lắm! Hương phấn nổi gì! Ho thất cả ruột. Đầu lúc nào cũng hâm hấp nóng. Mũi dãi lòng thông. Người lúc nào cũng thấy uể oải như con gà mắc dây thun. Đó là trạng thái của dị ứng khi hít phải phấn thông và phấn hoa Quỳ. Khi tiết trời bắt đầu se lạnh và những cơn gió chướng bắt đầu lồng lộng từ những đồi thông bạt ngàn, thổi tràn về thôn xóm. Những luồng gió vừa se da, vừa mang những bụi phấn thông li ti, tán mạn hòa nhập vào không khí. Kịp khi tàn thu, tiết Đông trời se lại, le lói nắng vàng nhưng hanh khô. Mùa hoa Quỳ rộ nở. Là loài hoa hoang dại màu vàng tươi mọc bụi mọc bờ. Nhất là khi đi trên con đường có hai hàng hoa Quỳ đang mùa rộ nở, rực vàng dưới nắng. Tha hồ nhìn ngắm, tưởng tượng. Và cũng tha hồ hít thở những bụi phấn li ti.

Ba tôi thường gọi là Phấn Thông Vàng, là Phấn Quỳ Hương. Những cái tên lại cũng thật là lãng mạn, tình tứ và đầy đặn chất Thơ. Nhưng thôi, đừng hơi đầu mà nghĩ đến những vẻ đáng mỹ miều đó nữa! Hãy cứ ngồi ủ rũ mà ho khan, tức ran lồng ngực. Hãy cứ lấy khăn tay mà lau cho mau những dòng mũi nước, nhớ là nhẹ tay chút, không thôi cái mũi lại đỏ như trái cà chua, rất chịu đời không thấu! Còn chuyện mỹ miều tình tứ gì đó là chuyện của người thơ, của Ba tôi. Căn bệnh theo mùa này chẳng làm chết ai nhưng thật là khó chịu. Bệnh một lần cho biết thứ-đau-thương của Mùa Hương Phấn để rồi sau đó, được cái ân huệ là miễn nhiễm hoàn toàn. Mỗi người chỉ bị một lần, duy nhất một lần thôi, để nhớ đời và để làm kỷ niệm.

Cuối mùa Đông năm đó, bất ngờ cậu Tâm của tôi từ Huế vô thăm. Tôi có nghe Mẹ tôi nói nhiều về Cậu nhưng chưa một lần gặp mặt. Nghe đâu Cậu cũng có làm thơ viết văn. ‘Một con người cũng có tâm hồn nghệ sĩ

lắm’, như Ba tôi thường nói. Mẹ tôi thì nhìn Cậu ở một cái nhìn khác. Mẹ nói Cậu là một nhà tu khổ hạnh. ‘Nếu như hẩn đi tu, cuộc sống tu hành hợp với hẩn hơn’, Mẹ tôi thường nói vậy khi có dịp nhắc đến Cậu.

Khi hai Cậu cháu gặp nhau ý nghĩ của tôi về Cậu có khác. Nhìn Cậu quả có một vẻ đáng đạo mạo, khắc khổ của một nhà tu. Nhưng đôi mắt nhìn của Cậu như có ẩn nụ cười và nhất là cách nói năng thì thật là trái ngược. Gặp tôi ở phòng khách, Cậu ôm tôi vào lòng trìu mến. Cậu cứ vuốt vuốt đầu tôi, mấy ngón tay ấm áp chà qua xát lại rồi ngừng lại ở sau ót. Cậu bật cười, ghé sát vào tai tôi thì thầm:

- Thôi, chết rồi chú mi ơi! Cái đầu ni bị méo rồi. Chắc là hồi nhỏ được nằm nhiều hơn là được bông ẵm. Mai một lớn lên đi nắn lại nghe, con. Đừng để con gái chê là đầu cá lóc, ồ ồ.

Tôi ngây thơ hỏi lại Cậu:

- Nắn bằng máy hả Cậu?

Cậu cười ngất, vỗ vỗ vai tôi:

- Nắn bằng tay cũng được, bằng máy làm chi cho tốn tiền.

Mẹ tôi ngồi bên, đẩy nhẹ Cậu một cái:

- Cậu ni thiệt! Biết nói giỡn nữa à! Răng không đi dạy mà vô đây. Có chuyện chi không?

Cậu lắc đầu, ôm tôi sát hơn:

- Cũng không có chuyện chi. Trường lớp phải sửa sang sau cơn bão lụt, vô thăm anh chị với cháu vài ngày sẵn dịp học cách trồng rau.

Mẹ tôi ngạc nhiên nhìn Cậu:

- Ủa, chớ bộ định bỏ dạy về vườn răng?

Rồi bà day mặt qua chỗ khác, làm mặt giận, nói lầy:

- Đừng có nghĩ đại nghe. Hồi nớ chần trâu chần bò chưa chán hay sao? Quên lời Ba Mạ dặn rồi chắc. Khi Ba sắp ‘đi’, Ba có...

Đang ôm tôi, Cậu vội vàng bỏ tay chụp lấy vai Mẹ tôi lắc nhẹ:

- Thôi, thôi đừng nhắc nữa. Không có phải rứa đâu. Để em nói cho chị nghe mà...

Thấy Mẹ tôi vẫn còn làm mặt giận, Cậu nói băng quơ:

- Không nghe thì thôi! Chuyện hay quá mà không nghe. Ủng thiệt. Ủng thiệt...

Mẹ tôi vẫn không quay mặt lại:

- Đang nghe đây. Chuyện chi, nói mau!

Cậu nheo mắt với tôi, le lưỡi, lắc đầu:

- Chị còn nhớ nhà thờ Họ mình không? Có miếng đất hương hỏa phía sau đó. Em thấy năm nào ôn Tương cũng trồng rau thu huê lợi mà không ra chi cả! Muốn giúp Ôn, em vô đây học cách trồng rau, sẵn mua cho Ôn ít giống. Đất mô cũng là đất. Ngoài nớ, có nơi người ta trồng được tại sao mình không? Thấy Ôn già lụm cùm,

cũng tội...

Mẹ tôi nghe Cậu nói xong vội quay người lại, đổi giọng vui liền:

- Ủ, em nói rứa thì nghe được. Để mai mốt thằng Tân dẫn em qua nhà chú Vạn coi cho biết. Giống rau hán cũng có nhiều lắm.

Rồi Mẹ nói với tôi:

- Dắt Cậu qua nghe con. Nhớ đừng quên đó.

Đêm đó, Mẹ và Cậu tôi ngồi chuyện trò rất khuya. Tôi nằm chờ Cậu để hỏi cho ra lẽ về cái đầu méo của tôi, phải nắm bóp cách nào. Chờ hoài không thấy Cậu vô, tôi ngủ quên lúc nào không biết.

Ngày hôm sau, khi tôi đi học về, thấy Cậu bắt đầu có triệu chứng nhiễm phấn hoa. Cậu hắt hơi hoài. Tối chiều thì mặt mũi đỏ ngầu, ngồi co rạo thiệt tội. Giấc tối thì nằm xụi lơ chịu trận. Đón khách phương xa kiểu này cũng thiệt là quái ác, nhưng như vậy mới có dịp nhớ đời!

Ngày hôm sau nữa, thấy trong người đã hơi khỏe, Cậu nhất định phải qua nhà chú Vạn. Trời đang trở tiết. Cái lạnh se da theo từng cơn gió thổi về từ hướng núi. Hai Cậu cháu đi dưới bầu trời xám, nặng nề những đám mây tưởng chừng như úp chụp xuống ngọn đồi Trọc phía trước. Qua khỏi ngọn đồi đó, nhìn xuống thung lũng là nhà chú Vạn. Dáng Cậu co ro trong chiếc áo bành-tô dày cộm của Ba tôi. Nhìn Cậu, tôi thấy Cậu giống con gấu đang từng bước một nặng nề lên con dốc dựng đứng. Lên nửa con dốc, Cậu ngừng lại thở rồi bỗng nhiên hỏi tôi:

- Chị Hương là người làm công cho chú Vạn hả?

Cậu hỏi làm tôi khá ngạc nhiên. Tôi không trả lời Cậu mà hỏi lại:

- Ủa, sao Cậu biết chị Hương?

- Cậu có nghe Mẹ con nói, với lại Cậu cũng đã đọc...

Cậu ngập ngừng, ánh mắt nhìn xa xăm, khẽ thở dài rồi nói, như nói với chính mình:

- Sao lại có những cảnh đời cùng khổ như vậy được!

Cơn gió từ đỉnh đồi thổi tràn xuống, lạnh điếng. Hai Cậu cháu đi sát nhau hơn. Tôi nghe mơ hồ tiếng gió xoáy rít từ phía thung lũng, nghe rõ cả tiếng thở mệt nhọc của Cậu. Giữa cảnh trời đất bao la, cậu-cháu tôi như hai sinh vật nhỏ bé di động, cô đơn và đầy bất trắc.

Khi vừa lên tới đỉnh, tôi giật mình khựng lại trước hình ảnh đột ngột. Chị Hương. Chị đang ngồi khom xuống, chiếc gùi lớn trĩu kéo sau lưng. Bàn tay chị tái xám, đang nắm miếng phân bò đã se cứng. Gió xoáy cuộn từ dưới thung lũng vùn lên làm tóc chị bay giạt về một bên. Chiếc áo len sờn rách tả tơi lòi hai khuỷu tay tím ngắt. Nghe tiếng động, chị giật mình ngược nhìn lên. Đôi mắt, lúc đầu, thoáng lên chút kinh ngạc, hoảng hốt rồi bỗng dịu xuống, sững sờ. Chị ngồi như người chết sững và đôi mắt đắm đắm nhìn về phía trước, về phía

Cậu, tôi không hề chớp. Tôi nắm lấy bàn tay Cậu giật giật, rồi nói nhỏ:

- Chị Hương. Chị Hương đó Cậu...

Và tôi ngược mắt nhìn lên, kinh ngạc sững sờ. Rõ ràng, tôi thấy đôi mắt chị Hương là đôi mắt Cậu. Cũng đắm đắm nhìn về phía trước, không hề chớp. Ánh nhìn trong đôi mắt đó, có một nét gì rất lạ mà tôi không thể nào diễn tả được. Vừa hung bạo, vừa dịu dàng. Cậu đứng lặng người như thế rất lâu. Hoảng hồn, tôi giật mạnh tay Cậu:

- Cậu. Cậu...

Cậu vẫn nhìn đắm đắm về phía trước, rồi như người trong cơn mộng du, Cậu bước từng bước về phía chị Hương. Khi hai người đối mặt gần nhau. Cậu quỳ xuống, cúi chiếc áo bành-tô, phủ chụp lên người chị. Sự việc xảy ra đột ngột, tôi cũng hóa sững sờ. Chị Hương và Cậu tôi vẫn nhìn nhau. Chiếc áo bành-tô phủ lên cả chiếc gùi, nhìn chị như người gù lưng. Bỗng nhiên, chị thoáng giật mình rồi cúi gằm mặt xuống. Tôi nghe tiếng khóc vỡ òa không kìm hãm rồi chị bật người dậy vùng bỏ chạy xuống ngọn đồi. Chiếc áo bành-tô mắc vào chiếc gùi một khoảng xa, rồi rớt xuống nằm trên đám cỏ. Cậu tôi vẫn giữ tư thế quỳ trên đám phân bò, đầu Cậu cúi gập xuống. Tôi không dám làm kinh động Cậu. Tôi biết, dù rất mơ hồ, là có một điều gì đó rất khác thường, đã đến với hai người. Cậu tôi và chị Hương.

Cậu ở tư thế quỳ như vậy một lúc khá lâu rồi giật mình ngẩng lên, ngơ ngác nhìn quanh. Thấy tôi đang đứng nhìn, Cậu thở dài, nói:

- Thôi, mình đi về...

Tôi ngạc nhiên, hỏi lại Cậu:

- Nhưng mà mình chưa tới nhà chú Vạn mà Cậu!

Cậu tôi nói, như nói với chính mình:

- Tới. Nhất định là phải tới, nhưng không phải là hôm nay.

Hôm sau, lẽ ra Cậu về như dự định nhưng Cậu vẫn còn nán lại cùng với Ba Mẹ tôi đi đâu chẳng biết, suốt cả một ngày.

Buổi tối hôm đó, tôi còn nhớ, khi nằm trên giường ấm, Cậu hỏi tôi:

- Nghe Ba con nói mùa ni là mùa phấn gì đó, con hè!

Tôi trả lời liền:

- Là phấn thông vàng, là phấn quỳ hương.

Cậu cười khoái trá, rồi xuất xoa:

- Trời ơi, cái tên nghe thiệt là hay! Nhất là phấn quỳ hương, sao mà đúng y.

Tôi thắc mắc:

- Đúng cái chi, Cậu? Bộ Cậu chưa thấy ớn sao? Con thấy Cậu mũi dãi lòng thông, thâm quá trời! Cậu phải nhớ đời đó.

Cậu tôi nói thầm thì một mình:

- Phải nhớ đời. Phải nhớ đời. Nhớ cái phần Quỷ bên Hương... Phần Quỷ bên Hương...

Rồi Cậu cười ngất. Tôi ngơ ngác, chẳng hiểu Cậu đang nói gì.

Buổi sớm, khi tôi thức dậy thì Cậu đã ra đi.

Bỗng nhiên, cách khoảng hơn một tháng sau, vào đúng ngày hai-mươi-tám Tết, Cậu lại vào thăm.

Đêm hôm đó, hai cậu-cháu lại có dịp chuyện trò. Nhân vui câu chuyện, tôi nhắc lại chuyện phần Quỷ Hương. Cậu lại cười khoái chí, nói với tôi:

- Đã quen, quen lắm rồi, con ơi!

Rồi Cậu ngâm khe khẽ:

- *'Đi đâu cho Thiếp đi cùng, Đói no Thiếp chịu, lạnh lùng Thiếp cam'.*

Lại một lần nữa, tôi ngơ ngác, chẳng hiểu Cậu muốn nói gì!

Buổi sớm khi thức dậy, không thấy Cậu. Mẹ tôi nói Cậu đã đi rồi. Đi lúc ba-giờ-sáng.

Từ đó, Cậu không vào thăm nữa...

Vậy mà, cuối cùng, điều đáng nhớ trong đời tôi vẫn là Cậu. Lần này, có thêm Mợ của tôi. Thú vị hơn nữa, là có cả tôi trong đó.

Vào khoảng thời gian Hè, cách năm năm sau lần cuối Cậu vào thăm, tôi được theo Mẹ về quê cũ. Nhà đầu tiên tôi đến và người đầu tiên tôi gặp là Mợ tôi. Là chị Hương của ngày nào! Tôi đứng sững sờ ngơ ngẩn quên cả chào hỏi. Mẹ tôi và Mợ cầm tay nhau mừng rỡ nhìn tôi, cười ngất. Tiếng cười của Mẹ thì vui. Tiếng cười của Mợ tôi nghe như có nghẹn ngào vì nước mắt Mợ lẫn dài. Và Mợ ôm lấy tôi, lúc này, lại bật khóc lớn. Tự nhiên, tôi nhớ lại tiếng khóc ngày nào trên đỉnh đồi Trọc và tiếng khóc ngày hôm nay, sau năm năm gặp lại. Tiếng khóc của chị Hương ngày đó cũng có nỗi mừng vui nhưng có trộn thêm niềm tủi nhục. Tiếng khóc của mợ Tâm tôi nay chỉ có nỗi mừng vui, trọn vẹn. Hai tiếng khóc từ hai cảnh đời trái ngược đã lắng lại trong tôi những buồn vui lẫn lộn.

Khi hai Cậu cháu gặp nhau, Cậu bắt tay tôi. Điều đó, thầm nói với tôi rằng, Cậu đã nhìn tôi với một cách nhìn khác. Chỗ đứng của tôi trong Cậu không còn là chú bé ngày nào mà đã là một anh chàng bắt đầu dạn dày, chững chạc hơn. Điều đó cũng đúng thôi vì tôi đâu còn ở độ tuổi tin rằng sẽ đi nắm cái đầu méo lại để con gái khỏi cười ồ ột, như ngày nào. Tôi đã 'cảm thấy' được cái nhìn trần trụi của hai người trong phút đầu gặp nhau trên đỉnh đồi Trọc. Tôi hiểu được những câu nói bóng gió xa gần của Cậu đêm nào. Tôi cũng hiểu điều Cậu phải làm là cùng với Ba Mẹ tôi sắp xếp mọi việc một cách hết sức âm thầm cho hai lần ra đi, không phải của Cậu, mà của

chị Hương. Một lần dần xếp để chị ra đi khỏi nhà chú Vạn. Một lần sắp xếp cho chị ra đi khỏi một nơi tăm tối của cuộc đời. Cậu sẽ ngạc nhiên vì tôi còn hiểu nhiều hơn nữa. Tôi hiểu lời nhận xét của Mẹ tôi về Cậu. Tôi cho rằng, Cậu đâu cần phải đi tu, cho dù trái tim Cậu vẫn trầm luân cảnh đời trần tục nhưng tâm lòng Cậu có khác gì một bậc chân tu.

Nhưng, trong lòng tôi, vẫn còn có điều gì đó ám ức. Có thể là vì lòng tự ái và thêm một chút, mặc cảm về sự tin cậy. Sự việc lớn lao như vậy mà tất cả mọi người đều gạt bỏ tôi ra ngoài, bình thản, dửng dưng. Tôi có nói chuyện này và tỏ ý dỗi hờn Mẹ. Mẹ tôi cười, đầu dju:

- Con nói rứa cũng đúng, nhưng chuyện người lớn mà con! Ngày đó, con còn nhỏ, biết để làm gì? Bây giờ thì con đã biết mọi chuyện và cũng hiểu rằng người lớn đã không làm điều gì xấu để phải giấu con là được rồi.

Mẹ nói đúng. Nhưng tôi vẫn cứ còn ám ức.

Như hiểu được điều đó, cho nên trước ngày tôi về lại, Mợ có ý kêu riêng tôi vào phòng khách. Mợ nghẹn ngào nói với tôi:

- Ngày đó, Cậu đã đem Mợ đi, đem Mợ ra khỏi cảnh đời tăm tối. Cho Mợ được cái quyền làm con người. Dạy cho Mợ biết nói. Biết viết. Biết đọc. Biết thấy lại mình. Đối với Mợ, tưởng như là giấc mơ...

Rồi Mợ lấy từ trong túi áo một tờ giấy xếp tư đã phai màu. Cầm lấy tay tôi, Mợ lại nghẹn ngào:

- Đây là kỷ vật mà Cậu con đã dành cho Mợ. Mợ quý lắm, quý vô cùng. Ngày trước, Mợ mong rằng sẽ có ngày đọc được những gì trong đó. Nay thì đã đọc được rồi và đã đọc rất nhiều lần. Chỉ có một điều, Mợ đã nguyện là không bao giờ về lại nơi xưa. Mợ không đủ cam đảm nhìn lại cuộc đời của mình. Những năm, tháng đó như là cơn ác mộng. May là con ra đây. Mợ không có quyền giữ mãi được. Vật hoàn cổ chủ, con cầm đi...

Tôi cầm tờ giấy từ tay Mợ và bỗng thấy bàng hoàng, sững sờ. Tờ giấy học trò đã úa màu theo thời gian, những dòng chữ cũng đã nhòe nhoẹt đi nhiều chỗ. Nhưng tôi làm sao có thể không nhận ra được, đó là bài Luận văn của tôi ngày nào! Bài Luận văn tôi viết về chị Hương. Chính là bài Luận văn đã một lần đưa tôi lên... đài danh vọng. Và chỉ có một lần, một lần duy nhất trong đời.

Sự việc bất ngờ quá làm cho tôi xúc động thần thờ. Mợ ôm chầm lấy tôi, tiếng nói Mợ lạc đi, tưởng như từ một nơi xa vắng nào đó, vọng về:

- Con ơi ! Bài Luận văn này của con đã cứu cuộc đời của Mợ...

thơ

THÍCH THIÊN LONG

Bóng dáng thiên thần

(tặng những chỏm tóc)

*Em bỏ lại khung trời tuổi mộng
Bước chân đi duyên kiếp tự thưở nào
Câu kinh Phật sớm hôm bầu bạn
Gối thêm khuya mơ một vì sao.*

*Hương hoa sứ ngọt ngào bay trong gió
Tiếng chuông ngân lỏng lỏng bóng trắng rằm
Manh áo vá còn nguyên mùi nhang khói
Bóng em ngồi hun hút xa xăm...*

*Em hiền dịu tình khôi quá đôi
Trần gian kia phủ phục nét em cười
Trong nắng sớm bên giàn thiên lý
Chắp tay nhìn bóng hạt sương rơi.*

*Tôi lang bạt đi tìm lẽ sống
Rồi gặp em giữa chốn Ta-bà
Chiếc chỏm tóc in hình dấu hỏi
Chợt giật mình Phật chẳng đâu xa.*



Tranh Minh Chiếu

SỰ IM LẶNG CỦA BIỂN

Trần Trung Đạo



Tôi sinh ra ở miền núi nhưng hai mươi năm qua, số phận lại đẩy về miền biển. Thành phố tôi đang sống là thành phố biển. Ngôi trường tôi học trước đây cũng nhìn ra biển và văn phòng tôi đang làm việc hiện nay được xây trên mặt vịnh Boston, bên kia là Đại Tây Dương bát ngát.

Thời gian dài trôi qua, cuộc sống tạm quen dần nhưng ngày mới về đây thật là khó chịu. Nhất là những ngày mưa bão, biển đổi thành màu đen sẫm, xa xa một chiếc ghe đánh cá đang về trễ, tăng thêm phần ảm đạm. Biển vừa làm cho tôi sợ hãi khi liên tưởng đến những ngày còn lênh đênh hơn hai mươi năm trước, nhưng đồng thời cũng vừa có một sức hút vô hình khiến nhiều khi tôi đã đứng hàng giờ đắm đắm nhìn ra biển.

Các triết gia thường nói trong mỗi phút giây chúng ta đang sống đều có bóng dáng của quá khứ và dấu hiệu của tương lai. Tôi nghĩ họ nói đúng. Đối với một người Việt Nam tỵ nạn, quá khứ và tương lai không chỉ là bóng dáng và dấu hiệu thôi, hơn thế nữa, là hai cuộc đời cùng sống, cùng tồn tại, cùng níu kéo nhau, xô đẩy nhau vô cùng mãnh liệt. Một giọt mưa rơi, một chiếc lá rụng ngoài hiên, một tiếng sóng vỗ vào bờ đá cũng làm chúng ta choàng thức dậy, lắng nghe như tiếng có chân ai đang bước. Từ tâm cảm đó, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng có lần đã viết trong bài Từ Tiếng Hát Tiếp Nối của anh: "Bàn chân đi, lòng vẫn mong về". Dù sao, các văn nghệ sĩ vẫn là người may mắn vì ít ra họ có cơ hội để làm vui bớt đi nỗi u uất trong lòng qua thi ca nhạc họa, bao nhiêu đồng bào khác, không có năng khiếu văn chương, âm nhạc, phải âm thầm chịu đựng. Nếu cuộc sống ở hải ngoại không phải quần quật áo cơm, đầu tắt mặt tối, nhiều người Việt có thể đã chết vì khủng hoảng tinh thần.

Những ngày còn ở Việt Nam, khi nghe bài thơ của nhà thơ Du Tử Lê (tôi chỉ nhớ mỗi câu đầu): "Ra biển chiều nay thấy màu máu đỏ", được đọc trên đài VOA hay BBC gì đó, mô tả cảnh vượt biên thật hãi hùng. Hẳn nhiên tôi không nghĩ vượt biên sẽ nhẹ nhàng như ngồi trên chiếc du thuyền nhưng tôi cũng không cảm nhận được mức độ của kinh hoàng cho đến khi chính mình

ngồi trên thành ghe mong manh vừa chết máy và đang bồng bềnh trên biển tháng 6 năm 1981. Thời gian chậm chậm trôi qua. Một giờ rồi hai giờ. Tiếng cầu kính đã dừng lại trên những vành môi khô. Lời niệm Phật đã ngưng trong những thân xác mệt mỏi. Đất trời đều im lặng. Không ai nói với nhau một lời nào. Trống vắng. Trống vắng ngay cả trong suy nghĩ của con người. Nhớ thương, hờn giận đều biết mất. Tất cả như đang dọn mình để bước vào một cuộc đời khác. Không ai tuyệt vọng bởi vì chẳng còn ai hy vọng. Và như thế cho đến khi tiếng máy ghe lại nổ, cuộc hải hành tiếp tục.

Biển mang tôi về lại bãi cát trắng và hàng dương liễu, nơi tôi đứng thần thờ nhìn chiếc trực thăng bay xa, bay xa, mang theo người thân yêu nhất của tôi. Biển mang tôi về lại phường Cổ Mân, Quận Ba, Đà Nẵng, nơi tôi sống những ngày đầu tiên không gia đình với người anh họ và chị dâu họ khát khe, khó tính. Không ai biết và sẽ không bao giờ ai biết, trên những đồi cát trắng dọc bờ biển Sơn Trà, từng có một thằng bé mỗi chiều âm thầm đứng nhìn về phía biển để chờ đợi một tin vui. Tin vui đó đã không bao giờ đến với nó. Nếu mai một trở về tôi nhất định sẽ đi tìm thằng bé. Tôi nhớ rất rõ thân hình ốm tong teo của nó khi đứng chờ những chuyến xe Mỹ chờ hàng để xin quá giang qua Đà Nẵng. Tôi nhớ rất rõ chiếc áo sờn vai thằng bé mặc trong mùa đông, chiếc chiếu rách, chiếc giường tre nơi nó ngủ. Và tôi cũng nhớ nó, một thằng bé can đảm, nửa đêm thức dậy ra đi, dù chưa biết sẽ đi đâu. Trên cồn cát trắng kia, sau ba mươi năm, vẫn còn in dấu chân của nó như đã hằn sâu trong ký ức con người.

Tôi từng được dạy rằng tôi là chủ nhân của chính mình chứ không ai khác và ý chí của tôi quyết định cho hành động của tôi chứ không từ đâu khác. Học và hiểu thường không quá khó khăn nhưng thực tế không phải bao giờ cũng dễ dàng như thế. Tôi đi qua cuộc đời này như một chiếc lá vàng khi chưa đủ tuổi để xanh. Tôi bay trong giông bão và bay qua nhiều biển cả mê mông, bao nhiêu lần đã tưởng chừng rơi rụng và mục nát trong một góc chân tường nào đó.

Những chiều mưa bên Đại Tây Dương, tôi cũng bàng hoàng nhớ lại Thái Bình Dương, nhớ lại ngày trên biển, nhớ Manila, Palawan, nhớ đến những người không may mắn như tôi. Dọc bờ biển đó, nơi tôi lắng nghe tâm sự của những em bé, câu chuyện về những đồng bào bất hạnh, sự chịu đựng của những người sống sót, để rồi những tháng năm sau, tôi ghi lại trong Em Bé Việt Nam Và Viên Sỏi, Người Lính Già Vừa Chết, Thưa Mẹ Chúng Con Đi, và những bài thơ khác.

Trong những người Việt Nam bất hạnh đó có người anh tôi đã mang ơn, người đã giúp tôi cơ hội vượt biên. Những dòng chữ này như nén hương để tưởng nhớ về anh.

Tôi vẫn nhớ ngày anh đưa chiếc ghe về, tôi hỏi anh sẽ dùng nó làm gì. Anh đáp gọn "vượt biên". Tôi cười không tin anh nói thật, khi nhìn chiếc ghe quá nhỏ, nhưng cũng chẳng nói gì thêm. Chuyện tàu bè không phải là việc của tôi, biết hay không cũng chẳng ích gì. Anh mượn người sửa lại. Cắt nửa trên của chiếc ghe và đóng thêm một lớp ván bên ngoài. Sửa mũi và lái cao hơn. Anh mua một chiếc máy nhỏ ở đường Bến Chương Dương đem về gắn vào. Tháng sau tôi trở lại sông, chiếc ghe cũ đã thành chiếc tàu có chiều dài mười mét và chiều ngang chỉ một mét rưỡi. Tuy nhỏ nhưng có đáng đáp một chiếc tàu đánh cá hơn là chiếc ghe đi sông trước đây. Anh bảo tôi vì bụng của tàu vốn là một chiếc ghe nên chỉ có thể nổi cao đến thế là cùng. Tôi được mấy người thợ đóng ghe đưa đi một vòng quanh sông. Ngồi trên sàn ghe nhìn nước sông Nhà Bè màu vàng đục, một cảm giác bất an chột dâng lên trong lòng khi nghĩ đến ngày nào đó sẽ ra biển với chiếc ghe vốn vẹn mười mét này. Anh dặn tôi đừng sợ, sẽ đi biển được. Anh bảo tôi xuống tàu sống với anh tài công và đóng vai thủy thủ. Tôi lại cười vì tôi không rành bơi lội và cũng chưa hề làm nghề buôn bán trên sông, trên biển bao giờ. Anh nghiêm giọng "Nhưng nếu có chuyện gì xảy ra trên bờ thì chú mày cũng có thể đi thoát được." Tôi biết anh sắp xếp như thế vì lo cho tôi nhưng một phần khác để tôi khỏi có cơ hội kéo đám bạn bè của tôi theo. Dù đồng ý hay không, tôi cũng không có chọn lựa nào khác. Tiền bạc và công sức đều là của anh. Anh xem tôi như một đứa em nhỏ. Mỗi chiều khi anh ở ngoài sông về, chúng tôi thường hẹn nhau trong một quán rượu. Anh em chúng tôi mượn chỗ để trò chuyện hơn là nhậu nhẹt vì cả hai đều không biết uống rượu. Hoàn cảnh của anh rất giống tôi. Anh cũng lớn lên từ Đà Nẵng chiến tranh và nghèo khó. Anh vào Sài Gòn học và học chung trường đại học với tôi, khác nhau ở chỗ, khi anh lên bậc cao học tôi còn là sinh viên năm thứ nhất.

Chuyến đi khá bất ngờ. Anh chỉ cho tôi đủ thời gian để về chào mẹ tôi. Anh không cho biết chính xác ngày giờ vì ngại tôi sẽ dắt theo bè bạn. Anh biết tính tôi. Tôi

hứa hẹn với nhiều người. Một phần tôi chẳng tốn kém gì, phần khác vì tánh tôi hay chịu lòng bạn. Những đứa được tôi hứa dắt theo đều bị bỏ lại. Điều này đã gây ra nhiều giận hờn đáng tiếc giữa chúng tôi cho tới tận ngày nay. Ngày đi tôi đóng vai thủy thủ thật. Anh hẹn mọi người tại một con lạch nhỏ ngoài bìa làng Chu Hải. Tôi theo ghe đến Chu Hải và ngủ đêm lại trong con lạch để chờ khách vượt biên. Trời gần sáng nhưng không thấy ai đến cả. Chúng tôi thức dậy nhìn ra sông. Nước rút hết. Con lạch khô như một con đường làng hẹp. Chiếc ghe vượt biên của chúng tôi nằm chênh vênh bên bờ lạch. Chiếc bánh lái nhỏ như chiếc quạt để bàn đang phơi mình trên cạn. Nhìn bánh lái, tôi thầm tự hỏi, với món đồ chơi trẻ em này làm sao chèo nổi sóng biển Đông. Mãi đến sáu giờ sáng, nước bắt đầu dâng lên và khách vượt biên không biết từ đâu cũng dần dần xuất hiện. Mọi người lo ngại nhìn chiếc ghe nhỏ nhoi trong lúc mặt trời sắp mọc. Công an và du kích có thể đến bất cứ lúc nào. Nhiều người lo sợ bỏ về. Anh tài công lẽ ra phải lái chiếc ghe cũng bỏ cuộc. Nhưng nhiều người khác, trong đó có tôi, quyết chí ra đi. Một người khách tự động nhận trách nhiệm lái chiếc tàu. Và như thế, chúng tôi đi. Chiếc ghe nhỏ trôi bồng bênh trên biển Đông hai ngày hai đêm. Một mồi nhiều hơn là đói khát. Cuối cùng sau bốn chục giờ và một lần máy chết, tưởng như sẽ chết, chúng tôi được một tàu hải quân Mỹ vớt.

Tôi nhận thư anh trong thời gian tạm trú ở đảo Palawan. Anh đang lo đóng một chiếc ghe khác, lớn hơn và chắc chắn hơn nhiều so với chiếc ghe bầu sửa lại mà tôi đã đi. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở đảo, nếu không kịp, hứa sẽ tìm nhau dù ở nơi nào. Trong lá thư cuối cùng, anh báo tin đang chuẩn bị ra đi. Anh ra đi thật nhưng không bao giờ đến. Bà con anh ở Đà Nẵng và khách vượt biên gần cả trăm người cùng đi với anh cũng không bao giờ đến. Anh đã chết như hàng trăm đồng bào khác đã chết trên biển Đông. Tôi mang ơn anh nhiều lắm. Không có sự giúp đỡ của anh, hôm nay có thể tôi còn lang thang một nơi nào đó ở Việt Nam. Tôi đặt tên đứa con gái út của tôi cùng tên với con gái duy nhất của anh để kỷ niệm cho tình anh em tuy ngắn ngủi nhưng đầy biến cố của chúng tôi.

Bao nhiêu người Việt đã chết trên biển khơi như anh. Theo ước lượng của nhiều cơ quan thiện nguyện quốc tế, khoảng nửa triệu người đã chết trong gió bão, trong đói khát, trong bàn tay hải tặc từ sau 1975. Thật ra, con số đó cũng chỉ là con số tượng trưng, cần đó để điền vào khoảng trống của một bảng thống kê. Tôi tin không ai biết và sẽ không bao giờ biết được bao nhiêu người Việt Nam đã chết trên biển Đông từ sau mùa bão lửa 1975.

Thình thoảng chúng ta vẫn đọc những lời kêu gọi,

những giải sáng tác văn thơ, tự truyện, khuyến khích đồng hương còn sống sót, viết lại, kể lại cuộc đời tỵ nạn, kinh nghiệm vượt biên như những bài học lưu truyền cho hậu thế. Vâng, đó là những cố gắng tốt nhưng ai sẽ là người cầm bút viết ra đây. Tôi và một số bà con khác đã kể lại vì chuyến đi của chúng tôi tuy hồi hộp nhưng không gây nhiều thiệt thòi, mất mát. Trong lúc những câu chuyện cần được nghe, những bài học cần được kể lại, sẽ không bao giờ được kể. Làm sao tả được cảnh những người phụ nữ Việt Nam nằm trần truồng trên sàn ghe như những con cá vừa được kéo lên, đang chờ mổ bụng, ướp đá? Làm sao tả được tâm trạng của người chồng bị trói chặt, nhìn người vợ mang thai bị hải tặc hiếp dâm trước mắt? Làm sao tả được tiếng kêu của em bé lên sáu, lên năm khi nhìn xác mẹ mình bị ném xuống biển sâu? Làm sao tả được cảnh người thoi thóp phải ăn thịt người vừa chết để kéo dài sự sống trên chiếc ghe chết máy lênh đênh nhiều tháng trời trên biển Đông? Không, những câu chuyện vượt biên bi thảm là những viên đá nghìn cân đè nặng lên số phận của đồng bào bất hạnh và sẽ muôn đời ở lại trong lòng biển.

Bên trong chiếc cửa kính dày của văn phòng làm việc, vào những ngày giông bão, những ngọn sóng lớn đánh vào bờ đá, tung bọt cao đến tận chân tường, gió thổi mạnh đến nỗi xé nát những tấm bảng quảng cáo cắm dọc bên tàu. Những lần như thế, tôi ngồi tưởng tượng đến những điều kỳ lạ có thể đang xảy ra trong vùng nước phía bên kia. Tôi cảm giác như có một xác chết đang trôi, một bàn tay vừa nhô lên mặt nước, một tia máu vừa phọt ra từ miệng cá. Tôi cố lắng tai nghe nhưng không nghe gì cả. Lớp kiếng cách âm dày đã ngăn giữa căn phòng ấm áp nơi tôi làm việc và giông bão phía bên kia như ngăn cách giữa hiện tại no đủ và quá khứ đầy thiếu thốn của tôi.

Nhưng nếu không có lớp kính dày kia liệu tôi có nghe được gì không? Vẫn có thể là không. Cuộc sống xứ người đã cuốn tôi đi xa, xa đến mức nhiều khi không còn biết mình là ai nữa. Tôi vẫn đọc mỗi ngày bao nhiêu tin buồn về đất nước, tôi đã thấy mỗi ngày bao nhiêu cảnh bắt công đề nặng lên số phận đồng bào. Nhưng, ngoài trừ những bài thơ, bài văn viết khi nhàn rồi, tôi vẫn đứng nhìn bàn tay của những em bé Việt Nam năm sáu tuổi đang vẫy mời những khách mua dâm ở Campuchia, và tôi vẫn lạnh lùng nhìn giọt nước mắt của những cô gái Việt Nam đang chảy trên đường phố Đài Loan. Phải chăng con đập áo cơm đã ngăn đôi dòng sông lý tưởng thời tuổi trẻ của tôi? Phải chăng hàng rào danh lợi đã che khuất đi khả năng để biết lắng nghe tiếng kêu gào thống thiết của quê hương và cả tiếng gọi của chính trái tim mình? Có thể cả hai. Biển, vì thế, vẫn lặng yên, câm nín như nỗi đau của đồng bào tôi và đất nước tôi.



Tết Ở Quê Người

*Tết ở quê người không pháo nổ,
Giao thừa đất khách chạnh lòng đau
Bao năm kiếp sống đời lưu lạc,
Men nồng say bởi nhớ thương nhau.*

*Còn tết trường sơn mai có nở,
Xuân về Anh có pháo reo không.
Có khao ngày hẹn về phố cũ,
Cho cờ vàng lộng gió Thăng Long.*

*Vui tết có qua miền biên giới,
Dừng lại Kon Tum đốt nén nhang.
Để nhớ những thằng thân thiết cũ,
Đã một thời chết thật hiên ngang.*

*Sử sách chẳng ghi người anh dũng,
Tuổi tên không ai nhắc với đời.
Nhưng ta chắc Hồn Thiêng sông núi,
Có tên người vang vọng nơi nơi.*

*Hôm nay đón Tết phương trời lạ,
Một mình ngồi ngắm tuyết sương rơi.
Thương quá bạn bè thân thiết cũ,
Đã bao năm không gặp nhau rồi.*

*Con biết mẹ ngồi mong mỗi đợi,
Đàn con lưu lạc bốn phương về,
Góp gió tạo thành cơn bão lớn
Xua đau thương cho đẹp trời quê.*

NGUYỄN THANH HUY

CÔ BÉ VÀ PHẬT TÁNH

Chiêu Hoàng



“Chú nghĩ là trong chú có Phật tánh không hả?”

“!?...”

Hình như hỏi chỉ để hỏi chứ cô không cần tới câu trả lời. Cô bé ngược lên trời, đôi mắt suy tư làm cho vầng trán nhăn nhăn:

“Ummmm... Có thể có đấy chú ạ. Vì Phật dạy: *‘Ta là Phật đã thành, còn chúng sanh là Phật sẽ thành’*. (Ngoẻo đầu, đôi mắt chớp chớp ra dáng đăm chiêu) Nhưng vấn đề là ở chữ *‘chúng sanh’* đó có chú trong ấy không biết?”

“Gâu!”

Ngạc nhiên, cô bé kêu lên:

“Chú nghĩ là có sao?”

“Gâu... gâu...”

“Ồ, nếu vậy thì cái Phật tánh của chú phải bé lắm!”

Cả hai đang ngồi trên bậc tam cấp đằng sau nhà. Trước mặt là một khoảng sân cỏ rộng, xanh ngát được viền bằng những cây hoa đủ loại, đủ màu. Cô bé ngồi xoải đôi chân song song, trên đùi là một cuốn kinh ngắn của nhà Phật. Đôi mắt lung linh thấp thoáng một nụ cười. Cô nhìn xuống vuốt ve con chó nhỏ đang gác mõm trên cánh tay. Nó bé nhỏ như một món đồ chơi bày trong tiệm. Khuôn mặt giống y như một chú nai con. Nhưng hình như câu trả lời khẳng định của chú chó con vẫn chưa làm cô hài lòng. Cô muốn lên chùa hỏi thầy: *“Con chó có Phật tánh không?”*

Hai tay chống lấy cằm, đôi mắt tư lự nhìn về hướng ngôi chùa thấp thoáng. Phải chỉ cô bé có thể lên chùa hỏi thầy ngay lúc này nhỉ. Từ nhà tới chùa phải đi hết con lộ chính, rồi mới quẹo phải để leo ngược lên con dốc ngắn. Từ đó, con đường dẫn tới chùa khá vòng vèo, cô phải đi qua hai cái cầu gỗ, một khoảng vườn trồng bắp và một nhà kho chứa lũng cùng đầy những thứ linh tinh phía cánh trái chùa. Mẹ không bao giờ cho cô đi một mình.

Mẹ bảo, con gái một mình đi xa không tiện. Cô chẳng hiểu không tiện ở điểm nào. Tiện quá đi chứ! Cô chỉ cần chạy một vèo, khoảng năm mươi phút là đã đến chùa. Còn đi với mẹ thì phải ráng chờ tới cuối tuần cơ. Nhưng chưa chắc gì cuối tuần đã có được cơ duyên hỏi thầy câu hỏi bí mật ấy, mà chỉ hỏi nhỏ với riêng thầy thôi, vì tính cô ưa cả thẹn, cô sợ có người nghe được sẽ bảo cô... ngu, ưa hỏi những điều vớ vẩn!

Phật tánh là gì? Cô chẳng rõ. Cũng chẳng nhìn thấy đầu cua, tai nheo nó thế nào. Nhưng nghe chừng có lẽ nó rất đẹp, vì chung quanh cô, thiên hạ vui cũng tu, khổ cũng tu. Tu để chỉ muốn tìm cầu cái Phật tánh ấy thôi.

“Hummm...!?”

Cô bé đứng lên, rời bậc tam cấp, tiện tay nhặt một cành cây khô, đi men theo bụi cây dùng cành làm dao chặt vào những bụi lá cạnh vách tường. Con chó nhỏ cũng lúp xúp chạy theo sau:

“Gâu... gâu... gâu...”

Cô quay lại, vừa đi thụt lùi, vừa quơ quơ cành cây khô trên trời, mỉm cười với con chó:

“Biết rồi, biết rồi! Chú cứ nhất định khẳng khẳng bảo chú cũng có Phật tánh chứ gì? Nhưng tôi phải lên hỏi thầy nữa cơ. Vì tôi cho rằng, nếu quả thật trong chú có Phật tánh thì chắc hẳn nó cũng phải bé tẹo tẹo như cái thân hình của chú vậy thôi!”

Con chó nhảy cẫng lên:

“Gâu... gâu... gâu!”

Cô nhỏ ném cành khô vào một bụi cây, xoải chân đi trước:

“À. Hoá ra ý chú muốn nói *‘Phật tánh làm gì có bé với to’* phải không? Mà...” cô cúi xuống, thì thầm “để tôi mách nhỏ chú một điều. Trong kinh Vệ Đà của hàng Bà La Môn có nói: Đã là loài súc sanh thì mãi mãi vẫn là loài súc sanh thôi đấy!”

Con chó vẫn hăng hái sửa lớn:

“Gâu... gâu... gâu...”

Cô bé đứng thẳng người. Phất tay, đi nghiêm trang ra dáng của một anh lính quèn, nói lớn:

“Thôi... thôi... Tôi chẳng thèm cãi với chú nữa. Chú bướng bỉnh lắm nhé. Bé téo tẹo mà cứ cái nặng xì cả lên!” Mím cười, cô bé quay lại, nói đùa với chú chó “Chừng mai một, nếu có cơ duyên được làm người, chắc chú phải làm luật sư mới đúng. hihihi!”

Tiên tay, cô hái một đóa hoa cúc dại, vừa đi vừa nghịch ngợm bứt từng cánh hoa, bắt chước mấy đứa bạn trong trường chơi trò bói toán:

“Kiki có Phật tánh, Kiki không có Phật tánh..., có..., không..., có..., có..., không..., không..., không...”

Cô tung cánh hoa cuối cùng lên hư không, chạy ù, kêu lớn:

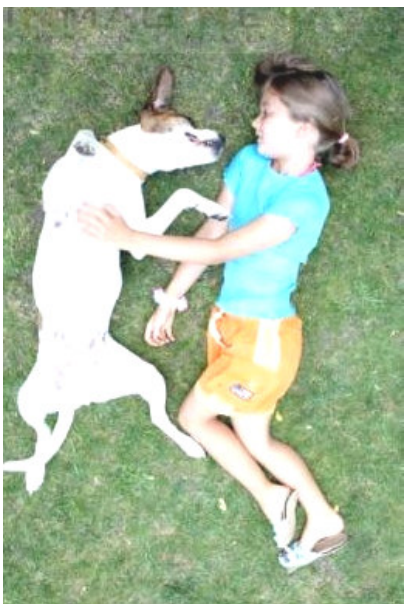
“A ha... Chú không có Phật tánh đâu. Tôi vừa bói cho chú và quẻ bói đã bảo thế!”

Con chó phóng chân chạy theo sau, hăng hái cãi lớn:

“Gâu... gâu... gâu...”

Mùa Xuân đã chớm về. Hương vị Tết thoang thoảng đâu đây. Khí trời vẫn còn lạnh. Những nụ hoa vẫn e ấp núp trong đám lá non chưa chịu vươn mình khoe sắc. Nắng chiều là tả rớt xuống từ những kẽ lá tựa như một đám bụi màu hoàng kim kéo dài hai cái bóng người và vật chạy lằng xằng, in ngoằn ngoèo trên thảm cỏ xanh. Tiếng cười thủy tinh của cô bé vỡ ra trong không gian hòa với tiếng chó sủa. Cảnh vật đẹp như một bức tranh vẽ, nhưng đó lại là một cảnh sống động, rất thật. Duy chỉ có câu hỏi cứ quẩn quanh trong đầu cô là còn rất mơ hồ lằng đằng giữa Có và Không...

“Con chó có Phật tánh hay không?”



Mùa Xuân và M...

*Thưa anh, em chẳng còn gì
Ngoài con tim héo Xuân thì dở dang
Yêu anh tình cũng muộn màng
Bởi thân lỡ chuyển đồ ngang giữa đời.*

*Thưa anh, những giọt sương rơi
Cũng là giọt lệ vừa rời mắt sâu
Yêu anh tình cũng âu sầu
Bởi từ kiếp trước lạc nhau lối về*

*Thưa anh, ở chốn xa quê
Mùa Xuân đến chỉ thêm tê tái buồn
Ngày Xuân phố núi mưa tuôn
Quê người, đất khách, tâm cuồng loạn đau.*

*Thưa anh, trời đất rũ rầu
Nên Xuân đến cũng bạc màu Xuân tươi
Ngày Xuân chẳng rộn tiếng cười
Đêm Xuân viễn xứ ngâm ngùi nhớ thương.*

*Thưa anh, ở cõi vô thường
Tình như giọt nắng chiều vương cuối ngày
Đời phù du tựa khói mây
Làm sao em giữ trong tay tình người.*

*Thưa anh, đời chẳng còn vui
Xuân qua phố núi cũng buồn ngùi đau
Còn trong em chút tình sầu
Gởi anh để nhớ... mai sau... một người...
(2006)*

NGÔ NGỌC MAI

XUÂN CHÍN BÊN CỘI BỒ ĐỀ

Trần Kiêm Đoàn

Xuân, Hạ, Thu, Đông... rồi Xuân! Có một cuốn phim Đại Hàn mang phong vị của Thiên có tên như thế. Người xem có nhiều phản ứng khác nhau, nhưng lại cùng chung một tâm trạng lắng đọng và một ý nghĩ đầy trăn trở, trải dài đến mênh mông về lý vô thường của cuộc sống.

Vào lứa tuổi lục tuần, tôi thuộc về thế hệ “chiến tranh Việt Nam”, một thế hệ mà các bạn cùng lớp, cùng lứa với tôi ở trường Hàm Nghi và Quốc Học Huế có đến hai phần ba đã ra đi... về đất! Những người còn lại ở bên này đại dương hay bên kia đất nước thường hỏi thăm nhau với nỗi ám ảnh về sự xé bóng giữa vô thường: Bên bờ sinh tử vẫn còn có nhau.

Ba mươi năm nhìn lại. Mùa Xuân rất xanh ngày nào bây giờ đã... chín.

Mùa Xuân chín tới trên quê hương vì bao nỗi lo lắng tận tình vào thời điểm cuối năm để nghênh đón mùa Xuân. Nhưng mùa Xuân cũng “chín tới” ở quê người vì sự vô tình và lãng lẽ quên mất mùa Xuân. Hai đầu mút—thái quá hay bất cập—đều làm cho mùa Xuân mau già mà đời thường cho là “Xuân chín tới”; nghĩa là đã hết một thời Xuân xanh hoa mộng, hồn nhiên!

Một mùa Xuân hai mươi lăm năm trước, tôi đang ở trên một quê hương mà ngày đầu năm, mùa Tết mang một ý nghĩa trọng đại trong cả lòng người và vạn vật. Rồi tôi bỗng hụt hẫng khi đi qua một vùng đất lạ mà những ngày như thế chẳng mang một ý nghĩa gì cả. Mồng Một Tết—cũng chỉ là một ngày bình thường—như mọi ngày theo kim đồng hồ lững thững trôi qua.

Bé Quan Thư ngày đó hỏi một câu thật bất ngờ:

- Ba ơi! Mỹ có trồng Tết được không ba?

Tôi ngạc nhiên hỏi lại:

- Trồng Tết? Tết là... là... làm sao trồng được hở con?

Tôi không biết phải gọi tên, định nghĩa Tết là gì cho hợp người, hợp cảnh, hợp với sự nhận biết của một người chưa từng có kinh nghiệm “ăn Tết” trên quê hương Việt Nam. Ngay cả những nhà ngôn ngữ học tài danh xứ Anh, xứ Mỹ cũng chỉ có thể gọi cái Tết Việt Nam bằng cái tên cúng cơm nguyên thủy là “the Tet of Vietnam” mới lột tả được khái niệm tròn đầy của nó. Bé

Thư nhìn Tết với đôi mắt trẻ thơ. Vì trẻ thơ nên hồn nhiên và không dấn mắc, mới đủ tươi mát để cảm nhận xuyên suốt cả mùa Xuân:

- Trồng Tết là trồng cây Mai cho có bông, trồng cây chuối cho có lá mà gói bánh như mẹ nội, o Thuyền dưới làng đó Ba tề.

Ý nghĩ của tuổi măng non thật ngộ nghĩnh. Ngày đó, tôi đã đóng khung lòng mình bằng hoài niệm. Tôi mang nỗi nhớ không nguôi nhốt trong chiếc lồng định kiến để tự cho rằng, “làm gì có Tết trong lòng người đi!” Có chăng một hình ảnh Tết mang theo là nỗi nhớ, nỗi buồn, nỗi xót xa của sự mất mát lạc loài sạch nhẵn. Hình ảnh lễ hội tung bừng của ngày Tết chỉ còn là dư vang quá khứ mà thôi.

Cuộc sống đời thường thì đang thay đổi như chong chóng trong vòng “không-có, có-không” qua từng chớp mắt mà định kiến của con người thì lại đóng khung trong cách kiểu tượng đài ngỗ như thường hằng bất biến. Niềm vui tươi mới của con người mang nhiều định kiến thường bị đóng băng trong lúc những mùa Xuân tươi mầm, xanh lá vẫn xôn xao đi về không ngớt. Làm người xa xứ trong mùa Tết, tôi cứ sống hoài trong quá khứ. Ý nghĩ “đất lè quê thói” già khẳn và mỗi ngày một khô quắt trong tôi. Ý nghĩ về làng xóm, phố phường xinh đẹp nhất; con vịt con gà thơm ngon nhất; nải chuối buồng cau tươi ngọt nhất chỉ có trên quê hương mình... bao năm làm tôi không “lớn” nổi để thật sự làm khách ly hương trọn vẹn ở xứ người.

Tết đã mất trong lòng người đi chăng? Khi tự hỏi “mất chưa” là đã tự đã lời trong nỗi băng khuâng nhận ra rằng... đã mất! Nỗi thương nhớ sùi sụt xa xứ rất “mít ướt” đó chỉ còn là nỗi nhớ—một nỗi nhớ liên tưởng thuần cảm tính—rằng: Nhớ Tết là nhớ quê hương; nhớ quê hương là nhớ Mẹ; và... nhớ làm thơ (rất chi là Nguyễn Bính) để khỏi làm thính:

Bóng Mẹ khuất rồi Xuân vẫn đến

Mưa trời đang rũ bụi bên sông

Mẹ ơi trong bóng Giao Thừa cũ

Con nhớ ngàn xưa dáng Mẹ trông...

Tôi yên chí như thế cho đến năm thứ 5 sống trên đất Mỹ. Lần đầu tiên đi viếng phố Tàu (China Town) ở San Francisco trong chiều Ba Mươi và Mồng Một Tết. Tiếng trống múa lân và pháo Tết nổ ran khắp các dãy phố từ nhà này sang nhà kia không ngớt. Cảnh sát gốc da trắng và Á châu tuần tra quanh các khu phố cười toe với lời chúc xôi đậu diễn hình cho Năm Mới: *"Happy New Year -- Cung Hy Pạt Chòi!"* không ngớt trên môi. Cả khu phố Tàu rộng lớn tràn ngập màu sắc rực rỡ của đèn lồng, bánh mứt, cây trái, hoa kiềng... ngày Xuân. Hình ảnh Chợ Tết và cảnh Ăn Tết của Thượng Hải, Bắc Kinh, Hồng Kông, Chợ Lớn... đang ngự trị nơi đây. Tết Trung Hoa đã được gieo trồng và mọc lên trên đất Mỹ từ những năm 1850, khi từng đợt người Trung Hoa đặt chân lên châu Mỹ để làm thuê, làm mướn, tìm vàng hay lao động làm đường rầy xe lửa. Hơn một trăm năm sau mới có bước chân người Việt Nam đặt lên xứ này. Những hạt mầm Tết truyền thống Trung Hoa gieo xuống đất này hơn cả trăm năm trước bây giờ đã mọc lên thành cây đại thụ. Dường như khi những hạt mầm truyền thống còn tươi và khi chất phù sa của tấm lòng chưa cạn kiệt thì những chồi xanh văn hóa có thể nảy mầm, đâm nhánh và mọc lên khỏe mạnh bất cứ nơi đâu.

Tôi thường đi chùa sáng Chủ Nhật hằng tuần như phần đông những người Việt khác ở Mỹ. Nhưng tất cả lễ nghi và nếp sinh hoạt chùa chiền, tự viện vẫn là nếp cũ, không có gì khác hơn ở quê nhà. Sự lặp lại đó không “trồng” mà cũng chẳng “mọc” nên sức hút không mấy mạnh để mời gọi những tâm hồn tươi mới—trẻ trung và chưa quy y—vào cửa nhà chùa.

Có một đôi lần tôi không đến chùa vào ngày Chủ Nhật mà vào ngày thứ Bảy. Gặp lúc các em trong Gia đình Phật tử đang sinh hoạt. Lẫn trong tiếng Việt có tiếng Anh, có nụ cười vang hồn nhiên như nhạc... Rock, có những điệu bộ tự nhiên rất “Mỹ Việt đề huề.” Tôi tìm trong phong thái sinh hoạt và hành xử của các em một nét gì tươi mới như những chồi xanh Việt Nam không “đốn nguyên gốc” từ quê cũ mang theo mà mọc lên từ vùng đất này. Tôi có cảm tưởng như đó là một sự “chuyển cành” tự nhiên và đầy ý thức.

Tôi học cách ‘trồng Tết’ bằng phương pháp chuyển cành. Nghĩa là cành mới, được chiết ra từ gốc cũ để ươm vào đất mới. Như khái niệm về Hoa Xuân chẳng hạn. Tại sao phải dính chặt vào Hoàng Mai một khi những rừng mai đại và những vườn mai khôn không thể mọc được ở bờ đất bên này. Sao lại không thể thay bằng anh đào, hoa đào, thủy tiên, quince, tulip, huệ, hồng đại đoá... Tuy những loài hoa Xuân mới ấy không e ấp như Mai Vàng “xóm cũ” nhưng vẫn vươn mình nở nang và đầy tròn mời đón mùa Xuân nơi đây.

Trà, mứt, bánh, trái, thịt mỡ, dưa hành... câu đối đỏ

tìm dâu cũng có trong các chợ Tàu và phố Tàu bày bán la liệt. Tại sao phải chăm bẵm trụ vào “*vườn rau trước ngõ, bụi chuối sau hè*” không hề có ở nơi này.

Ngày ấy trên quê hương, khi nói về Tết, Năm Mới chẳng hạn, tôi thường chỉ đơn giản nghĩ đến Tết Ta theo âm lịch và Tết Tây theo dương lịch cũng gọi là đủ. Mãi cho đến khi sống chung với các dân tộc khác giữa cộng đồng thế giới, chúng ta mới thấy là “*hàng xóm láng giềng không giống như ta.*” Người láng giềng Nhật bỏ “tết Ta” theo “tết Tây” từ năm 1873. Anh hàng xóm Lào, Miên theo lịch Gregorian để mừng năm mới vào giữa tháng 4. Chú bạn Hờ-Mông mừng Tân Niên sau mùa gặt cuối Xuân; qua Mỹ hết gặt hái thì chọn ngày “đầu năm” lừng lợ, du mục không nhất định.

Sự dính mắc là một hệ lụy nhân sinh. Khi suy nghĩ về mùa Xuân, về Tết, về quê hương bên kia và bên này tôi liên tưởng đến đạo Phật, đến đoá sen vật lý mọc từ bùn; đoá sen tâm lý mọc ra từ lửa; và đoá sen triết lý mọc từ nụ cười Ca Diếp. Hoa Phật, cành Phật, mầm Phật trồng đâu cũng nảy mầm xanh lá, nhưng chẳng bị dính mắc từ chốn sinh thành. Sao con người phải bị dính mắc, phải cột chặt cái tâm vào thế giới hình tướng thoát đến, thoát đi như Xuân, như Tết.

Phật giáo Việt Nam đến Mỹ cùng thời với Tết và đang đứng trước một sự thử thách chưa từng có trong môi trường xã hội Âu Mỹ. Văn hóa và nếp nghĩ kinh tế thị trường đang ngự trị xã hội Âu Mỹ. Phật giáo Đài Loan, Nhật bản, Tây Tạng, Đại Hàn đã và đang thâm nhập vào xã hội phương Tây bằng hai hình thức: Chùa chiền, tự viện nguy nga, đồ sộ, có tầm cỡ thu hút được sự quan tâm của người bản xứ. Bên cạnh đó, hình thái tu học tăng đoàn, đa số tu sĩ trẻ được đào tạo từ các trường đại học và thông thạo ngoại ngữ. Trong lúc đó đạo Phật Việt Nam tại hải ngoại thì có vẻ như đang phát triển theo chiều ngược lại. Chùa chiền Việt Nam phát triển rất nhiều nhưng phần lớn chưa thoát khỏi hình thức “thảo am” đơn sơ và đạm bạc so với các nước châu Á trong vùng. Rất có thể đây là hậu quả trực tiếp của hình thái sinh hoạt tăng đoàn ngày một mỏng, phân hóa và phân đông các tu sĩ trẻ tuổi có khuynh hướng “thầy cúng” phổ biến hơn là khuynh hướng thiền sư.

Đất Âu Mỹ không có nguồn mạch của Hồng Hà, Cửu Long nhưng mầm văn hóa và văn hiến Việt Nam vẫn có thể gieo trồng và mọc lên tươi tốt. Thế hệ đàn anh đã ươm mầm một bản sắc Việt Nam. Tất nhiên trong đó có cả mầm Tết, mầm đạo Phật Việt Nam nơi đây. Nhưng cội bồ đề Việt Nam mai kia có phát triển sum sê đủ cho thế hệ đàn em Việt Nam núp bóng mát khi mùa Xuân chín tới—tất sẽ chuyển sang mùa Hè nóng bức—hay không thì vẫn còn là một câu hỏi.

Chùa Kim Quang, Sacramento, ngày đầu năm 2007

thơ NGUYỄN TU PHƯƠNG

Bóng Phù du

Môi em đỏ thắm
màu son mới
Nghiêng tóc thè
che dấu
nụ hôn xưa

Nụ hôn em bỏ giữa đường
Ta về phố quận, vô thường bước chân.

Em vội vã
còn tôi thì quá
chậm.
Hút hăng hoài
không bắt kịp bóng em.

Bóng em chia, nửa mặt, thu
Nửa bên đây lạnh, bóng phù du qua.

Không Đề

40.
công danh thành bại chưa biết kịp
quay lại nhìn chừ đã bốn mươi
chậu cúc vàng chờ mong ai trước ngõ
nắng trưa về vượt mất nụ hôn quen!

50.
năm mươi tuổi chẳng màng chi công tước
hồn thênh thang mơ bướm mộng trưa hè
tách trà xanh trong tay đã mãn nguyệt
chiều qua rồi đêm đến
cuối đầu trăng chóng phai

60.
sáu mươi tuổi nợ trả xong
phủ tay mây vào đá mộng
lên núi ở một mình
chiều cỡi trâu xuống chợ thăm bạn.

Đọc thêm Tình Thơ Ngồi Quán

chiều ra ngồi quán lạ
ly cà phê đắng môi
mình ta ngồi quán lạ
thở hoài hơi thở khan!

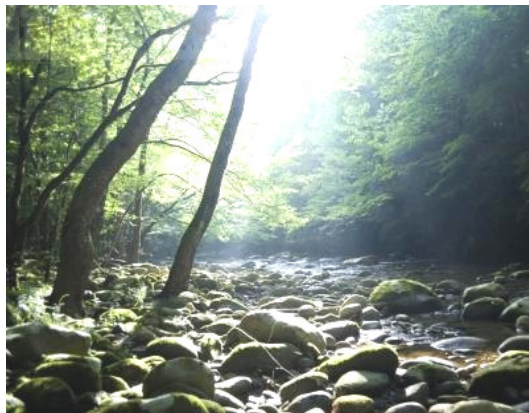
chiều ra ngồi quán lạ
đốt trên môi nỗi sầu
tâm tư chừ khô cạn
chờ hoài ta chờ ai?

chiều ra ngồi quán lạ
tim ngổn ngang nỗi sầu
mưa bay hoài mây cạn
đời ướt dầm người ơi!

chiều ra ngồi quán lạ
người về ta nào hay
nhìn ra khung cửa lạnh
mưa nhạt hòa môi son!

chiều ra ngồi quán lạ
thấy đời mình chia hai
nửa bên này đã cạn
nửa kia rồi cho ai?

chiều ra ngồi quán lạ
ta chào ta lặng thinh
chiều nay rời quán lạ
nắng tắt, tan bóng mình.



HUYỀN KÝ

Toại Khanh

Ông lão chậm rãi mở cửa am thờ. Một cái khám nhỏ nằm sâu trong tường, một bức tượng Phật kiểu Nhật Bản đang được an vị trong đó. Một vầng hào quang trắng đục bao quanh tượng Phật, không rõ ánh sáng đến từ một nơi nào trên trần nhà hay một bóng đèn được lắp kín đáo đâu đó. Trước khám thờ chỉ có một chiếc bàn gỗ mặt hẹp nhưng chân cao, thoáng nhìn giống hệt một con hạc đang hầu Phật. Như quên mất người khách đang đứng sau lưng mình, ông lão lặng lẽ chấp tay làm lễ một lúc, trong im lặng. Đoạn, kính cẩn đưa tay lên bàn thờ cầm lấy một chiếc hộp gỗ nhỏ chừng hơn gang tay, rồi nhẹ nhàng mở ra. Hẳn như nín thở nhìn theo từng động tác của ông lão. Trong đó chỉ là một cuốn sách, một xấp giấy cũ thì đúng hơn. Ông trao cho hẳn.

Nó đáng gọi cổ thư, giấy thô ráp ó vàng, chữ nghĩa bên trong là thứ văn tự gì đó nếu chẳng của Tây hạ hẳn cũng Thổ Phồn cổ tự, trông như đàn kiến bò trên những lông trúc lục bình. Mặc, dăm trang cuối sách là những trang viết tay dày đặc, Anh ngữ hẳn hoi, văn pháp đương đại, thậm chí từng dòng chữ cơ hồ còn thơm mùi mực. Có điều bút khí cuồng loạn, ý tứ thần dị. Hẳn chong mắt xăm xoi.

“Muốn hoá thân ra người Quán Tự Tại, đừng học cách Ở, hãy học phép Đi. Dúm cơm khô trong túi du hành còn đặc dụng hơn trang viên giữa phố. Hãy biến những thứ có được ra hành trang trên đường. Đừng nghĩ chuyện dài lâu, không buồn vui nào dài quá một nháy mắt. Ai cũng sợ mù lòa, nhưng thích sống vô minh. Và mặc ta vô minh, đời cứ thế vô thường. Hãy tận dụng sáu cửa nội tại để trăm năm không trôi mất. Thời gian chỉ tồn tại khi ta biết cách tồn tại.

“Người hoằng đạo chớ sợ đời mạt pháp. Mạt pháp chỉ là tên gọi một cách tồn tại khác của Chánh pháp. Chánh pháp luôn có cách tồn tại trong mỗi thời kỳ. Tùy căn cơ, chánh pháp được hiển hiện qua những chiều kích khác nhau. Hãy trao cho trẻ con những món đồ chơi, gương lược cho phụ nữ, hoa rượu cho nhà thơ, cổ thư cho học giả, cùng với một lời nhắn nhủ cho mỗi người

về mục đích của cuộc chơi. Rong chơi có mục đích được gọi là hành hương, dắt tay người cũng là cách độ chúng. Cùng nhau vào cuộc chơi với xâu chuỗi trên tay mỗi người, không niệm Phật cũng cứ là tu niệm. Đừng ngồi cô độc bên đường ôm hóm bối diệp mà tưởng tiếc ngàn xưa.

“Thái độ nào cũng chỉ là một sự bày tỏ, thể hiện, một tiếng nói. Việc đời hay chuyện đạo đều cần đến một lời rí tai là không nên bỏ xác ở một kết luận nào hết. Đời là một cuộc đi. Còn hơi thở là còn bước đi và giáo nghiệm. Sao cũng là tốt, miễn đừng bao giờ nghĩ đến hai chữ Tốt Nhất. Chữ Nhất thường đi chung chữ Lắm. Chỉ nên Tốt Hơn, đừng bao giờ là Tốt Nhất. Thế giới đã đổ máu, nhỏ lệ, chỉ vì những nhãn hiệu. Chớ tin kẻ tìm thấy chân lý, hãy lắng nghe người đang tìm chân lý. Đời vô thường nên con đường nào cũng chỉ là giải pháp tạm thời. Đừng mong lấy cái ngắn hạn giải quyết chuyện đời thiên thu. Mùa đông có tuyết trắng và cảnh khô, thế chẳng đủ tuyệt vời lắm sao? Cứ gì phải vì luyện tiếc mùa xuân mà cưỡng cầu thứ hoa khô giả tạo. Mùa nào thức nấy. Người hành giả rong chơi với bốn mùa trong tim và ngay trước mắt.

“Một trong những thứ kinh thư đáng được thờ lạy nhất trên trái đất này chính là mấy cuốn sách danh ngôn. Thật lạ lùng khi người ta có thể cóp nhặt đủ thứ để lập giáo xưng danh một cách nghèo túng, kể cả những vá vúi vay mượn đầy bệnh hoạn, mà chưa hề có người tuyên xưng thứ kinh điển ngàn vàng ấy. Chúng là tinh hoa ngàn đời của nhân loại, là máu huyết của vô số cổ nhân, và nằm ngoài tất cả mọi nhãn hiệu. Thần tượng vĩ đại nhất trên thế giới này phải nằm ngoài mọi nhãn hiệu để có thể đại diện cho tất cả những thứ cao đẹp. Hiếm một tín đồ của bất cứ tôn giáo nào trên đời chịu để ý rằng càng lên tiếng suy tôn giáo chủ một cách ồn ào thì càng thu hẹp không gian tồn tại của đối tượng mình tôn thờ. Chỉ nên nhắc đến cõi tinh thần của các thần tượng, đừng xây lên những bảo tòa cao ngất vốn xa lạ với nhân gian và làm chướng mắt những người chưa tìm thấy sự khả

kính ở đó. Hãy để các vị ấy hiện hữu một cách thơ mộng và cao khoáng như trăng khuya, biển chiều, núi cao, sông dài. Những thứ thiên nhiên đó không cần đến sự quảng cáo. Và tình yêu thiên nhiên sẽ không tạo ra những khoảng cách không nên có giữa những tim người.

“Đừng ham cái Dễ mà chối bỏ cái bị xem là Khó. Mọi thứ trước khi trở nên dễ dàng đều phải là khó khăn. Hãy yêu cái đơn giản, nhưng đừng ham chi chuyện dễ dàng. Ai đó đã bảo, hãy sống đơn giản theo mức đơn giản vốn có của đời sống, nhưng nhớ đừng tìm cách đơn giản hơn nữa. Học hành một cách đơn giản là thông tuệ, cố gắng đơn giản hơn mức cần thiết là lười biếng.

“Ở một tuổi nào đó trong đời hãy học cách yêu lấy đáy thẳm của sự yên lặng. Cách nói đó oách quá, ăn cắp của một tay ngông ngạo. Nghe ra không được thật thà và tới nơi tới chốn bằng hai chữ vô danh. Phải. Nhớ câu nói của ai đó, tuyệt diệu nhất vẫn là sự giàu có của một người vô danh. Hãy tự xem mình là kẻ đang bị truy sát, lộ diện là tự sát. Hãy bắt đầu yêu lấy nỗi vô danh để làm quen với sự lặng lẽ của mộ địa. Một trong những thú vị lớn nhất của nhân gian là trồng hoa trên đỉnh ngàn, đêm đêm nghe gió xuôi về đồng bằng, mang theo món quà vô danh của mình. Vô danh mà vô tình vô tâm, đó chỉ là kiếp đời của một tử tù trong hầm sâu ngục tối. Vô danh mà có tâm, có tình chính là tận hưởng sự hiện hữu phù vân.

“Một ngày mùa đông về chơi một góc nhỏ Thượng Hải, rong chơi mấy hôm bỗng nhận ra mình đã già, đã thay đổi nhiều quá. Ngày trước cứ một lòng khăng khăng đi tìm cái tinh khôi của đạo Phật, thường xuyên dị ứng với những thứ đơm đặt của đời sau. Bây giờ bụng cứ nghe vui râm ran kín đáo, khi tình cờ bắt gặp đâu đó một dấu vết của Phật lẫn khuất, vương vãi trong dân gian. Một chút thôi, cũng cứ thấy quý. Lòng đã tự tìm thấy một thỏa hiệp rồi chẳng? Không hiểu nổi chính mình, ngày về bên đem chuyện hỏi lại một người quen. Nhận được câu trả lời ngộ nghĩnh không biết nên vui hay buồn: Đã già rồi đó, vòng tay lớn hơn vì mắt đã nhìn xa hơn. Người bỗng dễ thương là người sắp chết đấy biết không?

“Ba ngày xuân, nhằm dịp cuối tuần, chẳng đi đâu hết. Không chôn đi cũng chẳng có người để gặp. Chợt nhận được thư xa, từ nghìn trùng quê cũ. Một người quen vẫn chưa quên mình. Kể cũng là thương. Đôi câu

hỏi han, dăm ba lời trách, pha chút vui buồn như kiểu mưa nắng bên đó. Chẳng biết phải nói gì, chợt nhớ lại một bài thơ vừa làm cách đó không lâu, sẵn sàng như một lời đáp cho câu hỏi đã biết trước. Em hỏi tôi ngày trở về cố quận. Tôi trả lời đâu cũng chốn quê hương. Em hỏi tôi bao giờ thôi lận đận. Tôi xin thưa: Cứ suốt kiếp trên đường. Em hỏi tôi gió phương này có lạnh? Tôi trả lời: Đời giá rét chung thân. Đợi mưa gió bên ngoài chừng ráo tạnh, đốt thơ mình nhóm lửa sưởi đôi chân. Em hỏi tôi sao một đời khinh bạc, phui tay hoài những ấm lạnh tình thân. Tôi trả lời gã tiên khờ đi lạc, buổi kim tiền sao có nổi tri âm!”

Trong ánh sáng mờ nhạt của am thờ, hẩn đứng đọc một mạch không sót một chữ, toàn bộ mấy trang giấy đó. Đọc trong im lặng và nghe mình như đang lên đồng. Đúng hay sai, một phần hay toàn bộ, nội dung kỳ quái trong cuốn sách kia. Hẩn lễ phép trả lại cuốn sách cho ông lão và từng bước rời khỏi am.

Bên phiên đá trắng được kê làm mâm trà giữa khu vườn tĩnh mịch, trong cái không gian vắng vất một mùi hương lạ của loài hoa nào đó mọc chen trong những kẽ đá, ông lão giữ am nhỏ giọng kể lại cho hẩn câu chuyện cũ:

“Thầy trò lão gặp nhau lần đầu ở Nam Kinh. Trên một chuyến tàu đêm. Nhân duyên là cái gì đó không

nói được nhưng có thật trên đời ông ạ. Khuya hôm đó, lão lóng ngóng thế nào mà lại làm đổ cả ly trà nóng trên chân sư phụ. Lúc đó thầy chỉ mới ngoài bốn mươi.

“Đang cúi xuống định lau lấy chiếc giày ướt đầm kia như một cách xin lỗi, lão bỗng nghe một câu nói rành rọt, chữ nghĩa và âm sắc như của một người bản xứ:

- Ông cụ đừng làm vậy, tôi có thứ trà này ngon lắm, cụ có sẵn nước sôi ở đây sao, hay là ngồi uống với tôi một chén.

“Ông có tin không, người vừa nói với tôi câu đó là một thầy tu nước ngoài. Nếu không tận mắt nhìn, ai biết được đó là tiếng Tàu của một người ngoại quốc chỉ đến Trung Hoa chưa được chừng vài bận. Văn hoá của một xứ Tàu kín cửa suốt mấy chục năm đã không cho phép lão có được cái tư phong cần có trước hoàn cảnh đó. Thật lạ, chỉ sau vài ba tuần trà, lão bỗng thấy mình không thuộc về miền đất này nữa. Lão đã thuộc về người khách lạ vừa quen biết trong tình huống kỳ cục đó. Chỉ hỏi lão hai câu về gia đình và sức khỏe, sư phụ nhìn



thẳng vào mắt lão rồi hỏi không ngập ngừng: Ông cụ có chịu về tu hành với tôi? Nói thiệt, con người đó có rũ lão đi ăn mày lão cũng gật đầu ông ạ. Chúng tôi đến Thượng Hải, sư phụ bảo lão viết một cái thư về cho hai thằng con trai.

“Cứ vậy là lão về sống với sư phụ. Thầy lạ lắm, chuyện gì cũng nói trên bàn trà. Lão học đạo cũng ở ngoài vườn. Không giấy mực gì hết. Bất cứ thứ gì nhìn thấy chung quanh đều có thể là cái cớ để thầy nói về Phật học. Từ các món gia dụng trong nhà đến những chậu kiểng, hồ nước ngoài vườn. Từ đó, làm gì và ở đâu lão cũng thấy Phật pháp và như nghe cả tiếng nói của sư phụ. Hai mươi năm trôi qua vùn vụt. Vậy rồi thầy đi. Thanh thân lắm, không bệnh hoạn gì hết, chỉ nói muốn nằm nghỉ. Đến lúc vào báo giờ cơm trưa, lão mới biết. Hơn một tháng trước đó, bỗng dưng sư phụ cứ dặn dò lão chuyện này chuyện khác. Lão không thể linh cảm ra điều gì. Rõ ràng sư phụ nhỏ hơn lão đến chục tuổi mà. Cuốn sách đó sư phụ để trong chiếc va-li hành lý mà ngày trước vẫn dùng trong những chuyến đi xa. Lão thờ ở đây như một kỷ niệm gắn bó với sư phụ nhiều nhất. Sư phụ đi nhiều, quen nhiều, sao lại chọn lão chứ. Đến giờ lão vẫn chưa hiểu và cũng chưa từng hỏi qua sư phụ chuyện đó. Chỉ biết rằng ngoài Phật pháp, chưa hề nghe thầy nói đến thứ gì khác. Nhớ lại một câu dặn dò bằng quơ của sư phụ ngày trước, lão đã rải tro đi cốt của thầy xuống biển ngay sau lễ hóa thân. Gia tài sư phụ để lại cho lão chính là những gì lão đã nghe được ngay từ bàn trà này và vài thứ vật vãnh trong hành lý gió bụi của thầy ngày xưa. Cái am này giờ cũng đã mục nát rồi, mai này tới phiên lão đi xa, chắc chỉ còn lại khu vườn hiu quạnh này.”

Đang nói đến đó, lão liếc mắt vào chiếc đồng hồ tường treo trên vách gỗ sau lưng, rồi xin phép khách đến giống nhẹ ba hồi chuông để bắt đầu buổi kinh chiều. Hắn cứ như ngẩn ngơ khi nhìn theo lão, nhìn đến từng món vật dụng chung quanh. Đúng là cái gì ở đây cũng phảng phất bóng dáng người sư phụ kỳ lạ của lão. Cái đồng hồ tường khó tìm thấy ở bất cứ đâu: hai chiếc kim trên đó chỉ là hai que trúc mong manh gắn vào một mảnh đá tròn dẹt mỏng. Cái gọi là chuông kia cũng lạ lùng, trông như một cái bát khất thực của nhà sư đem treo ngược, những dư hưởng sau cùng của chuông nghe như tiếng muỗi bay.

Không muốn quấy rầy ông lão đang tụng kinh bên trong, hắn khẽ khàng bước nhẹ ra phía cổng tìm cái gì bỏ bụng buổi chiều. Ông lão khi này vừa bảo đêm nay sẽ đãi hắn một buổi uống trà giữa đêm để ngắm hoa quỳnh nở. Hắn đã ra khỏi khu vườn mà bên tai vẫn như nghe rõ ràng một giọng nói xa lạ: Mặc ta vô minh, đời lạng lẽ vô thường!



Áo Xuân Xưa

Vịn hờ
vai áo em
xưa
ngỡ chòm mây trắng bay qua
vực hồng
có đôi chim vợ chim chồng
hót tràn khe lãnh
rừng thông
nắng trà
ừng mùa xuân
tới non cao
du hồn tiểu lục
hóa vào đại ân
chín rồi
quả mộng trăm luân
áo em trắng giữa muôn phần
cỏ
cây.

HOÀNG XUÂN SƠN

Nhận định về bài thơ **LIÊN KHÚC VÔ THƯỜNG** của Phan Bá Thụy Dương

Diên Nghị

Liên Khúc Vô Thường

1.
*Đốt công án vắt kinh thư khái ngộ
Theo đường trắng
trắng khi tỏ khi lu
Tìm người hiền nơi thâm cốc âm u
Thông tay vào rừng già làm ẩn sĩ
Giòng sinh mệnh
chùng nhuộm màu chướng khí
Bến nhân gian ai quán niệm vô thường
Hành trình xa ngựa đã lỏng dây cương
Trên vách núi chân dung in mờ tỏ*

2.
*Ném công án chôn kinh thư bắt ngộ
Nương sông ngòi biển cả tới an nhiên
Nửa u hoài, nửa chợt nhớ, chợt quên
Bồng tan biến cùng tiên thiên tự ngã
Tay huyền hoặc để lời thơ trên lá
Hồn xanh xao lạc lõng chốn phiêu bồng
Người đầu rồi
Người đầu rồi sao tịch mịch hư không
Hương dạ thảo đang chớm mùa khai nở*

3.
*Hủy công án buông kinh thư giác ngộ
Vào chợ đời áo mỏng phất phơ bay
Bụi khói mê man
chênh chéch nắng gầy
Lời phố thị chấp chờn như ảo giác
Ta là ai
Ta là ai sao tâm linh ngơ ngác
Người là ai
Người là ai mà sắc diện mơ hồ
Rượu độc ảm hệ chân lạc loài đưa
Mây biến dịch mưa hắt hiu giọt nhỏ*

Phan Bá Thụy Dương



Trong hàng trăm sách Kinh Bát Nhã, tập chú trung điểm lời chư Phật, chỉ rõ mục đích Đạo Phật nhằm giải thoát chúng sinh khỏi chốn trầm luân, khổ ải.

Đức Phật nhìn vạn vật vô thường. Con người trong khái niệm vạn vật nhất thể cũng bị chi phối, ràng buộc bởi hạn hữu qui trình sinh, lão, bệnh, tử, giữa giòng thời gian vật lý xuôi về vô hạn. Không chỉ triết thuyết Phật Giáo đề cập phương cách giải thoát chúng sinh khỏi hệ lụy cuộc đời, Ki Tô Giáo cùng các tôn giáo khác cũng tin rằng con người khi mãn phần nơi trần thế không hẳn đã chấm dứt, hết chuyện, mà khi lìa bỏ, vắng bóng ở hiện thế là đang được chuyển dời đến chốn khác, minh họa bằng ảnh tượng siêu thực như Cõi Tiên, Niết Bàn, Thiên Đường v.v... dành đón nhận linh hồn thánh thiện.

Mọi tôn giáo chân chính đồng qui tư tưởng lớn, phổ quát: làm điều lành, tránh điều ác. Cuộc sống nhân sinh vốn ngắn ngủi, trăm năm có là bao. Trăm năm chỉ là ước mơ biểu tượng (trăm năm hạnh phúc, trăm năm đầu bạc răng long), thử hỏi có bao nhiêu sinh mệnh đạt tới đỉnh cao mong đợi.

Tôn giáo nhận định rằng khổ đau tồn tại trong mọi hình thức sinh tồn con người phải phấn đấu. Con người thực thể trách nhiệm chính số phận mình, về hành động nghĩ ngợi, hưởng thụ cũng như sáng tạo. Con người hẳn có khổ đau lẫn hạnh phúc, khoái lạc. Kết cuộc sau mỗi hạnh phúc, trạng thái thừa sót lại là bức xúc, âu lo, ưu tư, trần trụi. Tại sao? Tại cái thế giới hữu hình, trong đó, con người có mặt chỉ là tạm bợ, phù du. Nó biến đổi theo từng sát na. Quy luật thiên nhiên tác động không ngừng. Vô thường lộ diện.

Đời người tựa hồ bào ảnh bề khơi, lên dềnh chìm nổi (*chiếc thuyền bào ảnh lô xô gập ghềnh* - Cung Oán), thế nên con người, thế hệ nối liền thế hệ, ít ai phủ nhận cuộc đời như Phật dạy: "nước mắt chúng sinh nhiều hơn biển cả". Cuộc đời nơi chốn lưu đầy vừa mong manh (bất an), vừa khôn đo (khổ hạnh). Cuộc đời phủ phàng

đến thế, con người cũng không dễ dàng thoát vượt khỏi vòng "kim cô" ấy. Văn hào nước Pháp từ thế kỷ 18, Anatole France đã góp một chận xét trung thực: "Biết cuộc đời vốn khổ lụy, lưu đày, phù phiếm, nhưng tại sao con người vẫn yêu cuộc đời như thế? Phải chăng con người vốn yêu cái thú đau thương!"

Mâu thuẫn nội tại đặt ra nhiều luận điểm cần lục xét, giải tỏa. Nói cách khác, triết lý về cuộc đời có căn nguyên nhập thế, phần còn lại, cuộc xuất thế sẽ thế nào? Trước vấn nạn thường tình, chung nhất, chưa có ngôn ngữ trần gian nào có thể trực tiếp đáp trả. Những triết gia siêu hình học chưa hề dừng bước trên những ngã đường khám phá. Những bậc chân tu trí huệ, những thi sĩ xưa nay—Phan Bá Thụy Dương là một—phóng thể mạo hiểm hành du.

Đốt công án vất kinh thư khai ngộ

Theo đường trắng

Trắng khi tỏ khi lu

Tìm người hiền nơi thâm cốc âm u

Thống tay vào rừng già làm ẩn sĩ

Thâm nhập thế giới vô thường, Phan Bá Thụy Dương có sứ mạng gặp hiền triết cùng trao đổi, giải bày, thuyết thoại, bởi thái độ ẩn sĩ người hiền nơi thâm sơn cùng cốc đã thụ cảm, lĩnh hội ngôn ngữ từ trong những kinh sách viễn khứ, mà ngôn ngữ của kinh quả là ngôn ngữ tĩnh lặng thành vô ngôn—địa giới vô ngôn—muốn cảm ứng phải hoàn toàn thanh tịnh.

Hiền triết đi trước Phan Bá Thụy Dương đã tự ngộ - nhận thức không một bậc thánh thiện nào truyền đạt viên mãn tròn đầy nếu không chính bản thân suy nghiệm. Nương theo giòng sinh mệnh bấp bênh chìm nổi, có khi tai biến, rủi ro (giòng sinh mệnh chừng nhuốm màu chướng khí) giữa nhân gian, tác giả vẫn tiếp tục hành trình hăm hở, khát vọng cho đến lúc sức mỏi, chân mòn, thân ngựa đã lỏng dây cương, cũng chỉ gặp thoáng hiện chân dung hắt bóng u minh trên vách núi chênh vênh giữa hai bờ dốc ngược. Không thể dừng chân, bỏ cuộc, ý chí vững quyết vươn lên, núi dựng cách ngăn, hiểm trở, tắt đường, nghẽn lối, hãy nương theo hướng khác. Rời núi, nương sông tìm nhánh ngành ra biển cả:

Ném công án chôn kinh thư bắt ngộ

Nương sông ngòi biển cả tới an nhiên

Cõi an nhiên bao la trời nước, trùng trùng điệp điệp, càng tìm thấy càng xa vời, như đùa bốn khiêu khích, như có đó mà cũng như không, chập chờn ẩn hiện. Cái tâm bỗng vọng động hoang mang, nhớ quên, quên nhớ, biến tan như bọt nước ngàn khơi:

Nửa u hoài, nửa chợt nhớ, chợt quên

Bỗng tan biến cùng tiên thiên tự ngã

Ngôn ngữ thi ca bất thần xuất hiện, bàn tay ẩn mặt

điều kỳ nào đã đề thơ trên lá, giữa khung cảnh phiêu bồng bát ngát, hồn thơ rơi vào cõi lạc loài, cô đơn cùng cực, cất tiếng gọi đồng loại như một ủy thác, vào tha nhân để được sẻ chia, đồng cảm:

Tay huyền hoặc đề lời thơ trên lá

Hồn xanh xao lạc lõng chốn phiêu bồng

Người đâu rồi

Người đâu rồi sao tịch mịch hư không

Hương dạ thảo đang chớm mùa khai nở

Không có ai, ngoài tác giả, mang mảnh hồn xanh xao tư lự, hoài nghi, mùi hương dạ thảo thơm lòng báo mùa khai mở, tín hiệu của nguồn sống trào dâng, tốt tươi, hy vọng. Vũ trụ thực hữu nơi chốn (phiêu bồng) và vũ trụ ý tưởng gặp nhau (lạc lõng) mở ra tương quan thiết hệ nội tâm và ngoại cảnh. Tác giả đang dừng lại bên lề cuộc hành trình, mọi hiện tượng phảng phất vô thường xâm nhập vào bản thể, thúc đẩy nối tiếp cuộc dẫn thân lần nữa, mạnh mẽ, cương quyết, thách thức:

Hủy công án buông kinh thư giác ngộ

Đủ ba lần rũ bỏ mọi công án trĩu nặng tâm tư hiện kiếp, xếp trang kinh ngộ dành đối chiếu chân lý mai sau. Lần đầu tiên, đốt công án, vất kinh thư khai ngộ. Lần hai, ném công án chôn kinh thư bắt ngộ. Và lần nữa, hủy công án buông kinh thư giác ngộ, đi tìm kỳ công thâm diệu của tự ngộ ở cõi vô thường. Ước vọng của con người, với cuộc đời tưởng chừng dễ dàng kiếm tìm những gì muốn tìm kiếm, thì cũng dễ dàng ngã nón chào thua, bỏ cuộc kiếm tìm, chưa hạnh ngộ, cơ duyên. Thay vì thẳng đường dong ruổi đến cõi an nhiên, tự tại, vô thường, vô ngôn, vô thanh, vô sắc, thì tác giả rẽ vào chợ đời nhốn nháo, phát phơ:

Vào chợ đời áo mỏng phát phơ bay

Bụi khói mê man

Chênh chênh nắng gắt

Lời phố thị chập chờn như ảo giác

Giấc mơ đã biến thể, tách đường mộng ảo, ta trở lại với cái ngã cố hữu. Giấc mơ vào cõi bờ thiên tịnh mong nhận một nhân duyên, nhưng có giấc mơ nào thoát ra khỏi hiện hữu cuộc đời. Hiện thực đã đưa con người choàng tỉnh. Hành trình mơ ước chỉ còn dư ảnh, dư hương... Cái ta hiện hữu thẳng thốt giao động:

Ta là ai

Ta là ai sao tâm linh ngơ ngác

Và ẩn sĩ hiền triết mong được nhận diện chỉ tao ngộ mơ màng mà tướng mạo đã mơ hồ sương khói:

Người là ai

Người là ai mà sắc diện mơ hồ

Ta và Người trong cõi uyên nguyên huyền bí, dung thông bằng kiến thị huyền tưởng, phải chăng còn nặng "nghiệp nhân sinh" (đã mang lấy nghiệp vào thân - Nguyễn Du).

Nghiệp vẫn song hành với Kiếp. Cũng như Thúy Kiều đã gánh chịu một kiếp (*kiếp còn nặng nợ má đào* - Nguyễn Du) thì hiền triết và thi nhân giữa cuộc đời cùng gánh chung khối nợ tài hoa khó trả (*gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi* - Nguyễn Du). Nợ má đào và nợ tài hoa đều là nợ nhân duyên, tương quan đời kiếp.

Con người ý thức, khi muốn trút bỏ, hủy hoại, càng nhiều công án đè nặng bản thân, thì cũng chính là lúc những công án khác đang mạnh mẽ nhập trụ vào. Khi dần thân mạo hiểm cố đến ngọn nguồn mơ ước thực hữu thì hình tượng ước mơ đã biểu hiện tiệm tiến bằng dòng mộng ảo, vì mơ có nghĩa không bao giờ thực. Biến mơ thành thực có nghĩa là còn muốn sống, muốn liên hệ hữu cơ với cuộc đời. Và một khi giấc mơ trở thành sự thực, ta đã phải ngỡ ngàng tự vấn: Ta là ai? Và người đối diện: Người là ai? Cả hai cùng chung một kiếp, cùng cộng nghiệp (tâm linh ngỡ ngác, sắc diện mơ hồ).

Và quả thật khát vọng tìm kiếm còn nồng cháy thúc bách thì phải tiếp tục bước lên đường, hăm hở như buổi khởi đầu. Xin đừng nản lòng, nhụt chí khí. Phải ngộ rằng cái chân lý mà ta muốn kiếm tìm là trạng thái của một người lữ hành đang đi và chưa đến.

Thi nhân sau ly rượu suy tư như một khai ngộ về cuộc đời và mặc cho đời đưa đẩy: Rượu độc ẩm hề, chân lạc đưa trước lẽ biến dịch âm dương của tạo vật:

Mây biến dịch, mưa hắt hiu hạt nhỏ.

Giấc mơ trả người trong cuộc về chợ đời nhốn nháo.

Chợ đời là quê hương muôn thuở của con người. Con người không thể tách rời, trốn chạy. Từ bỏ trách nhiệm là thái độ vong thân.

Sinh vật thượng đẳng vốn yếu đuối giữa Đất Trời, nhưng hiểu được Đất Trời, như Rochefaucauld nhận xét: "L'homme est un roseau, mais un roseau pensant" (con người là cây sậy nhưng là cây sậy tư tưởng).

Qua ta bà vạn cõi, mang theo mộng ước giải thoát lại rơi vào cõi mộng, được mộng dẫn dắt trở về và chỉ ra cho thấy, vô thường hiện diện ở mọi nơi, mọi lúc, mọi vật. Con người khát vọng kiếm tìm hãy tìm kiếm từ tâm thức mình như Phật dạy (Phật tại tâm). Cái Tâm trong sáng chỉ đạo và quyết định. Giải thoát khổ lụy giữa đời phải tự rèn luyện, điều khiển cho được các giác quan thuộc về ngũ uẩn, phát tâm bồ đề, thăng hoa lòng nhân ái, nhắm đến đại đạo vô thường cao cả.

Bài thơ như một chân kinh, kết hợp thi từ, thi ảnh súc tích, thông qua kỹ thuật lão luyện. Ý thơ bóng bẩy, lắng sâu. *Liên khúc vô thường* vang vọng gần xa, dư âm bàng bạc như khứ, như lai, như nhiên, như thị, hàm chứa một tinh thức giữa thời đại còn đầy rẫy nghiệp chướng, tai ương.

Thơ BẠCH XUÂN PHÊ

Về Cội

*Mùa thu lạnh lá vàng rơi êm ả
Hoa dại thơm, cây lá nằm rung
và cùng lúc cá mòi tìm về cội
từ đại dương xa thẳm muôn trùng
cá tìm về nguôi cội
để một lần sinh nở rồi vong thân
nhưng thật hay cá tìm về chốn cũ
nơi sinh ra và đã trưởng thành
ôi loài cá salmon
hay những loài như thế
đã bao thế hệ
vẫn quay về
cội nguồn
còn ta?
kẻ lang thang đi về nơi vô định?
bình mình
Mùa thu lạnh lá vàng rơi êm ả
Hoa dại thơm, cây lá nằm rung.*

Natomas Lake, Sacramento '06





VĨNH HẢO

Xuân về, thăm vườn hoa em

(Viết tặng những thiên thần nghèo khổ chưa bao giờ hưởng được mùa xuân trên quê hương tôi)

*Xuân về rồi này những bé ngoan
Em đã trồng được gì nơi vườn hoa em?
Em có vườn chẳng? có hoa chẳng?
Có biết xuân về, người ta nhàn hạ rảnh rồi
Dạo mát thưởng hoa, ăn mứt, uống trà?
Ừ, vui lắm!
Thiên hạ sẽ dập dềnh nô nức dạo chơi nơi những vườn hoa suốt
nhiều ngày trước khi Tết đến
Mai, đào, thược dược, hồng, cúc, tường vi... và những nhành
lan tuyệt sắc đất tiền
Vàng, đỏ, trắng, cam... muôn màu vẽ ngợp trên những phố
chợ thênh thang
Ngào ngạt trăm hương quyện tỏa theo mùi dầu thơm và quần
áo mới
Xe cộ mới loáng lnh ỏi gửi nhau tiếng còi phô trương trị giá
Cao ốc hai hàng ngạo nghễ ánh điện sáng trưng...*

*Vườn hoa em đâu, hãy mở cửa cho anh vào thăm?
Em đã trồng được gì cho năm mới này?
Hay là vẫn chùng ầy... vẫn chùng ầy như mọi ngày,
như mọi năm thôi?
Ồi, bé ngoan, đừng rụt rè lánh mặt
Là anh đây, vẫn là anh đây
Thôi, anh không hỏi về những nụ hoa xuân của em nữa.
Bởi vì, vẫn chùng ầy, anh biết mà, vẫn chùng ầy thôi...*

*Từ khi lọt lòng, em có bao giờ thấy được một đóa hoa!
Mua hoa, thưởng hoa là trò chơi của người sung túc
Đói lạnh quanh năm em nào biết hoa là gì!
Khi khách thưởng hoa bắt đầu giấc ngủ êm đềm
Là lúc mẹ đánh thức em mau dậy lên đường
Ó bé ngoan, anh biết dù bé có lâu bầu vại tiếng với mẹ khi bị
phá giấc ngủ nhưng rồi bé cũng mau mắn rửa mặt, đeo đèn
lên đầu, tay xách bị, tay xách cây dùi sắt được ba trang bị rất
tốt, và chạy ù về hướng ấy*

*Đây, vườn hoa em: núi rác khổng lồ ở ngoại ô tập trung tất
cả cặn bã của thành phố đông dân nhất nước
Người phố thị dạo chơi vườn hoa xuân trăm sắc thì nơi đây
em có rác rến muôn nghìn màu*

*Nơi chốn phồn hoa có những khách sạn, những thương xá sang
trọng với nền nhà chùi bóng sạch sẽ thơm tho, thì nơi đây, em có
tất cả mùi xú uế hôi tanh của rác rưởi
Người ta vui chơi thâu đêm suốt sáng dưới ánh đèn điện rực sáng
hoặc chớp lờ sinh động nơi những phòng trà, những tụ điểm ca
nhạc để kích động giọng ca điệu nhảy, thì nơi đây, em có ngọn
đèn sạt bin đeo trước trán, soi rọi kỳ cùng chỗ ẩn náu của những
bao bịch ny-lông dơ nhớp
Cao ốc của thành phố dù là niềm hãnh diện của ai đâu cũng chẳng
quan hệ gì đến em
Với em, chỉ có núi rác là quan trọng
Nó nuôi sống em, gia đình em, nuôi sống bạn bè cùng trang lứa
tám, chín, mười tuổi của em và gia đình của bọn chúng
Xe cộ mới tinh, nườm nượp đua sắc và sánh giá với nhau trên
những con đường thẳng tắp của phố thị cũng chẳng quan hệ gì đến
em
Với em, chỉ có những xe đổ rác là quan trọng
Chúng mang tất cả rác rến tàn dư thừa thãi của những người
thượng lưu, trung lưu, hạ lưu của thành phố, trút hết nơi đây, vun
lên niềm vui sướng, hồi hộp và hứng cảm cho em ra công kiếm tìm,
săn bắt, thu lượm...
Sáng sớm mơ màng, khi người thưởng hoa chưa thức dậy, em đã vác
về một bao lớn đầy những túi ny-lông và 've chai, giẻ dirts, thau
nhôm, mù bẻ'...*



Photo: Đất Việt Online

Giao cho ba mẹ rồi nằm lăn trên nền mộ bia nghĩa địa
 Ngủ say.
 Bé không cần tắm rửa, vì bé sinh bên đống rác, sống từ núi rác
 Bé không cần thay áo quần, vì áo quần cũng chẳng có đâu mà thay
 Bé không cần học bài hay làm bài tập, vì bé chưa bao giờ được
 điểm phúc cấp sách đến trường như những đứa con nhà quyền
 quý sạch sẽ thơm tho
 Bé chỉ cần ngủ, và cần được ăn ít nhất một lần trong ngày sau
 khi ba mẹ bán được bao ny-lông mà bé thu nhặt được...

Vẫn chừng ấy, ôi, vẫn chừng ấy
 Anh vẫn mong đợi bé ngoan được thêm cái gì giá trị hơn, sạch
 sẽ hơn, thơm tho hơn, sáng sủa hơn, nhưng bao năm rồi bé vẫn
 cứt như vậy!

Rồi còn cô bé kia nữa
 Sao em ốm xanh thế kia?
 Chữ a, b, c... tiếng mẹ đẻ không biết mà u-ơ học nói tiếng bồi
 tiếng tây
 Tuổi xuân chưa đủ mà đã đóng vai người trưởng thành!
 Em đã trồng được gì nơi vườn hoa em?
 Em có vườn chẳng? em có hoa chẳng?
 Em có biết xuân về người ta sẽ thông dong nhân nhâ, bước nhẹ
 trên những thảm hoa, ngược mắt nhìn trời ngắm mây trắng bay,
 hoặc lặng lẽ mỉm cười trao nhau những tách trà hay chung rượu
 thơm lừng trò chơi xa xỉ?
 Thôi, anh không dám hỏi thêm em nữa!
 Mà em cũng không cần phải trả lời
 Vẫn chừng ấy thôi, anh biết rồi, bé ngoan, nín đi, nín khóc đi
 Ôi, vườn hoa em, gia tài ba mẹ ban cho
 Chính là tấm thân gầy còm của em đó mà
 Chỉ ngần ấy thôi, bán hết cho người làm vốn nuôi thân, nuôi cả
 gia đình cùng quần ốm đói
 Như loài bướm đêm, em bay đi, bay đi
 Mong tìm được gì bù đắp cho ngày mai, ngày mốt
 Tình yêu, ôi tình yêu, lại cũng là trò chơi của những người khá
 giả yên bình
 Đời em đây nào biết thương yêu là gì
 Hai tiếng ấy, chẳng qua người ta chỉ nói với một người hay
 nhiều người sau khi đã theo đuổi và tìm hiểu thật lâu
 Em, không có thời gian, không có tuổi
 Không thời giờ để tìm hiểu làm chi
 Cũng không bao giờ theo đuổi hay được theo đuổi
 Kiếm sống từng đêm, ngủ vật từng ngày
 Như đóa hoa tàn úa bèo nhèo trước khi hé nụ
 Ánh mặt trời không bao giờ rọi đến thân em...

Vườn hoa em đâu, ôi những bé ngoan?
 Những con bướm đêm lập lờ bên những nẻo đường tăm tối
 Xuân về đây rồi, các em đi đâu?
 Hay là xuân chẳng qua chỉ là cơ hội để tìm thêm nhiều bao
 nhựa và khách qua đường
 Ôi, những cái bao nhựa và những người khách
 Dơ nhớp như nhau nhưng có thể mang đến cho em chút tiền
 Mua thêm gạo cho cả nhà ngày mai.

Thôi hãy nín, này những bé ngoan, thôi hãy nín
 Các em không cần phải nói phải kể thêm chi
 Nước mắt này, bao nhiêu năm khổ nhọc sao không chảy thành
 sông thành suối - tưới cho miếng vườn nhỏ bé thêm xinh tươi
 Bây giờ lại lã chã rơi trước mặt anh như mưa xuân thế này!
 Bé ôi, dù thế nào, anh vẫn là anh
 Cách xa muôn dặm anh vẫn thế
 Vẫn nhìn, vẫn thấy và vẫn nghe các em
 Vì các em chính là quê hương trong mắt trái hoang tàn
 Em đừng ngại khi anh nhìn và lắng nghe
 Bởi nhìn quê hương, anh không muốn thấy những chốn phù hoa
 hào nhoáng
 Không muốn thấy phố thị bao người ăn chơi phù phiếm xa hoa
 Không nghe những mỹ từ ngoa ngổ ca tụng văn minh tiến bộ
 Không nghe những tiếng kêu gào giả dối nịnh bợ luôn cúi cao
 quan

Bài học nhiều năm cho anh điều thực nghiệm này:
 Với đến chỗ cao xa, không phải là ngóng cổ ngược nhìn lên trên
 Mà chính là cúi mình xuống để nhìn tận vào đáy cùng khổ đau,
 tăm tối
 Nơi đó, có những con người không bao giờ cất lên được lời ca
 tiếng hát hay nụ cười
 Chỉ có niềm thống khổ dài lâu, dài lâu, tưởng chừng bất tận
 Và nước mắt rơi dài theo bao nỗi sầu lặng lẽ, lặng lẽ...
 Nhưng nước mắt và niềm đau ấy lại chính là hoa của em
 Hoa ấy không phô sắc, khoe hương, mà trở muốn cảnh cho đẹp
 suốt mùa xuân trên quê hương điêu tàn...

Xuân về rồi đó, các em ngoan
 Dù thế nào, cũng phải vui cười
 Hoa đẹp chẳng phải vì hoa thắm
 Vườn xinh chẳng phải vì xanh tươi
 Mắt em chan chứa niềm thơ đại
 Hồn sáng long lanh nét thiên thần
 Khổ đau kết tinh nên ngọc bích
 Tủi nhục nén lại thành kim cương
 Trong các loài hoa, em đẹp nhất
 Đẹp tự trong lòng mới thiên thu.

Anh chép bài thơ tặng các em
 Đón xuân chỉ có chút lòng này
 Trải lên trang đời mộng cón con:
 Mong sao em có mùa xuân mới
 Nở nụ cười tươi thay muôn hoa.



Photo by AFP



TRỞ LẠI BẾN THÙY DƯƠNG

truyện dài nhiều chương của HỒ TRƯỜNG AN

(tiếp theo)

Chương Tám

Chúa nhật tuần sau, Thuần Hoa dắt Khải Vinh và cùng má con bà Năm Bông qua viếng cù lao An Thành. Cả bốn đi bằng chiếc ghe lườn (một loại thuyền độc mộc). Vincent dành chèo thuyền. Trong lúc bà Năm Bông cụ bị gà quay, vịt nấu cà-ri, các món thời trân như xoài cát, mận da người, ổi xá lý, cá mè vinh, cà cuống, chim đồng nội rô-ti thì Vincent mang theo cây nguyệt cầm. Chàng đã tập ca vọng cổ và các bài bản cổ nhạc Nam Kỳ, quyết hôm nay trở tài với gia đình bên chú của hôn thê mình. Hôm qua, Hòa Phong có nhắn với chàng hôm nay hai gia đình thông gia bên cù lao An Thành có tổ chức buổi văn nghệ bỏ túi. Bà Năm Bông cũng không quên quà cáp dành cho bà Tám Giỏi gồm cặp rượu Cognac, một hộp bánh biscuit, hai hộp trái vải.

Ngồi trên ghe, Thuần Hoa đưa cho bà Năm Bông chiếc nón Gò Găng bảo:

- Con gởi con bạn ở Sài Gòn mua nón này tặng má.

Bà Năm Bông ngắm soi những sợi chỉ xanh đỏ thêu những đường rối rắm trong lòng nón, trầm trồ:

- Từ lâu, má định mua một chiếc nón Gò Găng. Nhưng rồi vì bận việc túi bụi, má lại quên đi. Vả lại, thiên hạ bấy lâu nay chỉ chuộng nón bài thơ xứ Huế, vừa

trắng như lông nhạn, vừa nhẹ tênh. Tuy nhiên, nón Gò Găng thì sang hơn nhiều, rất hợp với áo gấm.

Thuần Hoa vuốt ve Khải Vinh:

- Lâu quá, Khải Vinh mới có dịp gặp các cô ruột và người chú ruột của mình. Lại còn gặp mặt các dưỡng rể, người mẹ kế và người thím dâu nữa.

Bà Năm Bông có vẻ buồn:

- Con định trả cháu cho Khải Tường không?

Thuần Hoa vui vẻ:

- Chắc là không. Bên An Thành làm gì có trường học? Anh Vincent của con không chịu cho cháu về bên cha. Tổ Thuận đề nghị với con cứ mỗi chiều thứ tư và mỗi chiều thứ bảy, cô ta sẽ rước cháu qua chơi bên An Thành, sáng hôm sau sẽ đưa cháu về nhà con thật sớm.

Vincent xen vào:

- Cháu sẽ học trường Thiêng Đức gần Cầu Lầu. Chỉ thấy qua Cầu Lầu và Cầu Thiêng Đức là tới trường.

Bà Năm Bông than thở:

- Chúa ơi, má con mình có một cái nhà ở gần Miếu Quốc Công, vợ con có tiệm may gần sở Trường Tiền và ngôi nhà ở Cầu Lầu. Con gặp một cảnh ba quê, khó bề xoay trở rồi đó.

Vincent cười hí hờn:

- Căn phố ở gần miếu Quốc Công là tiệm bán hàng

vải tơ lụa, chứ đâu phải là nhà. Má cứ ở đó giữ tiệm như cũ. Tiệm may của vợ con tự hồi nào tới bây giờ, cứ chiều tối là đóng cửa. Con sẽ ở Cầu Lầu với vợ. Quên nữa, con đã xin đi dạy môn Pháp văn ở trường Nguyễn Trường Tộ và trường Long Hồ rồi. Cứ ngồi bán vải hoài cũng buồn.

Thuần Hoa ân cần:

- Cứ cách vài hôm, xin mời má tới nhà tụi con ngủ một đêm. Tiệm của má có cửa trước lẫn cửa sau thuộc loại cửa kéo bằng sắt; còn cửa sổ thì có song sắt, tiền bạc và vòng vàng chuỗi hạt được cất trong tủ sắt thì làm sao bọn ăn trộm lọt được vào nhà? Mà dẫu có lọt vào nhà được rồi thì làm sao họ khoắng hết của cải? Bất quá họ quơ bậy quơ bạ vài món cổ ngoạn là bằng sành bằng sứ là cùng.

Chiếc ghe lườn lướt phom phom tới bến chợ cá. Nơi đây, ghe thương hồ đậu chen chúc. Bên kia sông là vựa mắm của bà Tám Phương và các vựa mắm của con cháu bà ta cùng các trại lá chằm. Ghe chở lá dừa nước cùng ghe chở cá khô và các loại mắm đang cắm sào ở bên bên kia sông cũng khá đông.

Hòa Phong và Thúy Hoa đã đợi sẵn tại chỗ che lều vải bán bia và nước ngọt, nằm lọt khoảng giữa chợ cá và bungalow. Cả hai khệ nệ tay xách nách mang các giỏ đựng thực phẩm. Vincent hỏi bạn:

- Madame và toa chờ má con moa có lâu không?

Thúy Hoa cười cầu tài:

- Cũng hơi lâu. Nhưng anh chớ thất vọng, vợ chồng em đến đây uống bia để đợi bác và anh chị.

Hai vợ chồng cùng bước xuống ghe lườn. Trời phủ mây màu chì, nhưng im gió. Ghe lướt ra vàm sông Long Hồ để đổ ra sông Cổ Chiên và cười sóng qua bên kia cù lao An Thành.

Vợ Chồng Hòa Phong lần lượt gọi chuyện với bà Năm Bông sau khi ôm hôn Khải Vinh. Thuần Hoa bảo:

- Mấy tuần rồi, bà ngoại và cậu dì của Khải Vinh cứ lui tới thăm lom thàng bé luôn. Khải Vinh cũng có vẻ trù mến bên ngoại lắm.

Hòa Phong bảo Vincent:

- Cần phải để cháu tiếp xúc với bên ngoại cho vong linh má cháu chốn xuôi vàng khỏi buồn ối. Khải Vinh dễ thương quá. Tôi cũng muốn nuôi cháu luôn.

Ghe lườn tới bến. Con Lài, con Lựu bụng các quà cáp của bà Năm Bông và thực phẩm mà Thúy Hoa đã mua sắm vào bếp. Thiều Hoa và Tường Phụng mời khách vào nhà uống nước dừa xiêm trộn nước đá. Thiều Hoa bảo mọi người:

- Khải Tường dắt Tổ Thuận đi bác Mỹ Thuận. Còn Khải Thụy đưa Tổ Hiền đi chợ Ngã Tư. Chúng nó hẹn tới xế sẽ về đây.

Thuần Hoa quờ:

- Eo ơi, nhà này giờ đây chỉ có con gái và rể. Còn

con trai và con dâu đi du ngoạn miền quê, thơ mộng quá mà!

Nàng quay qua Vincent:

- Chẳng còn bao lâu nữa, anh cũng là rể nhà này. Hồi xưa chú thím em, bà thím trước ấy mà, làm cha mẹ đỡ đầu của em. Em học tới năm thứ ba ban Thành Chung cũng nhờ tiền chú và hai thím của em—thím trước lẫn thím sau—cấp dưỡng tiền bạc.

Vincent cười:

- Anh sẽ là rể lớn trong thân tộc của em, vai anh lớn hơn dựng Tường Phụng. Dựng Phụng không phản đối chứ?

Tường chỉ cười và gật đầu, rồi bế Khải Vinh ngồi lên đùi mình. Thiều Hoa và Thúy Hoa vào bếp làm cơm. Tường Phụng, Hòa Phong và Thuần Hoa ngồi tiếp khách. Bà vú bưng nước giải khát ra cho mọi người ngồi xung quanh bàn tròn đặt giữa trung đường. Bà hỏi Thuần Hoa:

- Cô Hai Lớn à, cô lấy chồng rồi không sợ mấy ông góa vợ ở sở Trường Tiền tự vận sao?

Thuần Hoa làm bộ thẹn thù, hỏi:

- Ai thế, bà vú? Thân góa bụa như tôi lẽ nào được các ông công chức bên sở chiều cổ dưỡng ấy?

Vincent cười, ngâm nho nhỏ:

Nếu biết rằng em đã lấy chồng

Giận đời, anh mổ bụng cho xong

Ruột, gan, tim, cật còn tươi rói

Tặng kẻ vu quy nấu cháo lòng.

Mọi người cười thét lên, muốn dứt hơi. Vincent đọc tiếp:

Nếu biết rằng em đã lấy chồng

Bắt chồng, anh thọc huyết, ghê không?

Tiết canh anh dọn vài ba đĩa

Nhậu với la-de đỡ hận lòng.

Mọi người đều cười nghiêng ngửa. Tường Phụng thưa với bà Năm Bông:

- Thưa bác Năm. Sáng nay, bác và anh chị Vincent ăn cơm ở đây, chiều nay má cháu mời mọi người trong gia đình này và khách qua viếng cù lao này dùng bữa chiều tại nhà cháu.

Bà Năm Bông vui vẻ:

- Bác xin nhận lời. Được mời ăn, ít ai mà dám từ chối.

Thuần Hoa vừa chuyện vãn với Hòa Phong và Tường Phụng vừa ngắm nghĩ bao biển cổ khởi sự từ mùa bãi trường này. Cây phượng vĩ trong sân đình còn thịnh phóng tung bùng hoa đỏ chói như gấm tê hồng. Cây ô môi cạnh bên đồ đơm ê hề hoa màu hồng đào ngọt lịm. Lũ thùy dương trên bãi vẫn hát du dương cùng với gió sông tạt qua. Miền giang đảo này, gia đình này sẽ có nhiều thay đổi lớn qua bốn cuộc hôn nhân trong tương

lai. Nàng thường được Thiều Hoa cho biết Khải Tường và Khải Thụy, kẻ bằng cách này, người bằng cách khác, không nghĩ tới chuyện lấy vợ. Nàng thương xót cho Thiều Hoa duyên phận dở dang, thương xót cho mình lấy chồng Khách-trú mà nàng chỉ mến chứ không si tình bao giờ. Thiều Hoa thì bị chồng bỏ rơi giữa đường đời. Còn nàng vừa mới mặn mà chuyện lứa đôi thì ông chồng dị bang của nàng từ trần, để lại cho nàng tiền của khá nhiều và hai cô phen trong chành lúa ở xóm Thiềng Đức, cạnh sông Long Hồ.

Vậy mà Thiều Hoa và nàng vươn lên từ dở dang, tái hôn theo kiểu rõ rã cạp vành. Còn Khải Tường vươn lên từ sự lầm lỡ, Khải Thụy thôi kén cá chọn canh vì tái ngộ ý trung nhân. Chuyện hạnh phúc lâu bền thì hãy còn xa, ai biết được chuyện phé hưng dâu bể mai sau? Tuy nhiên, nàng chỉ biết rằng những kẻ hăm hở đi tới hôn nhân, vẫn một niềm thành thật yêu nhau, say đắm nhau như trai tân trinh nữ si tình nhau thuở gặp gỡ ban đầu.

Ngoài sân gạch, hòn non bộ đặt giữa sân phủ lớp rêu mịn như nhung. Hai cây thế trồng trên đỉnh giả sơn xoe tán rộng. Mấy chậu hoa hồng nhung, hoa hồng tiểu muội được bón xới cẩn thận nên trở nhiều hoa vì cây hoa được bón phân và bắt đầu đơm nhuần mạch sống. Mấy chậu mai chiếu thủy đơm hoa trắng.

Những chậu kim đồng lam tím hoa vàng như hoa cải. Mấy chậu ngọc nữ đặt trên mấy cái cháng ba chân, buông dây dài lòng thòng. Hoa ngọc nữ gồm năm cánh trắng ôm đóa hoa nhỏ xíu hình sao màu đỏ thắm, nó đưa chúng ta vào dòng liên tưởng về môi son má phấn của các cô ái nữ thiên kiều bá mị của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế. Sau cơn mưa đêm qua, mọi cây cảnh và cây hoa như tươi tắn mới mẻ hẳn ra, như lột bỏ dáng vẻ và màu sắc già nua. Quanh bồn trồng cây mai thủy vũ là những khóm huệ lan chen những khóm nguyệt bạch. Dựa bên thềm nhà là những chậu mai tứ quý, đài hoa đỏ như sắc yện chi, cánh hoa màu hoàng cúc xán lạn ôm lấy cái hạt đen huyền cỡ hạt đậu phụng.

Trên vuông đất giữa rào và cổng, những luống huệ đã trở những nhánh vươn thẳng điểm những đóa hoa trắng muốt, dù ngày đã lên cao mà còn lảng vảng chút hương thừa sót trong đêm qua. Ngoài ra còn có cái bồn tròn tấn gạch xung quanh, được trồng các cụm bạch ngọc, các cây sơn chi lùn thấp. Tất cả đều trở hoa trắng thơm bát ngát.

Nắng tươi sáng và ấm áp gọi lũ chim mạnh mẽ, chim áo dài, chim bánh ít ngoài vườn xung quanh về sân hót ríu rít. Và lũ ong bầu, ong mật, lũ chuồn chuồn cùng vài loại bướm sắc sỡ cũng rời ổ, rời kén, bay ra ngoài để say sưa với hội quần phương nào nức trong sân.

Bữa cơm trưa hôm ấy có món cà-ri chà, nước đặc sệt dùng để ăn với bánh mì. Món tôm nướng trộn gỏi dưa

ngó sen để ăn cặp với bánh phồng tôm. Món cháo thập cẩm nấu bằng bột báng với với tôm thịt, lòng gà, cá thác lác vò viên. Món cá nhám hấp được thoa mỡ hành dùng để cuốn với bánh tráng, dưa leo, rau sống và được chấm mắm nêm. Sau hết là món cơm chiên Dương Châu.

Cặp Khải Tường & Tổ Thuận và cặp Khải Thụy & Tổ Hiền lần lượt về nhà vừa khi cả nhà dùng cơm trưa xong. Bàn dành cho nhóm người trẻ tuổi được kê dưới bóng mát cây mít và cây sa-bô-chê xéo xéo bên hè, tàn lá cây nào cũng lớn và rậm nên vũng bóng râm mát thật lớn. Bà vú lau sạch cái sập gụ bên chái trái, trải chiếu hoa và bày gỏi ống mồi bà Năm Bông nằm nghỉ ngơi. Bà cũng thả dài người trên ghế xích đu gần bên để chuyện trò tương đắc với khách.

Ngoài sân, bàn chất đầy nước giải khát, bánh kẹo, trái cây đương mùa. Hòa Phong khởi đầu chơi đàn Tây-ban-nha bản La Paloma, Vaya Candios. Cũng vẫn lối chuyển ngón tay nhanh nhẩu và điêu luyện, cũng vẫn lối chơi trémolo nảy những lượn sóng dồn tan, Hòa Phong làm say mê mọi người ngồi chung quanh bàn tròn.

Thuần Hoa vỗ tay cổ vũ:

- Tôi mà đàn hay như thằng em rể này thì tôi sẽ...

Vincent hỏi gặng:

- Sẽ bỏ nghề may, phải không?

Thuần Hoa nguyền:

- Bỏ nghề may rồi đem đàn, đem lon sữa rỗng và vác chiếc chiếu đến bắc Mỹ Thuận để vừa hát vừa ăn mỳ đây à?

Kể đó, Thúy Hoa hát bài Xuân Về của Hoàng Quý bằng giọng trong ấm, Thiều Hoa hát bài Chiều Quê cũng của Hoàng Quý bằng giọng nhẹ nhàng và mon trớn. Tuy nhiên Thiều Hoa lẫn Thúy Hoa không biết ngân nga như các cô ca sĩ nhà nghề. Thúy Hoa có cái tật lúc mới hát thì có vẻ dạn dĩ và hăng hái lắm. Nhưng khi hát xong, nàng tỏ vẻ áy náy thẹn thùng vì lúc hát nàng tỏ vẻ say sưa giọng hát của chính mình thái thậm lắm. Nàng như mê thiếp, như đắm đuối trong ý nhạc, làm mọi người tưởng đâu nàng không làm sao lại tỉnh nổi. Nhạc dứt, cơn hôn trầm mù lòa cũng tan; nàng được trở lại trạng thái tỉnh táo trong suốt như cũ. Cho nên nàng cảm thấy mình hơi lố bịch và nàng không làm sao khỏi nhột nhột, bất an. Còn Thiều Hoa lúc hát hay lúc hát xong đều tỏ vẻ hơi lãnh đạm, hơi uể oải, hơi thờ ơ biếng nhác.

Khải Tường bằng giọng trầm như tiếng đại hồ cầm và ấm áp như khói nhang bạch đàn hát bài Bên Cầu Biên Giới của Phạm Duy, bài Ngày Về của Hoàng Giác. Khải Thụy với giọng mỏng như the, sáng như trăng và cao như tiếng sáo diều trình bày bản Hình Ảnh Một Buổi Chiều của Lâm Tuyền, Le Beau Danube Bleu của Johan Strauss, L'Ombre s'Enfuit (Tristesse) của Chopin. Hai

anh em hát có vẻ nhà nghề, có vẻ nghệ sĩ nên ai cũng thích nghe. Thuần Hoa rên rỉ:

- Bấy lâu nay, tôi hết dám về đây. Về đây để cảm thấy mình thua sút hai con em đã đành, lại càng thêm trợ với hai thằng quý sống này. Chúng nó tha hồ mà thi thố tài năng, còn tôi chỉ có nước ngồi nghe thôi, chẳng dám thử, dám ho nữa là. Nhục! Nhục nhĩ quá mà!

Thúy Hoa cự nự:

- Hát chơi hát bởi mà sao chị làm to chuyện quá vậy?

Thuần Hoa bấu môi:

- Tao mà đẹp hơn mày, hát hay hơn mày thì tao lãnh đủ cái ghen ghét của mày. Tao còn lạ gì mày.

Thúy Hoa hờn dỗi:

- Chị nói tệ em làm gì? Chị thừa biết em đâu có tính đó.

Hòa Phong cười xòa:

- Đúng đó, chị Thuần Hoa ạ.

Và để thay đổi không khí, Tường Phụng đàn Hạ-uy-cầm bản Chiều Vàng của Nguyễn văn Khánh, bản Bên Xuân của Văn Cao. Eo ơi, lỗi nhấn vuốt của chàng lúc trình diễn làm cho tiết điệu các nhạc khúc thêm thướt tha như cuộn lụa bay trong gió nắng buổi sáng đẹp trời. Vincent vỗ tay nồng nhiệt:

- Thật không ngờ dương Phụng có ngón đàn tuyệt diệu như thế này!

Hòa Phong yêu cầu Tường Phụng chơi lại bản Moonlight in Honolulu. Tường Phụng đồng ý và chơi bản này hai lần. Chung quanh như nín thở. Thời gian như ngưng đọng. Bàn tay chàng vì làm lụng nên to phề, nhưng không cứng, không thô. Trái lại nó hơi mềm và có vẻ phong lưu lắm. Thuần Hoa ngây ngất:

- Thật bất ngờ. Tôi đâu thể tưởng tượng hôm nay được tham dự một cuộc văn nghệ bỏ túi đáng đồng tiền bát gạo như thế này.

Tổ Thuận và Tổ Hiền vì quá nể lời yêu cầu của mọi người nên cùng song ca bài Hồ Lăng Bạc của Xuân Tùng được Khải Thụy nhờ có giọng mỏng nên tình nguyện đệm bè hai. Tiếng cả hai dòn và sáng, không có gì đặc biệt, nhưng có đặc biệt chẳng là cả hai lúc hát, họ lại đẹp trội lên ở cái miệng vo tròn và ở cặp môi nũng nịu được tô son màu hồng tía.

Thúy Hoa trầm trồ:

- Chị dâu tương lai của tôi cùng cô em dâu tương lai của tôi trước sau vẫn giữ cách hát học trò. Nhưng tiếng cả hai ngọt, cách đàn trải làn hơi khá vững nên cách trình bày bài hát của họ vẫn dễ nghe.

Khải Thụy bảo:

- Nói chung, chị Thuận và em Hiền chỉ không có làn hơi dồi dào và không biết ngân nga đó thôi. Nhưng qua điệp khúc cả ai hát theo kiểu staccato, chẻ từng lát xôn

xao, há không điệu nghệ được chút nào hay sao?

Thuần Hoa nói thật sắc, thật gọn:

- Chúng ta chỉ cần xem hai cô Tổ này hát, chứ không cần nghe họ hát.

Cái dung nhan mỹ lệ, cách diễn tả nét của họ mặt cũng có thể móc hết tiền trong hầu bao của khán giả rồi.

Tới phiên Thuần Hoa hát. Nàng đỏ mặt bảo:

- Ông chồng quá cố của tôi có dạy tôi bản Hà Nhật Quân Tái Lai. Nhưng thôi, nếu tôi hát bằng tiếng Tàu thì chẳng ai hiểu cả. Vậy, tôi xin hát bằng lời Việt. Bà con đây chắc có kẻ biết cái tựa của bài hát lại đó được đổi thành Tango Chinois.

Nàng hát sai giọng khá nhiều. Khi hụt hơi, nàng nguyết hai thằng em con nhà chú một cái bén ngót, nhưng giọng eo éo của nàng như giọng con mèo bị bóp cổ vẫn oằn oại vang lên. Mọi người cười muốn hụt hơi. Nàng vẫn giữ vững nhịp, và khi lên cao nàng ré lên inh ỏi, rít giọng chua rùng rợn, nét mặt nàng hí hớn, mũi nàng thun lại, mắt nàng liếc qua liếc lại rồi lim dim mơ màng. Bao nhiêu cái kỳ đặc ấy đem cho người chung quanh từng tràng cười thống khoái.

Tường Phụng phê bình:

- Trong buổi văn nghệ bỏ túi này. Chính chị Thuần Hoa cống hiến cho mọi người một màn hài hước độc đáo.

Vincent âu yếm nhìn cô vợ tương lai, bảo mọi người:

- Cưng vàng cưng ngọc của tôi nhắm thế hát không bằng ai nên ễn xoay qua lỗi hát chọc cười.

Thiều Hoa tâm tặc:

- Bà chị của em thì chúng ta có khen thêm nữa cũng bằng thừa. Chị ấy nhờ năng khiếu thông minh duyên dáng nên đi tới đâu cũng gieo rắc niềm lạc quan và những tràng cười hả hê cho thiên hạ.

Thuần Hoa bảo mọi người:

- Đức lang quân của tôi từ nhỏ theo ở với ông ngoại chàng. Ông vừa là nhạc công môn nguyệt cầm vừa là học giả ngành ca kịch cải lương. Mai sau, tôi sẽ học ca các bài bản cải lương rồi lập gánh hát. Chàng sẽ là kép chánh, tôi sẽ làm đào thương. Hai vợ chồng tha hồ hốt bạc.

Khải Tường lắc đầu:

- Mặt chị hí hớn, chỉ làm đào lẳng thôi, chớ làm đào thương sao được? Trên sân khấu, chị khóc bao nhiêu thì khán giả sẽ cười lẫn cười bò bấy nhiêu.

Thuần Hoa lườm:

- Hề tao nói ra lời gì thì mày cứ châm chọc, khích bác lời ấy. A-di-đà Phật!

Em út đời nay ý mình có ăn học nên tụi nó phách lối, xem anh chị chúng nó có ra cái gì đâu. Còn ông Vincent Kapoor, ông đành ngồi trơ một đồng để cho thằng ôn

binh kia nhạo báng vợ ông đấy à?

Vincent chỉ lắc đầu cười hề hề. Tới tiết mục trình diễn văn nghệ của chàng rồi đây. Chàng xin trình tấu và hát cổ nhạc Nam Kỳ qua bản Khổng Minh Tọa Lầu, qua bản Nam Xuân bắt sang bản Nam Ai và sau hết là bài Phụng Hoàng. Chàng sẵn có tiếng đàn tươi, giọng hát đẹp, lại dày công nghiên cứu cái huê dạng bay bướm trong tiếng đàn giọng hát nên cách diễn tả của chàng thật điêu luyện và độc đáo. Mọi người cổ vũ chàng rất nồng nhiệt lắm cho khuôn mặt Thuần Hoa sáng một cách hơn hờ như vàng trắng rằm.

Sau hết, do mọi người yêu cầu, Khải Tường và Khải Thụy cùng hát bài Khúc Nhạc Dưới Trăng của Dương Thiệu Tước. Hai giọng hát như quyện vào nhau, quấn quýt nhau. Khải Tường hát giọng chính, Khải Thụy hát bè hai.

Thiều Hoa nhìn đắm đắm hai thằng em của mình đang hí hửng với tiết điệu, đang đùa bỡn với âm thanh. Cả hai ở vào thế giới khác, ở thế hệ khác với thế giới và thế hệ của Tường Phụng tôi. Người bạn đời của tôi rất hứng khởi chấp nhận cuộc đời tay làm hàm nhai của mình, không nhìn ra cái xã hội nào khác cái xã hội dành cho mình từ bấy lâu nay. Tôi cũng thế. Có cái chân trời nào mở ra trước mắt tôi để tôi mơ ước một xã hội trung lưu cấp cao trở lên đâu? Tôi đâu cần phải chen vai thích cánh với con em Thúy Hoa của tôi để được tham dự sinh hoạt của nhóm trí thức giàu sang. Tôi chỉ cần một tấm chồng, biết an phận thủ thường, biết xây dựng căn cơ sinh sống vững vàng, có cơ sở làm ăn bảo đảm dù ở chốn thôn quê tịch mịch đi nữa. Tôi cần một người chồng thành thật yêu tôi, si tình tôi không biết nhầm mỗi. Chàng cường tráng như con voi, như con tê giác, cường dương như con dê đực. Tôi được chàng tưới tắm bằng những trận mưa ân tình. Tôi tuy không quên những người đàn ông đã từng làm tôi tổn nhiều nước mắt. Nhưng lòng tôi giờ đây phẳng phiu như tờ giấy mới, không gợn một đợt sóng hận thù, không nhô một chồi gai sắc nhọn hiểm độc. Nằm dưới thân thể uốn lượn lên xuống một cách hùng hục của chàng, tôi còn nhớ đến ai đâu nữa. Tôi quên không gian xung quanh chiếc giường, quên giờ khắc đất dẫu trôi qua, quên tất cả mọi điều, dù tôi chưa từng ăn cháo lú bên này cầu bắc qua sông Nại Hà dưới chốn Diêm bang. Mỗi cái tiến chiếm của chàng vào chỗ sâu kín của tôi là mỗi cánh cửa trong tâm thức tôi mở rộng để tôi nắm bắt được cái khoái lạc lẫn cái hạnh phúc hiện tiền.

Thúy Hoa nghĩ thầm: chồng tôi hạnh phúc dưới mái nhà bên vợ. Đó là một hãnh diện lớn cho tôi. Chàng mà xa tôi vài ngày là chàng khổ sở ngơ ngác như kẻ mất hồn. Chàng chỉ biết yêu vợ nhà. Đi đâu cũng về đúng giờ và chàng ít khi bỏ bữa cơm do vợ thổi nấu. Mỗi khi ân ái

với tôi xong, chàng thủ thi chuyện này chuyện nọ. Tôi lắng tai nghe lời nói ngọt lịm ân tình của chàng rồi ngủ hồi nào không hay. Và còn gì đáng yêu đời hơn là vào buổi sáng Chúa nhật, khi tỉnh dậy, tôi luôn bắt gặp cái ngăm nhìn âu yếm say sưa của chồng tôi. Thường thường cả hai ân ái nhẵn nhụi với nhau, cảm thấy không còn bị thời gian trói buộc, mình làm chủ lấy chính mình. Tôi đang mang thai được ba tháng, nhưng tôi sẽ không cho cả nhà tôi hay liên đâu. Một đây là đám giỗ ông thân sinh tôi. Khi tan tiệc tùng, tôi sẽ báo tin mừng cho họ biết. Tôi chỉ cầu trời cho tôi đẻ thật nhiều con cho chồng tôi hạnh phúc, đẻ sai như chuột bạch đẻ con, như cá chái đẻ trứng. Tôi có cảm tưởng vợ chồng tôi yêu nhau do mối giao tình từ muôn vạn tiền kiếp. Dù mai sau chàng mập ú như con trâu cùi, tôi vẫn say sưa chiêm ngưỡng chàng. Và dù thân hình tôi khô héo, mông teo tóp, ngực như bánh ịch thiêu và chảy chắt tới rốn, chồng tôi cũng không vì thế mà làm cho lửa tắt hương phai; chàng vẫn yêu tôi thắm đượm như quế cay gừng nồng.

Tổ Thuận nghĩ thầm: Tiếng hát của cưng tôi nồng nàn, thắm nhuần chất đực gọi cảm. Trong lúc giao hợp với tôi, chất đực của chàng chiếu sáng lên ánh mắt đắm đuối, ở nụ cười say sưa mê ngất, ở cử chỉ vồ vập. Đặc biệt nhất là lúc đầu, sau cái hôn dài, chàng nói những câu ân tình thật mềm dịu như cánh hoa, như muốn đưa tôi vào cơn phiêu diêu mơ màng. Nhưng bất thành linh, chàng vừa nhún mình lên xuống thật mạnh và thật rầm rộ vừa thờ ơ ăc, như muốn khuấy động cho trời long đất lở. Rồi chàng lại nói những câu ân tình mỏng nhẹ, rồi cũng bất thành linh chàng tái diễn cử chỉ bộ phận hung hăng, háo hức cũ làm cho chiếc giường muốn gãy chân đổ nhào. Khi tan cuộc, chàng vẫn còn nằm úp lên mình tôi một thêm lúc nữa, hai dòng nước mắt của chàng tuôn xuống mặt tôi. Tôi nhẹ liềm giòng lệ mặn của chàng và rồi đó, hai dòng lệ cảm xúc của tôi như nước vỡ đập tuôn ra ướt hai khoanh nhỏ của gối.

Tổ Hiền nghĩ thầm: Cuộc tình giữa Khải Thụy và tôi vẫn đậm chân tại chỗ, vẫn cắm trại dừng chân. Tôi không muốn đi xa. Chàng thì cũng chỉ cần số mớ, vuốt ve, nắn bóp những chỗ lồi trên thân thể tôi để chàng được cảm ứng động tình, được cương cứng, được phà hơi thờ nóng bỏng lên ngực tôi. Lúc chàng bắt đầu đẩy cảm ứng lên tuyệt đỉnh, đôi mắt hơi cận thị của chàng như thăm thăm dụi dụi hơn. Mà lạ lùng sao ấy, đôi mắt chàng trải qua hai năm nay khi đọc sách mới mang mực kính. Bình thường chàng vẫn phơi bày đôi mắt say tình của mình, chúng như lạc vào cuối góc trời mộng ảo xa xăm nào. Ôi đôi mắt chàng lúc thờ ơ biếng nhác có cái đẹp yêu đuối rất nên thơ, còn lúc say đắm nhìn vào ngực tôi thì chúng đẹp trội hẳn lên: giềng mắt như chứa vạn học nghìn kho cảm hứng tuyệt vời, như thu hút muôn

và mơ hoa mộng bướm của thế nhân. Khi chàng cương cứng, đôi mắt ấy không dám nhìn tôi nữa. Để trốn tránh mặc cảm tội lỗi, chàng khép mắt hôn tôi. Càn khôn vũ trụ ơi, sum la vạn tượng ơi, cái hôn che giấu cơn nhục cảm làm mềm nhũn thân xác tôi. Và Trời ơi đất ă, sao mà nó nồng nàn muốn đốt cháy thân xác tôi. Tôi cảm nhận tất cả nhiệt tình mà chàng đã trao tôi qua nụ hôn đó, nửa tỉnh nửa mê, tràn trề hứng khởi.

Sau khi tan cuộc đàn hát, Thiều Hoa theo hai cô Tổ về nhà bà Tám Giỏi để phụ giúp bà nấu nướng và dọn bữa cơm chiều. Bà vú khuyên bà Tám Giỏi chớ nên làm gà làm vịt. Sáng hôm nay, bà qua chợ tỉnh mua dùm chị 2 ký thịt heo và 2 bộ lòng gà. Nhà đã có sẵn tôm do vợ chồng Long biểu. Bà Tám Giỏi làm ba thứ bánh hấp như bánh bèo nhân tôm, bánh ướt Triều Châu nhân tôm, bánh xếp nhân tôm thịt và món hủ tiếu xào lòng gà. Tất cả các món sẽ được chan nước mắm chanh ớt tỏi đường và dấm trứng cà cuống nướng.

Bà Năm Bông rất thân thiện với bà vú và tỏ ra kính nể bà Tám Giỏi. Vincent khen nhà cửa bà bày biện gọn gàng, trang hoàng đẹp mắt. Tường Phụng hướng dẫn bà Năm Bông, Vincent, Thuần Hoa, Hòa Phong, Thúy Hoa và hai anh chàng Khải đi viếng vườn tược sở rẫy và chỗ làm vôi ăn trầu của bà Tám Giỏi. Vườn được phác cỏ, liếp được bồi cao, mương giữa hai lớp được vét sâu và được thả những dây ầu, lá lếp xấp trên mặt nước. Đi tới đâu, khách suýt soa khen tới đó. Thúy Hoa cần phải cho mọi người biết được thú giải trí tao nhã của anh rể mình nên hướng dẫn mọi người viếng các tủ sách của Tường Phụng. Bây giờ chàng sắp vào vòng con rể của đại gia tộc nàng nên nàng không muốn ai khác coi thường chàng.

Khải Vinh cứ lẻo đẻo theo Tổ Hiền vì nàng khéo mua chuộc đứa bé bằng bánh kẹo và đồ chơi. Đêm nay bà Năm Bông cùng Vincent và Thuần Hoa ở chơi đằng nhà Thiều Hoa. Bà Tám Giỏi đề nghị với bà bạn mới nên tụng kinh Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai tại nhà mình. Bà còn khuyên:

- Chị và dì út thằng Phụng tối nay, ngủ luôn tại nhà tôi. Chị em mình sẽ hàn huyên với nhau cho phi dạ toại lòng.

Bà Năm Bông nói xuôi:

- Chị nói rất hiệp ý tôi.

Thiều Hoa thưa:

- Con có nấu soong chè đậu xanh bột lọc phổ tai, chốc nữa con Lại sẽ đem lại cho bác Năm và má giải lao sau tuần kinh tụng.

Cơm nước xong, Tổ Hiền chưng bông điệp bông trang trên bàn thờ Phật trước khi thấp nhang đốt đèn trên mọi bàn thờ.

Thuần Hoa, Thiều Hoa, Thúy Hoa cùng Vincent, Hòa Phong, Khải Tường, Khải Thụy và Khải Vinh về đằng nhà hương hỏa của ông bà Giáo Cảnh. Suốt ngày đi chơi rong và tham gia tiết mục văn nghệ, hai anh chàng Khải rút lên lầu, ngủ say như chết. Thúy Hoa cùng chồng cũng rút lui về buồng riêng. Vincent cùng Khải Vinh ngủ ở sạp gụ bên cái chái trái căn nhà. Còn Thuần Hoa thì ngủ trên chiếc divan nhỏ trong buồng của Thiều Hoa.

Thiều Hoa bảo chị:

- Một đây Khải Thụy phải đi làm việc trở lại. Nó là công chức Tòa Bô chứ có phải là giáo chức đâu mà nghỉ ở nhà một tháng.

Thuần Hoa thờ dãi:

- Chắc nó buồn lắm. Còn cô ả Tổ Hiền chắc cũng không vui vẻ như đầu tháng trước.

Thiều Hoa cười:

- Một khi yêu nhau, người ta tìm đủ cách để gặp nhau. Chị khéo lo cho họ.

Thuần Hoa nhìn thẳng Thiều Hoa, hỏi:

- Còn Tường Phụng và em thì sao?

Thiều Hoa mỉm cười tinh quái:

- Anh ấy và em vừa ăn món giò đầu và ăn món chánh một lượt.

Thuần Hoa tròn mắt, làm ra vẻ kinh ngạc tốt độ:

- Thế nghĩa là sao? Mày hãy nói cho rõ ràng hơn, chứ nói loanh quanh lẻo quẹo thì làm sao con chị ngu si của mày hiểu nổi?

- Là tụi em đốt giai đoạn chứ nghĩa là sao nữa, hả chị?

Thuần Hoa bật cười, cất giọng phơi phới:

- Ôi, chúng mình có phải xử nữ gì đâu mà phải đợi tới đêm hoa chúc. Hi! Hi! Hi! Đàn ông cỡ ba mươi tuổi sắp lên như Oánh-xăng, Tường Phụng vốn thiếu kiên nhẫn về vụ phải chờ đợi cái đêm đốt xong cặp hồng lạp rồi mới làm cái chuyện phi nguyên sánh phượng, đẹp duyên cưới rỗng. Hi! Hi! Hi! Tao ghét cô ả Vương Thúy Kiều. Khi lấy tên cường tặc Từ Hải thì ả đã nát nước rồi mà còn bày đặt làm đám cưới rườm rà, không sợ mấy con mụ mỏng môi chìa môi nhọn mỏ hay sao?

Thiều Hoa bất bình:

- Nhưng chị em mình có vào thanh lâu hai lượt như Thúy Kiều đâu? Chưa chi, tụi mình đã hiến thân cho hôn phu mình là đi lạc ra ngoài vòng lễ giáo rồi đấy nhé!

Thuần Hoa bĩu môi:

- Thôi đi, đừng làm bộ làm tịch. Mai, khách sẽ về bên chợ. Mày sẽ ra chòi lá cất bên rẫy để tên Phụng kia đập má tung bùng túi bụi. Lễ giáo đối với mày được mấy gáo gạo mấy lon dầy? Hà! Hà! Hà!

(còn tiếp một kỳ)

TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

(trích từ phapluan.net, phapvan.ca)

Ca sĩ Ricky Martin ngưỡng mộ triết lý Phật Giáo

Asian News International

(Hạt Cát dịch)

Washington, November 28, 2006

Ca sĩ Ricky Martin có thể là một người Ki Tô Giáo, nhưng một khi nói đến tín ngưỡng, triết lý Phật Giáo là giáo lý mà anh ngưỡng mộ.

Tuy nhiên, anh chàng ca sĩ với bài nhạc quen thuộc *Living La Vida Loca* chưa sẵn sàng cải đạo để trở thành một hành giả như diễn viên Hollywood Richard Gere. Đối với anh hiện nay- có lẽ riêng anh- thì sự cải đạo dường như là một giới hạn cho một cá nhân trong một số lãnh vực nào đó.

Anh nói "Tôi thực sự hứng thú với triết lý Phật Giáo, nhưng đó không có nghĩa là tôi đã thuộc về tín ngưỡng này. Nếu một khi tôi trở thành Phật tử, tôi không thể là bất cứ thứ gì khác. Nó giới hạn ta trong một số lãnh vực, và tôi thì không muốn bị ràng buộc cứng ngắc với những luật lệ đó."

Martin cũng tin tưởng rằng mọi người có quyền quyết định những gì làm cho họ hạnh phúc và khẳng định rằng anh không phải là người coi thường một tôn giáo nào. Anh chàng ca sĩ người Puerto Rico này nói thêm "Tôi không phải là người nói cái nào tốt cái nào xấu trong lãnh vực niềm tin, căn cứ theo giáo lý Phật Giáo, điều tệ hại hơn cả mà ta làm ảnh hưởng đến nghiệp quả là nói với ai đó rằng tín ngưỡng của họ không tốt".

Courtney Love: Đạo Phật làm thay đổi cuộc đời tôi

(Hạt Cát dịch)

Starpulse, Nov 29, 20006

Los Angeles, USA - Courtney Love tin tưởng vào Phật Giáo với việc cuộc đời thay đổi sau khi thực hành giáo pháp và trông thấy tình yêu cùng sự nghiệp thăng tiến.

Courtney Love, ca sĩ, nhà viết nhạc, diễn viên, nhà làm phim v.v... gần đây đã quay về với giáo lý cổ xưa để vượt qua nghiện ngập, và cô nhấn mạnh rằng kinh nghiệm quá khứ với Phật Giáo là chỗ dựa đầu tiên mà cô trở về khi gặp phải tình hình khó khăn.

Love nói "Đây là lần thứ ba mà tôi nương tựa vào

Phật Giáo. Lần đầu tiên khi tôi tìm đến Phật Giáo, tôi đã ra khỏi được Đại Lộ Hollywood và đưa ban nhạc Hole của tôi lên đỉnh cao, sau đó thì tôi kết hôn với một ông chồng quý báu và có một đứa con tuyệt vời (Kurt Cobain and Frances Bean).

Lần thứ hai trở lại với Phật Giáo, tôi thành công với cuốn phim (*The People Vs Larry Flynt*), và gặp gỡ anh bạn tuyệt vời Ed Norton.

Lần này thì... tôi nghĩ, vượt qua được cơn nghiện ngập, đối với tôi, Phật pháp quả là hữu hiệu."



Thái Lan: Chùa Phật giáo đối diện với thử thách trong việc giúp đỡ bệnh nhân AIDS

by APIRADEE TREERUTKUARKUL, Bangkok post, Dec 1, 2006

(Hạt Cát lược dịch)

Chùa phải lo Thực phẩm, y dược cho hơn 500 bệnh nhân

Lop Buri, Thailand -- Những nhóm bệnh nhân AIDS gầy gò hốc hác tại chùa Lop Buri's Wat Phra Baht Nam Phu không bao lâu nữa sẽ trở thành chuyện quá khứ. Thay vào đó, nhà tế bào quốc gia dành cho bệnh nhân Aids trầm trọng sẽ phải đương đầu với cơn sóng ngày càng gia tăng của bệnh nhân sống sót qua chữa trị nhưng vẫn là nạn nhân đối với xã hội vì đã liên hệ đến chứng bệnh.

Không giống như trước kia, khi 85% bệnh nhân

được gửi đến ngôi chùa hẻo lánh này để ...chờ chết, hiện nay đa số người trong bọn họ đang được chữa trị và có một số được sống sót.

Nhưng khuynh hướng ngược chiều này đã khiến ngôi chùa có nhiều khó khăn hơn bao giờ hết.

"Người chết không ăn nhưng người sống cần phải ăn. Đó là lý do tại sao càng nhiều người với chứng bệnh Aids sống tại chùa là một gánh nặng mà chúng tôi phải đối phó". Sư Khru Alongkot Dikkapanyo, vị trụ trì, người điều động nhà tạm trú cho bệnh nhân bệnh Aids trầm trọng ở tỉnh Muang trong 15 năm qua nói như trên.

Sư nói tiếp "Nhưng chúng tôi cũng không thể bảo họ phải ra đi, vì họ không có chỗ nào để đi."

Trong quá khứ, ngôi chùa đã chăm sóc cho hàng trăm bệnh nhân trong tình trạng nghiêm trọng và hóa tang theo nghi thức tôn giáo khi họ chết.

Tuy nhiên, hiện nay chùa phải đáp ứng nhu cầu thực phẩm và thuốc men cho hơn 500 người sống với chứng bệnh Aids.

Những người này được sống sót do nhờ uống thuốc chống bệnh Aids liên tục. Chi phí cho toàn bộ khoảng ba triệu baht mỗi tháng.

Trong năm vừa qua, chính phủ đã giới thiệu GPO-vir, một loại thuốc chống bệnh chế tạo tại địa phương tốn khoảng 1,200 đến 1,500 baht mỗi tháng. Bệnh nhân Aids Thái Lan chính thức tùy thuộc vào loại dược phẩm chống AIDS này. Tổ chức Dược Khoa Chính Phủ đã phân phối miễn phí đến cho khoảng gần 80 ngàn bệnh nhân trong dạng đang được điều trị.

Như một kết quả, bệnh nhân nhiễm AIDS dường như tính được hưởng chế độ trị liệu miễn phí với tổn kém lớn lao.

Tuy nhiên, trên thực tế, những người sống sót khỏe mạnh đông đúc ở tại chùa vẫn ảnh hưởng đến vết nhơ ăn sâu trong xã hội, không kể đến việc thành công trong sự nỗ lực chữa trị.

"Mặc dù những người này có thể sống sót lâu hơn với việc trị liệu và cũng không bị kỳ thị quá nặng nề như trước kia nhưng họ cũng không thể tìm được việc làm cần thiết để trở về đời sống bình thường." Sư trụ trì nói như trên và nhìn nhận rằng đó là một thất bại của cả ngôi chùa và chính phủ.

Triển lãm thư pháp của HT Tinh Vân ở HongKong 03-12-2006

(Hạt Cát dịch)

Phải chăng HT Tinh Vân sẽ nhập thất vĩnh viễn?

Hong Kong, Dec. 3. -- Một phiên triển lãm thư pháp của HT Tinh Vân kéo dài 9 ngày vừa được khai mạc hôm chủ nhật tại Hong Kong Central Library, trạm dừng thứ tám trong chương trình triển lãm vòng quanh thế

giới.

Hàng trăm người đã sắp hàng trước trung tâm triển lãm trước giờ khai mạc, dựa theo lời một nhân viên làm việc tại trung tâm.

Cuộc triển lãm trưng bày hơn 200 tác phẩm chọn lọc từ các công trình hàng loạt của HT Tinh Vân, người sáng lập tổ chức Văn Hóa Giáo Dục Phật Giáo Phật Quang Sơn.

Trong thời gian triển lãm, vị HT 80 tuổi sẽ chủ tọa một lễ truyền thừa Giáo Pháp tại HK lần cuối cùng và về sau sẽ không bao giờ xuất hiện trước công chúng hoặc tiếp khách.

Trạm kế tiếp của chương trình triển lãm sẽ là Hong Kong University, trước khi di chuyển sang Hoa Lục, Đài Loan và Úc Châu vào đầu năm tới.

Phật Giáo mang thiên vào nếp sống hiện đại Hoa Kỳ

By EVELYN SHIH *(Upekha dịch)*

Thursday, December 7, 2006

New Jersey -- Có thể mọi người không tiếp tục lên danh sách và kiểm soát hai lần hay các trẻ em tự hợp nhận lãnh chocolate trong ngày Phật Thành Đạo, nhưng Phật Giáo cổ truyền thống sẽ mang đến vài lễ hội cho trung tâm Thiền tại New Jersey trong cuối tuần lễ này.

Lễ hội cử hành theo truyền thống Thiền Nhật Bản, Bodhi Day - Ngày Thành Đạo, cũng được gọi là Rohatsu, hay 8 tháng 12 trong tiếng Nhật. Ngày kỷ niệm Đức Phật thành đạo, đạt đến giác ngộ, người đã tìm ra chân lý giải thoát khi Ngài hành thiền dưới bóng cây Bồ Đề.

Joan Hogetsu Hoeberichts, đương nhiệm chủ xưởng trường Thiền Viên Tâm Sangha tại Ridgewood, giải thích rằng vào lúc bình minh dưới cây Bồ Đề, Đức Phật đã nhận ra rằng Ngài và tất cả tri giác "chỉ là một trong tất cả, không riêng biệt và cô độc như chúng ta tưởng tượng."

Trong trung tâm thiền tập, Hoeberichts nói thêm, thông thường Rohatsu được đánh dấu bằng một khóa tu học 10 ngày, trong thời gian tu học, thời gian các Chư Tăng tọa thiền 10 đến 12 giờ mỗi ngày. Vào đêm cuối cùng, 7 tháng 12, Chư Tăng thỉnh thoảng ngồi lại suốt đêm, phát tâm tu hạnh theo gương khổ hạnh của Đức Phật thiền định đến khi Ngài đạt được sự giác ngộ.

Trong sự tái sinh tại New Jersey, Lễ Hội Ngày Thành Đạo trở nên ít khó khăn thử thách và nhiều ngày lễ hội tụ lại các hoạt động các tôn giáo.

"Hiện nay chúng ta đang sống với một nếp sống nặng về vật chất, đối với những người có sự nghiệp và gia đình," Rev. Paul Genki Kahn của the High Mountain Crystal Lake Zen Community of Wyckoff. "Chúng tôi tiếp nhận Thiền vào thời đại của chúng tôi, nơi đây là

đất nước Mỹ.”

Trung tâm Cao Sơn - High Mountain - sẽ tổ chức Lễ Ngày Thành Đạo từ 7-9 cho nên không có sự va chạm với các biểu thời gian. The Heart Circle Sangha sẽ tránh xa các ngày làm việc trong tuần bằng cách tổ chức khóa tu vào ngày chủ nhật.

Cả hai trung tâm được mở ra cho những người tham dự với không có kinh nghiệm thiền định hay sự nhận biết về Phật Pháp—Genki nói thêm, quần chúng của các tôn giáo khác nhau.

“Mục đích của chúng tôi không có ý tạo nên xí nghiệp tôn giáo, mà nhằm hướng dẫn quần chúng một nghệ thuật sống tốt đẹp,” ông phát biểu như trên.

Thêm vào việc giảng dạy theo truyền thống Soto Zen, High Mountain đang hướng dẫn một nhóm tín đồ Phật tử - Ki Tô giáo Chirstian, những người đã áp dụng những nguyên tắc hành thiền vào đường lối giảng dạy giáo lý Ki Tô. Qua nhiều năm, nhiều người không phải Phật Tử cũng hưởng ứng những cất giọng theo xin giới tại buổi lễ gọi là Jukai.

“Điểm trọng yếu hoạt động của chúng tôi là Thiền như một bản năng và cách sống,” Genki nói thêm.

800,000 người tụ tập kỷ niệm Ngài Ambedkar

(Hạt Cát dịch)

December 07, 2006

Mumbai: Hàng hàng lớp lớp người Ấn Độ giai cấp thấp quỳ mọp trước đài kỷ niệm của nhà tiên phong tranh đấu cho quyền lợi của họ, người đã tạ thế cách nay 50 năm, trong khi các viên chức an ninh canh giữ suốt đêm để ngăn ngừa bạo động.

Có ít nhất là tám trăm ngàn (800,000) người thuộc giai cấp hạ tiện Ấn Giáo, được biết đến như là giai cấp Thủ Đà La hoặc cùng đinh, đã đến Mumbai để đánh lễ Cổ Dr. Bhim Rao Ambedkar ở vùng lân cận trung tâm Dadar, nơi Ngài được trà tỳ ngày 06 tháng 12, 1956.

Mặc dù con số đám đông quần chúng không có gì đáng ngạc nhiên - quần chúng tụ tập thành một con số lớn tương tự mỗi năm - nhưng nhà cầm quyền đã tăng cường an ninh chặt chẽ chung quanh thành phố bởi vì những cuộc biểu tình bạo động trong tuần trước bởi các nhóm giai cấp cùng đinh trong tỉnh bang Maharashtra mà thủ phủ là Mumbai.

Các cuộc biểu tình nhằm mục đích phản đối việc hạ bệ một pho tượng của Ngài Ambedkar ở miền Bắc Ấn.

Dr. Ambedkar, bản thân Ngài là một người thuộc giai cấp Thủ Đà La và là một nhà tranh đấu nhân quyền Ấn Độ tiếng tăm, là cha đẻ của Hiến Pháp Ấn Độ, bản Hiến pháp xóa bỏ kỳ thị giai cấp.

Các trường học đều đóng cửa hôm thứ Ba và cảnh sát với cảnh khuyến đã tuần tiểu trên các đường phố

trung ương Mumbai để giữ gìn trật tự. Cảnh sát trưởng Mumbai nói rằng đây chỉ là những biện pháp ngăn ngừa, chúng tôi tăng cường thêm an ninh bởi vì những việc rắc rối liên hệ đến bạo động gần đây. Chúng tôi phải thận trọng kể từ khi có quá nhiều người đổ vào thành phố. Chúng tôi muốn bảo đảm cho một tình hình suông sẻ.

Suốt trong ngày, đám đông dâng hoa và vòng hoa cúng dường tại đền thờ của Ngài Ambedkar ở khu lân cận Dadar, Mumbai. Chư Tăng Phật Giáo trong tăng y màu vàng cam tụng kinh cầu nguyện trước một pho tượng nhỏ của Ngài Ambedkar, người đã cải đạo từ Ấn Giáo sang Phật Giáo kể từ khi tin tưởng rằng Phật Giáo đối đãi với mọi người đều bình đẳng.

"Người ta chỉ nhớ đến dân Dalits vào những dịp kỷ niệm ngày sinh hoặc ngày mất của Dr. Ambedkar. Chúng tôi nghèo và vẫn còn nghèo mãi." Shakun Pala, một công nhân nói như trên.

Pala nói, giáo dục, yếu tố có thể mở ra cánh cửa đến một cuộc đời tốt đẹp hơn, chỉ một số nào đó trong thành phần dân Dalits là có thể đạt được.

"Tôi muốn bọn trẻ nhà tôi được đi học, nhưng hợp lý hơn là phải để cho chúng làm việc. Để chúng nuôi sống gia đình tốt hơn là giữ chúng trong trường học".



MUMBAI: Low-caste Hindus congregate at Shivaji Park on Wednesday near a shrine where Dr. Ambedkar, one of India's prominent freedom fighters, was cremated. Hundreds of thousands of low-caste Indians headed to the Maharashtra capital to mark the 50th anniversary of Dr. Ambedkar's death.—AP

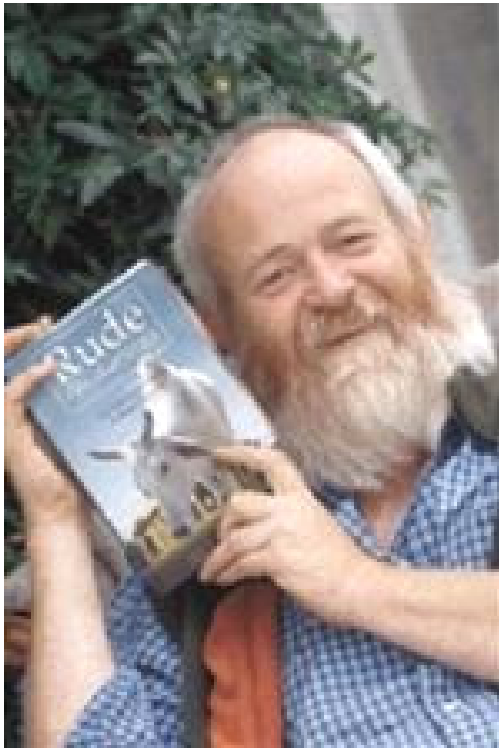
Theo dấu chân Phật

(Minh Châu dịch)

Ngày 8 tháng 12, 2006

London, UK - Ông Nick Scott, 53 tuổi, là người Anh sinh trưởng và lớn lên tại Putney, London, nhưng ông có duyên lớn với Phật giáo và đất nước Ấn Độ.

Ông đến Ấn Độ lần đầu tiên vào năm 18 tuổi. Tại đây ông đã biết đến đạo Phật và tỏ ra yêu thích tu thiền một cách mãnh liệt. Ông nói "Thiền đã đem lại cho tôi nhiều lợi lạc bởi vì tôi có một số kiến thức về khoa học, một khía cạnh thực dụng hơn của đạo Phật, mà tôi có thể nắm bắt được."



Ông đã lưu lại Ấn Độ khoảng 3 năm và trở về Anh quốc lúc 21 tuổi. Thời gian kế tiếp ông học tại trường đại học Newcastle để chuẩn bị cho sự nghiệp của mình. Đồng thời ông cũng đặc biệt lưu tâm đến các tu sĩ người Tây phương và sinh hoạt tôn giáo tại quê nhà. Trong ông luôn có sự thôi thúc muốn trở lại Ấn Độ.

Năm 1991, một cơ hội khác lại đến với ông khi sư Ajahn Sucitto, một tu sĩ người Anh được phong làm trụ trì Tu viện Chithurst, đã mời ông cùng thực hiện một chuyến hành hương trên đất Ấn.

Cả hai đã đi bộ hơn sáu tháng qua những vùng đất Phật ở Ấn Độ và Nepal, được biết là những nơi nghèo nàn và nguy hiểm nhất trên thế giới.

Họ đã ngủ dưới gốc cây, tụng kinh ngày hai buổi sáng và chiều, và thường có những thời tọa thiền suốt

đêm. Ông Nick nói "Chúng tôi đã sống như đức Phật ngày xưa, và điều này quả rất khó. Thậm chí chúng tôi chỉ ăn ngày một bữa từ các thức ăn xin được nơi các làng mạc mà chúng tôi đã ghé qua."

Chi tiết và hình ảnh của cuộc hành trình đã được ghi lại đầy đủ. Nhưng rồi một ngày nọ, họ đã bị cướp đốn đường và lấy hết tất cả.

Dù vậy, sau bao khó khăn cả hai cũng đã về được Anh quốc. Năm 2001 họ đã cho ra mắt quyển sách "Rude Awakening" về cuộc hành trình đầy gian nan hiểm trở này. Phải mất đến 10 năm mới hoàn thành quyển sách, nhưng đây chỉ là phần đầu của cuộc hành trình. Sư Ajahn Sucitto và ông Nick dự định năm sau sẽ thực hiện phần sau cùng.

Hiện ông Nick đang hướng dẫn thiền cho các khóa tu học khắp nơi trên thế giới. Ông nói rằng ông rất hoan hỷ trong việc giảng dạy thiền.

Ấn Độ: Tác phẩm triển lãm cho thấy Nehru chịu ảnh hưởng Đức Phật

By Venkat Parsa (Upekha dịch)

New Delhi, Dec.13

Một cuộc triển lãm với đề tài, "Đức Phật qua Nhãn Quan của Nehru"... được khai mạc tại đây hôm thứ tư nhằm đánh dấu kỷ niệm 2550 Phật nhập Niết Bàn và kỷ niệm 117 năm ngày sinh của Nehru, mô tả vị Thủ Tướng đầu tiên của Ấn Độ Pandit Jawaharlal Nehru đã chịu ảnh hưởng của Đức Phật như thế nào qua sự rục rờ của Ấn Độ trên thế giới và chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong thời kỳ tại nhiệm của Cố Thủ Tướng Nehru.

Căn cứ theo phụ tá Tripat Kumar thuộc Viện bảo Tàng Nehru Memorial Museum, cuộc triển lãm, tổ chức bởi Nehru Museum và thư viện, cố gắng miêu tả sự ảnh hưởng sâu đậm của Đức Phật Gautama nơi Nehru. Ngoài ra, quốc hội dân chủ Ấn Độ, vốn là hạt giống nảy mầm từ cuộc Kết Tập Kinh Tạng lần thứ IV.

Đại Hội Kết Tập Kinh Điển lần đầu được tổ chức 3 tháng sau khi Đức Phật Nhập Niết Bàn tại Thành Vương Xá. Đại Hội Kết Tập Kinh Điển lần thứ hai một trăm năm sau tại thành Xá Vệ. Đại Hội kết tập Kinh Điển lần thứ ba 236 năm sau tại Ma Kiệt Đà. Đại Hội Kết Tập Kinh Điển lần thứ tư bốn trăm năm sau dưới triều đại Vua A Dục tại Ceylon.

Biểu tượng Phật Giáo đã trở thành quốc huy Ấn Độ, đó là hình sư tử trên cột trụ vườn nai tại Lộc Uyển và Ashoka Chakra qua ba sắc thái dân tộc, tất cả đều là giáo lý của Đức Phật.

Pandit Paru, nghị quyết tại Hội Đồng Lập Hiến vào 22 tháng bảy năm 1947, "Bánh xe tượng trưng cho bánh xe chuyển pháp của Đức Phật và đã được Hoàng Đế A

Dục dùng làm quốc huy trong thế kỷ thứ ba trước Tây Lịch.

Tương tự như vậy, một vài hình thức khác mà Nehru đã áp dụng như Chủ Nghĩa Panchsheel, Hiệp Thương Sino-Indian ký kết ngày 29/4/1954 đã được phác thảo từ Đức Phật.

Chủ Nghĩa Panchseel chủ trương tôn trọng chủ quyền và nội bộ lẫn nhau, thân thiện không tranh giành; hỗ trợ nhưng không can dự vào nội bộ, quyền lợi song phương bình đẳng, và hòa bình để tồn tại.

Nhấn mạnh vào tầm quan trọng trong truyền thừa của Đức Phật, Nehru nói rằng: "Điều cơ bản qua thông điệp của Đức Phật mà chúng ta có thể nhìn trong chánh kiến là những khó khăn của chúng ta và phương cách giải quyết những xung đột, ganh ghét đố kỵ."

Đức Đạt Lai Lạt Ma kêu gọi giới Thủ Đà La Ấn Độ hãy tranh đấu

by Asia News (Hạt Cát lược dịch)

Tôn giáo không thể là nguồn gốc của sự chia rẽ

Friday, December 22, 2006

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã kêu gọi giới Dalits Phật Giáo Ấn Độ hãy vượt qua hệ thống giai cấp còn tồn tại ở Ấn Độ và hãy tranh đấu chống lại điều tệ hại này. Ngài xót xa nói rằng "Những sự khác biệt đã phân chia Phật Giáo thành nhiều hệ phái khác nhau trên thực tế đã do hệ thống giai cấp tạo ra." Trên tinh thần này, Ngài đã kêu gọi "một cuộc thảo luận thẳng thắn để có thể dẫn đến việc tái hợp trở thành một giáo phái duy nhất."

Nhà lãnh đạo tôn giáo Tây Tạng đã làm nên những việc đáng ghi nhớ này tại Hội Nghị Các Cấp Lãnh Đạo Phật Giáo được tổ chức tại Sanarth, thánh địa Phật Giáo tại miền Bắc tỉnh bang Uttar Pradesh.

Trong bài diễn văn của Ngài, Đức Đạt Lai nhấn mạnh rằng kể từ khi đến đây hồi thập niên 1960, Ngài đã cố gắng mang các hệ phái lại gần với nhau và cố võ thống nhất giữa Phật Giáo Ấn Độ nhưng phải nhìn nhận rằng sự thất bại của Ngài là do sự dai dẳng của hệ thống giai cấp, Ngài cảm thấy "chán nản khi nhìn thấy kết quả những nỗ lực của Ngài."

Cơ cấu giai cấp khác biệt giữa các hệ phái Phật Giáo đã kéo dài dai dẳng ở Ấn Độ cho đến ngày hôm nay và đôi khi là nguồn gốc của các cuộc bạo loạn xung đột giữa các nhóm Phật tử khác giai cấp.

Về mặt các nhà lãnh đạo Phật Giáo, đồ chúng nên theo gương của Dr. Ambedkar, một trong những người cha thành lập đất nước Ấn Độ dân chủ, người đã rời bỏ Ấn Giáo đổi sang Phật Giáo trong sự đối lập với hệ thống giai cấp phá hoại xã hội.

"Tôn giáo," Đức Đạt Lai La Ma nói, "không thể cho phép tôn giáo trở thành nguyên nhân của những sự chia

rẽ". Ngài chấm dứt bài diễn văn bằng sự nhấn mạnh rằng "Tôn giáo, căn bản thực sự cho hạnh phúc của nhân loại, vẫn còn được dùng như một lý do để gây xung đột trên thế giới. Điều này cần phải được chấm dứt, bởi vì mỗi tôn giáo đều giảng dạy hòa bình và bất cứ ai sử dụng nó để tạo ra chiến tranh là sai lầm hoặc là một đức tin phi nhân bản."



Thái Lan: Chính phủ ngăn chặn truy cập trang web khiêu dâm dùng hình ảnh liên hệ đến Phật Giáo

(Hạt Cát dịch)

January 8, 2007

BANGKOK, Thailand (AP) Chính phủ Thái Lan hôm thứ Hai 08 tháng 01, 2007 đã khóa cổng truy cập của một trang web khiêu dâm xuất xứ từ US dùng hình ảnh Đức Phật làm biểu hiệu, và kêu gọi Phật tử trên thế giới lên án trang web này.

Trang Web có nguồn gốc ở Chicago, đăng tải những hình ảnh khiêu dâm, dụng cụ phục vụ dục tính chen lẫn hình tượng Đức Phật cùng các thuật ngữ Phật Học cho các hạng mục quảng cáo như Buddha Galleries, Nirvana Galleries, and Satori Galleries v.v...

Khoảng 90% trong số 65 triệu dân Thái Lan là Phật tử.

"Điều này chắc chắn là đã đi quá ranh giới trong một xã hội Phật Giáo". Viên chức bộ Văn Hóa, Ladda Tangsuphachai, nói như trên, và ông thêm rằng trang Web đã bị khóa cổng do bộ Thông Tin thực hiện sau khi vấn đề được các viên chức bộ Văn Hóa nêu lên.

Ông Ladda nói, "Chúng tôi yêu cầu Phật tử đó đây trên thế giới gửi thư lên án trang Web này."

Bộ Ngoại Giao đang yêu cầu chủ nhân trang Web,

qua Sứ Quán US tại Thái Lan, phải gỡ bỏ tất cả hình ảnh liên hệ đến Phật Giáo trên trang nhà của họ.

Ông Ladda nói: "Tôi không biết chủ ý của họ là gì, nhưng tôi cho là họ không biết rằng điều này không thể chấp nhận trong nền văn hóa của chúng ta".

BÀI TƯỜNG THUẬT VỀ CHUYẾN CỨU TRỢ NẠN NHÂN BÃO DURIAN TẠI CÁC TỈNH MIỀN NAM CỦA PHÁI ĐOÀN CHÙA PHÁP VÂN

(Tôn Nữ Diệu Liên lược thuật)

Rời Toronto với một chương trình khá bận rộn cho Việt Nam, Diệu Liên thấy mình có thêm nhiều năng lượng trong chuyến về này. Động lực giúp Diệu Liên thêm sức mạnh có lẽ là sự tin tưởng của thầy Tâm Hòa, trụ trì chùa Pháp Vân, Mississauga Canada. Thầy đã đại diện một số chùa ở Canada và Phật tử, gửi gắm một số tịnh tài lớn (\$59,412.00 CAD) để Diệu Liên thay mặt giúp cứu trợ đồng bào nạn nhân trong cơn bão Xangsane số 8 vừa qua. Chính cái động lực tinh thần và nguồn tài chánh lớn lao đó đã thúc giục Diệu Liên trở về mạnh mẽ, đầy niềm vui sướng. Đây có lẽ là lần đầu tiên Diệu Liên có nhiều phương tiện để giúp những người nghèo khó nhất so với những lần về vừa qua.

Vừa đến Huế, Diệu Liên mới bắt đầu thực hiện những chương trình cho nạn nhân cơn bão Xangsane số 8, thì cơn bão Durian số 9 bắt đầu thổi vào đồng bằng Nam bộ, nhận chìm hàng trăm tàu bè trên biển, phá tan rất nhiều nhà cửa, thiệt hại nhiều nhân mạng. Giữa tình trạng khẩn cấp này, quý Thầy và Diệu Liên đã quyết định chuyển một phần lớn số tiền quyên được để cứu trợ cơn bão Xangsane qua cho nạn nhân bão Durian này. Thiết nghĩ, điều này sẽ được quý Phật tử và những nhà hảo tâm hoan hỷ chấp nhận vì chúng ta đã đáp ứng được tình trạng khó khăn cấp thiết nhất cho những người gặp nạn. Đây cũng chính là hoài bão của những người đã giúp đỡ.

Theo dự báo thời tiết, bão vẫn hoành hành các tỉnh miền Nam. Nhiều tuyến đường có lệnh cấm không được đi lại, như tuyến đường ra đảo Phú Quý. Hai ngày liên tiếp ni sư Như Minh xin lệnh ra đảo để cứu trợ đều bị từ chối.

Mặc dù tin tức loan báo từng giờ trên đài về các hướng đi và sự tàn phá của cơn bão, đoàn cứu trợ vẫn quyết định lên đường để kịp thời đến những nơi đang gặp nạn. Chuyến đi được tổ chức gọn nhẹ gồm có ni sư Như Minh, sư cô Diệu Đàm, sư cô Huyền Chi, chị Cúc, Diệu Liên, anh Mẫn thợ quay phim, anh Trung và anh

Hoàn là hai tài xế. Gọn nhẹ là vì đoàn đi đến đâu thì tại địa phương đã có các chùa lo phụ trách phân tổ chức, quý Phật tử tại địa phương là nguồn nhân lực chính về vấn đề sắp xếp quà cứu trợ, giữ trật tự và thu xếp sau khi hoàn tất.



Sáng ngày 12 tháng 12 năm 2006, lúc trời còn mờ sương, đoàn xe lăn bánh hướng về miền Nam. Những buổi ăn và sự nghỉ ngơi đều thực hiện trên xe vì phải rút ngắn thời gian đi lại. Dự tính sẽ đi ụy lạo trong 4 ngày vì còn nhiều Phật sự quan trọng cần sự có mặt của quý Sư tại chùa. Trời buổi chiều bỗng tối sầm, mây đen u ám. Theo sự hướng dẫn của sư cô Diệu Minh, xe lăn bánh qua đường đèo mới được xây dựng hướng về khu du lịch Mũi Né, hai bên đường toàn là rừng cây và bụi rậm, không một bóng người qua lại, với tấm bảng gắn trước xe "Đoàn Cứu Trợ Bão số 9", để dễ dàng "xin đường" các anh cảnh sát công lộ. Những tấm bảng như thế này cũng có thể là mồi ngon cho các anh "lâm tặc," họ theo dõi và cho người cướp tiền cứu trợ khi thuận lợi. Đã có một vài đoàn cứu trợ từ miền Nam ra Huế bị cướp nên khi đến Huế không còn tiền để cho. Rút kinh nghiệm đoàn của chúng ta không đem theo tiền mặt, tất cả hàng hoá và tiền đều được chuẩn bị tại địa phương, phái đoàn đã dùng phương tiện chuyển ngân qua ngân hàng để hoàn tất công tác cứu trợ, nhưng như vậy cũng không có nghĩa là tránh khỏi việc làm phi nghĩa của họ nếu chúng ta bị chặn lại giữa đường. Mọi người ai cũng áp ủ nỗi lòng trĩu nặng, nhưng không nói ra sợ làm mất tinh thần của những người trong xe, chỉ lâm râm niệm Phật. Cuối cùng vào lúc quá nửa đêm thì đoàn cũng đến chùa Phước Thiền một cách bình an. Chùa trong đêm u tịch sáng rực ánh đèn, gần 20 ni cô trẻ vẫn còn thức để đón tiếp đoàn cứu trợ.

Rời chùa, đoàn đến địa điểm phát quà đầu tiên, xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Khi đến

địa điểm, trời vừa tan sáng nhưng đã có khoảng 2000 người hiện diện, đồng bào ai nấy đều cầm trên tay tấm phiếu cứu trợ đứng chật cả sân hội trường. Tại đây, Sư bà Như Như ở chùa Bình Quang, người lo từ thiện tỉnh Bình Thuận, đã tổ chức buổi cứu trợ, các anh chị em gia đình Phật tử địa phương chịu trách nhiệm sắp xếp 700 phần quà. Trước sân hội trường chúng ta thấy nhiều trẻ em và cụ già đi nhận quà. Sau cơn bão, nhiều nhà cửa bị sụp đổ, mùa màng bị hư hại, những người lao động chính trong nhà phải cấp tốc làm việc nhiều hơn để ổn định kinh tế hằng ngày. Nhiều cụ già đứng tận ngoài đường, tay cầm tấm phiếu, nhìn bức tường bằng người đang bao quanh khu vực phát quà mà không thể chen vào được. Diệu Liên đã đưa các cụ đến tận bàn để giúp cụ nhận quà, vui quá cụ cầm chặt tay Diệu Liên, miệng cười thật tươi.



*Người trao người nhận ân cần
Hương hoa từ ái muôn lần thấm tươi
(Sư Như Minh)*

Rời Bình Thuận sớm hơn dự định, chúng tôi tiên thẳng vào Nam. Quý sư cô phải làm việc qua điện thoại cầm tay khi xe đang di chuyển để liên lạc với các địa điểm phát quà mới. Nơi đến là làng Tân Mỹ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Trời về chiều, với những tia nắng ấm còn sót lại, xe dừng ở chùa Viên Quang, đây là văn phòng của Ban Trị Sự Tỉnh Bến Tre, và được Hoà thượng Hạnh Tấn ra tiếp đón một cách ân cần vui vẻ. Hoà thượng cho mọi người dùng bữa cơm chiều thanh đạm, chính Hoà Thượng đích thân ôm mền mừng lên phòng ngủ và hướng dẫn nhà tắm và nhà vệ sinh... Hòa Thượng còn cẩn thận đem đến cho chúng tôi nhiều chai nước suối. Sự đơn giản, chân tình, niềm nở, cử chỉ ân cần của Hoà Thượng làm mọi người cảm thấy dễ chịu và ấm áp.

Sau một giấc ngủ ngon, chúng tôi chuẩn bị lên

đường đi về huyện Ba Tri. Cùng một buổi sáng, chùa Viên Quang đã đón những đoàn từ thiện khác về cứu trợ. Các đoàn được Hoà Thượng phân phối địa điểm cho công bằng và hợp lý. Mặc dù đi cứu đói và làm việc vất vả mà khuôn mặt mọi người ai cũng rạng rỡ vui tươi, vừa cười vừa nói, từ sân chùa ra đến đường lộ, người đi tới kẻ chạy lui vui nhộn như ngày hội, ngày hội của “Tình Người”.

Cảnh vật bên đường khi đến Ba Tri thật tang thương, nhìn những căn nhà sụp đổ mà xót cho cuộc sống của người dân nghèo nơi đây. Nỗi ưu tư vì sự thiếu thốn đã hiện rõ trong ánh mắt và trên nét mặt buồn rầu của họ. Những phần quà đã được ban từ thiện Phật Giáo huyện Ba Tri, dưới sự sắp xếp của đại đức Thích Thông Lý, trụ trì chùa Nguyên Chiếu, đã giới thiệu cho 300 gia đình khó khăn xã Tân Mỹ. Đồng bào đứng bao quanh theo sự chỉ dẫn của ban trật tự, lắng nghe Sư Như Minh gửi lời thăm hỏi đến bà con. Sư tâm sự rằng: “...dù đường xa ngàn dặm, xe chạy xuyên đèo nguy hiểm, nhưng với sự gửi gắm của Phật tử hải ngoại từ các chùa Pháp Vân, Hương Đàm, Viên Quang, Bát Nhã, Hội Người Việt Toronto, tổ chức EOCVN, cùng BTTPG Thừa Thiên - Huế, đoàn đã lên đường để kịp thời đến tận nơi, nắm lấy những bàn tay thân thương, chia sẻ những món quà nhỏ và an ủi niềm đau của đồng bào xã Tân Mỹ này...”. Khi nghe lời tâm sự của Sư, những con mắt đỏ hoe vì cảm động, những chiếc nón nghiêng qua che vội những khuôn mặt của những người vợ trẻ ướt đầm nước mắt, đang bông bế những cháu nhỏ trên tay. Tình thương của đoàn là ngọn lửa sưởi ấm những con người thiếu thốn trong những ngày giá lạnh.

Rời Tân Mỹ vào xế trưa, trên đường hướng về xã Ngãi Đăng huyện Mỏ Cày, thầy Thông Lý gọi điện về Cô Ba - tiệm Hủ Tiếu Chay để nhờ chuẩn bị 10 phần ăn. Cô Ba là tín đồ đạo Cao Đài, nhưng có một tình cảm đặc biệt với các chùa Phật giáo, và luôn luôn sẵn sàng cúng dường Hủ Tiếu Chay cho chư tăng ni và Phật tử đang trên đường đi làm Phật sự.

Trước cổng hội trường, đoàn được đón tiếp niềm nở. Nhóm Phật tử chùa Nguyên Chiếu đã phụ trách công việc sắp xếp quà. Đây là một xã nhỏ ít dân, nên đoàn chỉ gửi quà tặng đến 150 hộ nghèo.

Một nét đặc biệt tại xã này là ban điều hành toàn những thành viên trẻ, độ tuổi 30 đến 50, với khuôn mặt dễ dãi, tinh thần làm việc nhiệt tình, tác phong nhanh nhẹn, đã tạo ra một không khí thân mật hoà đồng với chúng tôi ngay từ ban đầu. Lúc đoàn rời xã, một anh đại diện dân làng còn trẻ lắm, với chiếc áo sơ-mi trắng, đến cạnh Diệu Liên, anh nói lên niềm xúc động thật sự:



Chỉ có nền nhà, bão Durian không thể xới tung lên được, còn lại tất cả tan hoang. Nhiều xóm, ấp trông như vừa trải qua trận bom rải thảm...



Chỉ còn trơ lại nền nhà và cảnh vật ngổn ngang!



Ba mẹ đi làm, em ở lại giữ "nhà"! Tối nay bé sẽ ngủ qua đêm ở đâu?



Bão đã giạt sập hàng ngàn căn nhà như thế này

“... em không biết làm sao nói lên nỗi cảm xúc của em với chuyến viếng thăm của đoàn, chỉ sau 3 ngày cơn bão đi qua mà Chị và mọi người đã có mặt tại đây rồi, và còn mang theo quà của quý ân nhân Hải Ngoại ... Thật em không biết nói gì đây để diễn tả lòng biết ơn của mình...”

Địa điểm cuối cùng là xã Cẩm Sơn cùng huyện Mỏ Cày, đây cũng là một xã ít dân nên đoàn chỉ cho 150 xuất, đặc biệt các hộ bị thiệt hại nặng nề. Xã nghèo và nhà cửa bị nhiều hư hại. Chúng tôi đến ân cần trao quà và không quên những lời an ủi. Tất cả mọi người nhận những món quà tình thương từ phương xa với lòng biết ơn vô hạn.

Chúng ta đã trao 1300 phần quà đến tận tay các nạn nhân cơn bão Durian số 9. Mỗi phần quà gồm có 10 kg gạo, một thùng mì 32 gói, 1kg đường, 400 g bột ngọt và 70,000\$ tiền mặt, trị giá \$170,000 cho mỗi gia đình. Song song với việc phát quà, chúng ta còn đi thăm các gia đình có nhà cửa hư hại nặng nề để giúp đỡ thêm, tạo điều kiện cho họ có cơ hội vượt qua những khó khăn ban đầu.

Bên cạnh việc phát quà cấp bách để giúp nạn nhân trong lúc khó khăn nhất, chúng tôi thường tập trung vào những chương trình có tính cách lâu dài hơn. Vì vậy trong những ngày ở Huế, một số chương trình về bảo lụt đã được lên kế hoạch, một số đang xúc tiến và một số sẽ được thực hiện nay mai.

1. Đà Nẵng: Phật tử chùa Bửu Nghiêm hợp tác cùng chúng ta sửa chữa và làm mới lại toàn bộ 10 căn nhà ở các thôn Hòa Khương, Phước Hậu, Phước Thuận thuộc xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang. Ngoài ra anh Phan Văn Tiến, cựu hiệu trưởng trường Hoàng Hoa Thám cùng các giáo chức sẽ giúp chúng ta thực hiện một số công việc có liên quan về cơn bão Xangsane vừa qua ở Nam Ô, Đà

Năng. Đoàn cũng có đến thăm ngôi Thiền Viện Bồ Đề do Hòa Thượng Thích Minh Tuấn trụ Trì, ngài là cựu hiệu trưởng trường Trung Học Bồ Đề Đà-Nẵng. Ngôi chùa đã bị cơn bão tàn phá toàn bộ, Phật tượng ngồi chơ vơ giữa trời trông thật tang thương. Đoàn đã trích ra \$4,000 CAD cúng dường cho chùa để phụ vào việc tái thiết.

2. **Phan Thiết:** Ni Sư Như Trí, chùa Thiền Quang, đã nhận giúp chúng ta xây lại 5 ngôi nhà bị sụp ngã sau cơn bão số 9 tại Phan Thiết. Sau khi xong 5 căn này sẽ lên chương trình cho 5 căn tiếp. Chương trình có khả năng thực hiện dễ dàng.

3. **Bến Tre:** Đại đức Thích Thông Lý, chùa Nguyên Chiếu, đã nhận giúp xây một cái cầu cho xã Tân Mỹ - Ba Tri, sẽ chọn địa điểm gần trường học để giúp tránh dùng cầu khỉ, gây nguy hiểm cho tánh mạng của học sinh trong mùa mưa lớn. Chương trình này còn lệ thuộc nhiều điều kiện chung quanh. Cơ hội hoàn tất trên 50%.

4. **Bà Rịa:** Anh Võ Đình Xa, cư trú tại xã Tóc Tiên, đã tiến hành làm lại 20 căn nhà bằng lá, mỗi căn chỉ có 2 triệu đồng, chúng tôi có đề nghị chi thêm tiền để làm cho vững vàng hơn, nhưng theo sinh hoạt ở địa phương này, mọi người đều sống bằng nhà lá vì thời tiết ở đây quanh năm nắng ẩm. Đã trên vài chục năm qua người dân ở vùng này chưa biết bão lũ là gì, nên nhà cửa của họ rất là đơn sơ. Chương trình này đã được thực hiện ngay sau ngày cơn bão đi qua.

5. **Huế:** Nhóm Tuệ Quang, nhận lời sửa lại 15 căn nhà bị hư hại và xây lại 5 căn nhà bị sụp đổ hoàn toàn. Chương trình này đã thực hiện được trên 50%.

6. **Quảng Trị:** Ban Từ Thiện Xã Hội Phật Giáo Tỉnh Quảng Trị đã nhận lời phụ trách chương trình cải thiện cộng đồng cho làng An Bình, xã Cam Thanh, huyện Cam Lộ. Chương trình này rất đa dạng, cơ hội thực hiện được rất cao. BTTXHPG Quảng Trị, Diệu Liên và đại diện dân làng An Bình đã có một buổi họp vào ngày 20/12/06 để đi vào chi tiết thực hiện chương trình.

A. Tạo hệ thống nước sạch dẫn vào từng nhà cho đại đa số dân làng ở đây vì tình trạng nước uống và dùng hàng ngày bị ô nhiễm nặng nề. Người dân ở đây phải chịu bão lụt hàng năm nên rất nghèo đã mất mùa trong hai năm liền.

B. Giúp đỡ hạt giống và phân bón để người dân ở đây bắt đầu trồng trọt trở lại. Lũ lụt và cơn bão Xangsane vừa qua cũng đã làm cho nông dân vùng này bị mất mùa trắng tay.

C. Xây dựng lại hệ thống cống để đường sá không bị lũ lụt nặng nề như hàng năm

7. **Nghệ An,** Thanh Hóa: Anh Phan Đăng Hoà, đại diện chương trình cứu trợ tại miền Trung Bắc, đã nhận lời cùng cô lại từ sách Giáo Khoa và sách Học Làm

Người cho các trường học tại đây. Sổ sách cũ đã bị hư hỏng sau cơn lũ do ảnh hưởng bão Xangsane. Tiến hành sửa chữa từ 5 đến 10 căn nhà hư hại do bão lụt gây nên. Chương trình xây nhà tại đây cần thời gian, vì hiện tại miền Trung Bắc Việt Nam mưa nhiều và nặng hạt.

Đó là những chi tiết xin được báo cáo với quý ân nhân cho chương trình làm việc về bão lụt ở Việt Nam. Vài hàng hầu chuyện cùng quý vị, mong rằng mọi công việc cứu trợ sẽ được thành tựu viên mãn. Kính chúc quý vị vô lượng an lành.

Huế, mùa đông 2006



Tinh thần nhân ái tương trợ đẹp người: THIỆU NHI LÀM TỪ THIỆN

Ghi nhanh , 14/1/2007

Y La Lê khắc Ngọc Quỳnh

Hiện tượng "Global Warming" đang ảnh hưởng đến khí hậu toàn cầu . Thời tiết Canada thay đổi rõ rệt: Mùa Giáng Sinh thiếu hình ảnh của "White Christmas", trẻ con Canada buồn vì không làm được "người tuyết"... Thế mà hôm nay, chủ nhật, 14/1/2007, lời trẻ con reo vui bên cửa kính: "our wish come true!" (lời cầu xin của chúng ta đã được chứng thực!) Thật vậy, tuyết đã dịu dàng rơi, không nhiều nhưng đủ trải một lớp trắng mỏng làm đẹp các con đường dẫn đến Trung Tâm Văn Hóa Chùa Pháp Vân; nơi đây các cháu nhỏ sẽ hân hoan bày tỏ tình mình trong một tổ chức dành riêng cho các cháu: **THIỆU NHI LÀM TỪ THIỆN**.

Nhìn các cháu lũ lượt bước vào chùa với những "con heo đất" mang cả "kho tàng tiết kiệm" của các cháu, người ta không khỏi cảm động và thầm cảm ơn các bậc ông bà, cha mẹ, anh chị em đã làm một việc hướng dẫn trọn vẹn ý nghĩa. Những "con heo đất" xuất hiện dưới rất nhiều hình dáng đặc biệt thật phong phú và dễ thương: Mickey Mouse, Hello Kitty, Hươu Cao Cổ, Chú Voi,

chú Cóc Tía, heo sành, heo nhựa xanh đỏ tím vàng, chú hề McDonal toét miệng cười và cả những chiếc hộp bánh biscuit xinh xắn cũng trở thành quỹ tiết kiệm dưới bàn tay khéo léo của gia đình... Đẹp thay những “Piggy Bank” mang cả chân tình trẻ thơ... Sáng kiến mở mang Tinh Thần Nhân Ái, nhắc nhở Tình Nhân Loại, Đồng Hương, đề cao lòng biết Thương Yêu, Chia Sẻ... cho Thiếu Nhi Hải Ngoại của vị Trụ Trì Chùa Pháp Vân đã khiến các bậc Cha Mẹ hết lòng hưởng ứng. Nếu không có những tổ chức luôn đề cao, tìm cách phát triển nét hay, đẹp, đạo đức của Văn Hóa Nguồn Cội và sự tiếp tay tích cực của cha mẹ thì làm sao các cháu thấu hiểu được thế nào là thiên tai hoạn nạn tại Quê Nhà, thế nào là sự tàn phá khốc liệt của cơn bão Xangsane số 8, Durian số 9 và làm sao biết san sẻ với nỗi đau của những đồng hương cùng tuổi là nạn nhân của cảnh màn trời chiếu đất, của mất mát, của cơ hàn, đói kém... Nếu không có những soi sáng, dẫn dắt của tổ chức “Lá lành đùm lá rách”, “Miếng khi đói bằng gói khi no” và như Thầy Tâm Hòa nhắc: “Của tuy to tọc, nghĩa so nghìn trùng” thì làm sao các cháu biết hoạn hỷ trong nghĩa sẽ chia với tinh thần “Thiếu Nhi Làm Từ Thiện” hôm nay.

Sáng kiến hay, ý tưởng tốt của Trung Tâm Văn Hóa Pháp Vân đã được tuyệt đối hưởng ứng để cảm động nhìn thấy chánh điện Chùa Pháp Vân rạng rỡ những khuôn mặt trẻ thơ xếp hàng ngồi ngay ngắn với những con heo tiết kiệm trên tay chờ đợi đóng góp phần mình. Rưng rưng tôi nghĩ không có bức tranh nào đẹp và trọn nghĩa tình người hơn được. Năm Đinh Hợi chưa đến mà sao những con heo đất mang trọn tình người trong sáng đẹp ngời của các cháu nhiều đến như vậy! Thương vô cùng những gương mặt trẻ thơ hải ngoại rạng rỡ tình nhân ái của những cháu chưa một lần biết đến Quê Hương... Sự chia sẻ này trong sáng và cảm động biết bao!

12 giờ kém 10 phút, cô Khánh Lan bắt đầu, trình bày lý do và chương trình “Thiếu Nhi Làm Từ Thiện” hôm nay. Trước chánh điện, trưởng ban tổ chức, thầy Tâm Hòa mở lời ngợi khen tinh thần tự nguyện của các cháu đã biết mở lòng mình trong việc làm đầy tình người đối với các bạn đang khốn khó tại quê nhà. Ban tổ chức chỉ



biết thể hiện cùng các cháu qua những bằng khen tượng trưng nhưng gói ghém cả chân tình trước đóng góp tích cực của các cháu.

Theo hướng dẫn của ban tổ chức, cứ 10 cháu được xướng tên cùng lúc, sẽ đem heo đất nhỏ tiết kiệm của mình lên trước chánh điện trút vào những thùng đựng lớn với sự giúp đỡ của quý cô chú thiện nguyện viên... Có những cháu quá nhỏ, khệ nệ ôm heo mà không đủ cao và sức để mở heo cho vào thùng, dễ thương làm sao... rồi các cháu bước sang bàn bên kia lấy bằng khen. Lần lượt 10 cháu này lại 10 cháu khác, 10 cháu tiếp theo... cho đến cháu cuối cùng trước sự chứng kiến đầy yêu thương và cảm động của mọi người. Những tràng pháo tay vang vang. Ban tổ chức làm việc theo một trật tự dây chuyền. Cha mẹ đưa các cháu đến ghi tên sau chánh điện để ban tổ chức hoàn tất Certificate, chuyển ra trước, kịp trao tay các cháu ngay sau khi các cháu vui vẻ đóng góp phần tiết kiệm từ piggy bank nhỏ của mình vào piggy bank lớn hơn... Tiếng những đồng xu rơi xuống

nghe lanh canh dễ thương như lời reo vui, ca ngợi tinh thần trong sáng nhân ái và bài học đẹp ngời tình nhân loại, lòng thương yêu biết chia sẻ và lấy sự sẻ chia đem đầy hạnh phúc cho mình. Sự đóng góp nhiệt tình và trong sáng của các cháu làm ta suy gẫm, nao nao cảm động. Tinh thần tương ái hôm nay của các cháu là sự nhắc nhở hữu hiệu nghĩ biết về cội nguồn... Phát biểu của cháu bé

Vũ Mộng Kim bằng hai thứ tiếng Việt Anh rõ ràng, khúc chiết làm hài lòng ban tổ chức và nhất là ông bà cha mẹ hiện diện hôm nay.

Tình tài thu góp được của các cháu hôm nay đầy khích lệ \$4,910.00. (Ban tổ chức còn cho biết nếu tổng kết với số tiền cứu trợ bão lụt miền Nam do bão Durian số 9 theo lời kêu gọi của Trung Tâm Văn Hóa Pháp Vân là \$57,132.63). Tuy nhiên trong tổ chức “Thiếu Nhi Làm Từ Thiện” lần này, tình tài có được dù ít dù nhiều, mà nghĩa cử đẹp ngời tình người của các cháu đã đem lại hạnh phúc cho ban tổ chức, phần thưởng xứng đáng cho các bậc cha mẹ thể hiện tròn đẹp tình nghĩa chia sẻ của thiếu nhi hải ngoại đối với thiếu nhi thiếu may mắn ở quê nhà: tôi muốn nhắc lại lời của ban tổ chức “Của tuy to tọc, nghĩa so nghìn trùng.”

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC THỰC HIỆN BỘ

VĂN HỌC PHẬT GIÁO VIỆT NAM HẢI NGOẠI SƯU KHẢO

Kính bạch Chư tôn đức Tăng, Ni,
Kính thưa Chư vị thức giả, văn thi sĩ,

Nhằm mục đích góp phần vào việc bảo tồn và phát huy nền văn học Phật Giáo Việt Nam tại xứ người, chúng tôi đã khởi sự biên tập bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo từ vài tháng nay. Bộ sách này bao gồm ba phần chính:

1. **Tổng luận:** Tập hợp những bài viết với các quan điểm bao quát về nền văn học Phật Giáo Việt Nam nói chung và văn học Phật Giáo Việt Nam hải ngoại nói riêng;
2. **Tác giả, dịch giả và những sáng tác phẩm:** Bao gồm sơ lược tiểu sử tác giả, dịch giả sống và sinh hoạt văn học Phật Giáo tại hải ngoại, danh mục tác phẩm, danh mục những bài viết đã đăng trên các văn thi đàn Phật Giáo tại hải ngoại, và trích đăng một vài bài văn, thơ hoặc pháp luận tiêu biểu;
3. **Sinh hoạt báo chí Phật Giáo hải ngoại và các trang lưới điện toán Phật Giáo Việt Nam:** Tổng kết sinh hoạt báo chí Phật Giáo hải ngoại và các trang lưới điện toán Phật Giáo Việt Nam từ trước đến nay.

Bộ sách này cũng là công trình ghi nhận những thành quả đóng góp trong lãnh vực văn học Phật Giáo từ nhiều thập niên qua của chư tôn đức Tăng, Ni và chư vị thức giả văn thi sĩ tại hải ngoại. Ban Biên Tập rất trân trọng sự góp mặt của chư vị trong bộ sách này. Kính mong Chư vị hoan hỷ gửi cho chúng tôi các tài liệu sau đây:

1. Một tấm hình chụp bán thân, khổ 4x6;
2. Tên thật, bút hiệu, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, đã cộng tác với các báo chí Phật Giáo nào ở hải ngoại;
3. Tác phẩm đã xuất bản, các sáng tác đã gửi đăng trên các báo chí Phật Giáo hải ngoại;
4. Xin chọn và gửi cho chúng tôi hai bài văn xuôi hoặc năm bài thơ, để đưa vào bộ sách này.

Nhân đây, Ban Biên Tập xin gửi đến chư vị danh sách chư tôn đức Tăng, Ni, quý thức giả, văn thi sĩ mà chúng tôi đã sưu tập, để chính thức đưa vào bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Sưu Khảo này. Danh sách theo thứ tự (lấy họ hoặc chữ đầu của bút hiệu làm gốc) của mẫu tự chữ Việt (trừ chữ Thích đứng đầu không tính) như sau:

Ái Cầm, Thích Bảo Lạc, Bình An Sơn, Bùi Kha, Quảng Thành - Bùi Ngọc Đường, Cao Huy Thuần, Cao Tiêu, Chánh Hạnh, Thích Chánh Kiến, Thích Chánh Lạc, Chân Huyền, Chân Nguyên - Đỗ Quốc Bảo, Thích Nữ Chân Nguyên, Thích Chân Tuệ, Chiêu Hoàng, Chính Trực, Diêu Linh, Diêu Anh Trịnh Quỳnh Trân, Diêu Hạnh Giao Trinh, Diêu Nga, Diêu Trân - Linh Linh Ngọc, Doãn Quốc Sỹ, Du Tử Lê, Duy Lam, Thích Duy Lực, Duy Nghiệp - Bùi Duy Thuyết, Duyên Hà - Lê Phục Thủy, Dương Thu Hương, Dương Vinh Hùng, Đỗ Quý Toàn, Thích Đồng Trí, Đức Hạnh - Liên Hoa Bảo Tịnh, Thích Đức Niệm, Thích Giác Đăng, Thích Giác Hạnh - Lê Bích Sơn, Thích Giác Hoàng, Thích Giác Lượng, Thích Giác Nguyên, Thích Giải Hiền, Thích Nữ Giới Hương, Thích Hạnh Bình, Hạnh Cơ, Thích Hạnh Nguyên, Thích Hạnh Tấn, Thích Hằng Đạt, Hiền Vy, Hoàng Hà Thanh, Hoàng Liên Tâm, Hoàng Nguyên Nhuận, Hoàng Văn Chí, Hoàng Xuân Hãn, Nguyên Minh Hồ Hương Lộc, Hồ Trường An, Hồng Dương - Nguyễn Văn Hai, Hồng Như, Thích Hộ Giác, Huy Trâm, Thích Huyền Tôn, Thích Huyền Vi, Huỳnh Hữu Ủy, Huỳnh Kim Quang, Huỳnh Trung Chánh, Tỳ Kheo Indacanda Trương Đình Dũng, Thích Khánh Hỷ, Không Tuệ, Kiêm Đạt, Kiêm Thêm, Kiệt Tấn, Thích Kim Triệu, Lại Như Bằng, Lâm Bích Nhy, Lâm Như Tạng, Lê Công Đa, Lê Giang Trần, Lê Mộng Nguyên,

Linh Thoại Ngọc Nguyễn, Linh Thụy, Luân Hoán, Lưu Nguyễn, Lý Đại Nguyên, Lý Khôi Việt, Lý Thừa Nghiệp, Mạc Phương Đình, Mai Ca, Mai Thảo, Thích Mãn Giác, Mật Nghiêm - Đặng Nguyên Phả, Thích Minh Dung, Minh Đức Hoài Trinh, Minh Giác - Nguyễn Học Tài, Thích Minh Hiếu, Minh Tâm, Thích Nữ Minh Tâm, Minh Thiện Trịnh Chính, Nghiêm Xuân Cường, Nghiêm Xuân Hồng, Ngọc Bích Diệu Liên, Ngọc Hoài Phương, Ngô Thiện - Tăng Kiến Hoa, Nguyên Giác - Phan Tấn Hải, Thích Nguyên Hạnh, Nguyên Hiền, Nguyên Khang, Nguyên Phong, Thích Nguyên Siêu, Thích Nguyên Tạng, Thích Nguyên Tâm – Tàn Mộng Tử, Thích Nguyên Văn, Nguyễn Duy Nhiên, Nguyễn Điều, Nguyễn Đức Bát Ngàn, Nguyễn Đức Can, Nguyễn Hữu Kiệt, Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Phong Liên Châu, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Nguyễn Sỹ Tế, Nguyễn Tấn Nhiên, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Nguyễn Thúy Phượng, Nguyễn Thuyết Phong, Nguyễn Trần Ai, Nguyễn Tư Phương, Nguyễn Tường Bách, Nguyễn Văn Hóa, Nhã Ca, Thích Nhất Chân, Thích Nhất Hạnh, Nhật Minh Liên Hoa, Thích Nhật Tân, Nhiên An, Thích Nhuận Hùng, Thích Như Điển, Như Hùng, Ninh Hạ - Nguyễn Đức Tâm, Phạm Công Thiện, Phạm Kim Khánh, Phạm Quốc Bảo, Phạm Thăng, Phạm Trọng Luật, Phạm Xuân Đài, Phan Bá Thụy Dương, Phan Lạc Tiếp, Phan Mạnh Lương, Phan Ni Tấn, Thích Pháp Luân, Thích Phổ Huân, Phổ Nguyệt Huỳnh Tấn Ban, Phúc Trung, Thích Phụng Sơn, Thích Phước Nhơn, Phương Dung, Quán Như - Phạm Văn Minh, Thích Quang Thạnh, Quảng Chơn Bùi Châu Thiên Hương, Quảng Diệu, Thích Quảng Thanh, Quỳnh My, Susanta Nguyễn, Thích Tâm Châu, Tâm Diệu, Thích Tâm Hòa, Tâm Hải Đức, Tâm Lạc - Trần Quý Anh, Tâm Minh Hạnh, Tâm Minh - Ngô Tăng Giao, Tâm Minh - Vương Thúy Nga, Thích Tâm Quang, Tâm Thái, Thích Tâm Thiện, Tâm Tịnh, Tâm Trạng - Ngô Trọng Anh, Thái Kim Lan, Thái Tú Hạp, Thái Văn Kiêm, Thích Thắng Hoan, Thanh Liên, Thanh Sơn, Thi Vũ - Võ Văn Ái, Thiện Anh Lạc, Thích Thiện Châu, Thích Thiện Hữu, Thiện Hỷ, Thiện Nhựt, Thiện Phúc, Thoại Hoa, Thích Thông Lý, TQ Nguyên Thơ, Thúy Trúc, Thủy Lâm Synh, Thích Thuyền Ấn, Thích Tín Nghĩa, Tịnh Thủy, Thích Tịnh Từ, Trần Chung Ngọc, Trần Dạ Từ, Trần Doãn Nho, Trần Hồng Châu, Trần Kiêm Đoàn, Trần Nguyên Trung, Trần Quan Long, Trần Quang Thuận, Trần Tiến Huyền, Trần Trúc Lâm, Trần Trung Đạo, Trần Văn Kha, Trần Văn Khê, Trần Văn Lệ, Thích Trí Chơn, Thích Trí Hoằng, Thích Trí Siêu, Triều Hoa Đại, Trịnh Nguyên Phước, Thích Trung Quán, Trương Định, Tuệ Chương - Hoàng Long Hải, Tuệ Minh, Tuệ Nga, Tuệ Tâm, Tuệ Viên, Túy Hồng, Từ Hoa, Từ Khoa, Từ Thám, Vân Nguyên - Nguyên Tường, Vi Khuê, Viên Linh, Thích Viên Lý, Vĩnh Hào, Võ Đình, Võ Phiến, Võ Huệ Nguyễn...

Danh sách sơ khởi ở trên chắc chắn còn nhiều thiếu sót, rất mong chư tôn đức Tăng Ni và quý văn thi hữu dành thời gian bổ khuyết và góp ý để tuyển tập được hoàn chỉnh: không thiếu những vị đã từng đóng góp cho văn học Phật giáo hải ngoại, và không làm lẫn về những vị chưa từng sinh hoạt ngoài nước.

Xin liên lạc về địa chỉ:

Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại Suu Khảo

4333 30th Street

San Diego, CA 92104 - U.S.A.

Điện thoại: (619) 283-7655

Hoặc các địa chỉ Email sau đây:

- tnguyensieu@yahoo.com (Thích Nguyên Siêu)
- quangkimhuynh@juno.com (Huỳnh Kim Quang)
- vinhhao@vinhhao.net (Vĩnh Hào)

Chân thành tri ân và kính chúc chư vị thân tâm thường an lạc.

Kính thông báo,

Chủ Biên

Thích Nguyên Siêu

PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN TẠP CHÍ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

1) BẢO TRỢ:

Xin chọn một trong những ô trống sau đây:

- Mỗi tháng: ____ (____), \$25 (____), \$50 (____), \$100 (____), \$200 (____).

Và chọn thời gian bảo trợ:

Ba tháng (____), Nửa năm (____), Một năm (____), Hai năm (____), Ba năm (____)

2) ỦNG HỘ DÀI HẠN:

(Bảo trợ ấn phí, cước phí, không phải mua báo, vì báo không để giá bán)

* *Tại Hoa Kỳ:* Một năm: \$75 (____) | Hai năm: \$120 (____).

* *Tại Canada:* Một năm: \$90 (____) | Hai năm: \$160 (____). *(first class)*

* *Âu, Úc, Á:* Một năm: \$140 (____) | Hai năm: \$270 (____). *(first class)*

Đính kèm ngân/chi phiếu số: _____ với số tiền bảo trợ/ủng hộ: \$ _____

Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):

Họ và tên _____ Pháp danh: _____

_____ Thành phố: _____

_____ Telephone (không bắt buộc): _____

Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:

HAO VINH

P.O. Box 374

Midway City, CA 92655 – USA

Email: vinhhao@vinhhao.net hoặc phuongtroicaorong@vinhhao.net

Ủng hộ tài chánh cũng có thể chuyển (deposit) thẳng vào trương mục:

HAO VINH

Account # : 09325-47111

Bank of America, CA7-147-01-01

13952 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92683 – USA